NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NGHĨA-VỤ NGÀY NAY

Nước Ý-đại-lợi hiện nay có một tay thi-hào lẫm-liệt. Tên ông là D'ANNUNZIO. Ông không những làm thơ làm văn tài, mà ông lại là một tay hành-động nữa. Trong khi chiến-tranh, ông cưỡi tàu bay đánh quân Đức Áo, bị thương ở đầu và ở mắt. May chữa khỏi, ông không nghỉ-ngơi, liền đứng đầu một đội nghĩa-dũng, tiến lên chiếm thành *Fiume*, là một cửa bể của nước Áo mà nước Ý xưa nay vẫn có ý lăm-le. Đến khi nghị-hòa thời Hội-nghị Đồng-minh không định cho nước Ý được thành ấy, ông sẵn đóng quân ở đấy, nhất-định không chịu rút về. Chính-phủ truyền-lệnh cũng không nghe, nghiễm-nhiên cưỡng lại cả phép nước. Sau phải điều đình chầm chước, ông mới chịu lui. Từ đấy ông về nghỉ một nơi biệt-thự xa xa, không thấy tham-dự đến việc thời-chính. Mới đây, ông thủ-tướng MUSSOLINI đến thăm tận nhà, hai người cùng nhau ba bốn ngày bàn việc nước. Khi từ-biệt ra về, ông tiễn ông thủ-tướng ra đến cửa, thì thấy quân-dân các miền phụ-cận đã đứng đông cả trước nhà, hoan-hô chúc-tụng. Ông hiểu-dụ quân-dân, có nói mấy câu như sau này : « Quan Thủ-tướng bạn tôi, mới đời tôi đây, chắc lòng ngài cũng cảm-động như lòng tôi. Ngài lấy cái chí-tình đối với tôi, tôi cũng lấy cái chí-tình đối lại với ngài bội phần. Ngài với tôi có một cái ước bí-mật, không thể nói ra. — Về phần tôi không muốn nói, là tôi bây giờ là một kẻ ẩn-dộn, định lánh mình để tu-tỉnh lấy mình, ma-luyện lấy mình. — Tôi có làm quà cho quan Thủ-tướng một cái bùa thiêng, là cái hình con voi của ALAMANNA SALVIATI. Người này khi xưa là một người dân danh-giá ở thành *Florence*, thường có câu c âm ngôn rằng : *Suis viribus pollens*, nghĩa là làm người phải mạnh tự sức mình. Câu này, chúng ta ngày nay cũng phải nên khôi-phục lại mà noi theo vậy. Đợi cho quốc-gia được hưởng thái-bình, mỗi người trong quốc-dân phải tự đổi, tự mới, tự mài, tự giũa lấy mình (*Chacun doit se renouveler, se sculpter soi-même*). Tôi đây cũng muốn làm gương cho đồng-nhân. Tôi hẳng bỏ đó những cái mơ-mộng hành-động, và tôi lại quay về nghề cũ của tôi. Cái óc tôi, từ ngày bị đạn đến giờ, — (đây là nói về cái vết thương của ông trong khi chiến-tranh) — thế mà nó lại mạnh-mẽ hơn lên nhiều. Trên bàn giấy tôi, hiện có năm quyển sách đã sẵn-sàng xuất-bản. » Trong nhật-báo thuật rằng nói đến đấy, công-chúng lại càng vỗ tay không dứt ; ông giơ tay xin đứng yên để ông nói nốt : « Thôi, thôi, chớ nên cổ-võ dũng-dược quá như thế. Ta phải biết cái tật ta ở đâu mà chữa. Cái tật của người Ý ta là hay ưa những tiếng ồn-ào, những trò rực-rỡ ; ta phải chữa

cái tật ấy đi. Anh em bây giờ đã là một tân-quốc-dân; làm một tân-quốc-dân thì phải bỏ hết những tính xấu một dân già-cội hủ-bại. » — Nói rồi ông lui vào, nhưng công-chúng lại vỗ tay đòi ông ra nữa; ông bèn đứng ra bạo-lơn mà nói mấy câu nữa rằng: « Thế nào, tôi đã răn anh em nên tĩnh-túc, thế ra anh em không nghe sao? Ở Ý-đại-lợi ngày nay, có kẻ có cái thiên-chức giữ cái mệnh-lệnh tĩnh-túc: kẻ ấy là tôi. Ngày nay là ngày phải thu-thập tinh-thần, để dự-bị về sau. Chúng ta phải tự cải-lương lấy mình, tự bồi-bổ lấy mình. » — Đoạn, hô lên một tiếng: « Tổ-quốc vạn-tuế! Tổ-quốc toàn-thắng! », rồi lui về...

Nay thuật lại chuyện ông văn-hào Ý-đại-lợi như trên, là xem ra những lời ông nói có lẽ không phải là không thiết với sự-tình nước ta, không phải là không bổ cho tư-tưởng người mình. Một lời khuyên « tĩnh-túc », một câu răn « tu-tỉnh » của ông, tưởng cũng là lời chung, có thể làm một bài học cho người Nam ta vậy.

Ông D'Annunzio đã lập nên công-nghiệp hiển-hách hồi chiến-tranh, há phải là người tịch-mịch vô-vi sao? Nước Ý-đại-lợi đã chiếm được địa-vị lớn-lao trong Vạn-quốc, há phải là dân khiếp-nhu bất-động sao? Vậy mà cũng có cơ-hội cần phải lấy cái thái-độ tĩnh-túc, cần phải theo cái phương-pháp bồi-bổ, thế thời đủ biết sự động-tĩnh là cái cơ mầu-nhiệm của sự-vật, mà cũng là cái lẽ bất-dịch của Thiên-công. Kẻ thức-giả phải biết lẽ đó mà tùy-cơ ứng-dụng vậy.

Ở nước ta ngày nay, những người có bụng với nước nhà, đương hăm-hở, đương sốt-sắng, muốn vì nước vì nhà hành-động một phen cho tỏ mặt. Một đàng thời bị cái phong-trào thế-giới nó lay-động, một đàng thời bị cái tình-cảnh xã-hội nó kích-thích, kẻ nam-nhi có chí hào-hùng, sao nỡ bó tay mà ngồi đợi!

Tuy vậy, người lực-sĩ trước khi ra quyết-đấu, còn phải thử sức thử gân, còn phải tập-tành thao-luyện, bao giờ gân-cốt cứng-cáp, bấy giờ mới ra thi tài thi sức với người. Kẻ chí-sĩ cũng vậy, trước khi mưu-toan việc lớn, cũng phải dự-bị sẵn-sàng, mà cách dự-bị cần nhất lại là dự-bị tự mình, vì theo như lời nhà văn nước Ý đã nói, làm người phải « mạnh tự sức mình » (*puissant de ses propres forces*), nên lúc sắp ra hành-động lại càng phải tăng-tiến cái thực-lực ấy lên, càng phải chung-đúc cái thực-lực ấy lại, phải tự tu-tỉnh lấy mình, tự ma-luyện lấy mình, tự cải-lương lấy mình, tự bồi-bổ lấy mình, « tự đổi, tự mới, tự mài, tự giũa » cái tâm-thân mình cho nó hoàn-toàn thích-hợp với cái công việc mình muốn đảm-đương, với cái cơ-hội mình muốn thừa-ứng.

Nghĩa-vụ của quốc-dân ta ngày nay là thế nào? Nghĩa-vụ của quốc-dân ta ngày nay chính là phải dự-bị sẵn-sàng để đương lấy cái trách-nhiệm lớn-lao sau này. Chính là phải tự mài-giũa trau-dồi cho thành cái tư-cách một tân-quốc-dân xứng-đáng với cái tân-quốc-gia sau này.

Công việc của chúng ta không phải là nhỏ, vì cái cứu-cánh-mục-đích của sự hành-động ta là phải làm thế nào cho nước ta có ngày vẻ-vang tốt-đẹp, giàu-mạnh thảnh-thơi. Chỉ sợ ta không đủ sức mà thôi. Cho nên phàm người để chí về việc nước, trước khi hành-động, phải bình-tâm tĩnh-lự, tự mình sát-hạch cái tư-cách của mình, tự mình kiểm-điểm cái thực-lực của mình, xem khiếm-khuyết điều gì thì bồi-bổ lấy, chếch-lệch ở đâu thời chính-đính lại.

Ông D'Annunzio khuyên người Ý-đại-lợi nói rằng: « Ngày nay là ngày

phải thu-thập tinh-thần để dự-bị về sau. » Lời khuyên ấy đối với quốc-dân ta cũng là thiết-đáng lắm.

Cái nghĩa-vụ tối khẩn tối-thiết của chúng ta đối với quốc-gia ngày nay chính là phải « thu-thập tinh-thần để dự-bị về sau » vậy.

Cách dự bị cũng có năm bảy đường, nhưng quan-hệ nhất là dự-bị về tinh-thần. Nếu tinh-thần mà khiếm-khuyết thời dẫu tiền-tài nhiều, thế-lực mạnh, vận-động giỏi, vây-cánh to, cũng không mong có kết-quả hoàn-toàn được. Nếu tinh-thần mà sung-mãn thời tay không cũng dễ nổi cơ-đồ. Cho nên những nhà binh giỏi, những bậc tướng tài xưa nay, muốn gây lấy binh-lính tốt, chăm về đường thao luyện thân-thể, tập-diễn binh-pháp một phần, mà lại chú-trọng riêng về cái tinh-thần thượng-võ, cái chí-khí quyết-đấu là cái hồn của con nhà binh. Mới biết muôn sự ở đời phần hồn vẫn là phần trọng.

Chớ nên cho lời đó là lời vu khoát viển-vông. Chính là cái chân-lý thiết-thực ở đời. Cụ Vương Dương-Minh là nhà đại-nho ở nước Tàu về đời Minh, xướng ra cái thuyết « tri-hành hợp-nhất », tức là biểu-dương cái lý-thuyết ấy một cách rất rõ-rệt. Cụ dạy rằng người ta phàm làm phải có biết thời làm mới đích-đáng, biết phải có làm thời biết mới đến nơi, sự làm với sự biết tựa-hồ như hai, mà kỳ-thực là một, đều uyên-nguyên tự lòng người, tự cái « lương-tri », « lương-năng » của mỗi người. Nếu làm mà không biết thời sự làm ấy chẳng qua là sự xuẩn-động của kẻ vô-ý-thức; nếu biết mà không làm thời sự biết ấy chẳng qua là sự vẩn-vơ của người trí mơ-màng. Làm như thế chưa phải là làm, biết như thế chưa phải là biết. Sự làm chân-chính tức là biết, sự biết chân-chính tức là làm; vì biết mà đến chỗ chân-thiết đốc-thực, ấy là làm đó, làm mà đến chỗ sáng-suốt tinh-tường, ấy là biết đó (知之真切篤實處卽是行。行之明覺精察處卽是知). Nhưng muốn biết cho đến chỗ chân-thiết đốc-thực, làm cho đến nơi sáng-suốt tinh-tường, thời phải bình-tĩnh trong lòng mà thu-thập tinh-thần lại, tức là cái công-phu « thu phóng-tâm » của các tiên-nho đã dạy vậy. Cái công-phu « thu phóng-tâm » ấy là cái công-phu hằng ngày của người tri-giả, nhưng không phải là cái công-phu « tiêu-cực », như công-phu « tọa thiền nhập định » của nhà Phật, chính là cái công-phu « tích-cực », chủ thu-liễm lại để rồi phát-tán ra cho mạnh. Cái công-phu ấy bao giờ cũng là cần, nhưng những khi gặp nghĩa-vụ lớn-lao, cơ-hội đặc-biệt, thời lại cần-cấp hơn nữa.

Chúng ta ngày nay há chẳng phải là đương xử vào lúc nghĩa-vụ lớn lao mà cơ-hội đặc-biệt đó dư? Muốn thừa được cơ-hội ấy, muốn đương được nghĩa-vụ ấy, há chẳng phải cần đến hết tinh-thần, hết tài-lực, hết cả cái « lương-tri », « lương-năng » cố-hữu của ta dư?

Nếu cái thuyết « tri-hành » của Vương tiên-sinh là đúng, thời trước khi làm được nghĩa-vụ của ta, ta phải biết nghĩa-vụ ấy đã, hễ biết đến chân-thiết đốc-thực, ấy là làm được sáng-suốt tinh-tường vậy. Biết tức là làm, thời làm cần phải biết. Biết đây là thế nào? Biết đây là bình-cư tĩnh-tọa, đem hết tâm-lực trí-lực mà kết-tập ở một nơi mục-đích nhất-định, — tức Vương tiên-sinh gọi là « thiết-kỷ-xứ », « trước-lực-xứ », — hình như thu hết cả những tia sáng trong lòng trong trí mà chiếu-diệu vào một cái điểm trung-tâm, khiến cho cả trong tâm-giới được sáng-sủa, bấy giờ thời phát động ra ngoài tất là trúng-tiết vậy. Mà lòng đã sáng-suốt, tất phải ánh-chiếu ra ngoài, thi-hành ra thực-sự, vì rằng « bản-tâm sáng-suốt tức là biết; không dối cái

bản-tâm sáng-suốt tức là làm vậy. » (本心之明卽知。不欺本心之明卽行也。)

Nay ta đã có một cái mục-đích nhất-định, là làm cho nước ta được vẻ-vang tốt-đẹp, giàu-mạnh thảnh-thơi, mục-đích ấy là chỗ « thiết-kỷ-xứ », chỗ « trước-lực-xứ » của ta, thời cái nghĩa-vụ cần-cấp bây giờ là phải thu-thập tinh-thần vào đó, phải đem hết tâm-lực trí-lực mà kết-tập vào đó, phải lấy cái đuốc trí-tuệ, lấy cái lửa nhiệt-thành mà chiếu-diệu vào đó, khiến cho nó sáng rực cả cõi lòng mà phản-chiếu ra ngoại-giới, phát động ra những sự hành-vi có thể tỏ-rạng được non sông, thay đổi được thời-thế.

Nhưng mà trước khi đến cái thời-kỳ « phát-tán » rực-rỡ, tất phải qua cái thời-kỳ « thu-liễm » âm-thầm. Ta nay chính là đương vào cái thời-kỳ «thu-liễm » vậy.

Thu-liễm có công-phu thời phát-tán mới mạnh-bạo ; dự-bị có chu-đáo thời hành-động mới đắc-lực.

Dương-minh tiên-sinh nói : « Đem cái chí khẩn-thiết mà học đạo, vẫn là trong bụng mình thành, nhưng mà muốn cấp-bách cầu cho được, thời lại thành ra việc tư-kỷ, không thể không xét cho cẩn-thận vậy. Trong khoảng nhật-dụng, há không phải là cái thiên-lý nó lưu-hành ? Chỉ cốt là tấm lòng ta thường giữ được mà không để cho phóng-khoáng đi mất, thế là điều nghĩa-lý tự-nhiên rõ tỏ. Tức như Mạnh-tử dạy rằng : chớ lầm, chớ vội, cứ ngầm đi mà tự tới vậy. »

Kẻ học đạo phải như thế, người mưu nước cũng phải như thế : chớ lầm, chớ vội, cứ ngầm đi mà tự tới vậy.

Việc đời vẫn có một cái trình-tự thiên-nhiên : có thu thời mới có phát, có dự-bị thời mới có thành-công, có tạo-nhân thời mới có kết-quả. Hoặc có người nóng-nẩy vội-vàng, chưa thu đã muốn phát, chưa rắp đã muốn làm, chưa gieo hạt đã muốn hái hoa, thế là làm lẫn-loạn cái trình-tự thiên-nhiên, mong sao thành-công cho được. Ấy là cái thủ-đoạn anh nhà quê đất Tống, ông Mạnh-tử đã cười vậy.

Cứ tình-thế nước ta ngày nay chính là đương vào thời-kỳ thu-liễm, thời-kỳ dự-bị, thời-kỳ tạo-nhân ; anh em ta nếu thực có bụng với nước nhà thời phải bình-tâm tĩnh-lự, nhận-chân lấy trách-nhiệm mình, bồi-bổ lấy tư-cách mình, làm cái công-phu « thu phóng-tâm » như tiên-nho đã dạy, và theo cái thủ-đoạn « tự đổi, tự mới, tự giũa, tự mài », như nhà chí-sĩ Tây-phương đã khuyên kẻ đồng-bào vậy.

Nghĩa-vụ của chúng ta ngày nay chỉ có một không hai ; nghĩa-vụ của chúng ta ngày nay không phải là quay-cuồng xuẩn-động, không phải là phụ-họa a-dua ; chính là phải thu-thập tinh-thần để dự-bị về sau vậy. Công-thu liễm ấy càng thiết-thực bao nhiêu, công dự-bị ấy càng chu-đáo bao nhiêu, thời sự hành-động sau này càng mong được kết-qủa mĩ-mãn bấy nhiêu. Cốt là phải biết theo cái mệnh-lệnh « tĩnh-túc » của ông D'ANNUNZIO, mệnh-lệnh ấy chính Vương-tiên-sinh cũng đã từng giải-thích như sau này : « trừ bỏ cả những sự vẻ vang, rực-rỡ vụ ở nơi thiết-kỷ mà trước thực-dụng-lực, thế gọi là tĩnh-tọa » (刊落聲華。務於切己處。著實用力。所謂靜坐事。)

T.-C.

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XXVII

Thứ sáu, 28 tháng 7.

Định đến mồng 1 tháng 8 xuống *Marseille*, còn có vài ba ngày nữa, những chỗ danh-thắng nào ở kinh-đô chưa kịp xem muốn đi xem cho hết. Thật là cố xem lấy được. Một ngày hôm nay đi không biết bao nhiêu chỗ, từ sáng đến chiều, không nghỉ chân một lúc nào.

Buổi sáng xem đền kỷ-niệm vua Louis thứ 16 (gọi là *Chapelle expiatoire*, nhà thờ giải-oan), ở đường *Haussmann* trước ngay cửa nhà « Đông-Pháp, ngân-hàng ». Vua Louis thứ 16 cùng bà phi Marie-Antoinette nước Pháp, bị Chính-phủ Cách-mệnh xử-tử năm 1793, trước chôn ở đây, năm 1815 mới cải-táng đem về nhà thờ *Saint-Denis*. Chỗ này nguyên là một cái mộ-địa chôn có tới ba nghìn người bị chết về đời Cách-mệnh : Mme Roland, Charlotte Corday, Danton, Camille Desmoulins, Lavoisier, v. v., cũng chôn ở đây cả. Lại chôn xác ngót một nghìn người lính thị-vệ Thụy-sĩ bị giết ở cung *Tuileries* ngày mồng 10 tháng 8 năm 1792. Vậy thời nơi này thật là một cái trường hi-sinh của đời Cách-mệnh nước Pháp. Cuộc Cách-mệnh năm 1789, người đời vẫn gọi là Đại-Cách-mệnh, vì trước nhất xướng ra cái chủ-nghĩa Nhân-quyền, Dân-quyền, đối với cái chủ-nghĩa Thần-quyền, Quân-chủ, và tự đấy về sau cái phong-trào tự-do bình-đẳng mới tràn khắp trong thiên-hạ. Các nước dân-chủ và lập-hiến ngày nay phần nhiều là chịu ảnh-hưởng cuộc Đại-Cách-mệnh ấy cả. Nay cách ta hơn trăm năm, coi xa tưởng như một cuộc lý-tưởng-vận động, rất là khoan-hồng, rất là cao-thượng, như phảng-phất có cái gió mát Tự-do, có cái hương thơm Bác-ái, xa đưa truyền lại đến tận ta. Nhưng đọc sử mới biết rằng cổ-lai dễ không có cuộc sát-lục nào gớm-ghê bằng hồi bấy giờ, — vì lý-tưởng mà giết hại nhau, mới lại càng ghê nữa, — và gió mát kia chính là cái gió sầu-thảm, hương thơm kia chính là cái mùi tanh-hôi của mấy nghìn vạn con người chết oan ở dưới lưỡi dao đoạn-đầu-đài, đống xương vô-định chất lên tưởng bằng mấy mươi đầu người vậy. Cho hay người đời không thể tiến-bộ mà không phải đổ máu, và giọt máu đào của kẻ sinh-linh, ấy là cái đại-giá cho cái bảo tự-do độc-lập ở đời vậy. Đã biết cái bài học khốc-hại của lịch-sử đó, mà bước chân vào vãn-cảnh chốn này, trong lòng thật là ngậm-ngùi ngao-ngán.

Sau khi đem di-hài vua Louis thứ 16 và bà phi Marie-Antoinette về nhà thờ *Saint-Denis* rồi, thời năm 1815 vua Louis thứ 18 hạ-lệnh xây đền kỷ-niệm này. Ngoài sân là mộ những nhân-dân và binh-lính bị hại, cả thảy ba bốn nghìn người, nhiều quá không thể để nấm được hết, nay bình-trị làm vườn hoa cả ; chỉ trừ hai bên làm như hai dẫy hành-lang dài có xây mồ bằng đá tử-tế, đấy là để hài-cốt một nghìn lính thị-vệ bị giết ở cung *Tuileries*. Trong

(1) Xem N. - P. từ số 58.

đền có hai bức tượng vua và bà phi bằng đá, tượng vua thời hình vua quị xuống giơ tay ra, một vị thiên-thần có cánh một tay đỡ lấy, một tay chỉ lên thiên-đàng, dưới bệ có khắc lời di-chúc của vua; tượng bà phi thì hình bà ngồi, tóc rũ-rượi, sõa tay ra ôm lấy một người đàn-bà tay cầm cái «câu-rút», mặt nghiêm-nghị và rầu-rầu, người đàn-bà này là biểu-hiệu Tôn-giáo an-ủi kẻ đau-khổ, dưới bệ cũng khắc lời bức thư cuối cùng của bà viết cho bà công-chúa em. Đền không có gì lạ, kể về đường mĩ-thuật thì cũng tầm-thường mà thôi, nhưng đã biết chuyện những cái thảm-trạng kỷ-niệm ở đây, nên vào xem không khỏi động mối thương-tâm, và khi bước chân ra về trong lòng luống những bùi-ngùi. — Nhân mua một tập tranh để ghi-nhớ, trong có ảnh cả bản chúc-thư thủ-tự của vua và bà phi. Lời di-chúc của vua có câu rằng: « Tôi là Louis thứ 16, vua nước Pháp, hiện nay đương cùng với vợ con bị giam ở ngục *Temple* tại *Paris*, mà kẻ làm tội tôi chính là kẻ thần-tử tôi. Tự ngày 11 tháng này, tôi không được thông-tin với ai, với vợ con tôi cũng không được. Lại phải can vào một cái án không biết sống chết thế nào, vì nhân-tình trắc-trở, nhân-tâm hiểm-độc; mà gây ra cái án ấy, thật không bằng-cứ ở luật-pháp nào; thôi thì chỉ biết cầu Thiên-chúa chứng-giám cho tấm lòng tôi mà thôi. — Vậy trước mặt Thiên-chúa, tôi xin biên ra mấy lời di-chúc như sau này. Còn linh-hồn tôi, thì tôi xin ký-thác ở nơi bề trên, là đấng sáng-tạo ra muôn loài, xin bề trên khoan-dung thâu-nạp, đừng thẩm-phán theo công tội của tôi mà thẩm-phán theo công-đức của Đức chúa Giê-su chúng tôi đã xả thân chuộc tội cho loài người... Tôi sẵn lòng thành-thực tha-thứ cho những kẻ cừu-thù tôi, thật tôi không hề làm chi nên nỗi. Tôi lại cầu Thiên-chúa tha-thứ cho họ, cùng cả những kẻ vì trung thành với tôi không phải đường mà làm hại cho tôi thật nhiều quá... Con trai tôi, chẳng may mà lại phải làm vua, thì tôi dặn nên đem hết lòng hết sức mưu đường hạnh-phúc cho sinh-dân; bao nhiêu những điều oán nỗi thù, nên bỏ quên đi hết cả, nhất là những sự khổ-hại tôi đương phải chịu bây giờ; phải biết rằng muốn mưu hạnh-phúc cho dân thì phải trị dân theo phép-luật, nhưng cũng phải biết rằng muốn làm ông vua cho xứng đáng và thi-hành được cái bụng tốt đối với kẻ thần-dân, thời phải có đủ quyền-lực mới được, nếu không thời phàm hành-động phải bó buộc, không có oai-quyền đủ khiến sợ, lại thành ra hại hơn là lợi cho dân... » — Xét cái khẩu-khí đó, không phải là ông vua độc-ác chi. Trong sử cũng chép rằng vua Louis thứ 16 vốn người nhân-từ, có bụng thương dân. Nhưng vua là tiêu biểu cái chính chuyên-chế, mà chính chuyên-chế ở nước Pháp thời tích-tệ đã lâu đời rời, bấy giờ là đến kỳ giải-quyết một cách bạo-động, không sao tránh khỏi được. Cái phong-trào cách mệnh đã nổi lên bời-bời, dẫu làm người nhân-hậu mà gặp vào hồi ấy cũng không bảo toàn được; âu cũng là cái công-lệ thiên-niên của lịch-sử vậy. Tuy vậy mà nghĩ cũng ái-ngại thay!

— Ở đấy ra, đi xem nhà Bảo-tàng các nghề trang-sức (*Musée des arts décoratifs*), đặt ở điện *Marsan*, thuộc về cung *Le Louvre* bây giờ, tức là phần cung *Tuileries* trước. Nhà bảo-tàng này là của một hội tổ-chức ra: Mĩ-nghệ trung-ương Tổng-hội (*Union centrale des arts décoratifs*), tự năm 1905, họp được đến 2 vạn các đồ mĩ-thuật cũ mới, bày chật bốn tầng điện; lại có một cái thư-viện hơn một vạn quyển sách và 60 vạn các thứ tranh ảnh về các mĩ-nghệ, cho thiên-hạ vào xem. Mĩ-nghệ có khác với mĩ-thuật, người

Âu-Tây phân-biệt rõ lắm. Mĩ-nghệ tức là các nghề trang-sức, nghĩa là đem cái tài khéo mà chế-tác ra các đồ đẹp để ứng-dụng cho người ta, để tô-điểm cho nơi ăn chỗ ngồi được vui-vẻ rực-rỡ. Những đồ bày trong nhà, đồ dùng vào người, đồ gỗ, đồ sứ, đồ dệt, đồ đồng, đồ thêu, đồ khảm, đồ vàng bạc, v.v., toàn là đồ mĩ-nghệ, vì là đồ để trang-sức. Đến như mĩ-thuật thời lại cao hơn một tầng : mĩ-thuật là chỉ chủ sáng-tạo ra sự đẹp, không cần gì ứng-dụng ra việc đời: vẽ một bức tranh, chạm một pho tượng, cốt thế nào cho tài-khéo thần-tình, diễn được hết cái ngụ-ý thâm-trầm của tác giả, chứ không quản là pho tượng bức tranh ấy dùng được việc gì. Nếu được việc, như đặt vào nơi nào, bày vào chỗ nào xứng-đáng thì càng hay, nhưng không chủ như thế. Nhà mĩ-nghệ khéo, chỉ là một tay thầy nghề ; nhà mĩ thuật khéo, mới là một tay tài-tử. Cổ-lai ở Âu châu có ba mĩ thuật danh-giá nhất : nghề hội-họa, nghề điêu-khắc và nghề kiến-chúc. Cho nên các viện bảo-tàng chỉ nhiều nhất là tranh với tượng, như viện *Le Louvre* về mĩ-thuật cổ, viện *Luxembourg* về mĩ-thuật kim, v. v. . Đến như nhà bảo-tàng mĩ-nghệ xem hôm nay thì thật đủ các thứ đồ kiểu, từ thế-kỷ thứ 13, 14 cho mãi đến ngày nay : bàn, ghế, giường, tủ, bát, đĩa, lọ, cốc, tượng đồng, tượng đá, đồ sứ, đồ sành, đồ đồng, đồ khảm, đồ nữ-trang, quần áo, khăn thảm, không thiếu thứ gì, bày theo từng kiểu và từng thời đại ; xem kỹ có thể biết được các nghề trang sức của nước Pháp từ xưa đến nay thay đổi và tấn tới thế nào. Đồ sứ *Sèvres* và đồ dệt *Gobelins*, xưa nay vẫn có tiếng, kể cũng tinh xảo thật.

Xét ra ở nước Nam ta mới có các mĩ-nghệ là thịnh, phàm nghề khéo toàn là những nghề trang-sức cả, còn mĩ-thuật thời chưa có gì sánh được với các nước ; nhưng ngay trong mĩ-nghệ cũng chưa có kỷ-luật, chưa có thể-thống gì, chưa phân rõ các kiểu-cách, các thời-đại, các lề-lối, các phương-pháp ; thợ-thuyền, phần nhiều là người vô-học, phi quen tay phỏng lại lối cũ, thời bắt chước chép của người ngoài, thành ra tay có khéo mà trí không khôn, không biết biến-báo mà vẫn giữ được tinh-thần cốt-cách cũ, tồn-cổ mà khéo ứng-dụng về đường sinh-hoạt mới, nói tóm lại là không có cái trí sáng-khởi khôn-ngoan gây ra được trong mỗi nghề một cái « thể-thức » (*un style*) trang-nghiêm mà đặc-biệt. Cho nên các nhà nghề ta, không thể bằng cả ở cái tay khéo được, cũng phải tập cho có cái trí khôn nữa. Nay muốn gây lấy cái trí khôn-ngoan trong mĩ-nghệ, khiến cho có tinh-thần, có « thể-thức », thời không gì bằng lập ra một nhà bảo-tàng mĩ-nghệ, sưu-tập lấy những đồ đẹp trong nước, chia ra từng thời-đại, bày cho có thống-hệ, để cho những nhà nghề đến đấy mà xem, mà học, cho biết nghề mình duyên-cách thế nào, thể-cách làm sao, rồi hoặc trông đấy mà giữ lấy cái cốt-cách tinh-thần cũ, hoặc nhân đấy mà châm-chước biến-đổi dần, ấy cũng là cách chấn-hưng mà bảo-tồn cho mĩ-nghệ trong nước vậy. Hiện nay ở Bắc-kỳ có nhà bảo-tàng của trường Viễn-Đông Bác-cổ, ở Trung-kỳ có nhà bảo-tàng của hội Đô-thành hiếu-cổ, tuy cũng có gián-tiếp giúp cho các nhà nghề trong việc bảo-tồn các kiểu cũ, nhưng cốt là chủ về cái mục-đích khảo-cổ, không phải chủ về cái mục-đích mĩ-nghệ, không giống như sở bảo-tàng ở điện *Marsan* ở *Paris* này.

— Xem được hai nơi trên đó, hết cả buổi sáng. Buổi chiều lại cứ chiếu chương trình đã định đi xem các nhà bảo tàng và nhà thờ.

Sở bảo tàng *Cluny* sưu tập các đồ về mĩ nghệ và lịch-sử nước Pháp, như đồ chạm bằng đá, bằng gỗ, bằng ngà,

đồ pháp-lang, đồ nung, đồ đồng, đồ gỗ, đồ sứ, đồ dệt, đồ vàng bạc, các bức họa, đồ thảm, tranh kính, v. v., cũng chia ra thời-đại và trần-liệt có thứ-tự lắm. Xem đây thì biết mĩ-thuật nước Pháp chịu ảnh-hưởng của tôn giáo nhiều lắm. Những bức họa, bức chạm, phần nhiều là hình Đức chúa Bà, Đức Gia-tô, các nam-thần nữ-thần hay là các tích trong truyện đạo.

Sau sở bảo-tàng lại có di-tích một cái sở tắm bằng đá của người La-mã ngày xưa, xây như kiểu cung-điện, về thế-kỷ thứ 3 thứ 4, hồi nước Pháp hãy còn là đất *Gaule* mà thuộc quyền La-mã cai-trị. Tức tên tây gọi là *Palais des Thermes*.

Ba nhà thờ *Saint-Etienne du Mont*, *Saint-Séverin* và *Saint-Sulpice*, xem chiều hôm nay, mỗi cái đẹp ra một kiểu, mà kiểu nào cũng là li-kỳ tráng-lệ, tỏ ra nghề kiến-chúc ở nước Pháp đã đến bậc hoàn-toàn biết dường nào.

Nhà thờ-*Saint Etienne du Mont* ở sau đền *Panthéon*, kiểu đời Phục-hưng (thế-kỷ thứ 16), mặt trước có một cái gác chuông đứng một bên ở trên chót-vót như một cái vọng-đài kiểu Hi-lạp, trông lệch-lạc mà lạ-lùng, như thể một cái nhà hãy còn làm dở chưa xong, thế mà đẹp. Trong nhà thờ có một cái kỳ-công vừa về nghề kiến-chúc, vừa về nghề chạm-khắc, là cái đại-diễn-đài đặt ở giữa nhà thờ (*jubé*), hai bên thang cuốn, giữa như cái bao-lơn bắc ngang, chạm soi chạm lồng hết cả ; trông xa như những mảnh « dăng-ten » bằng đá vậy. Hồi xưa cho đến thế-kỷ thứ 17, các nhà thờ thường có kiểu đại-diễn đài đặt ngay ở giữa như thế này, để các nhà giáo-sư làm lễ lên đấy mà tuyên đọc lời kinh Phúc-âm. Nhưng sau kiểu này bỏ đi, và đặt lối diễn-đài nhỏ ở bên cạnh, đủ một người đứng, trên có mái để thu tiếng nói xuống, tức như lối *chaire* bây giờ. Ngay ở nhà thờ *Saint Etienne* này cũng có một cái *chaire* kiểu gô-tích, còn nơi đại-diễn-đài thì bây giờ không dùng để diễn giảng, trên đặt một cái tượng «câu-rút» lớn. Ở đây lại có lăng và điện bà thánh *Geneviève*, là vị thần ủng-hộ cho thành *Paris*, kiểu như cái khám, chạm trổ tinh-tế lắm, và thiên-hạ thường đến cầu-nguyện lễ-bái đông.

Nhà thờ *Saint Séverin* ở vào một cái đường phố khuất nẻo, bề ngoài không có vẻ lộng-lẫy như các nhà thờ khác, nhưng kẻ thức giả cho là « một cái báu của thành *Paris* » (*un des joyaux de Paris*). Kiểu gô-tích, làm đi sửa lại từ thế-kỷ thứ 13 đến thế-kỷ thứ 17, cách kiến-chúc rất là tinh-vi, những cửa cuốn, những «cột vặn» (*colonnes torses*), những đường gân, đường soi, đục bằng đá mà nhẵn-nhụi, phẳng-phiu, đều-đặn, chơn-chuốt như nặn bằng sáp hay bằng bột vậy. Mặt ngoài cũng chỉ có một gác chuông đặt một bên. Nhà thờ này không phải là chỗ đàn-điểm cho khách sang-trọng đến lễ bái, nhưng có cái vẻ âm-thầm lặng-lẽ dễ quyến-luyến những người có tính nhã-đạm thanh-cao, và những kẻ sùng mĩ thuật lại có ý chuộng riêng lắm nữa. Cho nên có người nói nhà thờ *Saint Séverin* này cũng có bạn tri-kỷ, muốn giữ cho xa chốn phồn-hoa náo-nhiệt, như cái hoa lan nở nơi u-cốc để cho người quân-tử thưởng riêng. Một người bạn tri-kỷ ấy, bình-phẩm về cái thú đặc-biệt ở chốn này, đã nói rằng: « Có người có cái trí thẩm-mĩ thanh-cao cho nơi *Saint Séverin* này là nơi giáo-đường đẹp nhất chốn Kinh-đô. Vì bằng biết nói thì tất khiêm-tốn mà trả lời rằng không dâu dám sánh với nhà Đại-giáo đường *Notre Dame* lớn-lao to-tát ở ngay cạnh đây. Đứng cạnh *NotreDame* thì sở này ví như một hòn ngọc bội để bên một pho tượng đồng, hay như cái miệng cười chúm-chím của một cô con gái thanh-tân sánh với cái vẻ rực-rỡ

nghiêm-trang của một bà mạnh-phụ. Nhưng mà chốn này có cái khí-vị đặc-biệt với *Notre-Dame* : chốn này là chốn tịch-mịch, chốn cầu-nguyện để cho linh-hồn dễ cảm-thông với Thượng-đế. » (*Lời ông* J. PAQUIER giáo-thụ trường Gia-tô Đại học-viện *Paris*). — Mình là người khách qua đường, không có cái cảm-tưởng thâm-thiết gì về tôn-giáo, về mĩ-thuật như người Tây, mà vào thăm chốn này, trong lòng cũng thấy mát-mẻ bình-tĩnh, lâng-lâng sạch hết bụi trần, như bước chân vào một nơi chùa cổ am xưa nào ở bên nước nhà vậy. Tưởng giá phải ở bên này lâu thì thường đến đây để nghỉ-ngơi tinh-thần và tâm niệm những điều nghĩa-lý làm cho đời người có một cái giá-trị thanh-cao. Nghĩ các nhà tôn-giáo Tây-phương họ cũng khôn-ngoan thật, biết khéo đặt ra những nơi giáo-đường, chốn cầu-nguyện như chỗ này, có cái vẻ thâm-trầm lặng-lẽ làm nơi di-dưỡng phần hồn cho người đời, khiến cho khỏi đắm hẳn vào cái bề vật chất ở chung quanh.

Nhà thờ *Saint-Sulpice* thời lại ra một thể-cách khác, rõ là một nơi giáo-đường rực-rỡ lộng-lẫy, qui mô vĩ-đại, hai cái gác chuông cao ngất trời. Kiểu Hi-lạp. Nhà này như thể một cái lâu-đài hùng-vĩ, chứ không phải là một nơi cầu-nguyện âm-thầm. Ở trong rộng-rãi, sáng-sủa, tưởng giá làm một nơi hội-đồng, hội-nghị thì đẹp lắm. Nghe đâu đời Cách-mệnh, nhà thờ này đã dùng làm « điện Chiến-thắng » (*Temple de la victoire*) và ngày 5 tháng 11 năm 1799, vua Nã-phá-luân bấy giờ còn là tướng BONAPARTE thắng trận về, dân mở tiệc mừng ở đấy. Cách trang-hoàng ở trong thời cực-kỳ tráng-lệ, hai bên rặt những tượng đá cùng tranh sơn về các tích đạo. Kể rực-rỡ thì thật là rực-rỡ quá, nhưng không có cái khí-vị thâm-trầm thanh-thú như nơi *St Séverin* trên kia. Lạ thay ! bấy nhiêu cái nhà thờ cùng là chỗ để phụng-thờ Thiên chúa, cùng có cái mục-đích về tôn-giáo, cùng do những tay thầy thợ khéo vẽ kiểu ra, xây dựng lên, cùng là những kỳ-công kiệt-tác trong nền mĩ-thuật một nước cả, vậy mà xét ra mỗi nơi như có hẳn một cái tâm-lý, một cái « hồn » riêng, vào mỗi nơi có một cái cảm-giác đặc-biệt, không giống nhau một chút nào.

Thứ bảy, 29

Hôm nay lại đi xem nhà thờ *Saint-Germain des Prés*. Nhà thờ này ở giữa nơi phồn-hoa đông đúc mà có cái vẻ cổ-lỗ mộc mạc. Xét ra thì là nơi nhà thờ cổ nhất ở *Paris*, kiểu « lô-man » là trước kiểu « gô-tích », thuộc về thế-kỷ thứ 12, 13. Kể thời cũng là một cái di-tích quí báu cho nhà khảo-cổ, nhưng đối với khách phàm như mình thì xem chẳng có hứng-thú gì.

Trưa hôm nay cụ V. lại cho ăn cơm. Mình sắp xuống *Marseille*, hai cụ cũng sắp về quê nghỉ mát, nên muốn họp mặt một lần cuối cùng để chuyện-trò cho vui-vẻ. Hôm nay hai cụ mời cả ông V. cũng đến ăn cơm.

Buổi chiều xem nhà bảo-tàng *Petit Palais* và thăm ông G. chủ bút tạp-chí Đông-phương và Tây-phương (*Orient et Occident*) để nói chuyện với ông về việc bài diễn-thuyết « Thi-ca Việt-Nam » của mình in vào tạp-chí ấy. Ý ông lại muốn mượn cả bài diễn-thuyết ở Hội Hàn-lâm để trích mấy đoạn đăng báo nữa ; hôm nay vừa mượn người đánh máy xong, cầm đến cho ông.

Petit Palais là nhà bảo-tàng mĩ-thuật của thành *Paris*. Nguyên là nhà đấu-xảo Vạn-quốc năm 1900, sau mới sửa làm viện bảo-tàng. Những tranh và tượng sưu tập ở đây, toàn là thuộc về mĩ-thuật kim-thời. Có nhiều pho, nhiều bức tuyệt đẹp. Đại-khái thì mĩ-thuật

cỏ có cái vẻ trang-nghiêm, mĩ-thuật mới có cái vẻ linh-hoạt. Đứng ở một gian đề tượng ở đây, hình như ở giữa một cái hang Khổng-lồ, những người bằng đá, đàn-ông đàn-bà múa-may nhẩy-nhót cả quanh mình. Nhiều bức tranh vẽ cũng có vẻ hoạt-động như thế. Mĩ-thuật này thật là lột được sự thực, in như sự sống, không còn có cái phần lề-lối kiểu-cách gì cả

Chủ-nhật, 30.

Chỉ còn một ngày nữa là đi rồi, không có thì-giờ đâu mà biên chép cho kỹ, bàn phiếm viển-vông nữa. Phải sửa-soạn hòm nịp, phải lấy vé xe lửa, phải trang-trải tiền trọ, phải thu-xếp một trăm thứ vặt-vãnh, công đâu mà ngồi cặm-cụi viết dưới bóng đèn.

Hôm nay chủ-nhật, buổi sáng đi xem lễ ở nhà thờ chính *Notre Dame*, xong rồi trèo lên tháp và lên gác chuông chơi, đến hơn trăm bậc, nghe chân cũng đã chồn.

Trưa về nghỉ-ngơi dọn-dẹp đồ-đạc. Rồi đi xem nhà bảo-tàng *Jacquemard-André*, ở đường *Haussmann*. Viện bảo-tàng này vốn của tư-gia, ông bà JACQUEMARD-ANDRÉ là người giàu có, lại sành nghề mĩ-thuật, một đời sưu-tập những đồ quí đồ đẹp, đến khi chết tặng lại Nhà nước, làm sở bảo-tàng chung, giao cho Hội Hàn-lâm Đại-Pháp quản-lý. Đồ đây vừa là đồ mĩ-thuật, vừa là đồ mĩ-nghệ, nhiều cái quí-giá vô-cùng. Nhà là kiểu nhà ở riêng mà như nơi cung-điện vua chúa vậy. Cách bày-biện vẫn giữ y như lúc sinh-thời của người chủ. Hiện nay còn một buồng trước là phòng giấy bà JACQUEMARD, nay vẫn để y nguyên.

Xem nhà bảo-tàng xong, đi ô-tô ra *Malmaison*, cách *Paris* 11 cây-lô-mét. Đấy có cái cung của bà JOSÉPHINE là vợ trước của vua Nã-phá-luân, tự tay bà làm ra, khi vua bỏ thì về, rồi chết ở đấy. Nay cũng làm một sở bảo-tàng về thời-đại Nã-phá-luân, hôm nay chính là ngày có hội trần liệt các di-tích về vua, thiên-hạ đến xem đông lắm. Ngoài cung có cái vườn ngự-uyển, rộng rãi đẹp đẽ.— Khi về đi qua *Rueil*, vào nhà thờ xem mộ bà JOSÉPHINE ; qua *Marly*, đấy có một khu rừng để riêng cho quan giám-quốc đến săn bắn ; rồi rẽ ra *Saint-Germain en Laye*, là một nơi cảnh-trí rất đẹp, ở trên sườn một cái đồi trông xuống sông *Seine*, những cây cao bóng mát, cỏ lạ hoa thơm, có cái vẻ u-nhã vô-cùng, cả tỉnh-thành như một cái hoa-viên lớn vậy. Sau lên mãi *Poissy* (cách *Paris* 27 cây) rồi mới quay về.

Thứ hai, 31

Sáng đi lấy vé xe lửa sẵn để mai đi sớm. Có sở phát vé trước ở đường *Rennes*, phải lấy trước, không mai có khi hết chỗ. Vả lại lấy trước được tiện là được tùy-ý chọn chỗ ngồi.

Hôm nay cũng còn đi xem đốn được một cái nhà thờ nữa, là nhà thờ *Saint-Germain l'Auxerrois*. Cổ nhưng không có gì lạ.

Chiều đi chơi *Saint-Cloud*, cũng là một nơi cảnh-trí đẹp ở ngoài châu-thành *Paris*. Vào nghỉ mát trong công-viên, rồi ra đặt một tiệc nhỏ ở nhà cao-lâu gần đấy (*Pavillon bleu*), hai anh em cùng nhau đánh chén lần này là sau cùng. Sắp biệt nhau, và mình sắp dời *Paris*, trong lòng cũng thấy bùi-ngùi. Nhưng bùi-ngùi là tiếc sắp bỏ chốn danh-đô mà thôi, chứ được cái tâm-sự vẫn giữ được thảnh-thơi, không bận-bịu nỗi gì, vì tấm lòng không hề chia xẻ cho ai, nên cũng chẳng thương tiếc nỗi gì.

(Còn nữa)

P. Q.

NGƯỜI MƯỜNG (1)

I

Nghĩa tiếng Mường — Gốc-tích người Mường — Người Mường ở đâu

Tiếng Mường nghĩa là gì ?. — Xưa nay đã quen đi, người Nam ta, dù chẳng biết Mường bao giờ, hễ cứ nghe đến tiếng Mường, cũng yên trí ngay rằng : Mường là ngu-si, dại-dột ; Mường là xấu-xa, mọi-rợ ; đã gọi Mường, là đáng khinh rẻ, không coi vào đâu nữa.

Cái lòng tự-ái, tự-phụ, dễ đâu đâu cũng thế. Người Tàu tự-tôn mình làm Trung-quốc, cho ta là giống Nam-di (2), thì ta cũng tự lấy ta làm văn-hiến, mà coi hết cả bao nhiêu dân-tộc khác ở chung quanh ta, như người Thổ, người Nùng, người Mán, người Mèo, người Xá, người Mường, ... là dã-man, hủ-bại, tưởng không còn chút gì được giống như mình để coi làm bằng-đẳng.

Nhưng tiếng *Mường*, xét kỹ nguyên-ủy, thực có cái nghĩa sâu-xa, rộng-rãi. Tiếng *Mường* chỉ một làng, một chòm dân ở. Mỗi làng hiện có một tên, chắc về sau này mới đặt theo chữ Hán, nhưng vốn làng nào cũng đã sẵn có một tên tục tự bao giờ mà gọi là Mường gì đó. Như làng Trung-hoàng vốn gọi là Mường-Vang, làng Lỗ-sơn vốn gọi là Mường-Trò ; Mường-Bi tức là Thạch-bi, Mường-Bôi tức là Thạch-bôi, v. v. . . ; chẳng khác nào như dưới Trung-châu ta, làng Hoạch-trạch vốn gọi là làng Vạc, làng Bạch-mai, Hoàng mai, Tương-mai vốn cũng gọi là làng Mơ ; làng Hới tức là Hải-yến, làng Mọc tức là chỉ gồm cả Khương-đình, Hạ-đình, Chính-kinh, Cự-lộc . . . thế mới hay : tất cả anh em mình ở cõi Á-Đông này, ai cũng vốn có bản-danh, mà ai cũng mượn thêm chữ Tàu để làm cái huy-hiệu tô-điểm thêm vào mới ra con nhà thi-lễ.

Lại theo như cỗi-rễ chữ Tàu (3), thì tiếng Mường cũng chỉ một xã, một khu đất, như Mường-Khum, Mường-Khương, ở Lao-kay, Mường-Kim, Mường-Khoa,... ở Yên-bái. Người Tây lại dùng tiếng *Châu Mường* để chỉ người đứng chủ một dân-tộc, một địa-hạt, còn chính ở đất Mường, người ta vẫn gọi thổ-lang là *Ông Mường*.

Rút lại tiếng Mường không phải là khinh-bỉ, đối với thổ-nhân, tiếng ấy rất trọng, vừa chỉ *đất*, vừa chỉ *dân*, lại vừa chỉ cả *quan* nữa.

Gốc-tích người Mường. — Người Mường thuộc về nòi giống nào ? — Cái vấn-đề ấy, xưa nay đã nhiều người muốn lưu-tâm biện-bạch, nhưng tưởng khó lòng mà giải-quyết cho ra mành-mối : môn học về nhân-chủng ở nước nhà có khi còn bỡ-ngỡ như chim chích vào rừng. Người thì cho rằng Mường thuộc về giống *Tày*, nghĩa là giống người ở Ai-lao, Xiêm-la và nhiều tỉnh

---

(1) Diễn-thuyết tại hội Trí-tri Hà-nội ngày 11 tháng 6 năm 1925.

(2) Người Trung-quốc cho ở bốn phương, ngoài bờ cõi mình, có từ-di là : Đông-di, Tây-nhung, Nam-man, Bắc-địch.

(3) Ta xưa nay học địa-dư sách Pháp thường cứ học là *Thái* không được đúng. Người Pháp viết *Thái* nhưng đối với họ, chữ h câm, nên tuy viết *Thai* mà vẫn đọc là *tái*. Chính tiếng là *tày* như *can tày* (người Tây) chẳng-ấy, nói tiếng tày. Người Thổ cũng thuộc về giống Tày. Cứ lấy sông Hồng-hà làm giới-hạn, người *Tày* ở bên phía tây thì chịu ảnh-hưởng Ấn-độ, người *Tho* ở bên phía đông thì chịu ảnh-hưởng Trung-hoa.

trên mạn ngược Bắc-kỳ mà ta thường quen gọi là người *Thổ*. Vì xét ra, cách ăn, cách ở, phong-tục của người Mường cũng gần tương-tự như người Tày người Thổ.

Người thì cho rằng Mường là cùng một họ với người Nam ta, vì tiếng nói của người Mường với tiếng nói của người Nam cũng na-ná như nhau, không khác gì cho lắm.

Còn chính người Mường, cứ hỏi họ, thì lúc họ cho vốn là thổ-nhân có cơ-ngũ đặc-biệt không phụ-thuộc vào dân-tộc nào cả, và chỗ xuất-sở của họ, hiện nay họ còn thờ-phụng ông nguyên-tổ ở đấy, chính là làng Thạch-bi ở tại châu Lạc-sơn tỉnh Hòa-bình. — Khi họ lại tự sáp-nhập họ vào Tam-thập-lục-châu, thuộc về tứ-tính là: *Đinh, Quách, Bạch, Hà*, và cửu-tộc là: *Điêu, Hoàng, Xá, Cầm, Ma, Bằng, Phùng, Doãn, Cao*, thực không lấy gì để phân-biệt họ với người Thổ, người Nùng, người Mèo, người Man nữa. — Lúc họ lại tự-xưng chính là dân nước Nam, từ bốn nghìn hơn tám trăm năm về trước, nòi giống đời Hồng-bàng, con cháu vua Hùng-vương, bao nhiêu qui-củ, chế-độ của họ hiện chẳng có phần như nhắc lại cái thời-đại tối-cổ là cái thời-đại những bậc mà người nước Nam (1) xưa nay vẫn công-nhận làm tổ-tiên trong lịch-sử là gì? — Khi họ lại lui cái gốc-tích của họ xuống ngót hai nghìn năm, lục gia-phả ra mà chứng-minh họ là dòng-dõi nhà Đinh, bây giờ ở đất Mường họ Đinh chẳng còn đương phát-đạt hơn cả là gì? Và xưa kia vua Đinh Tiên-Hoàng (2) chẳng đóng đô ở Hoa-lư hiện nay thuộc về huyện Gia-viễn, giáp phủ Nho-quan, mà Nho-quan chẳng đã có Mường là gì?

Đấy ta xem, cỗi-rễ người Mường thật là phân-vân. Cứ như chúng tôi coi, thì chúng tôi thấy người Mường thực không khác người Nam ta mấy. Không nói đến tinh-thần, trí-tuệ, chỉ trông qua cái mặt-mũi, dáng-dấp người Mường, quả là giống người Nam như lột. Chỉ khác rằng bởi họ ở những nơi rừng xanh núi đỏ, khí-khu tịch-mịch, cho nên bề ngoài trông họ có phần hơi ngây-ngô, vụng-về, nhưng thực là vạm-vỡ, khỏe mạnh, tầm-vóc đầy-đà, cái ngực nở-nang, hai bàn chân to lớn, đi chạy thực là vừa chắc lại vừa nhanh. Xét về một mặt này, là mặt dung-nhan, thân-thể, và xét về mặt các chế-độ cùng tiếng nói (sau này chúng tôi nói rõ), thì chúng tôi lắm khi tự hỏi người Mường đó họa mới đích-thực là người Nam cổ bị các dân-tộc khỏe hơn cứ giồn mãi về đất rừng núi chăng? — Chớ chính người Nam bây giờ hẳn có còn giữ được nòi giống nguyên vẹn chăng hay đã pha với ít nhiều máu Tàu và máu nòi giống khác rồi? Còn ức-thuyết người Mường là thổ-nhân, thì quyết thổ-nhân ấy cũng không còn giữ được nguyên-tích, họ đã có phần đồng-hóa với người Thổ, họ lại có phần nhờ người Nam khai-hóa cho tự bao giờ đến mãi bấy giờ cũng chưa thôi.

Người Mường bây giờ hiện có ở những đâu? — Trong Trung-kỳ thì ở tỉnh Thanh-hóa (châu Thường-xuân, Long-chính, Như-xuân, Ngọc-lạc, Hồi-xuân)

(1) Lại còn nếu bảo cái lăng ở núi *Cổ-tích* (phủ Lâm-thao, Phú-thọ) bây giờ thực là lăng vua Hùng-vương (thứ mấy?) thì từ đấy vào Đồn Vàng (châu Thanh-sơn) là nơi đã có dân Mường, tưởng cũng không xa gì cho lắm. Thanh-sơn tuy cho thuộc về Đại-lý Hưng-hóa, với Lâm-thao cũng là ở trong một địa-hạt tỉnh Phú-thọ cả. — Lại một điều người Mường đâu đó thờ duệ-hiệu đức Thánh Tản rất nhiều mà đức Thánh Tản tức là sơn-tinh, người chủ-động trong chuyện cổ-tích Sơn-tinh với Thủy-tinh đặt đề vào đời vua Hùng-vương.

(2) Có người họ phân tách rằng chỉ Mường ở Hòa-bình, Phú-thọ, Sơn-tây thuộc về Đinh-Bạng-Lang; chỉ ở về Thanh-hóa thuộc về Đinh Tuệ hay Phế-đế; chỉ ở về Hải-dương thuộc về Đinh Văn-Tả. Chúng tôi không chắc rõ làm sao và chúng tôi tự hỏi tại Hải-dương, người Mường ở về địa-hạt nào và sao lại ăn về chi Đinh-Văn-Tả?

tỉnh Nghệ-an, và một đôi làng Quảng-bình có người Mường ở. Ngoài Bắc-kỳ thì người Mường có ở tỉnh Hà-đông (phủ Mĩ-đức, Chợ Bến, Chợ Đồn), tỉnh Hà-nam (châu Lạc-thủy), tỉnh Ninh-bình (phủ Nho-quan), tỉnh Sơn-tây (huyện Bất-bạt, huyện Thạch-thất), tỉnh Phú-thọ (châu Yên-lập, châu Thanh-sơn) và cả một tỉnh Hòa-bình có thể coi như điểm trung-tâm của toàn-địa-hạt Mường được.

Cứ kể ra như thế, và giở địa-đồ trông qua, thì cái khu-vực của người Mường chiếm-cứ thực không phải là nhỏ, lại có phần liên-lạc với nhau, tưởng như người Mường, dù xưa có thực phải trục, phải giồn, cũng vẫn biết quây-quần, đùm bọc lấy nhau, họp thành một toàn-khối rất chắc, rất bền ở trên mặt đất Việt-nam nhà ta.

II

Lang và Dân

Ở đất Mường, lạ nhất và có khi cổ nhất, đặc-biệt nhất mà cũng áp-chế nhất, là cái sự người Mường phân chia tách-bạch ra làm hai hạng: một hạng đem quá lên trời xanh gọi là *Lang*, một hạng dìm hẳn xuống vực sâu tức là *Dân*.

Người Mường vốn ở tụ-hội với nhau thành từng chòm. Mỗi chòm tỉ cũng như một lĩnh-địa, hoặc chỉ riêng một xã, hoặc gồm năm bảy xã hay một và tổng có khi. Đứng đầu mỗi chòm là một vị *Quan Lang*, thường gọi là «*Thổ-lang*»; trong Trung-kỳ thời đặt tên là «*Thổ-tỉ*» hay «*Thổ-mục*». Dưới Thổ-lang có chức «*Thổ-đạo*» (1) đứng đầu một thôn, một xóm hay một xã con. — Làm được Thổ-lang hay Thổ-đạo duy chỉ có mấy họ, hiện nay rực-rỡ nhất là họ *Đinh*, họ *Quách*, rồi đến họ *Bạch*, và họ *Hà*. Còn bao nhiêu dân, quái lạ! bao nhiêu dân toàn là họ Bùi, giản-hoặc mới có một đôi người họ Hoàng, họ Nguyễn mà thôi. Thế mới hay: *Giang-sơn đâu anh-hùng đấy*, họ Bùi, họ Hoàng, họ Nguyễn hống-hách ở chốn nào dưới trời Nam, chớ ở đất Mường, chỉ chịu một bề làm dân đen tất cả họ!

«*Con vua thì lại làm vua, con nhà thầy chùa thì quét lá đa*», con Lang vừa lọt lòng mẹ ra đã tự-nhiên thành một *ông Lang* hay một *cô Nàng* (2), nhân-dân phải cắt sẵn một chức gọi là *Bô bố* đến để nâng-giấc phù-trì. Ông Lang lúc lớn lên, có muốn học, dân phải rước thầy về dạy bảo, tiền nong tốn kém bao nhiêu để trả lương thầy, để ông Lang mua giấy bút, sách vở cùng tiêu-pha vặt-vãnh, dân đều phải chịu cả (3).

Khi Lang đã đứng tuổi, bằng lòng chấm một cô Nàng nào (4), thì dân phải cắt người đi giạm, đi hỏi; đến lúc cưới xin, phải sắm-sanh cho đủ mọi đồ thách cưới, kẻo thiếu-thốn mà có khi bị trói, bị giam, rất khổ-sở.

Các cô Nàng đi lấy chồng, cũng là dân phải lo liệu cho hết cả.

Khi Lang muốn đi du-lịch một nơi nào, hoặc ra tỉnh-lị, hoặc về Hà-nội, bao nhiêu lộ-phí dân phải bồ nhau ra mà đóng.

---

(1) Thổ-đạo khác Thổ-lang là vì thuộc về các chi thứ, hoặc là con vợ bé của thổ-lang. — Thổ-đạo không bao giờ làm được Thổ-lang.

(2) Xét như đây thì cũng có phần ám-hợp với đời Hùng-vương: con trai vua gọi là *Quan Lang*, con gái vua gọi là *Mĩ-nương*. Tiếng quan Lang vẫn còn nguyên-âm, mà tiếng nương đọc tránh ra tiếng nàng.

(3) Xem mục Học ở dưới.

(4) Trước khi cưới cô Nàng, ông Lang thường đã lấy đến hai, ba người vợ dân có con cái tử-tế. Nhưng dù thế nào mặc, chỉ khi dân cưới cô Nang về thì cô nàng ấy mới gọi là *Bà chúa* giữ ngôi chính thất. Các người kia đành phận lẽ mọn tiểu-tinh và con cái sau chỉ được làm thổ-đạo mà thôi.

Khi Lang ra chợ mua các đồ-vật, tốn kém hết bao nhiêu, dân cũng phải góp nhau lại cho đủ tiền. Người ta nói có khi cả một dân phải đem đợ trâu, đợ bò hay vào rừng kiếm củi, ngày ấy sang ngày khác, để làm cho ra đồng tiền mà trang-trải nợ cho Lang. Thực đã thành ra câu ví rất qui-hóa ở đất Mường:

Lang đi chợ, để nợ cho dân.

Ông Lang muốn làm nhà, dân phải đi lấy gỗ, lấy lá, lấy tre, lấy nứa, tấp-nập rủ nhau đến mà dựng cái nhà cho chóng thành cơ-ngũ, một cái cơ-ngũ rất có qui-củ, trật-tự. Chúng tôi đã từng được vào một vài nhà Lang, thì chúng tôi mới rõ được cái qui-củ trật-tự ấy và cái quyền-thế của nhà Lang lộng-lẫy như thế nào.

Nhà họ ở thật chiếm hẳn cả khu núi, trong nhà có suối tự trên núi chảy xuống, có động đá tạc nên những phong-cảnh u-nhã, lạ-lùng, làm cho ta phải hồi-tưởng đến các nơi tu-tiên tả trong bộ *tiểu-thuyết* nào ấy. Nhà trên làm bằng gạch lợp ngói, kiểu mẫu tuy sơ-sài, nhưng thật là trang-hoàng, lịch-sự, đồ Tây, đồ Tàu đủ các lối. Nhà dưới là nhà tre lợp lá, hoa-mĩ không đến phần, song thực là có ngăn-nắp, cụ già, con trẻ, vợ lẽ, vợ cả, năm bảy phòng. Vườn hoa ngoài trước cửa, đôi ba cây cổ-thụ; đất bọc chung quanh nhà, cau trồng và ba trăm gốc.

Ông chủ nhà là ông Lang cả, còn gọi ông *Cun* mà họ cho chữ Cun tức là chữ quân, ấy bực quân-vương chí-tôn đó. Vợ cả ông Lang gọi là *Bà Chúa*, ấy tưởng một vì đáng làm mẫu-nghi cho thiên-hạ. Cả người hầu cận của ông Lang, thì có chức *Cai xã* coi việc chính-trị thuế-má; chức *Cai trung* quản-xuyến mọi việc trong nhà; chức *Cai kho* giữ thóc lúa; chức *Cai vách* hay *cai Cả* coi việc làm nhà, làm cửa; *Cai ngõ* mở cổng, đóng cổng,.... thực chẳng khác nào như một tòa Nội-các, có đủ Lại-bộ, Binh-bộ, Nội-vụ, Ngoại-vụ-bộ,.... của một nhà Lang vậy. Ngoại-giả, còn bao nhiêu việc vặt, mỗi việc đều có một người coi riêng, người say thóc, kẻ giã gạo, người nấu cơm lấy nước, kẻ rặt-rịa, quét-tước, người cắt cỏ, chăn trâu, kẻ xách ô cắp tráp, trong một tòa nhà lang, kẻ hầu, người hạ, thường kể đến ba bốn chục tên có dư, mà thuần là dân phải cắt phiên nhau, lần-lượt đến mà cung cho đủ số. Thực là nô bộc đầy nhà, thực là nhất-hô bách-ứng. Cái nhà lang thực là một cái triều-đình, cái đời lang thực là một cái đời ông vua nhỏ, trong một cái giang-sơn nhỏ trên rừng núi. Ông vua nhỏ ấy cực-kỳ là sung-sướng. Khi rượu chè, khi a-phiện, đêm đêm thường ăn uống thức khuya đến canh ba, canh tư mới đi ngủ, ngày ngày thường ngủ trưa đến giờ tí, giờ ngọ mới tỉnh giấc. Hôm nay ông vào rừng săn bắn kể hàng đến ngót trăm con người đi ứng-hộ, kẻ giáo ngắn, gậy dài, kẻ súng ống, thuốc đạn, tiếng chó sủa vang tai, tiếng cồng lớn cồng con inh-ỏi, tựa-hồ có cái vẻ hùng-dũng nghiêm-trang như một đoàn quân trẩy. Ngày mai, ông cưỡi con ngựa hồng, lỏng buông dây khấu, ông đi ngao-du, thăm đồng, thăm áng, kẻ tới, người lui, kẻ qua, người lại, phải chắp tay, cúi đầu, sợ cái mặt ông không dám nhìn mà vừa lã cung-kính lạy chào ông nữa. Ngày kia, ông thả cái mảng con, bồng-bềnh trên dòng nước trong veo, ông đứng ông ngắm sông, ngắm núi, ngắm đất, ngắm trời, cái bầu trời riêng của ông, ở trong tay ông vậy. Mà quả thực như thế. Ông là ông chủ điền có một không hai, ở trong toàn-địa-hạt ông. Bao nhiêu ruộng-nương đất-cát là thuộc về của nhà ông, là nhà Lang hết thảy. Ở đất Mường bây giờ, cũng như ở tất cả đất Nam đời xưa, cái « quyền sở-hữu cá-nhân » không có, chỉ có cái « quyền sở-hữu

tập-hợp » mà thôi. Đất ruộng của nhà Lang cả, nhưng nhân-dân phải cắt nhau mà cày-cấy cho Lang. Người ta nói nhiều nhà Lang có từng hàng ba, bốn trăm trâu bò cày là ít. Nhưng họ giữ lấy mà cày-cấy một mình sao xuể, tất họ phải phát trâu, phát bò và chia đất cho dân được chút nào hay chút nấy, cũng như dưới ta cho *cấy rẽ* vậy. Thảng-hoặc có một ông Lang mất đi mà đông-đôi không còn ai để nối lấy cơ-nghiệp, thì dân họ lại đi đón một ông Lang khác để thay vào chỗ khuyết. Nếu khi Lang bố mất, mà Lang con hãy còn bé, thì bà Chúa đứng lên cầm quyền nhiếp-chính để trông nom giúp-giập. Còn khi ông Lang có nhiều con, thì lại chia dân, chia đất, đặt để cho mỗi cậu riêng một khu, khác nào như thể tổ ong, khi có hai con ong chúa, thì phải chia quân, chia lính mà đi lập biệt hẳn một tổ ong mới vậy. Thành thử: cứ cha truyền con nối, kế-thế làm Lang (1), cái quyền-lợi cho Lang thực trang-cửu, vĩnh-viễn, tưởng không bao giờ lọt được sang tay kẻ khác (2). Nên ta có thể nói được rằng:

Con Lang thì lại làm Lang,
Con nhà tầm-thàng, thì vẫn là dân.

Ừ, đã làm dân, thì làm dân suốt đời và đời ấy tiếp sang đời khác, không còn ngách nào gọi là để tiến-thân lên nữa. Người Nam ta, dân đen còn bảo lấy cái văn-chương khoa-cử hay cái thói-lệ khao-vọng mà nói lên những chiếu trên. Chớ như người Mường, dân đen dù khôn khéo trăm chiều, dù hay tám vạn nghìn tư, cũng chỉ có một niềm vâng vâng, dạ dạ, quì gối, lượm tay, không thể sao khác được. Dân là gì? — Dân là chân tay sai khiến của Lang, dân là đất ruộng bù đắp cho Lang đủ ăn sung mặc sướng, dân là kho tiền cung-cấp cho Lang đủ chi-tiêu mọi khoản. Dân phải đóng thuế, dân phải đi phu, dân phải làm đường (3), dân phải khiêng vác.

Khi chúng tôi đi qua rừng núi, thường được tám tên phu khiêng cáng và khiêng đồ hành-lý, gọi là phu *dịch-lộ*. Cứ đi đến địa-phận làng nào, là làng ấy phải cung chực sẵn. Một hồi cồng đánh lên giòng-giả, là dân phải cắt nhau ra cho đủ số. Có khi người tráng-hạng vắng đâu, hoặc tìm đường trốn tránh, thì họ bắt cả ông già năm mươi tuổi đi thay con, hay đàn-bà đi thay chồng, trông thực là ái-ngại.

Đi dọc đàng, thỉnh-thoảng chúng tôi gặp những người gánh một đôi rổ, trong lót lá chuối khó kín mít. Chúng tôi ngỡ là những người đi lại bán buôn, gánh rổ nấm-hương, mộc-nhĩ, hay thứ lâm-sản gì qui-hóa. Song hỏi ra, thì mới biết rằng toàn là những người tiền lưng gạo bị (đáng lẽ nói: muối đùm, cơm rổ), phải đi phu, hay đến lần phải đi *phiên* cho nhà Chúa hay là nhà Lang.

Phận dân phải làm sao cho trọn-vẹn những tạp-dịch ấy, kẻo nữa nhà Lang cắm cây cờ lệnh, giòng một hồi cồng, ra oai để trừng-trị, rồi mà phải nộp tiền phạt, phải đánh, phải đòn hay cùm đóng, chóng mang, rất là khổ-sở. Hiện nay ơn nhờ cái lòng đại-độ của Chính-phủ muốn ngăn-ngừa những cách xử-đoán như thế, mà cái tòa án riêng của nhà Lang không còn được

(1) Đây vẫn còn ám-hợp với đời hùng-vương: cái quyền chính-trị cũng cha truyền con nối, gọi là *phụ-đạo*.

(2) Người ta nói: khi Lang ăn ở không ra gì, xử với dân quá ư tàn-bạo thì dân có thể truất ngôi Lang đi được. Nhưng đợi cho dân lạm-dụng đến cái quyền ấy, thật là hãu-hữu, tưởng như không ai dám ngược đời thế cho được.

(3) Lúc chúng tôi qua con đường Cao-phong làm vào đến châu Lạc-sơn, có đến hai ba trăm phu làm, cũng toàn là những dân không đủ tiền sưu thuế mà phải đi phu để trừ vào cho đủ.

oai-nghiêm như trước nữa.

Nghĩa-vụ bao nhiêu là cái khoán-lề bó-buộc dân phải gánh-vác, quyền-lợi bao nhiêu là cái hạnh-phúc không đến phần dân được hưởng-thụ mảy-may. Dân không có quyền tậu ruộng-nương đất-cát để sinh-cơ lập-nghiệp : vì nông-nổi ấy mà dân phải lụy Lang suốt cả đời. Dân không có quyền ganh đua học-tập để mở-mang trí khôn : dân có ngu dốt, Lang cải-đạp mới dễ. Hoặc dân đi săn-bắn được con hùm, con beo, con nai, con hoẵng, dân không có quyền được tự-xử, tất phải đem hiến Lang, Lang dành cho phần nào, thì được nhờ phần ấy. Hoặc dân vào rừng tìm kiếm được cây gì có giá, như các thứ quế, dân không có quyền được trục-lợi một mình, tất phải đi báo Lang để Lang trình bẩm với quan trên, sau được đồng tiền nào là hay đồng tiền ấy (1) Dân lại tưởng như không có cha mẹ, cha mẹ nhà Lang đã là cha mẹ, Thần-thánh của dân, dân phải phụng-thờ cho đủ lễ. Dân lại tưởng như không có vợ con, vì có người nói rằng nếu vợ dân là người có sắc đẹp, ông Lang đã nhập-nhĩ nhập-nhỡn, tỏ ý muốn đến nhà để *gioong-mái* (tức là chơi gái) thì người chồng người cha phải lẩn mặt đi chỗ khác, để mặc ông Lang được tự-do thỏa-thích. — Hoặc một đôi khi, dân có được cung chức xã-trưởng (2), hay tôn nhau năm bảy cụ lên làm *Âu*, cũng như hạng kỳ-mục lão-nhiêu ở dưới ta, thì chẳng qua vẫn là người thủ-hạ của Lang, chớ nào có quyền-thế tự-tiện thu-xếp được việc gì cho bổ-ích. Tóm lại một câu : dân là sưu-thuế, dân là tạp-dịch, dân là nghĩa-vụ, dân là nô-lệ của Lang, cái số-mệnh, sống hay chết, sướng hay khổ của dân, hình như ở trong tay nhà Lang vậy.

Thế mà khen thay ! dân cứ một bề nhắm mắt tùng-phục vào mệnh-lệnh của Lang, không thấy người nào dám rỉ răng gọi là kêu-ca phàn-nàn điều gì cả. Dân họ sợ Lang bằng mấy mươi con sợ cha, một cái sợ đã ăn sâu xuống, qua biết bao nhiêu đời, và đã tập cho quen ngay tự lúc còn bé, mới lên năm lên bảy. Ngần ấy tuổi đầu, bên tai đứa bé đã hằng nghe thấy nói luôn đến ông Lang như có cái oai-quyền to lắm. Hễ nó khóc, mẹ nó dọa nó : « Lang đòi lại ruộng nương — Lang lấy mất trâu bò — Lang xiềng-xích tất cả nhà.» Hễ nó nín, mẹ nó lại dỗ : « Lang cho cái nỏ — Lang cho khẩu súng — Lang cho thanh gươm rất bén, rất nhậy.» Khi Lang dạo qua làng, rung-rinh trên mình ngựa, mẹ vội-vàng mặc cái áo lịch-sự nhất cho con, rồi hai mẹ con ra nào nhìn, nào ngắm, nào trông theo hút, đường như một cái hiện-tượng kỳ-dị lắm vậy. Hoặc ông Lang quá-bộ vào một nhà nào (3), hai mẹ con bèn giắt tay nhau đến tận nơi để xem cho tỏ-tường hơn nữa. Và khi đứa bé nó thấy người ta giải cái chiếu đẹp nhất trên tấm phản cao nhất cung-kính mời Lang ngồi, khi nó thấy các ông *âu*, ông *chắc*, ông cai, lũ-lượt kéo nhau đến lễ-phép vái chào để trình-diện, khi nó thấy giết lợn, mổ gà, làm cơm, dọn rượu linh-đình để mời Lang, thết Lang,... thì trong óc nó tự-nhiên in ngay lấy cái ảnh khúm-núm, quị-lụy đó, rồi tập-dữ tính-thành, nó cũng học được cái khúm-núm quị-lụy không kém gì ông cha. Qua thời ấu-trĩ, đến tuổi thanh-niên, tráng-

(1) Thật là ứng vào câu ca : « *Con chim chích chòe* . . . được ba bát đầy, ông thầy ăn một, bà cốt ăn hai, còn cái tai cái thủ, đem ra biếu chúa.»

(2) Đây chỉ là nói đến xã-trưởng là cùng. Từ chức phó-tổng, cai-tổng, phó-châu, chánh-châu, là Lang làm cả. Người xã-trưởng ấy có khi phải để triện tại nhà Lang, chớ không được giữ riêng ở nhà mình.

(3) Nếu được Lang đến nhà, thời tưởng không có cái hạnh-phúc nào to cho bằng. Người Mường đã có câu ca : « *Quan đến nhà, như cha sống lại* ».

niên, nó giữ một niềm tôn-kính nhà Lang, nó dốc một bụng thờ phụng quan Lang, nó ép một bề tùng-phục mệnh-lệnh của Lang. *Nhân bản tri đoản*, nó coi Lang như cha sinh mẹ dưỡng: có Lang mới được thóc gạo mà ăn, mới được áo quần mà mặc; nó trọng Lang như vì thẩm-phán-quan; có việc gì chếch-lệch với ai, là nó cầu đến Lang để phân-xử; nó sợ Lang như một chức quan cai-trị có một không hai, tưởng chừng người ngoài không ai sai khiến nổi nó nữa (1): còn Lang thì còn qui-củ phép-tắc, còn trật-tự bình-yên, vắng Lang, thì trên dưới loạn-xạ, trộm cướp tứ-tung, quan-quân có đến, dễ cũng khó lòng mà tiễu-trừ cho nổi.

Thế là hết câu chuyện Lang với Dân.

Bây giờ chúng tôi cùng độc-gia chư-quân, ta thử tự-vấn xem cái chế-độ xã-hội của người Mường ấy ra thế nào. — Ta không chút nào dám tự-kiêu. Vì ông cha tổ-tiên nhà ta, cùng ông cha tổ-tiên Tàu và tất cả bao nhiêu nước thế-tập quân-chủ khác, đã từng sinh-hoạt ở dưới cái chính-thể áp-chế, đã từng buộc chặt ở trong cái thời-đại cường-quyền trải qua mấy nghìn năm có lẻ, mà chính thân ta cũng mới học đòi bước lọt ra khỏi vòng chửa được là bao nhiêu. — Nhưng dù thế nào, nước Tàu đã không còn thấy cái thời Chiến-quốc, người Nam đã không còn mong cái buổi Thập-nhị-sứ-quân, cát-cứ thổ-vũ, tự những đời xa xa tận đâu trong lịch-sử. Nước Tàu đã thống-nhất (không nói chi cái hiện-tình), nước Nam đã thống-nhất, thì cả một bản-dân gọi là *thần-dân* chỉ thuộc ở dưới quyền có mỗi một bậc chí-tôn, chí-trọng gọi là *Quân-vương* hay *Hoàng-đế* mà thôi. Chớ ở đất Mường đã hẹp nhỏ hơn đất Nam đất Tàu bao nhiêu, mà lại có biết bao nhiêu là vua chúa, vì như ta đã nói một ông Lang tức là một ông vua nhỏ, đứng làm chủ-trưởng hẳn một khu-vực, cai-trị riêng một dân-tộc, thực quả rõ là một cái chế-độ *Phong-kiến* tự đời thượng-cổ trung-cổ nào còn sót lại mà vẫn đang độ tốt tươi như hoa nở.

Người công-bình chính-trực, mà nhất là người tai đã từng nghe, mắt đã từng trông, óc đã từng nghĩ, hay chính đời đã từng hưởng những chữ *Dân-chính*, *Dân-chủ*, *Dân-quyền*, những chữ *Tự-do*, *Bằng-đẳng*, *Đồng-bào*, khi đứng trước cái cảnh-ngộ Lang với dân như thế, thời người ấy, chắc không thể sao nén lòng mà không tiếc cho người Mường mãi còn chưa đến ngày giải-thoát được cái chính-thể quái-gở cổ-lỗ thảo-muội ấy mà nói lên một nguyên-kỷ mới cho thích-thời hợp-lý.

Chúng tôi không rõ những người ngoài đã có trú-ngụ hay quá vãng ở đất Mường nghĩ bụng ra làm sao. Cứ như ý chúng tôi, thì chúng tôi thiết-tưởng hiện nay chưa có thể và chưa có cách gì canh-cải nổi cái tình-thế của người Mường cho lương-hảo ngay được.

Ta cứ xem ngay như dưới triều nhà Nguyễn, đến đời vua Minh-mệnh, mới thực qui-phục được người Mường. Nhà vua ra chiếu-chỉ muốn đình-bãi các Thổ-lang mà đặt các chức xã-trưởng, phó-lý, chánh-tổng, tổ-chức lại chốn hương-thôn Mường theo trang chế ta. Nhưng thực lời dụ chẳng có công-hiệu gì. Chỉ trừ một vài xã đã tiêm-nhiễm phong-tục người Nam lắm mới chịu tuân theo phép nhà vua mà thôi. Còn ngoại-giả các nơi, chẳng qua chỉ có cái tiếng xã-trưởng, chánh-tổng, đặt ra cho đủ lề, chớ lệnh vua chưa bãi nổi được Lang, lòng dân chưa muốn

(1) Ở đất Mường chỉ Lang mới cai-trị nổi dân, chớ không có ông quan nào gọi là người Nam cả. Người Nam trên ấy chỉ làm thừa-phái lục-sự, chớ từ người xã-trưởng, qua chánh-tổng, phó-châu, tri-châu, án-sát, chánh-quan-lang, toàn thị là người Mường hết thảy.

dứt bỏ Lang, mà cả Lang cả dân lại có ý bất-bình oán-hận những sự muốn bạo-động để giữ-gìn nếp cũ. — Nên đến đời vua Tự-đức, thì lại khoan-dung bỏ mặc, để họ tự-trị lấy họ, miễn là được yên-ổn thời thôi, chớ không rắp tâm xâm-chiếm vào đất họ, mong cho họ đồng-hóa với mình nữa.

Cái sự-tình xa cách đã hơn một trăm năm trời mà vẫn chưa thay đổi.

Vì ta lại xem quan Đại-Pháp bình-trị đất Mường từ khi bình-trị cả nước Nam, thế mà hiện nay cái ảnh-hưởng qui-hóa của nước Pháp đối với dân Mường tưởng chưa thấm-thía được là bao. Có nhiều người Mường vẫn chưa biết *Ông Tây* ra thế nào. Vì các quan Tây ở những đất Mường đã không được nhiều, mà lại nhiều công việc, không đủ thời giờ để năng lui tới vào trong bụi rậm núi cao, có dịp trực-tiếp với người Mường cho rõ tình sự-đệ. — Còn ai chịu khó bằng các cụ Cố Đạo đi truyền đạo khắp mọi nơi, thế mà ở cả tỉnh Hòa-bình, đâu chỉ có hai nhà thờ Đạo, một nhà ở ngay tỉnh-lị, bên chợ Phương-lâm, một nhà ở làng Mĩ-thành, thuộc về tổng Lạc-đạo châu Lạc-sơn mà thôi. Lại còn ai mày-mò bằng các ông nhà Đoan đi bắt rượu lậu, thuốc phiện lậu, thế mà ở cả tỉnh Hòa-bình cũng chỉ có hai nơi bán rượu ti, là ở ngay tỉnh-lị và ở chợ Bờ, còn ngoại-giả đâu đấy được tự-do uống rượu, hút thuốc lậu hay không lậu cũng không sợ ai bắt-bớ phạt-phùng như ở dưới Trung-châu này cả. Còn những ông lập-ấp mở dồn-điền, đặt xưởng gây công-nghệ, hay khai mỏ để lấy quặng ở tỉnh Hòa-bình thực chưa thấy ông nào để cho dân Mường được quen biết, được ơn nhờ cái công khai-thác một đôi chút.

Cứ xét các mặt như thế, thời ta dám trắc-lượng rằng nếu cứ như thế này mãi, thì cái chế-độ xã-hội của người Mường còn được vững-bền, còn được lâu dài, ai rung chẳng chuyển, ai lay chẳng rời.

Chỉ... còn đợi bao giờ, các đường giao-thông ở đất Mường mở-mang ra thật nhiều, đi lại được thuận-tiện, trên thì Chính-phủ xúc-tiếp nhiều với dân-gian, dưới thì dân-gian được ơn nhờ luôn Chính-phủ, một bên thì người Nam không sợ nỗi ma thiêng nước độc, không ngại phần núi cao hùm dữ, cả quyết đem thân vào sinh-công kế-lợi ở đất Mường, một bên thì người Mường bỏ hẳn cái tính co-ro, rút bớt cái tật bỡ-bặc, để mắt trông quá ra ngoài, bước chân qua chốn rừng núi, bạo-dạn năng buôn-bán giao-thiệp với người đồng-bằng, thời đến lúc bấy giờ, họa may cái chế-độ tối-cổ kia mới dần-dần chế-hạn lại mà có ngày tiêu-diệt được hẳn chăng. Nhưng cái ngày ấy là bao giờ? — Một cái dấu hỏi to, xin đợi thần Thời-gian sau này giải-quyết hộ.

III

Ăn uống. — Ăn mặc. — Nhà ở.

Ăn uống. — Không nói, ai cũng lượng biết, đại-để người Mường ăn uống thật không có gì gọi là cao-lương mĩ-vị. — Họ cũng ăn cơm như dưới ta, nhưng *cơm đồ* (1) chớ không phải là cơm thổi, mà họ lại chuộng *cơm nếp* hơn là cơm tẻ.

Họ cũng ăn mỗi ngày hai bữa. Nhưng thường bữa sáng họ ăn vào khoảng 12 giờ trưa, tựa-hồ văn-minh theo người Pháp, người ta; còn bữa chiều

(1) Cơm thường đồ hai lượt, đồ xong tãi ra, rồi đãi lại mà đồ một lần nữa. — Chõ đồ thường là bằng gỗ mít.

họ ăn vào khoảng 12 giờ đêm, có khi ăn xong, xoay ra ngủ liền, nồi niêu để đến sáng mai mới dọn-dẹp.

Trước khi ăn cơm, thường chúng tôi thấy họ bưng ra một chậu nước để rửa tay. Bụng bảo dạ họ lại biết giữ-gìn vệ-sinh, biết e sợ vi-trùng hơn bà con mình ở những nơi đô-hội tiến-hóa. Nhưng khi thấy họ đưa năm đầu ngón tay ra, nắm từng nắm cơm, bỏ vào mồm ăn, thì lúc bấy giờ chúng tôi mới hiểu rằng họ đề-phòng cẩn-thận như thế, cũng là phải cách, không lấy chi làm quá-lạm. — Họ thường ăn cơm với nhái, ốc, măng, cùng các thứ rau, như rau má, du-dủ, rau chân vịt, hay chẳng có gì chỉ một giúm muối cũng là đủ no lòng thỏa dạ. Họ thích nhất là ớt thật cay, mẻ chưng thật chua, xì-dầu thật mặn, măng nứa luộc thật chát; chua, cay, mặn, chát, cái thói đời chẳng biết bao nhiêu người có phần thích hơn là ngọt bùi hay không có vị gì.

Những ngày vía, ngày chạp, hoặc một đôi khi, gặp dịp vui mừng, như cưới xin, hay chuyện sầu-não như ma-chay, thì họ cũng mổ gà, mổ vịt, giết lợn, giết bò. Gà, vịt, họ ăn nướng hay ăn luộc. Còn lợn, bò, thì chỉ có việc thui, tưởng sáo sào, nấu nướng cũng không ngon miệng bằng. Lạ nhất là cái lòng non lợn, họ không chịu nạo, chịu rửa đi cho sạch, họ cứ để nguyên, bỏ vào nước luộc, lấy tăm nhọn mà tiêm cho những chất ở trong thấm ra ngoài nước rồi cứ lấy cái nước có vị đắng ấy múc ăn, cho là đậm-đà đầu lưỡi và hình như có chất bổ-dưỡng lắm. Cái nước ấy vị chi là *Nước Phèo*. Nước Phèo với *Lậm bia* cũng là một họ. Chỉ khác rằng: lậm-bia là những chất chưa tiêu-hóa lấy ở trong dạ dày trâu bò đã làm thịt. Ai bán thịt trâu bò, cũng phải bán luôn cả cái chất ấy làm tang-chứng; ai mua thịt trâu bò, cũng mua thêm cái chất ấy đem về pha với nước suýt để dùng làm nước chấm.

Lại lạ nữa, nhưng qui nhiều, là thứ rượu gọi là *Rượu Cần*, chỉ những khi nào có cuộc vui-vầy lắm, hay khách lạ thực sang, họ mới đem ra mà mời uống. Chúng tôi được một bận có người Thổ-đạo làm xã-trưởng ân-cần đem rượu Cần ra thết. Đầu tiên, chúng tôi thấy họ bưng ra một cái vò, ngoài tráng men, to độ bằng hai cái chĩnh ở dưới ta và một cái xanh đồng con, đầy nước đun hơi nóng và trong có bỏ hai cái giuộc bằng tre. Đoạn, một người trai trẻ ra đứng trước vò rượu, chặt khăn bỏ xuống, rồi lẩm-nhẩm đọc một thôi một hồi những cái gì, đâu để cúng khấn thứ *Ma giàn*, đây tức là Ma Men, Ma Rượu vậy. Khấn xong, họ lấy cái giuộc múc nước trong xanh mà đổ vào vò. Rồi họ lấy đến mươi mười hai cái cần dài, làm bằng trúc khoan và uốn cong lên mà cắm vào vò tua-tủa ra tứ phía. Họ mời uống. Không thể sao chối-từ, chúng tôi nhấp thử một ít, thì chúng tôi thấy có cái vị cũng như nước rượu nếp mồng năm ở dưới ta hay một thứ *li-cơ* nào xoàng-xoàng vậy. Chúng tôi nhấp xong, thì người xã-trưởng, người đội lệ đi theo chúng tôi và mấy người *âu*, reo hò lên, rồi ngồi vòng quanh cái vò, mỗi người ngậm một cái cần mà hút cũng như lấy đen họ hút thuốc. Xong lượt ấy, lại đến lượt các người nhà cùng các phu khiêng, mỗi người nhấm một lúc, trong khi một ông già cứ vác từng ống bương to đầy nước lấy đâu ở dưới suối lên mà đổ vào vò rượu (1).

(1) Có nơi người ta dùng cái sừng trâu làm giuộc múc nước. Đầu cái sừng trâu có khoan một lỗ để cho nước chảy vào vò. Nếu cái sừng trâu rỏ nước vào đến lần thứ ba, mà các người *hút rượu* hút không kịp để cho nước tràn ra ngoài vò, thì có lệ phải phạt, uống gấp đôi lên.

Chúng tôi nghĩ bụng rượu lúc bấy giờ chắc loãng thếch, dễ chỉ còn có cái vị nước lã ngấm qua một đống bã, đâu trước làm bằng ngô, bằng gạo giã qua, bằng kê, bằng chấu và một thứ men lá.

Ăn mặc. — Người Mường cũng như người Thổ người Mán ăn mặc hay dùng thứ vải nhuộm màu chàm.

Đàn ông họ ăn mặc không khác gì đàn ông dưới Trung-châu : cũng cái quần rộng ống, cái áo cánh cộc và chít khăn đầu dìu. Còn đàn-bà thì mặc một cái xống thật dài, quấn ngang qua cả vú, tự trên ngực giở xuống. Hoặc khi họ bắt chước người Nam mà dùng yếm, thì cái yếm lại chỉ ngắn hụt vừa che hết vú thì thôi. Áo họ mặc thường may liền tà, nghĩa là vạt trước vạt sau liền làm một như áo tứ-thân vùng bên Bắc-ninh vậy. Họ không vấn khăn ; họ búi tóc và chỉ sơ-sài chụp một miếng vải như khăn vuông mà thắt ra đàng sau. Khi trông thấy năm ba người đàn-bà nhà Lang (1) mặc cái xống chàm, mặc cái áo trắng và trùm cái khăn trắng, cùng nhau xa xa đi trên đàng, tưởng cũng là thanh-nhã, có phần dễ coi lắm. Nhưng họ không phải cho ăn mặc thế là lịch-sự ; người ta nói sự trang-điểm của họ chỉ cốt ở cái cạp xống mà thôi. Hễ cái cạp ấy càng dài bao nhiêu, nhiều từng bao nhiêu, là càng sang-trọng bấy nhiêu, vì cái cạp ấy thêu dệt rất công-phu tỉ-mỉ và thực tỏ ra cái tài khéo tay kim chỉ của bọn phụ-nữ làm ăn rất siêng-năng cần-mẫn. (2) — Tai họ đeo khuyên bạc, Tay họ đeo — cả đàn ông — vòng bạc hay vòng ngọc-thạch, hoặc đeo ở cổ tay, hoặc đeo mãi trên cánh tay. Răng họ cũng nhuộm đen, môi họ ăn trầu cũng đỏ tươi hay cắn chỉ như người Nam. Đầu họ thường đội cái nón nghệ, còn đàn ông, thực ít khi dùng nón, trời nắng chang-chang, hay mưa sầm-sập, cũng chỉ đầu không (3), như chẳng sợ cái tia sáng của Thái-dương, cái giọt nước của Vũ-thần là gì. — Đàn bà được cái xống lĩnh, đàn ông được mặc cái quần chúc bâu, cái áo the, chít cái khăn lượt mới-mẻ, đi đôi giầy tây, cắp cái ô lục-soạn, thế là kể vào hạng sang đệ-nhất, nghĩa là một cái sang bắt-chước ở Trung-châu ta vậy.

Nhà ở. -- Nhà người Mường bất-cứ lớn hay nhỏ, nhà Lang hay nhà dân, cũng làm theo một kiểu, và na-ná giống như nhà người Thổ. Nhà cũng toàn làm bằng gỗ, bằng tre, nứa, trên lợp cỏ gianh hay lá gồi. — Tầng dưới, gọi là *khương*, cách mặt đất độ thước rưỡi tây, thì để nuôi trâu, bò, gà, lợn, mà thả vung ra, chớ không có chuồng, cũi gì cả. Chúng tôi tưởng họ cũng không chịu bới-móc, quét-tước mấy khi. Phần thì rác-rưởi ngập mất, phần thì mối xông kiến đùn lên từng đống đất trông như núi

---

(1) Chỉ có đàn bà nhà Lang mới được dùng sắc trắng — Đàn bà dân thuần chỉ có một màu chàm xanh mà thôi. — Trên đất Mường chỉ có cái khăn trắng màu ngà-ngà mới là đề tang, còn cái khăn trắng lắm lại là cái lối ăn mặc rất đài-điệm lịch-sự. — Cái tục mặc đồ trắng đây trái lại hẳn với cái tục ở Huế, ai mặc cái áo trắng lại hình như cho là tầm-thường, chỉ có mặc đồ thâm mới đáng trọng mà thôi.

(2) Người ta còn nói : Đàn-bà Mường rất là sạch-sẽ, ngày nào cũng tắm một lần.

(3) Một cái nai-tinh đáng khen, vì có như thế mới cho được là *xương đồng da sắt*, rất cần cho nhà quân lính. Người ta nói rằng ở bên Vân-nam, người lính Tàu hễ thấy người lính Nam cầm cái ô để che mưa, che nắng thì họ cười mà gọi là « *miếng đường* », nghĩa là bỏ cái ô ra thì tan ngay như miếng đường gặp phải nước vậy.

non bộ, gia-dĩ lại lênh-láng những phân cùng nước tiểu các loài vật hòa lẫn với nhau, cái mùi đưa lên rất là khó chịu. Nên cái khoản gì, chớ cái khoản ruồi muỗi sâu bọ thật là thấy lắm. Chúng tôi còn nhớ mãi cái đêm ngủ tại nhà một người phó-tổng. Chúng tôi xin cùng độc-giả cùng vào để gọi là cho biết cái nhà Mường làm ra làm sao cho châu-đáo. Bốn bề chung quanh, một cái hàng rào làm bằng nứa đan che kín mít để giữ cho lợn gà ở trong không xồng được ra ngoài; hàng rào lại ghim bao nhiêu chông làm bằng cây nứa tép vót nhọn đầu và tua-tủa chĩa ra để phòng hùm beo ở ngoài không nhảy được vào trong. Nánh sang bên tả, một cái cổng vừa cao vừa rộng. Ta đến đánh mấy tiếng vào cái mõ làm bằng tre đã treo sẵn ở đấy. Một người ra *mở cổng*, à quên! nói *tháo cổng* thì mới đúng. Vì cái cổng đây không phải là cửa đóng, then gài, nhưng là những ngáng gỗ, đóng ngang như bậc thang, hai đầu xỏ vào hai cây gỗ lớn, ai muốn ra vào, phải có người cầm vồ mà đẩy những ngáng gỗ ấy sang hai bên. Lọt qua cái cổng, thì ta trông thấy một cái vườn cực rộng, kể đến năm bảy sào đất (vì không có ao hồ, giếng khơi, bể cạn gì cả), nhưng tiếc thay! vườn đất bỏ hoang, không thấy trồng-trọt mấy, loáng-thoáng chỉ vài ba cây chuối cây cau, cái thân cây thì bé nhỏ cao ngỏng cao ngòng, dưới gốc cây, thì rễ phơi trơ ra, tưởng hàng bao nhiêu năm không được một lần vun-sới. Nhưng thôi, ta đừng trùng-trình ngắm-nghía ở ngoài vườn, ngoài sân kỹ-lưỡng quá. Ta hãy trèo lên cái thang tre ở đàng kia, và nếu chân ta có bùn bẩn, sẵn có chum nước cái gáo ở trên sàn nứa đấy (1), ta hãy rửa qua cho sạch-sẽ. Rồi ta bước vào trong nhà, tức gọi là nhà sàn hay nhà gác. Cái nhà rất to, rất rộng, bề dọc đến mươi mười lăm thước, bề ngang đến ba bốn chục thước tây, thật là thênh-thang cao-ráo (2). Nhưng lại hiềm một nỗi: ánh sáng mặt trời tưởng còn nhỏ chưa đủ, vì cửa ngõ đã ít mà lại hẹp. Đồ-đạc bầy-biện trong nhà rất sơ-sài. Giường phản không mấy khi có. Thường chỉ vài ba chiếc chiếu và mấy cái ghế làm bằng tre hay đan bằng mây, vừa thấp lại vừa bé. Chính giữa nhà là ban thờ tổ-tiên, nánh sang một bên thì là cái bếp làm bằng gỗ ken, chát đất và chứa đầy tro, trên đun nấu bằng kiềng hay chỉ mấy hòn đá kê cũng chắc. Ban ngày, những lúc trời nắng như thiêu, mưa đổ như trút, và nhất là ban đêm, những khi tối đen như mực, mà lại gặp buổi loạn rừng (3), bước xa một bước, tưởng-tượng hùm beo nó rình đâu bên cạnh, nó xông vào nó bắt, mà người trong nhà trong họ, kẻ hàng xóm láng giềng, cho chí khách qua đường, được cùng nhau quây-quần tụ-hội cả chung quanh cái bếp, nói vài ba câu chuyện phải chăng, hút điếu thuốc lào trong cái điếu cày bằng tre, uống một hớp nước trong cái ống đựng cũng bằng tre, thì ta tưởng bấy giờ thực là cái cảnh ấm-cúng, vui-vầy, con người đoàn-viên tập-hợp với nhau rất là mật-thiết, rất nên sung-sướng. Thế mới hay: bếp lửa thực là cái điểm trung-tâm xưa nay vẫn lưu-luyến được con người trong tất cả các nhà Mường, nhà Thổ và bao nhiêu

(1) Nhiều khi người ta hong quần áo, phơi thóc lúa và rửa bát đĩa cũng ở trên cái sàn ấy.
(2) Nhà dân chỉ dài đến 6 hay 12 thước, rộng đến 4 hay 6 thước tây là cùng.
(3) *Loạn rừng*: độ nào hùm beo bắt nhiều người mà ăn thịt thì người ta gọi là *loạn rừng*.

nhà khác trên hoàn-cầu chưa được quen biết lắm với ống diêm, cây nến, ngọn đèn dầu hỏa hay ngọn đèn điện-khí. Thế mới hiểu con người bất-cứ ở đâu đâu, bên Âu-châu nước Hi-lạp, nước La-mã, bên Á-châu nước Trung-hoa, nước Việt-Nam, cũng đều có sự mê-tín đến *lửa thiêng*, cũng đều một bụng sùng-bái ông *vua bếp* là ông Táo-quân vậy.

Nhà người Mường, ta rạo xem qua lại, thường ngăn ra làm hai gian. Gian ngoài liền với chỗ sàn mới bước lên, thì là nơi tiếp khách của đàn ông. Gian trong chia ra nhiều buồng thì là nơi tư-thất của đàn bà, con gái; ở đất Mường phong-tục còn tốt, nam-nữ vẫn hữu-biệt, chửa đến ngày quá ư phóng-túng tự-do đáng nên ghê-sợ. Ta ngửng lên thì ta trông thấy những bông lúa chất đầy trên mấy cái ngáng tre cũng như cái gác xép; ta nhìn vào một góc nhà, thì thấy một cái trống đồng rất to, chỉ có mỗi một mặt mà hình như tự đời thượng-cổ nào còn để lại. Cái trống ấy, người Mường rất lấy làm trọng, chỉ bao giờ có đám ma chay hay có việc gì quan-hệ lắm mới đánh đến mà thôi. Thế là hết cái cảnh - tượng trong một nhà Mường. Bây giờ chúng tôi xin nói nốt cái đêm chúng tôi ngủ tại nhà người Phó-tổng. Giường phản đành không có, chúng tôi giải hai lần chiếu lên trên sân, ở trên lại giải thêm một cái *phá-lào* (1) nữa. Chúng tôi bảo lấy bốn cây nứa cắm xuống làm cột để chúng tôi buông màn cài đắt thật cẩn-thận. Thế mà lúc đi nằm, thỉnh-thoảng vẫn thấy có những con bọ, đâu gọi là thứ bọ *gia mo*, nó chui ở dưới sàn lên nó đốt rất ngứa-ngáy khó chịu. Gia-dĩ, phần ở dưới *khương*, thì gà cục-cục, lợn ủn-ỉn, phần ở trên sàn, thì mấy con chó xổ xích chạy lăng-nhăng, kẻ ra người vào tấp-nập luôn luôn mà hễ động bước chân đi, cái sàn tre nó lên tiếng lẹp-kẹp, thì tưởng khách ngủ trọ, dù mỏi mệt đến đâu, cũng khó lòng nhắm mắt mà ngủ yên cho được. Thế mà người Mường họ quen đi, họ không hề nghĩ tới. Hay chỉ tại mình khó tính, đã quen nằm trên bộ ghế gụ, thì cho cái sàn tre của Mường là bệ-rạc, cũng chẳng khác nào như người Pháp đã quen nằm trên cái giường *lò-xo*, thì lại cho bộ ghế gụ của mình là rắn, làm đau xương, đau thịt.

IV

Sinh đẻ – Cưới xin – Ma chay

Sinh đẻ. — Người Mường không có bà đỡ chuyên-nghiệp. Chị em hay bà con đỡ lẫn cho nhau mà thôi. Khi trong nhà, có đàn-bà mới đẻ (1), thì người ngoài kiêng, không bạ-men đến, không phải là sợ người đẻ đồ *cung-long* cho mình, nhưng sợ cái *vía-van* mình hại cho người đẻ và nhất là hại cho đứa bé. Một cái tục rất hay: là khi đứa bé xổ ra được độ vài giờ, thì người cha thắp hương cúng khấn, như để trình cùng ông bà, ông vải, rồi nếu đứa bé là con trai, thì một người chúc cho nó ngày sau đi săn giỏi mà đi câu cũng giỏi, nếu đứa bé là con gái, thì người ta lại chúc cho nó ngày sau coi-sóc trong nhà giỏi mà cấy cấy ngoài đồng (2) lại càng giỏi hơn nữa. Cũng có nơi cha mẹ mời hẳn một người có tiếng là giỏi-giang khôn-khéo đến nhà cơm mà mớm cho đứa bé, có ý mong cho đứa bé

(1) *Phá-lào*: đồ dệt bằng sợi nhuộm ngũ-sắc của người Lào làm ra và ta dùng làm chăn, làm nệm được.

(1) Người ta nói có nơi hễ trong nhà nào có người đẻ thì ở trước cửa thường cắm một cái sào đầu có buộc một nút rơm hay một cành lá.

(2) Cày cấy khó nhọc ở ngoài đồng lại là phần việc riêng của bọn phụ-nữ.

nuốt miếng cơm ấy vào dạ dày còn non, cũng nuốt được cả cái giỏi-giang khôn-khéo của người nhà vào trong tâm-huyết tinh-tình luôn một thể.

Nếu đứa bé là con nhà Lang, thì dân sự phải rủ nhau đến để chúc-tụng, để dâng đồ biếu lễ : hoặc đôi vòng, tấm lụa, hoặc cái nỏ, con dao. . . . may mà được bữa chén rất say-sưa vui-vẻ.

Đại-để người Mường nuôi con thực là *nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa*. Họ không hề đánh mắng chúng nó bao giờ, chỉ đến dọa chúng nó phải cùm, phải xích hay phải hùm beo ăn thịt là cùng. Bởi họ nuông, chiều chúng nó quá (1), mà thường khi nếu chúng nó không sinh ra mất nết, đánh nhau, chửi nhau rất hỗn-hào, thì chúng nó lại thành ra non yếu, tưởng chừng như ai mở mồm to tiếng, hay ai cất nhắc cái gì mạnh, cũng đủ làm cho chúng nó phát sốt người lên mà hóa ra ốm đau ngây- ngất được.

Cưới xin. — Con người không phải là gỗ đá, nên dù cho biết chữ *tình* là chữ *lụy* mà cũng không sao tránh khỏi được cái bệnh đa-tình. Nên người Mường cũng như người khắp mọi nơi, dù cho phân-biệt cũng thiệt là tình lắm. — Độ chúng tôi lên Hòa-bình, có được nghe một câu chuyện cũng chỉ vì chữ tình mà đến nỗi đôi bên phải quyên-sinh. Số là ở vào vùng châu kia, có hai anh chàng chị chàng dường như thương yêu nhau lắm. Nhưng chẳng may, việc nhà trắc-trở, cha mẹ không bằng lòng, mà anh chàng *đâm liều*, giương súng ra bắn tình-nhân, rồi tự bắn luôn mình, cho thỏa mối tơ-tình, chớ không lành chịu sống ở đời, mà chẳng được cùng nhau chăn gối như lòng sở-nguyện. Ai ngờ đâu ở đất Mường lại nảy ra được một tấn bi-kịch tối-tân như ở bên châu Âu châu Mĩ nào ấy. Song ta nên nhận rằng : phàm ở những nơi đồi cao, núi lớn, cây to, rừng rậm, con người không đông gì cho lắm, nên khi con người được gặp nhau đã sẵn có bụng ưa nhau, nếu cái ưa hóa ra yêu, thân-tình hóa ra ái-tình, thì cái ái-tình tưởng có phần nồng-nàn thấm-thía hơn những nơi đồng-bằng trù-mật nhiều

Cái tục cưới xin của người Mường cũng không lấy gì làm lạ. Khi cha mẹ người con trai đã bằng lòng chấm một đám nào, thì họ mượn mối-lái hoặc người quen kẻ thuộc đến nói chuyện với cha mẹ người con gái. Nếu nhà gái ra chiều ưng-thuận, thì nhà trai cho đưa trâu, cau, rượu, chè đến cũng như cái lễ chạm-mặt ở dưới ta. Tự lúc ăn hỏi xong chi hậu, nhà gái đã nhận đủ các đồ sính-lễ của nhà trai, như tiền bạc, trâu bò, như xanh đồng, vải lụa,... thì đôi bên đi lại với nhau cũng như một nhà vậy. Nếu người con trai thỉnh-thoảng đến giúp việc cha mẹ người con gái, gọi là đi « *làm rể* », thì người con gái cũng thỉnh-thoảng đến giúp việc cha mẹ người con trai, gọi là đi « *làm dâu* ». Chẳng may trong nhà một bên nào, có người khuất núi, thì người con trai hay người con gái cũng phải *tang-tóc* cho đủ lệ, cho trọn đạo làm dâu hay làm rể. — Cái thời-kỳ học ban « *phu-phụ tu-nghiệp* », này lâu hay chóng là tùy theo cái tình-cảnh trong nhà ; hoặc năm bảy tháng, hoặc vài ba năm, có khi phận liễu đã nảy nét ngang, lần ấy sang lần khác, mà các lễ cưới xin vẫn còn long-đong chưa thu-xếp được ổn-thỏa. (2)

---

(1) Chỉ-h mất chúng tôi đã thấy một cậu Lang mới lên ba tuổi, hai ba người nhà nâng giấc hầu-hạ luôn nên mình và thấy bố làm gì hay đi đâu cũng đòi làm, đòi đi cho kỳ được.

(2) Nhà dân thường có khi hỏi vợ thì cưới ngay.

Nếu được ổn-thỏa, thì đến ngày nghênh-hôn, họ cũng làm cỗ-bàn linh-đình để mời bà con họ-hàng cùng người quen kẻ thuộc. Nàng dâu đón về cũng làm lễ ông bà, ông vải, cha mẹ nhà và chồng, ra chào hỏi những người trong họ cùng những người có tai mặt trong làng nữa. Chỉ có một điều lạ, là khi dâu vừa bước chân vào nhà, thì một bà lão đưa ra hai cái thừng cột trâu để chúc cho được giàu-sang, sung-sướng. Lại còn một điều nữa, là người ta đem ra hai cái xanh đầy nước để rửa chân cho cô dâu, vì cô dâu Mường — cũng như tất cả người Mường khác — đi chân không chớ ít khi lên giầy dép. — Đồ hồi-môn của cô dâu cốt nhất là chăn với gối, không phải một cái chăn hai cái gối riêng của cô dâu chú rể, nhưng kể hàng một và trăm vừa chăn, vừa gối, cô dâu đem về trước là để chia biếu các ậu, sau còn thừa để gác một nơi trong nhà, dự-phòng hễ có khách đến ngủ trọ, là bao nhiêu người cũng đủ được mỗi người một cái chăn, một cái gối vừa êm dầu, vừa ấm thân. Thực là *« ăn cú mà ngủ tiên »*, cái chân-lý đã đúc thành câu tục-ngữ không sai-ngoa ở đất Mường.

Ma-chay. — *Ma thiêng* thường hay đi với *nước độc*. Ở đất Mường, nếu ta đã từng rõ cái độc-địa của nước uống (1), thì tất ta dễ có bụng tin cái thiêng-liêng của yêu-ma. Nhưng chính chúng tôi ở đất Mường bao nhiêu ngày, mà quả không trông thấy ma bao giờ, chúng tôi chỉ được biết có một thứ ma là người chết, người chết tức là ma mà thôi.

Vì trên Mường họ có cái tục không đem người chết đi chôn ngay theo như câu « *Tử táng vi vinh* » hay theo cái lệ 24 giờ kể từ lúc tắt hơi.

Khi trong nhà có một người nằm xuống là họ lấy vải quấn nực lại để cho linh-hồn đừng lạc đi chỗ khác. Rồi họ lấy quần áo đẹp cho mặc vào. Đoạn họ nồi một hồi cồng lên để mời người làng lại. Các ậu đến cơm no, chén say chê-chán rồi, mới cắt người vào rừng tìm một cây to hạ xuống đem về để làm quan-tài. Họ bổ dọc cái thân cây ra làm đôi, nạo hết ruột giữa, bỏ tử-thi vào, rồi lấy sơn, lấy giây khoai và nhựa khoai gắn lại rất kín-đáo, không có mùi-mẽ gì cả. Ấy thế rồi cứ quàn trong nhà, bữa bữa làm cơm, đánh cồng để như chiêu vong-hồn về hưởng-thụ, hoặc mời thầy mo về cúng cho đủ lễ. Người nói có khi ma quàn như vậy, đến hàng mươi mười lăm hay đôi ba mươi năm, một là vì nghèo quá chưa đủ tiền ma-chay, hai là vì sang quá, muốn tỏ lòng hào-hiếu với mẹ cha không nỡ dời bỏ mà đem vùi xuống đất. Hoặc khi trong một nhà có đến đôi ba cái ma ; nơi thì đem dựng ở xó cửa, nên gọi là *ma xó* ; nơi thì bày ngay ở giữa nhà, con-cái, họ-hàng, xóm làng, quen thuộc, cứ quây-quần ăn uống, nằm ngồi luôn bên cạnh không chút gì là quan-ngại.

Khi ma đã rước xuống *nhà tạm*, thì những khi cúng-tế, người con dâu trưởng đội mũ, mặc áo xanh đỏ như phường tuồng, rót chén rượu nâng bát cơm, cầm cái quạt phe-phẩy, hầu-hạ cha mẹ như lúc còn sống vậy. — Thầy địa-lý đã tìm được đất, đưa ma lên rừng thật là trịnh-trọng. Đám ma cũng như dưới ta. Có câu đối tán-tụng công-đức tính-hạnh người mất ; có lối lăn đường cả đàn-ông đàn-bà để tỏ lòng đau-đớn vùi-rập của kẻ sống. Nếu họ không rắc vàng hồ xuống đất như ta, thì họ lại bắn súng lên trời, càng bắn nhiều là càng danh giá. Lạ nhất là cái phủ-quan. Không phải chỉ một cái, bao

(1) Kể thực ra cái độc do ở nước uống mà lại do ở khí-lậu phần nhiều.

nhiều con trai là phải đủ lấy nhiều cái, cái của người con út ở trong cả. Người ta nói có bức thêu đáng giá đến 1 làng trăm bạc.

V

Tôn-giáo — Tiếng nói — Học-hành

Tôn-giáo — Người Mường cũng đi đạo Thích như ta, nhưng họa lắm mới có một gian nhà tre gọi là chùa, trong thờ và ba cỗ mũ, như mũ ông Công, chớ ít khi có tượng tạc bằng gỗ hay đắp bằng đất. Các làng không có đình thờ Thành-hoàng, nên không có xuân-thu nhị-tế hay ngày dẫn, ngày vía gì cả. Hoặc một vài nơi có đền, chúng tôi hỏi ra, thì đều là thờ duệ-hiệu đức Tản-Viên, ngài đã như vị Thần độc-nhất vô-nhị ở đất Mường vậy. — Khách qua đường thỉnh-thoảng trông thấy một cái túp con, dựng chót-vót trên một cái cây to, cành lá rườm-rà, hay mấy cái cột tre chênh-vênh đứng giữa trời; nhòm vào trong, chỉ thấy treo mấy thoi vàng và cái ống bương để cắm hương: ấy là cái bàn thờ ông Mãnh-hổ hay bà Chúa Rừng nào rất linh-thiêng, người ta nói rằng nếu vô-ý động chạm đến, thì tất sinh ra ốm đau hay nguy-hại cho tính-mệnh.

Hữu-bệnh thì bái tư-phương. Người Mường cũng gần giống người Nam, trong nhà hoặc ai mắc bệnh (1), thuốc-thang (1) chạy chữa một phần, nhưng cái phần trọng hơn nữa, là phải kêu cầu cúng vái cho nhiều. *Có trừ-tà mới trị nổi bệnh.* Cái tục, người ta thường lấy một quả trứng bọc vào trong cái áo của người ốm, đem xoa lên trán rồi, mang lại hỏi thầy mo. Thầy mo lấy một cái rơm buộc quả trứng, cầm giơ lên, đọc thần-trú rồi hỏi ma muốn gì. Hỏi hết gà, đến vịt hết vịt đến trâu bò, tiền nong, rượu chè, thuốc phiện, bao giờ cái trứng xoay đi, là ma đòi thứ ấy, phải đem cúng ngay cho khỏi.

Người Mường cũng thờ cúng tổ tiên. Nhà Lang nào cũng có bàn thờ ông bà, ông vải, rất là oai-nghiêm. Trên bàn thờ, cũng bày mấy cỗ bài-vị, nhưng mỗi cỗ lại đội một chiếc mũ cánh chuồn bằng giấy, như những mũ bán ở các hàng Mã dưới ta. Đôi bên bàn thờ, thường bày hai cái giá cắm lọng, cắm cờ, rõ ra một nhà thế-phiệt, ai nấy vào phải cúi đầu tôn-trọng, vì cái bàn thờ tổ-tiên nhà Lang đó — như chúng tôi đã nói ở trên — tức là cái bàn thờ thần thánh chung cho cả dân, các ngày vía (2), tức là ngày giỗ, và nhất là ngày ba-mươi Tết dân phải tụ-hội đông đủ ở đấy, trước là thành-tâm kính-lễ, sau là vui-vầy ăn uống với nhau cho thỏa-thích.

Còn chính nhà dân, hoặc chỉ ngày Tết Cả mới dựng bàn thờ, hoặc quanh năm cũng có, thì thực là giản-dị: chỉ một cái khung gỗ đóng trên vách hay một miếng giấy đỏ không có chữ cũng dán vào vách và một ống tre làm một bát hương để trên cái phản, thế là đủ lễ-bộ cúng vái được rồi. Có khi trên bàn thờ đặt một cái gương con, các hiệu khách bán độ mươi mười hai xu, ngoài gương phủ một miếng vải tây đỏ, hễ khi nào làm mâm cơm để lên cúng, mở miếng vải ấy ra, mâm cơm chiếu vào trong gương, thế là tựa-hồ như ông cha đâu về, ngồi trong ấy mà hưởng-thụ mâm cơm thứ hai con cháu đã dâng lên dốc một lòng thành-kính.

---

(1) Ở đất Mường dùng thuốc lá uống lắm khi cho là thần-hiệu.

(2) Người Mường ăn Tết ngày ba mươi cho là chính-nhật, vì trong họ, tuy theo lịch ta nhưng có lệ cứ tính lui lại một ngày, mồng một của họ tức là ba mươi dưới ta.

Tiếng nói. — Trước chúng tôi đã nói, cô nhà nhân-chủng-học cho người Mường là cùng một nòi giống với người Nam, vì tiếng nói của đôi bên na-ná gần như nhau.

Quả vậy, cứ kể các dân-tộc ở những miền rừng núi nước nhà, thì chỉ có người Mường là nói nằng không khác người Nam mấy mà thôi.

Như người Nam gọi là :

cha thì người Mường gọi là		*bố*
mẹ	—	*mế* hay là *cáy*
anh	—	*eeng*
em	—	*ún*
gạo	—	*cáo* hay *cạo*
cơm	—	*khơm*
cỏ	—	*ken*
đầu	—	*chốc*
uống nước	—	*oóng nác* hay *gióc*
ngủ	—	*tây*
chăn	—	*ồ*
màn	—	*mủng*
gối	—	*kêng*
con gái	—	*cô mái*
vợ chồng	—	*ông bà*
ông	—	*bố đá*
bà	—	*bà già*
lợn	—	*ợn* hay *cúi*
gà	—	*cà*
trâu	—	*tru*
chó	—	*chó*
tao, tôi	—	*ho*
mày	—	*gia*
nó	—	*nó*
đi chơi	—	*doong*
đi chợ	—	*ti chơ*
nói chuyện	—	*bố méng*

Một, hai, ba, bốn cho đến mười của ta, thì họ đếm là : *một, han, pa, pốn, dàm, khảu, pảy, thảm, chín, mườn*. . . .

Những tiếng mà ta đọc, viết bằng *b*, thì họ đọc, viết ra *p*, như ba=*pa*; bốn=*pốn* : bảy=*pảy* : con bò=con *pò*. . . . Những tiếng *v* của ta thì lại dùng *b*, như vải=*bải*. . . . Những tiếng ta dùng *d* thì họ dùng *t*, như đèn =*tèn*; điều=*tiều*; v.v.

Cứ xem như những tiếng thí-dụ đây, thì tiếng người Nam và tiếng người Mường quả là cùng một cỗi-rễ, hoặc ta có thể nói được rằng, cái tiếng Mường đó mới thực là tiếng Nam mộc-mạc, tối-cổ chăng ?

Hiện nay người Mường vẫn phân-biệt tiếng của họ gọi là *tiếng trong* đối với *tiếng ngoài* là tiếng mượn của người Kinh. Tuy vậy, hầu hết người Mường nói được tiếng Nam rất thông-hoạt, mà người Nam vào đất Mường, trừ ra khi họ nói với nhau nhanh lắm, mới không nghe rõ mà thôi, chớ khi giao-thiệp với họ, đôi bên có thể hiểu lẫn được nhau, không cần phải dùng thông-ngôn như đối với dân Mèo, dân Mán hay dân Kha. Hai giống học tiếng của nhau không phải dụng-công lắm, hiểu rõ được nhau ngay, ấy là một cái cơ có thể làm cho đôi bên đi lại với nhau thân-mật và sinh ra bụng âu-yếm nhau được.

Chúng tôi được nghe những câu hát ở đất Mường, như câu *tiếng trong* :

Ún (em) ơi, ún nó,
An khơm (cơm) với ho (tôi).
Oóng nác với ho.
Ti doong với ho.
Để ho bó méng (nói chuyện) một chút chăng.

và những câu *tiếng ngoài* :

Trời mưa phun-phún,
Trời mưa phươn-phướt.
Trời mưa chẳng ướt lá khoai.
Đường ti (đi) khá (lối) lại chả biết ai mà chào

hay câu :

Trời mưa phun-phún,
Trời mưa phui-phúi.
Mưa như bữa núi mưa ra,
Mưa đi qua đầu cầu :

Ai có nón thì đội đầu.
Ai chả có nón ai dầu mặc thây...

hay câu :

Đồn rồn, đồn rằng :
Nhà em giàu nầm (lầm) giàu nùng (lùng).
Có một trâm tru (trâu) bò,
Chín chiếc nhà ngói, cột trò tay bông.
Nhà em thờ những đồ đồng,
Tay ngai mặt nguyệt đôi rồng chầu lên...

thì chúng tôi tưởng tuy là những câu hát Mường, người Mường hát được hiểu được, người Nam hiểu được mà lên giọng hát cũng được, thì đôi thứ tiếng thực không có gì xa lạ nhau cả. Chỉ khác rằng cái giọng họ hát lơ-lớ như giọng Nam, kéo dài một điệu, những lúc tối-tăm tịch-mịch, ở giữa chốn thâm-sơn cùng-cốc mà nghe lọt vào tai, thì thực là não-nùng, thảm-thiết, ai-oán trăm chiều, tưởng như gìm linh-hồn xuống mà rùng mình lên được.

Học-hành. — Người Mường xưa cũng học chữ nho theo ta. Họ đón những ông đồ người Nam lên dạy, mà nhiều nhất là những ông đồ người Thanh-hóa, Nghệ-an, và Hà-đông. Hiện nay chúng tôi cũng còn được tiếp ở các nhà Lang một và ông đồ người ta, vừa làm thầy dạy chữ cho con, vừa làm nho giúp việc cho bố.

Chính-phủ bảo-hộ cũng đã lập những trường sơ đẳng dạy chữ quốc-ngữ và chữ Pháp. Chúng tôi đã xét mấy trường tại Hòa bình, Ninh-bình và Phú-thọ, thì cũng được một đôi trường có phần thịnh-vượng, chẳng những con trai đi học, mà cả con gái đọc quốc-ngữ, viết quốc-ngữ tưởng không kém gì con gái ở dưới ta. Có nhiều đứa trẻ thật là thông-minh, nhanh-nhẹ, mặt mũi khôi-ngô, khiến cho ai trông thấy cũng phải đem lòng yêu chuộng.

Nhưng độc-giả còn nhớ chúng tôi đã nói ở trên, chỉ có Lang mới được học mà thôi. Cái trò đâu cũng thế, dân không biết gì, thì quan mới dễ sai khiến. Dân Mường có không biết chữ *Nhất* là một, chữ *A* tròn hay méo, Lang Mường mới giữ nổi quyền-thế. Vì nông-nỗi ấy, có lắm trường mở ra, bàn ghế bóng lộn, phấn trắng, bảng đen, mà ông thầy đợi mãi cũng chỉ có độ một và tên học-trò là con nhà chủ trọ, nhà láng-giềng hay chính con cháu ông thầy gì đấy. Lang không cần học, Lang cho ngu dốt, Lang vẫn là Lang; dân dù có chữ giỏi-giang hơn người, dân vẫn là dân. Ở đất Mường không bảo ai ai cứ thi đỗ là cũng làm nên quan thấp quan cao !

Hiện nay, nhờ oai các quan trên thúc giục và có khi bắt buộc, Lang phải cho con ra trường học. Nhưng cái tính công-tử đã quen, xưa kia lớn tuổi còn kè-kè ấp vú mẹ, bây giờ phải xa cửa, xa nhà, các cậu tưởng chừng như lấy chuyện đi học làm khổ lắm. Chẳng những dân phải góp gạo đóng tiền để chu-cấp cho các cậu ăn học, mà dân lại còn phải cắt người đi hầu-hạ các cậu nữa. Có mấy ông giáo nói với chúng tôi rằng lúc mới lập trường, các cậu vào lớp học, có khi một cậu, hai ba đầy-tớ hầu, đứa thì cầm điếu để cậu xơi thuốc, đứa thì quạt mát cho cậu đỡ mồ-hôi. Chính mắt chúng tôi thì trông thấy có cậu mười-tám, đôi-mươi, đầy-tớ phải cắp sách bưng mực đến tận cửa trường, hình như một mình các cậu đem không nổi. Các cậu tuy lớn người mà thật yếu bóng vía. Ông giáo dạy bảo phải gượng-dẹ, nâng-niu, dỗ-dành, ngon-ngọt, chớ có mắng-mỏ, quở phạt, sợ các cậu ngây-ngất, nóng người, cha mẹ phải đi làm vía mà sinh sự lôi-thôi.

Hoặc một đôi nơi, sợ lệnh quan trên, Lang phải để dân đi học, thì lúc ở trường, Lang dân vẫn phân-biệt, ông

thầy muốn hết sức thế nào, cũng khó lòng làm cho đồng-hóa được. Tuy ngồi cùng một lớp, học cùng một bài, nhưng không phải anh em một nhà, đôi bên vẫn xa cách nhau, trên không muốn cúi xuống, dưới không dám ngóc lên. Chính-phủ Bảo-hộ đã tìm hết cách để mở-mang sự học ở đất Mường, lấy học-bổng mà cứu giúp những kẻ nghèo có ý muốn học. Nhưng tưởng có phải lâu ngày lắm, cái hạng dân đen kia mới được nhuần gội những ơn móc ấy. Mà chỉ bao giờ dân có học, trí khôn mở-mang, thì họa bấy giờ cái chế-độ phong-kiến ở đất Mường mới dần-dần đổ được. Học-vấn quả là cái khí-giới có một không hai của những dân hèn yếu bị cường-quyền trói buộc.

VI. — Canh-nông — Công-nghệ — Thương-nghiệp

Canh nông. — Người Mường cũng như người Nam ta trồng nhiều nhất là thóc lúa (lúa nếp, lúa tẻ, và lúa lốc), rồi đến ngô, khoai và các thứ rau đậu.

Cách-thức cày-cấy không khác gì dưới ta. Cái lưỡi cày bằng gang không mua được của ta thì làm bằng gỗ. Trâu bò không có, thì người kéo cày lấy. Khi chúng tôi đi từ con đường châu Lạc-sơn giáp tỉnh Ninh-bình lên cho đến châu Lương-sơn, chúng tôi thường thấy lắm khu ruộng, có đến mươi mười lăm cái guồng nước làm bằng tre nứa, toán-kính nhiều cái đến năm sáu thước tây, cứ tự nhiên quay như một bánh xe, múc nước ở dưới suối lên mà đổ vào ruộng. Nhờ cái cách lấy nước giản-tiện và tài-tình ấy, mà ruộng-nương được đủ nước luôn, ngọn lúa không biết cái thiên - tai hạn - hán khô-héo bao giờ. — Thóc lúa gặt về nhà, họ không đập, quạt, phơi-phóng ngay một lúc như ta. Họ cứ để nguyên bông gác lên trên rướng gần bếp, cần dùng đến bao nhiêu, thì lúc bấy giờ mới đem ra bỏ vào một nửa khúc gỗ nạo ở giữa, lấy chân mà vò, xong để vào cối gỗ mà xay mà giã. Chung quanh các nhà, trong vườn, trong trại, người Mường cũng trồng cam, trồng chanh, trồng bòng, trồng bưởi, cau, mít, quít, chuối, đu-đủ, . . . nhưng không mấy khi được tốt tươi cho lắm, vì — như chúng tôi đã nói — họ không chịu chăm nom, vun xới, bón tưới mấy khi.

Người Mường sống về ruộng-nương đồng-áng, nhưng người Mường làm giàu chỉ trông mong về đồi núi, rừng-rú. Trên đồi núi, chỗ nào có cỏ non, thì người ta chăn nuôi trâu bò. Lắm nhà Lang nuôi từng ba bốn trăm trâu bò. Những con trâu đầu đàn thường đeo ở cổ một cái mõ làm bằng ống tre, trong có mấy con khẳng, khi lúc-lắc cái đầu hay có gió thổi, tiếng kêu nghe cũng êm - đềm. Chỗ nào là cỏ tranh, thì người ta đốt để làm nương trồng ngô, trồng bông, không phải bón tưới khó nhọc gì, vì cái tàn tro ấy tức là đồ bón tốt lắm rồi. Chúng tôi còn nhớ khi đi đường, nằm trong cái cáng, thỉnh-thoảng nghe đàng xa có tiếng nổ lép-bép như pháo ran. Ngoảnh xem, thấy khói bốc lên một đám, thì ra họ đốt cỏ tranh, chẳng những để làm nương, mà lại còn để cho đường đi quang - đãng, không sợ hùm beo nó nấp rình mà bắt lén.

Trong rừng, thì có các thứ vật-sản quí : như sơn, hồi, nấm hương, mộc-nhĩ, cánh-kiến, sa - nhân, củ nâu, gừng, nghệ, nam-sâm, tre, nứa, bương, lụi, các thứ rễ để ăn trầu, bao nhiêu thứ gỗ quí như tia, gụ, mít, trắc, lim, vàng-tâm, quí nhất là quế. . . Các thứ quả như sim dứa, dâu-da, hồng-bì, . . vừa to, vừa sai, thì ở trên rừng ngay lối đi có nhiều. Các giống cầm - thú, thì có chim-chóc, hươu nai, hoẵng, gấu, lợn-lòi, hổ, báo. . . . Người Mường săn bắn rất giỏi, các Triều ta xưa nay vẫn mộ người Mường làm lính *thiện-xạ*.

Công nghệ. — Công-nghệ Mường thực không có gì. Duy có một đôi nơi, làm được thứ súng gọi là súng bông mai, súng kép. Đồ bày trong nhà tinh bằng nứa hay bằng gỗ. Đồ bằng kim-thuộc dễ chỉ có mỗi con dao của người Nam ta làm và bán ở các chợ. Họ mua về làm cái đồ khí-giới thủ-thân khi vào rừng-rú và cái đồ dùng có một không hai, để làm mọi việc trong nhà. Họ không biết cái cưa, cái bào, cái đục, cái chàng là gì, chỉ một con dao ấy mà họ chẻ nứa, đẵn tre, đóng giường, đóng ghế, làm cột, làm kèo, làm cửa, làm ngõ bằng gỗ cũng được hết. Họ cũng không biết nung gạch, nung vôi, cả đất Hòa-bình chúng tôi qua, để chỉ gặp được năm bảy cái nhà gạch mà thuê thợ tự dưới Trung-châu lên làm.

Thiên-hạ vẫn khen người đàn-bà Nam ta làm ăn chăm-chỉ, nếu so-bì ra, thì người đàn bà Mường chịu khó làm việc cũng không kém gì. Họ khéo thêu-dệt những thứ vải đủ các sắc. Họ nuôi con, nấu bếp, giặt-giũ, quét-tước, săn-sóc hết mọi việc trong nhà, rõ ra một người nội-tướng, tận-tâm kiệt-lực với chức vụ của mình. Họ thực là khỏe-mạnh, vạm-vỡ, gánh hai cái ống bương dài, xuống suối lấy nước, giắt con dao sắc vào lưng lên rừng kiếm củi; họ ngâm chân dưới ruộng, cày cấy hết mùa này sang mùa khác, quẩy một gánh lá, vượt núi, qua rừng ba bốn ngày đường, mới kiếm được năm bảy hào, đem về dâng đức ông chồng, để người đang nằm dài ở nhà ngắm vuốt râu mày, ung-dung thư-thả, có ngờ đâu cái nỗi cay đắng vất-vả của bọn quần vận yếm mang.

Có con gây dựng cho con,
Có chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng!

Câu đó tưởng đã như một câu tất cả bao nhiêu người đàn-bà ở đất Việt-Nam này đều hiểu rõ mà thực-hành rất quí-hóa vậy.

Buôn-bán. — Canh-nông, công-nghệ không phát-đạt, nên thương-nghiệp cũng không có gì gọi là thịnh-vượng. Nhiều nhà buôn nói người Mường mua cái gì thường hay mua chịu, tiền tuy giắt lưng, cũng không muốn trả, có chịu được mới thích. Bán cái gì, thì lắm khi bị mắc lừa những người quỉ-quái. « *Xá mất mảng* », người Xá bán mảng trước, bán lợn sau, thì người Mường cũng có lúc bán đòn gánh trước rồi mới bán hàng sau... Chúng tôi không chắc rõ có thực như thế không. Chúng tôi có biết khi qua đất Hòa-bình, chúng tôi gặp mấy buổi chợ, thì họ buôn-bán nhao-nhao một lúc, cũng như một buổi chợ quê nào dưới ta vậy. Cứ ngày phiên đến, họ tấp-nập kéo lại, kể đi một ngày đường, người đi hai ba ngày cũng có. Người này chân-trọng vác một cái lồng trong có độ mươi con gà hay mươi con vịt con. Người kia lễ-mễ gánh một gánh nặng vỏ ăn trầu hay mấy bó sâm nam, tưởng như là quí-giá lắm. Bác này lủng-lẳng vác một đôi sừng bò; bác kia nhẹ bước chỉ có mỗi một rổ trứng gà hay trứng vịt. Hai người cật-lực khiêng cái cũi trong có một con lợn béo tốt. Một người ung-dung giắt một con chó không to gì hơn con mèo... Ấy thế là hàng-hóa đem ra chợ bán, có khi chưa đi đến chợ, đã có những người Nam đón đường mua đi bán lại thực là khôn-khéo. Hàng bán được tiền, họ sắm dao sắn rựa, mua sợi, mua vải, mua rượu, mua thuốc lào và cần nhất là mua muối, muối mắm ở đồng rừng thực là một món hàng bán rất chạy tay vậy.

Kết-luận

Ấy đại-đề chúng tôi biết người Mường được đến ngần ấy thôi. Tựu-trung còn nhiều điều tinh-vi, ẩn-lậu, khách qua-vãng một ít ngày không sao thấu rõ được. Xin để sau này ai nghiên-cứu về người Mường hay được người

Mường chất-chính và bổ-tập thêm cho, thì bài này mới không sợ có chỗ hỗ-đồ hay khiếm khuyết.

Nhưng trước khi đóng bài, chúng tôi cũng gọi có một đôi câu để tỏ ý-kiến và cảm-tình riêng của chúng tôi đối với người Mường.

Hoặc có kẻ sợ người Mường ở những nơi khí-hậu độc, mà mỗi ngày một hao-hụt đi chăng. Sợ như thế khí quá và có phần lầm. Chẳng khác nào như người ăn bánh mì hỏi người ăn cơm : « *Bác chỉ ăn cơm mà sống được à* ? » Khí-hậu, xét ra không chắc thế nào là thực độc : cái phần độc thường chỉ độc với khách lạ mà không độc với người quen. Người Nam lên đất Mường ít lâu ngã nước, gầy-còm, bủng-beo, hay cái bụng bàng to bằng cái thúng, thì người Mường hoặc về dưới Trung-châu cũng choáng-váng, ngây-ngất, lấy làm khó chịu, tưởng như ở lâu ngày rồi tất sinh ốm-đau bệnh-tật. Người Mường ở đất Mường chưa hiểu phép vệ-sinh, ít khi dùng ki-nin mà nào có mấy khi kêu sốt rét. Người Mường ở đất Mường chẳng có những cụ già thọ đến tám chín mươi mà vẫn còn tráng-kiện là gì ? Cây thóc mọc ở Hòa-bình ra hột gạo, cây thóc mọc ở Thái-bình cũng ra hột gạo, thì có người sống được ở Thái-bình, tất cũng có người sống được ở Hòa-bình.

Hoặc có kẻ cho người Mường rồi ra cũng như người Hời, theo cái lệ thiên-diễn, cái phép đào-thải, nhất là ở cái đời cạnh-tranh kịch-liệt, cường thắng nhược bại, cường thực nhược-nhục này, tất phải còm cõi, mà tiêu-diệt đi chăng. Cái trò dời, mình đã già yếu mà lại ít-oi, tất bị kẻ khỏe và nhiều hơn nó lấn-át dần dần và có ngày nuốt hẳn đi mất. Câu ức-thuyết ấy không lấy gì làm hạn. Chưa rõ sau này, khi sự giao-thông mở-mang mãi ra, người Nam bồng bế nhau lên ở đất Mường nhiều người Mường đi lại và tập tục của người Nam lắm, đôi bên chen vai tranh cạnh với nhau luôn, thì sự hỗn-hợp đồng-hóa rồi xoay ra làm sao. Nhưng ngày ấy dù có cũng còn lâu. Cứ như chúng tôi hỏi ra, thì người Mường hiện sinh đẻ không tăng-bội lên, nhưng cũng không kém sút đi chút nào. Theo các sách địa-dư, thì số người Mường bây giờ có ước độ mười lăm hai mươi vạn người, một nửa ở Bắc-kỳ, một nửa ở Trung-kỳ, nhưng liền hẳn một khu như chúng tôi đã nói ở đầu bài.

Hoặc có kẻ vào đất Mường ở đã lâu, khi ai hỏi đến người Mường thế nào, thì họ kêu người Mường là ngu dốt, là lười biếng, là tham-lam, là quỉ-quyệt và còn nhiều nết xấu nữa, tưởng chừng như có mối ác-cảm gì với người Mường vậy. Chúng tôi còn nhớ khi qua Chợ-Bờ, có hỏi cả ý-kiến một qui-quan, thì qui-quan đáp rằng: « Muốn rõ người Mường, ta cứ xem ngay mấy chữ ở cái bia đá ngoài chân núi gần đây (1) », khi chúng tôi xem cả

(1) Cái bài bia ấy có mấy câu khai-mào và mấy câu thơ như sau này :

予征吉罕日。遇此作詩一章。以示後世取戎之道。忙德蕃蠻《人面獸心》如有梗化。隨即勦絕。勿憚其險山瘴癘。當以天下生靈爲念。而其出征方路。則洮陀二鎮水路進兵爲優云。

崎嶇險路不辭難。　老我猶存鐵石肝。
義氣揮空千嶂霧。　壯心夷盡萬重山。
邊防好爲籌方略。　社稷應須計久安。
盧道危程三百曲。　如今只作順流看。

順天 6 年壬子三月上澣日題

Bài này không rõ của cụ nào làm. Cứ theo niên-hiệu Thuận-thiên năm *Nhâm-tí* thứ 5 thì vào năm 1452 vua Lê Thái-tổ. Mang-đức không biết rõ là đâu, ở tỉnh Hòa-bình, hiện nay chỉ có một tổng gọi là Mẫu-đức.

cái bia, thì không rõ mấy chữ ấy là chữ gì, hay bốn chữ « *nhân-diện thú-tâm* » chăng ?

Dù thế nào, muốn xét đoán cho công-bằng, chúng tôi thiết-tưởng không nên vội lấy một và việc nhỏ-mọn riêng mà đổ chung cho cả nòi giống người ta. Lười biếng, điên-đảo, dối-dá, ăn cắp .. văn-minh đến đâu mà chẳng có, cứ gì ở một đất Mường. Nói xấu người không được lợi gì mà lại mang tội là ác khẩu. Chỉ cho bằng tìm đến cái hay của người và mong cho người được hay là hơn. Dân Mường thực là một dân có kỷ-luật, nghĩa là dễ bảo nhau, để đưa nhau vào khuôn phép. Trên đã có mệnh-lệnh gì truyền xuống, là dưới tấp-nập theo không ai dám cưỡng lại. — Dân Mường thực là một dân biết quây-quần đùm-bọc lấy nhau. Khi ma chay, lúc làm nhà hay xẩy ra việc hoạn-nạn gì, họ giúp đỡ nhau mỗi người một tay, việc của người cũng coi như của mình. — Dân Mường lại có cái tính tự-ái, tự-lập, tuy rằng sống chết với Lang, mà người ngoài hỏ dễ đã ai phục được họ. Tỉnh-Iy Hòa-bình thất-thủ mấy lần, lúc ở Chợ-Bờ, lúc ở Phương-lâm, bây giờ lại ở bờ sông bên này đối với Phương-lâm.... Biết tự-trọng mình, biết giữ kỷ-cương và nhất là biết đoàn-kết với nhau, nhiều người như một người, một dân như một nhà, ấy là cái cơ làm cho người ta bảo-tồn được chủng-tộc và lo toan được những việc chung rất có ích-lợi.

Nhưng một dân muốn cho thịnh-đạt, tất còn phải biết nỗ-lực tự-trợ, phấn-chấn lên mới được. Không tiến tức là thoái. Không chịu cố sức chăm-chỉ tức là chểnh-mảng lười-biếng vậy. Người Nam có phần không được chăm làm bằng người Tàu, nên bao nhiêu mối lợi chuyên về nước Tàu. Người Thổ có phần không được chăm làm bằng người Nùng, nên bao nhiêu hoa-mầu lọt sang tay người Nùng. Nếu người Mường cũng không chịu lao-động, cần-cù, thì rồi không biết các mối lợi-lộc sẽ thuộc về tay ai ? Ở cái đời giao-thông phát-đạt, cái đời tàu bay vô-tuyến-điện, bốn bề thu lại như một nhà, không ai bảo cứ chắc giữ bền mãi được khu-vực của mình, cái khu-vực ấy dù cho hiểm-yếu thế nào, cũng có người dòm-dỏ và len-lỏc vào được.

Nhưng một dân muốn cho phú-cường, tất cái trình-độ của cả bàn dân phải nâng cao lên cho thích-hợp. Hiện nay dân Mường rút lại chỉ ở mấy ông Lang, còn ngoại-giả như đống bùn đen hết thảy. Ôi ! có nhiều người được suy nghĩ tự-do, nói-năng tự-do, học-hành tự-do, canh-cải tự-do, thì mới có chốn nẩy nở ra những người tài giỏi làm vẻ-vang cho nòi giống. Cái nghĩa bằng-đẳng đồng-bào rất là quí, tưởng các ông Lang cũng nên sớm liệu mà nới tay ra cho đàn em được nhờ. Dù thế nào họ cũng là người, cũng có thân-thể linh-hồn như mình, mình vùi rập họ, tức là mình vùi rập chính mình ; người ngoài khinh họ, tức là khinh mình vậy.

Lại một dân muốn cho tiến-bộ, tất phải biết noi theo thời-thế, cùng với các dân-tộc văn-minh khác hòa thanh vào mà bước lên con đường cải-lương. « *Cơm đồ, nhà gác, nước vác, lợn thui, ngày lui tháng tới* » ; cái gì là cổ-tục mà hay ta nên giữ, thì cái gì xét ra quá ư lẩn-thẩn, quá ư mê-hoặc, ta nên truốt bỏ đi dần dần. Ta phải biết để mắt trông quá ra ngoài khu rừng, quả núi, giao-thiệp nhiều với các dân-tộc khác, để cố học lấy điều hay của người mà bắt chước . . .

Còn người Nam ta đối với người Mường như chúng tôi đã nói qua ở đầu bài, ta chẳng những không nên khinh rẻ họ, ta còn phải có bụng âu yếm họ thân-mật với họ là người ở cùng một nhà với ta, và biết đâu lại không cùng chung

một nguồn gốc, một ông tổ với ta vậy. Đã cùng với nhau dưới trời Nam, thì bất-cứ là người giống gì, Thổ hay Mèo, Xá hay Mường, ta cũng phải năng giao-thiệp cho quen biết nhau, tụ-hội đoàn-kết với nhau, thương yêu nhau như người một nhà, một họ, mới phải cái lẽ làm người.

Bầu ơi, thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một dàn.

NGUYỄN VĂN-NGỌC

CUỘC THƯỞNG KINH-NGHĨA NÔM

Lời kỷ-sự

Năm ất-sửu tháng tư nhuận mới đây, trong Tùng-vân-tiểu-trai có một cuộc hội-hữu, chẳng hẹn mà nên. Năm bảy anh em bạn cũ trong làng văn, ngồi nhàn-đàm với nhau, nói đông, nói tây, nói mây, nói sao : ôi ! cũng lâu nay mới có cuộc ấy vậy.

Trong khi nói chuyện, có một người nói lên rằng : « Anh em ta mấy khi họp mặt, bây giờ muốn nghe một câu chuyện mới, cho vui tai. » Bỉ-nhân mới đem một vài câu chuyện thế-giới, trong thế-kỷ thứ hai-mươi mới bắt đầu này, thuộc về thiên-biến lưu-hành, dân-tộc cạnh-tranh, và mấy việc vặt trong nước gần đây, thuộc về trình-độ xã-hội tiến-hóa, nói cho bạn nghe. Người bạn gạt đi mà nói rằng :

— Những câu chuyện ông nói, đều là những câu chuyện cũ, tôi đã được nghe chán cả rồi. Bây giờ tôi chỉ muốn nghe một câu chuyện nói về văn-chương bát-cổ (tức lối kinh-nghĩa) cho mới-mẻ nực cười ; nào phép-tắc Minh-văn (1), lề-lối Nguyên-mặc (2) đâu giở ra, ta thưởng-thức chơi. Phàm trong cuộc đời, cái gì đời không nghe đến, mà ta nghe, mới là tân-văn ; đời không thưởng-thức đến, mà ta thưởng-thức, mới là tân-thưởng-thức. Miễn là cái thưởng-thức đó, không phải là cái thưởng-thức câu-nệ đảo-điên, cái thưởng-thức vô-ý-thức, đối với cuộc đời vẫn có thú-vị, có hoạt-động thì thôi. Nay tôi hãng xin kể ra cái thời-đại bát-cổ cũng là cái tính-chất bát-cổ để anh em nghe.

Kể về thời-đại thì tự giữa thế-kỷ thứ mười-chín trở về trước, nước Tàu là trung-tâm-điểm của dân-tộc Á-Đông Văn-minh là văn-minh thuần-tĩnh, xã-hội là xã-hội trật-tự, phong-tục là phong-tục êm-đềm, đời là đời ít việc Tuy Trung-quốc nội-bộ, cũng có nhiều phen rối-loạn, nhưng chẳng qua là cuộc chính-trị xung-đột, chứ không phải là cuộc dân-tộc cạnh-tranh ; hồi nào có kẻ hào-kiệt thần-thánh xuất-hiện, thì thiên-hạ lại thái-bình thống-nhất ngay. Đời thái-bình thống-nhất là đời vô-sự, đã vô-sự

(1-2) Minh-văn = *Minh-văn, Nguyên-mặc*, đều là sách chép về lề-lối kinh-nghĩa.

thì thanh-tĩnh vô-vi; cái khí hào-hùng linh-tú của kẻ anh-tài không có chỗ phát-tiết. Những người học-lực uyên-thâm, tài-năng siêu-việt, thường có sức thừa, cũng như nhà giàu thừa tiền thừa thóc, chẳng bành-trướng ra vẻ nọ thì bành-trướng ra vẻ kia. Cho nên sĩ-phu nhà Hán thì trước-thuật nhiều lắm, sĩ-phu nhà Đường thì thơ-phú hay lắm, sĩ-phu nhà Tống thì từ-lục khéo lắm, sĩ-phu nhà Minh nhà Thanh thì bát-cổ thịnh lắm. Những nghề ấy đều là cái nghề thích-chí của con nhà văn-học, và là cái nghề phát-tiết được anh-khí của kẻ sĩ-phu. Mà các vị đế-vương ở đời bấy giờ cũng có ý chiều đời, lợi-dụng những nghề ấy, để tô-điểm cho cuộc đời. Thành ra cái nghề văn-chương đối với cuộc đời, có thế-lực to quá; cơ-hồ áp-đảo cả mọi nghề, mà làm một cái nghề độc-tôn. Nước Tàu đã như vậy, thì các nước ở chung quanh nước Tàu há không bị ảnh-hưởng được sao ?

Hằng nói ngay như nước Nam ta, nước ta tiếp-cận với nước Tàu, một sự giao-tiếp với nước Tàu, tức là một sự quan-hệ về tính-mệnh của trong nước. Mà phi con nhà đại-văn-chương như cụ Mạc Đĩnh-Chi, Nguyễn Trực, Phùng Khắc-Khoan, Lê Quí-Đôn, Lý Văn-Phức, không đủ giao-thiệp với người Tàu. Nếu không đủ cái tư-cách giao-thiệp với người Tàu, thì quốc-thể tất bị nhục-nhẫn, mà quốc-thế tất có cơ nguy-hiểm. Cho nên người Tàu trọng thơ phú, thì người Nam cũng phải trọng thơ phú; người Tàu trọng bát-cổ thì người Nam cũng phải trọng bát-cổ; bát-cổ ngày nọ thật là một cái lợi-khí giao-thiệp với người Tàu. Cũng như thế-giới ngày nay trọng tàu bay, thì nước nào cũng phải chế tàu bay; tàu bay ngày nay thật là một cái lợi-khí cạnh-tranh với thế-giới. Dù bát-cổ, dù tàu bay, thế nào mặc lòng, cũng đều là cái vật theo thời-thế mà xuất-hiện đấy thôi.

Nước Tàu về hồi Quang-tự mới rồi, trong phái duy-tân có nhiều người công-kích bát-cổ, vì bát-cổ không thích-dụng với đời nữa, thậm-chí đem bát-cổ ví với nha-phiến; nước Nam ta nhân cũng có bị ảnh-hưởng được phần nhiều. Duy đó là cái lời cấp về chủ-nghĩa cứu-quốc, nhiệt về mục-đích duy-tân; ở về thời-đại Quang-tự nước Tàu, cũng như ở về thời-đại Thành-thái nước ta, nói thế là rất phải. Nhưng đến thời-đại ngày này, đã là cái thời-đại quá-vãng rồi, thì lại nên suy-xét lấy cái nguyên-nhân mới phải. Nếu chỉ khăng-khăng theo hơi theo miệng người, mà bảo cha ông ta khi xưa là lầm, thì thiết-tưởng cũng là hạng người vô-thức. Hiện nay là cái thời-đại tàu bay, chứ bát-cổ đã là cái thời-kỳ xếp xó rồi, không kể chi nữa. Nhưng mà nếu độ mấy trăm năm nữa, trong thế-giới hoặc lại có phát-minh ra được cái khoa-học gì mới lạ hơn, mà tàu bay lại đến thời-kỳ xếp xó, thì biết đâu lại không có kẻ đem tàu bay mà ví với nha-phiến đấy ư! Duy những người thức-giả sau kia, lại nên suy-xét về cái thời-đại tàu bay mới phải. Nếu lại chỉ khăng-khăng bảo người đời nay là lầm, thì thiết-tưởng cũng là hạng người vô-thức.

Kể về tính-chất bát-cổ thì thật là một khoa cổ-học chuyên-môn, khảo-cứu dẫn-giải, thật là tinh-vi. Chế ra văn-chương, thì có tám vế, giống như cái hình người, câu phá-đề (1) tức là cái đầu, câu thừa-đề (2) tức là cái trán, đoạn khởi-giảng (3) tức là cái mặt, câu lĩnh-

(1) Phá-đề = Phô nghĩa đầu bài mà nói cho vỡ-vạc.

(2) Thừa-đề = Thừa-tiếp câu phá mà nói.

(3) Khởi-giảng = Đề-khởi cái đại-ý đầu bài lên mà giảng.

mạch (1) tức là cái cổ, đoạn khai-giảng (2) tức là hai cái tay, đoạn trung-cổ (3) tức là cái bụng, đoạn hậu-cổ (4) tức là hai trái đùi, đoạn kết-cổ (5) tức là hai bàn chân, câu thúc-đề (6) tức là cái gót. Lại có kiết tầng-giảng (7), phân-giảng (8), hay hoặc tiểu-ty (9) nữa, thì lại là một thứ hình người lạ. Cách quà-thượng-văn (10), cách hấp-hạ-ý (11), cách chiếu thư-chỉ (12), tức là cái mạch máu lưu-thông ở trong bộ phận người. Khi làm văn, thì cũng chỉ là thay lời tiền-triết mà phô giải ra bài văn cho khéo mà thôi, chứ cũng ít có cái gì là thực-dụng; bảo rằng là một nghề chơi, hay là một nghề thợ làm văn cũng là phải. Đời nhà Minh thì còn khéo vừa, đời nhà Thanh thì lại càng khéo lắm, ly-kỳ quang-quái, đủ khiến cho người xem mà thích mắt, nghe mà sướng tai, thưởng-thức mà có thú-vị, tức là nói kinh-nghĩa Nguyên-mặc năm nọ. Bát-cổ tuy vậy là nghề thợ văn, song những tay phi-tướng trong đội bát-cổ, khi cầm bút viết ra câu văn, cũng khác với kẻ tầm-thường, thường mượn cái đầu bài ấy mà ngụ vào được cái chí-khí lỗi-lạc của mình, hay hoặc thác ra được cái lời-lẽ cảnh-cáo cho đời; lại thường căn-cứ về nghĩa-lý của thánh-hiền, phù-thực lấy luân-lý cho xã-hội. Những bài văn đặc-sắc ở đời bấy giờ truyền-tụng trong dân-gian, cũng như những bài xã-thuyết ở tân-văn tạp-chí ngày nay truyền-bá ra xã-hội; đối với cuộc đời không phải là không có ảnh-hưởng. Tự đầu nhà Minh cho đến cuối nhà Thanh, cái vật ấy mà đã sống lâu ở trên cuộc đời được đến ngót bảy trăm năm, tưởng cũng không phải là không có cớ. Trước kia không kể, hẳng xem như cuộc nhà Thanh khoảng năm sáu mươi năm gần đây, những người sự-nghiệp lớn-lao, như họ Tăng, họ Hồ, họ Lý, họ Tả, nhan-nhản những con nhà bát-cổ. Đến khi cuộc đời biến-đổi, phải sáng-tạo ra cuộc duy-tân, cũng con nhà bát-cổ bắt đầu hô-hào khởi-xướng lên trước, làm kẻ dẫn đường trỏ nẻo cho quốc-dân, như bọn họ Khang họ Lương vừa rồi. Con nhà bát-cổ đối với cuộc đời cũng thấy hoạt-động, há phải u-mê. Nước Tàu như vậy, thì nước Nam ta khoảng hai-mươi năm về trước, tưởng cũng không khác gì. Sẽ biết con nhà bát-cổ trong nghề học, vẫn có nghề chơi, để đối với mùi đời; trong nghề chơi, vẫn có nghề học, để ứng với cuộc đời.

Người ta ai cũng bảo rằng ngày nay bát-cổ đã về hưu, đối với cuộc đời không ảnh-hưởng gì nữa. Mà chính con nhà bát-cổ cũng có nhiều người tự-nhận như thế. Nhưng tôi bảo rằng không phải, con nhà bát-cổ đối với cuộc đời còn trách-nhiệm nhiều lắm; ngày nay không phải là cái thời-kỳ bát-cổ về hưu đâu, là cái thời-kỳ bát-cổ hóa-thân đấy. Cũng như cái hoa rụng cánh đi thì hóa ra có quả; con tằm ở trong kén chui ra thì hóa ra con ngài người sư đã từng thuộc được ba mươi

---

(1) Linh-mạch = Tóm lĩnh lấy mạch-lạc. — (2) Khai-giảng = Chia mở mà giảng xuống nghĩa bài. — (3) Trung-cổ = Thích thực về chính-diện đầu bài. — (4) Hậu-cổ = Nghị-luận về dư-ý đầu bài. — (5) Kết-cổ = Kết-hợp nghĩa bài. (6) Thúc-đề = Thu-thúc nghĩa bài. — (7) Tầng-giảng = Thuận nghĩa đầu bài thứ-độ mà giảng. — (8) Phân-giảng = Chia ra hai vế mà giảng. — (9) Tiểu-ty = Những đoạn ngắn-ngắn gọn-gàn liên-tiếp đối nhau. — (10) Quà-thượng-văn = Với câu trên xuống mà nói qua. — (11) Hấp-hạ-ý = Thấu ý dưới lên mà nói ánh. — (12) Chiếu-thư-chỉ = Chiếu-ứng cái nghĩa cốt-yếu trong sách.

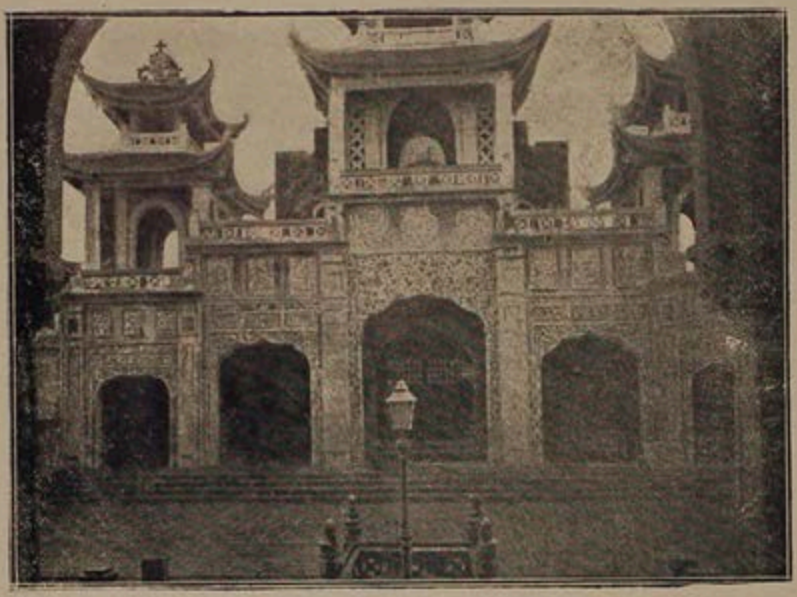

Nhà thờ Phát-diệm

(của Cụ Sáu làm)

Đền vua Đinh ở Hoa-lư

(trước cửa đền, trông ra Mã-yên-sơn có lăng vua)

Kinh ảnh T. C. K.

Đền vua Đinh ở Hoa-lư

(trước cửa đền)

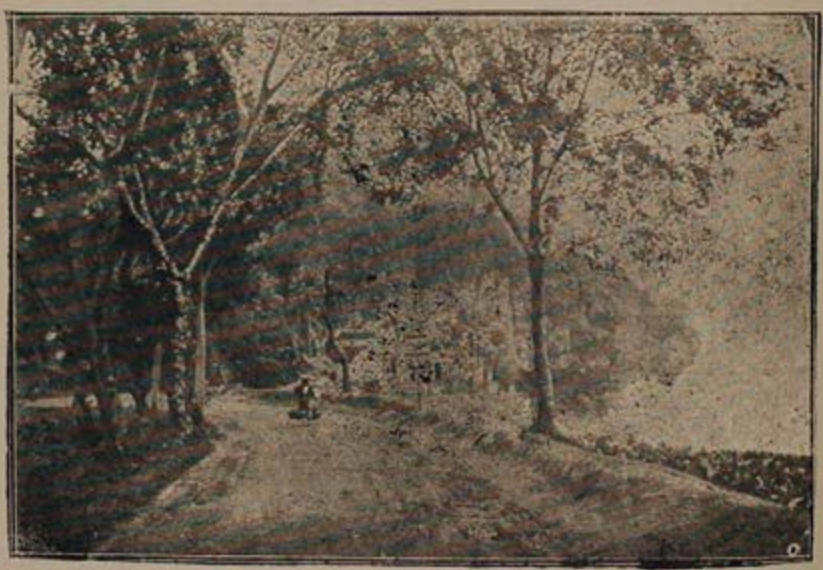

Núi Non-nước

(tức là Duc-thủy-sơn ở Ninh-bình)

Kinh ảnh T. C. K.

sáu bộ kinh đến cái thời-kỳ ngộ-không (1), thì hóa ra vị bồ-tát. Chẳng xem bát-cổ nước Tàu ngày nay hóa-thân ra dân-quốc, mà bát-cổ nước ta ngày nay hóa-thân ra quốc-văn đấy ư? Tuy vậy con nhà bát-cổ ngày nay cũng có hai phe. Một phe là nhận lấy trách-nhiệm mà hóa-thân, để chuộc lại cái giá-trị thánh-hiền về. Một phe là phóng-khí trách-nhiệm mà tịch-mịch, làm hoại mất cái nền-nếp văn-chương đi. Con nhà bát-cổ cũng nên xét mình mới phải, đối với cuộc đời không nên lặng-lẽ, không nên dút-dát, mà cũng không nên phù-bạc kiêu-căng.

Xem ra con nhà bát-cổ ở ngày nay, hà không có cái địa-vị, mà ngành lại con nhà bát-cổ ở ngày xưa, há không có cái nhân-duyên. Kiếp bát-cổ ngày nay, tuy là kiếp hóa-thân, nhưng con nhà bát-cổ cũng không nên ăn cái cháo lú, mà vội quên cả kiếp trước. Nếu đứng về địa-vị mới, mà đã vội quên cả nhân-duyên cũ, thì cũng không khỏi là giống bạc-tình. Vua Hán Vũ-đế khi xưa làm bạn với nàng Lý phu-nhân, nàng là một bậc khuynh-quốc khuynh-thành. Đến khi nàng đã lìa cõi trần, vua vẫn còn tưởng-tượng đến cốt cách dung-nhan, chỉ muốn trông thấy nàng một lần nữa. Mới nhờ một người đạo-sĩ làm ra phép-thuật cầu nàng lên, vua lại được trông thấy nàng hiển-hiện ra ở dưới bóng hoa bóng đèn, chẳng khác gì thủa bình-sinh. Vua từ đấy mới thỏa-chí, không còn ân-hận gì nữa. Anh em ta đối với vị thần bát-cổ, âu cũng là thanh-khí xưa nay, mới cùng nhau lúc ban ngày mà đã quên ư? Nay anh em ta cùng nhau họp mặt, mà nghe chừng trong anh em cũng là mặt đạo-sĩ cao tay cả đây, há lại chẳng cầu nổi được vị thần bát-cổ hay sao? Bác Tùng-vân, nào phù nào phép năm nọ đâu, bác giở ra, bác thảo mấy bài văn-chương bát-cổ chơi, để cho anh em vui lấy một cuộc tân-thưởng-thức. Cấp-cấp như luật-lịnh(2).»

Người bạn nói đến đấy, bỉ-nhân mới thưa rằng: « Cao tay thì tôi chả dám. Nhưng hai-mươi năm về trước, đối với việc ấy cũng đã kể là hơi quen tay. Hiện nay cũng chửa ăn phải cháo lú, mà giấy thì cũng còn thừa, nếu lại được đem kiểu voi cũ ra mà vẽ, thì lại càng thú lắm. Xin bác cứ ra đầu bài cho; trong ngũ-kinh tứ-truyện, bác muốn ra đâu thì ra. Nhưng bác đừng ngoắt-ngoéo đến thiên *Bân-canh* ở kinh *Thư*, tỉ-mỉ đến thơ *Tiểu-nhung* ở kinh *Thi*, nhé! »

Người bạn nói: « Ngày nay, đời bát-cổ đã là đời hóa-thân, thì Hán-văn ta cũng nên hóa-thân ra quốc-văn, đầu bài ngũ-kinh tứ-thư ta cũng nên hóa-thân ra đầu bài ca-dao ngạn-ngữ, mà cuộc thưởng-thức kinh-nghĩa Tàu, ta cũng nên thay đổi ra cuộc thưởng-thức kinh-nghĩa nôm mới thú. Kinh-nghĩa nôm thì về đời nhà Lê đã có phát-hiện, tức như bài kinh-nghĩa: *Me khuyên con gái về nhà chồng*, của cụ Lê Quí-Đôn. Bài văn ấy là vị thủy-tổ về tản-văn của quốc-văn ta. Bài văn ấy chẳng khác gì một cái giá ngọc để cái xếp những lời tục-ngữ phương-ngôn, lại chẳng khác gì một lá

---

(1) Ngộ-không = hiểu về cái chân-lý bất-tồn bất-diệt trong Phật-học

(2) Cấp-cấp như luật-lịnh = mau mau theo như luật-lịnh; cái lời thầy phù-thủy sai khiến con đồng

kinh bảo-huấn để dạy dân-bá. Kinh-nghĩa nôm không phải là không ảnh-hưởng cho xã-hội, không tô-điểm được cuộc đời. Chỉ tiếc thay nước ta về hồi bát-cổ đương thịnh-hành, sĩ-phu không biết lợi-dụng văn-chương ấy. Nếu biết lợi-dụng ra, thì những câu ca-dao ngạn-ngữ nước ta nên được giá-trị kinh-điển đã lâu rồi, mà văn tản trong quốc-văn cũng hay đã lâu rồi, không đợi đến ngày nay phải sưu-tập từng li, gây-luyện từng tí nữa. Song ăn-năn thì sự đã rồi, nay ta hãng nói về chuyện kinh-nghĩa nôm. Lối kinh-nghĩa nôm tuy rằng có thú-vị đấy thật, nhưng đối với quốc-văn ngày nay, cũng không phải là lối thích-dụng. Vì lối ấy là lối văn-chương qui-thức, không phải là lối văn-chương hoạt-động. Cuộc thưởng kinh-nghĩa nôm, chẳng qua là cuộc vui chơi đấy mà thôi, chứ cũng không phải là có ý muốn khôi-phục gì cái chế-độ văn-chương bát-cổ. Duy xưa kia, cái thế-lực bát-cổ không phải là không lớn, cái ảnh hưởng bát-cổ không phải là không xa, con nhà bát-cổ không phải là không nhiều, há chợt đến ngày nay mà cái tăm-hơi bát-cổ lại mất hút ư? Cái tính-chất bát-cổ hay, hay là dở, cái thời-đại bát-cổ thịnh, hay là suy thế nào, không phải là không nên khảo-cứu, không nên phán-đoán, há để cho ngày sau mà lại không ai còn biết hình-dạng bát-cổ nữa ư? Cho nên trong rừng quốc-văn ngày nay, gọi là có một vài bài văn-chương bát-cổ nôm, rông-dài góp vào đó, tưởng cũng là phải. Vả lại, bài kinh-nghĩa nôm, cũng như bài thơ nôm, bài phú nôm đấy thôi. Chúng ta thường thưởng-thức thơ phú nôm, há lại không thưởng-thức kinh-nghĩa nôm đấy hay sao? Duy bây giờ có viết ra bài kinh-nghĩa nôm chăng nữa, thì cũng chỉ nên viết lấy bình-dị sáng-sủa, khiến cho người xem ai cũng dễ hiểu, dễ có hứng-thú là hơn. Chứ cũng không nên viết lấy kỳ-quặc tầu-bè như trước. Nếu mà biết viết ra, thì câu văn bát-cổ ở nhị-thập thế-kỷ này, há không phải là một mảnh gương nho-nhỏ, góp ở trên đài cảnh-thế đấy dư?»

Người bạn nói xong, liền ra cho năm cái đầu bài. Một là « *Chim khôn đậu nóc nhà quan.* » Hai là « *Của đánh bạc để ngoài sân.* » Ba là « *Mài mực ru con, mài son đánh giặc* .» Bốn là « *Thì xưa kén lấy con dòng* .» Năm là « *Trăng đến rằm thì tròn.* »

Bỉ-nhân mới cắt qua mọi nghĩa đầu bài, và nói qua ra mọi phép làm văn. Nhân có phàn-nàn rằng ca-dao ngạn-ngữ nước ta thật là phong-phú, mà đối với mọi nghĩa khuyên-răn trong cuộc đời lại là tinh-túy, đối với mọi bề tình-cảnh trong xã-hội lại là thân-thiết, thật là bộ kinh-truyện An-Nam; nhưng chỉ hiềm rằng bộ kinh-truyện ấy mới có chính-văn (1), chửa có đại-chú tiểu-chú (2). Tuy tay có tay kinh-nghĩa, nhưng sách chửa có sách Chu-chú (3), mà thiên-hạ những ông chủ-khảo thì lại nhiều lắm. Rõ thật: Con sông kia nước chảy đôi ba dòng, đèn khêu hai ba ngọn em trông ngọn nào!

Người bạn nói: « Sự đó cũng không hiềm gì. Những lời ca dao ngạn-ngữ xưa nay lưu-hành ở dân-gian, giản-

(1) Chính-văn = Chữ bài cái.
(2) Đại-chú tiểu-chú = lời chú nghĩa.
(3) Chu-chú = lời chú nghĩa của thầy Chu Hi.

hoặc cũng có câu nghĩa còn mờ, người thì chỉ về nghĩa này, người thì chỉ về nghĩa khác. Lại giản-hoặc trong một câu mà lại có một vài chữ khác nhau, xứ này thì đọc là chữ này, xứ khác thì đọc là chữ khác. Lại giản-hoặc có những ông đồ gàn, đem phương-ngôn tục-ngữ phụ-họa vào mọi nghĩa vụn-vặn ở tận đâu-đâu, xuyên-tạc thích ra, mà đối-chiếu với tình-cảnh xã-hội thật là xa lắc xa lơ. Nhưng chúng ta há lại không có một cái phương-pháp đó hay sao? Những nghĩa của các ông đồ gàn thì không dám bàn. Còn thì đại-phàm những nghĩa nào xã-hội dùng nhiều, những chữ nào địa-phương nói nhiều, thì cho là lời chính nghĩa chính. Còn những lời khác nghĩa khác, thì cho là lời phụ nghĩa phụ. May ra cũng không trái với mọi lẽ chính-đáng. Còn về phần phán-đoán, thì đã có công-tâm công-lý của quốc-dân. Chúng ta đối với kinh-truyện An-Nam ngày nay, tuy chưa dám làm ông Chu-tử tập-đại-thành (1), nhưng cũng phải làm ông Chu-tử nhất-gia-ngôn (2), rồi mai sau sẽ có ông Chu-tử tập-đại-thành xuất-hiện. Chứ hiềm gì chưa có Chu-chú. Nếu chưa có Chu-chú, thì không có kinh-nghĩa hay sao?»

Bỉ-nhân xét mình, bút mực cũ thì đã không khỏi là hoang-vu, mà văn-chương mới thì cũng không khỏi là quê-kệch; kinh-nghĩa cổ còn chưa ăn ai, nữa là kinh-nghĩa kim. Duy bỉ-nhân cũng không dám kể gì khéo vụng, gọi là cầm bút chắp nối thành bài, để vì bạn mua vui trong cuộc tiếu-đàm. Khi thảo xong, anh em mới đem những bài văn ấy, cất người bình lên, cũng làm ra cách phê-bình điểm-duyệt như khi xưa, anh em ai nấy đều nực cười. thậm-chí đàn bà trẻ con, cùng là anh thợ cày, chị quay tơ, cô hái dâu, ả cắt cỏ, cũng đều xúm lại vòng trong vòng ngoài mà dự cuộc bình-văn cả. Bỉ-nhân nhân nghĩ lại hai mươi năm về trước, cuộc bình-văn cũng nhiều, nhưng chưa có cuộc nào như cuộc này, sẽ biết quốc-văn là vui-vẻ vậy. Các bài văn cùng là lời giải-nghĩa, phép làm văn, xin chép ra như sau.

I

ĐẦU BÀI. — « **Chim khôn đậu nóc nhà quan.** »

Lời giải-nghĩa và phép làm văn. — Đây là lời ca-dao. Lời rằng: « *Chim khôn đậu nóc nhà quan, trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng.* » Tức là lời kinh *Thi*, mà thuộc về thể hứng. Nghĩa là con chim khôn kia còn biết đậu nóc nhà quan, nữa là trai khôn há lại chẳng biết tìm vợ, gái ngoan há lại chẳng biết tìm chồng ư? Tìm là có ý dò-la, có công kén-chọn. Lối này tức là lối tiệt-hạ. Tiệt-hạ nghĩa là chỉ lấy một câu trên mà ngắt bỏ câu dưới. Khi làm văn tuy rằng tựu-đề luận-đề (3), nhưng bao giờ cũng vẫn phải có cái bút-tinh ánh-chiếu xuống ý câu dưới, đời thường gọi là lối hấp-hạ, thế là hợp phép. Văn-chương bát-cổ, phần nhiều có lối hai bên bình-thuyết, hay hoặc bên thiển bên thâm, phần ít có lối bên hư bên thực. Nay muốn nói ra chim đích-đáng là hạng chim khôn, quan đích-đáng là hạng quan sang, khiến cho cái đầu bài có giá-trị, thì nên dùng về lối bên hư bên thực.

LỜI VĂN. — *Câu phá-đề.* — Vịnh con chim nó đậu được đáng nơi, ý thi-nhân nên ngẫ n-nghĩ vậy.

---

(1) Tập-đại-thành = Tập-hợp mọi nghĩa của bách-gia mà khảo-chính lại.
(2) Nhất-gia-ngôn = Lời huấn-thích riêng của một nhà.
(3) Tựu-đề luận-đề = cứ trong một bài mà bàn ra nghĩa bài.

Câu thừa-đề. – Ôi! cái con chim phải có nơi mà đậu, nay đậu ở nóc nhà quan, há ngẫu-nhiên mà đậu đó dư?

Đoạn khởi-giảng,(phàm tự khởi-giảng trở xuống, đều là thay lời cổ-nhân). — Ý thi-nhân rằng: Cổ-kim là một cuộc chung-tình, đại-khối (1) là một lò đúc trí. Kiếp nhân-quả là kiếp chung trong tam-giới (2), há loài vật mà không có tình. Vẻ quan sang cũng là vẻ quí ở trăm đời, há loài vật mà lại không có trí. Nam bắc đông tây, kìa kìa nó bay; tả hữu tiền hậu, kìa kìa nó đậu. Ai ôi! trông đó mà trông, tưởng vô-tình chửa tất đã trông được thấy tình, vô-ý chửa tất đã trông được thấy ý vậy.

Câu lĩnh-mạch(3). —Nay đối-cảnh mà vịnh-ca chơi.

Khai-giảng vế trên. — Kể từ ngày đủ lông đủ cánh, vỗ bụng bay cao, thân nhỏ mà chí-khí chưa hề đã nhỏ. Sắp bộ cánh mà liếc lên con đường cửu-vạn (4), những nguyện trời nam bể bắc, gặp phong-vân mà phỉ chí tiêu-dao.

Khai-giảng vế dưới. — Kể từ thủa lìa hốc lên cây, gọi bè nhẫn bạn, tình dài mà ngày xuân âu hãy còn dài. Ngẫm cuộc đời mà mến về vận-sự thanh-cao, dám đâu họ phượng dòng loan, vội kinh-cức (5) mà tạm nơi thê-chỉ (6).

Câu lạc-đề. — Chim chẳng khôn thì chớ, chim khôn thì đậu nóc nhà quan.

Trung-cổ vế trên. — Quan có thứ quan giả-dối, chim có thứ chim ngẩn-ngơ. Kia chẳng xem: Chữ quan hai miệng, chữ dân một bề; kẻ yêu dân đã có lời than-thở. Cướp ngày là quan, cướp đêm là giặc; kẻ thương đời lại có lời phàn-nàn. Quan ấy không phải là quan vậy. Những vẻ nguy-nga, những chiều rực-rỡ, chu-liêm họa-đống (7), biết đâu không phải là dân-huyết dân-cao (8); lớp lớp lâu-đài, biết đâu không phải là non băng núi bọt. Nóc nhà ấy không phải là nóc nhà quan. Nếu con chim kia lấy đó làm chỗ nương thân, đậu cao rỉa lông, chuốc lấy mầu phú-quí, cái danh-phận con chim ấy, chửa tất đã bằng con cò lặn-lội ở bờ sông, con âu tiêu-dao ở bờ bể. Con chim ấy đậu nóc nhà ấy, là con chim chích đậu cành chanh đó dư, khôn gì mà khôn. Ôi! cũng nói rằng chim dại, dại cả về lông, dại cả về lồng vậy thôi vậy.

Trung-cổ vế dưới. — Quan có thứ quan chân-chính, chim có thứ chim khôn-ngoan. Này chẳng xem: Gương trung sáng vặc, túi thanh nhẹ bổng, người họ Mai còn để tiếng. Trong châm-chước tình, ngoài châm-chước lẽ; kẻ mặt sắt còn lưu-danh. Quan ấy mới phải là quan vậy. Những mầu thanh-bạch, những vẻ quí-cao; lục-dã cẩm-đường (9), biết đâu không phải là nhân-cơ nghĩa-chỉ; tầng-tầng lâu-các, biết

---

(1) Đại-khối=một cái cục lớn, trỏ về bầu trời đất.

(2) Tam-giới=hạ-giới, thượng-giới, tối-thượng-giới.

(3) Phàm trên đoạn khởi giảng bao giờ cũng phải có một câu, câu ấy có thượng-vận thì lĩnh thượng-vận không thượng-vận thì tóm lấy thư-chỉ hoặc đề-ý, cũng đều thường gọi là câu lĩnh-mạch.

(4) Cửu-vạn=chín vạn dặm, nói cái độ bay của con chim bằng.

(5) Kinh-cức=gai-góc.

(6) Thê-chỉ=đậu ở.

(7) Chu-liêm họa-đống=đèm son cột vẽ, nói cảnh nhà quan.

(8) Dân-huyết dân-cao=máu dân mỡ dân.

(9) Lục-dã cẩm-đường = chỗ cách xa việc đời gọi là lục-dã, mặc áo gấm về làng gọi là trú-cẩm: lục-dã-đường, trú-cẩm-đường, đều là nói cảnh ông quan về hưu.

đâu không phải là núi Thái non Bồng. Nóc nhà ấy mới phải là nóc nhà quan. Mà con chim kia lấy đó làm nơi gửi mệnh, đất lành chim đậu, dựa lấy bóng thanh-cao, cái danh-dự con chim ấy, khác nào con oanh nói ở trước mành ông Vương viên-ngoại, con yến bay vào trong cửa ông Tạ thượng-thư. Con chim ấy đậu nóc nhà ấy, là con chim phượng-hoàng đậu cây ngô-đồng đó dư, khôn thật là khôn. Ôi, cũng nói rằng chim khôn, khôn cả về lông, khôn cả về lồng vậy thôi vậy.

Hậu-cồ về trên. — Kia chim cú mà đậu cành mai, chửa tất đã nên gì giá ngọc ; lỗi duyên lỗi cách, bị chê cười với kẻ tri-âm ; ấy đậu càn mà thế vậy. Chim trên nóc nhà quan, thì khác lắm thay. Vì cảnh quí, mà vật cũng nên duyên-phận đẹp. Ngọc-đường kim-mã, sớm khuya đà rất mực phong-lưu ; hoàng-điểu thước-sào (1), ngày tháng cũng đượm mùi phong-nhã. Đối cảnh vui mà vịnh-ca mấy điệu, biết cái tinh-linh muôn vật, tựa nhắc người về nghĩa thất-gia.

Hậu-cồ về dưới. — Nọ cái vạc mà đậu cành mềm, từng cay-đắng về nỗi ăn đêm ; thân đục thân trong, làm ngao-ngán cho người vịnh-vật ; ấy đậu mò mà thế vậy. Chim trên nóc nhà quan, cũng khác lắm thay. Vì vật khôn mà cảnh cũng ứng ra duyên-quả lành. Cửa lý thành đào (2), chi kém gì nơi rừng rậm ; đi loan về phượng, chẳng lo chi nỗi lưới hồng. Đem tình chung mà thưởng-thức mấy vần, biết cái vận-sự chim muông, tựa ghẹo người về duyên Tần-Tấn.

Kết-cồ về trên. — Ôi ! Cái thân kia cành phượng lông hồng, trải qua mấy độ gió mưa, đã tốn bao nhiêu tâm-sự.

Kết-cồ về dưới. — Chỗ đậu nọ như hoa như gấm, kén chọn vào nơi đài-các, từng ghi mấy độ công-phu.

Câu thúc-đề. — Hà nên người mà lại chẳng bằng con chim ư ?

II

ĐẦU BÀI. — **« Của đánh bạc để ngoài sân. »**

Lời giải-nghĩa và phép làm văn. — Đây là lời ngạn-ngữ. Lời rằng : « *Của làm ra để trên gác, của đánh bạc để ngoài sân, của phù-vân để ngoài ngõ.* » Tức là lời cách-ngôn của người đời. Nghĩa là của làm ra là của huyết-hãn (3) ; để trên gác là ý rất trọng, giữ-gìn làm của báu. Của đánh bạc là của ăn-chơi, để ngoài sân là ý chẳng trọng chẳng khinh, coi là của thoảng qua mà thôi, dù còn dù hết, cũng chẳng quan-hệ gì. Của phù-vân là của bất-nghĩa ; để ngoài ngõ là ý rất khinh, vứt bỏ ra khỏi nhà mà không thèm trông đến. Đó là kể ra cái phương-pháp để của, mà chia ra ba tầng, và có ý dạy đời ở trong lời nói. Nguyên thì ba câu, nay chỉ lấy một câu giữa làm đầu bài, thì câu này là câu thừa-tiếp thượng-văn, mà dẫn-khởi hạ-văn (4) ; tức là lối vừa tiệt-thượng, vừa tiệt-hạ. Khi làm văn, đoạn tiền-đề thì phải dòng ý câu trên xuống mà nói, đoạn hậu-đề thì phải nói cho sát-sinh đến ý câu dưới, thế là hợp phép. Bài này lại có một ý ngoại nữa, người xem

---

(1) Hoàng-điểu thước-sào = hoàng-điểu là chim hoàng-li, thước-sào là tổ chim thước. « Hoàng-điểu vu-phi » cũng là « thước-sào cưu-cư. » đều là lời nói về khuê-môn phong-hóa ở trong kinh Thi.

(2) Cửa lý thành đào = đào-lý ví về người khá ; « đào-lý tại-môn » cũng là « mãn-thành đào-lý, » đều nói ý người khá trong cửa hàn-quan.

(3) Huyết-hãn = máu và mồ-hôi, là nói khó-nhọc.

(4) Thượng-văn hạ-văn = đoạn trên hay câu trên, đoạn dưới hay câu dưới.

cũng nên hiểu. Người đời nguyên không phải là có ưa gì của đánh bạc, vì so với của phù-vân, thì của đánh bạc lại còn hơn, sẽ biết người đời ghét của phù-vân lắm. Khi làm văn thì hẳng cứ tựa-đề luận-đề, còn cái ý ấy thì xem ngoài. Cho nên kẻ làm văn đối với đoạn hậu-đề bài này, nên có hai cái ý-tưởng. Một là nên nói ra cái của đánh bạc không đáng quí, để cho người ta khỏi hiểu lầm. Hai là nên lồng cái bóng phù-vân lên mà nói cho thấu-triệt, không nệ lối thường, để cho người ta dễ hiểu.

Lời văn. — *Câu phá-đề.* — Kể phương-pháp để của về tầng thứ hai, thức-giả lại nên nghiên-cứu vậy.

Câu thừa-đề. — Ôi! ngoài sân há là chỗ người ta thường để của thay, mà để riêng về thứ của đánh bạc, người đời chẳng đã chuyển xuống một tầng so-sánh đấy ư?

Đoạn khởi-giảng. — Ý ngạn-ngữ rằng: Của cũng nhiều loài lắm thay! Của nên trọng, mà của cũng nên khinh; của chửa nên khinh, mà của cũng chửa nên trọng; trọng-trọng khinh-khinh, cốt sao trọng cho phải đường, mà khinh cho hợp lẽ đó thôi. Của đời người thế, cõi hoàng-kim âu là cõi chiêm-bao. Bạc mở tiền vơ, duyên bạch-thủ há không phải là duyên may-rủi. Người quân-tử đối với vũ-đài đen đỏ, trong mắt đã có một cái thước khôn-ngoan. Kẻ anh-hùng chia ra chính-thể trong ngoài, trong tay đã có một cái vạch chính-đáng. Âu cũng nói rằng cái của nổi ở lưng làng mà được ấy, khinh cũng nửa khinh, trọng cũng nửa trọng mà thôi vậy.

Câu lĩnh-mạch. — Trước hẳng xem cái của làm ra thì để ở đâu?

Khai-giảng về trên. — Được đó là năm nắng mười sương, nước mắt mồ-hôi chi vất-vả. Nên chi để đó phải lầu cao gác kín, mưa gió nắng giữ chi hẳn-hoi. Vì cái của làm ra ấy, sức ta cần. Nay không cần đến cái sức ta, mà ta cũng tiền trăm bạc chục, thì cái của ấy ví chưng nhà-tầng, vén tay áo mà đối veo.

Khai-giang về dưới. — Được đó là chu truyền con nối, nên nhân gốc nghĩa chi tài-bồi. Nên chi để đó phải khóa bạc then ngà, ra sóc vào coi chi trân-trọng. Vì cái của làm ra ấy, tâm ta khổ. Nay không khổ đến tâm ta, mà ta cũng quan ngắn quan dài, thì cái của ấy cũng ví tựa cỏ hoa, tạm mái ngoài mà yêu-giấu.

Câu lạc-đề (1). — Như cái của đánh bạc, há lại chẳng nên châm-chước lấy một chỗ để đấy hay sao?

Trung-cổ về trên. — Thiên-hạ cũng có cuộc như chớp bóng, như trò hề, như ông khách Đông-Ngô phỗng thổ-địa Kinh-châu năm nọ, chàng rể Hậu-Lý cuốn cơ-đồ Triệu-Việt ngày nào; được thua ngay ở trước mắt, tranh cả quyền tạo-hóa, cướp cả sự nhân-công, rõ thật to gì hơn dẹp, tốt số hơn khôn, mà cái của đánh bạc mới xuất-hiện. Này xem: Nhất thả cá, nhì gà bạc; ngoài cờ bạc trong anh em. Xóc-đĩa gặp tứ-đối khuôn-rền, tổ-tôm thông thập-bồng chi-nảy, chửa thâu canh mà đã ông bồ ông hởi chi phong-lưu. Yeh-xì vớ được quân ông lão, tài-bàn dậy được bộ khăn yêu, mới chớp mắt mà đã bà nọ bà kia chi phú-quí. Của đánh bạc tuy không phải là của làm ra, nhưng cũng chẳng biết trải bao nhiêu cuộc nổi chìm mà mới có cái của ấy vậy. Thế thì: Nét vàng gieo ngấn nước, vẻ cây lồng

(1) Lạc-đề = phê chữ đầu bài, cũng như nói nhập-đề.

bóng sân ; sân nhà khuê-các đấy dư ? Sân thường vẽ dấu giày, cỏ chửa cao hơn thước ; sân nhà anh-hùng đấy dư ? Dạo hiên-đình mà ngắm cảnh xuân-phong, hề chi chẳng lấy nơi cỏ sạch hoa thơm, làm chỗ gửi tiền gửi bạc.

Trung-cồ vế dưới. — Thiên-hạ cũng có cuộc như lặn nước, như đi đêm, như Hàn-vương-tôn kheo-khư đi câu cá năm xưa, Trần đại-tướng xơ-xác đi bán than thủa nọ : đen đỏ còn ở tận đâu, dẫu tai thần cũng không biết đâu mà đò, mắt thánh cũng không biết đâu mà xét ; rõ thật người dương-gian làm việc âm-phủ, mà cái của đánh bạc mới phô bày. Này xem : bạc ba quan tha hồ mở bát, thò-lò sáu mặt chắc đồ mặt nào. Tẻ nước mà gặp cơn mưa, thì tiếng đuổi tiếng theo, cũng đống tiền chi nhung-nhúc. Mù trời bắt được kẻ, thì tay mang tay xách, cũng túi bạc chi kè-kè. Của đánh bạc tuy không phải là của làm ra, nhưng cũng chẳng biết trải bao nhiêu hồi xanh chín, mà mới có cái của ấy vậy. Thế thì : Sân ngô mấy cành biếc, đã chen mấy lá vàng ; sân nhà tài-tử giai-nhân đấy dư ? Trên một cây cù-mộc, dưới một sân quế-hoè ; sân nhà ngọc-đường kim-mã đấy dư ? Ngắm phong-quang mà xem chiều vượng-khí, hề chi chẳng lấy chỗ trăng trong gió mát, làm nơi gửi của gửi tiền.

Hậu-cồ vế trên. — Chao ôi ! « *Cờ bạc là bác thằng bần.* » Kẻ để tâm về sự đời, đã có lời trách mắng như vậy. Cho nên con bạc mà gặp vận đỏ, thì thằng bần đã lên thằng phú, làng chơi mà gặp hồi đen, thì thằng bần lại hoàn thằng bần. Cái của đánh bạc, cũng chẳng mong truyền tử nhược tôn, vĩnh vi kỷ-vật được. Ấy cái của đánh bạc cũng chẳng qui gì. Tuy vậy, cái của đánh bạc cũng còn có giá-trị hơi-hơi. Cái của đánh bạc, không phải là cái của ngôi hàng Lâm-chi, bán thịt buôn người, chứa cho đầy lưng bợm mà có. Cũng không phải là cái của lại-giả Chung-công, thay đen đổi trắng, vét cho đầy túi tham mà giàu. Thế thì người đời đối với cái của đánh bạc, há đã nên vội cho là cái của dơ bẩn, mà không nỡ bày ra ở trước mắt đó thay ?

Hậu-cồ vế dưới.—Vả lại : « *Trời mưa nước chảy qua sân.* » Kẻ để mắt vào cuộc đời, cũng có lời cợt-bỡn như vậy. Cho nên ngoài sân mưa, thì đất ngoài sân như chiều xương-hải, ngoài sân tạnh, thì đất ngoài sân lại như về tang-điền. Cái đất ngoài sân, cũng chẳng mong ỷ-lại như Thái-sơn, biền-mông như đại-hạ (1) được. Ấy cái đất ngoài sân cũng chẳng vững gì. Tuy vậy, cái đất ngoài sân cũng còn có hi-vọng ít nhiều. Cái đất ngoài sân, không phải là cái đất Vương Khải năm xưa, qua kiếp san-hô (2), trải nắng mưa mà vô-chủ. Cũng không phải là cái đất Thạch Sùng năm nọ, qua đời kim-cốc (3), trở hoa cỏ mà vô-tình. Thế thì người đời đối với cái đất ngoài sân, há đã nên vội kể là cái đất hững-hờ, mà phó mặc cho khách qua đường đó thay ?

Kết-cồ vế trên. — Ấy sẽ biết : Tuy cuộc ăn chơi là cuộc xồi-thì, bạc vụn tiền rời, không khỏi của trời trả bụt.

Kết-cồ vế dưới — Hơn của bất-nghĩa là của oan-nghiệt, dụn sầu kho oán, dễ-dàng gió thổi mây tan.

---

(1) Biền-mông đại-hạ = như cái nhà lớn để che-chở gió mưa.

(2) San-hô = Loài ngọc, nhà Vương Khải có nhiều ngọc ấy để làm đồ chơi.

(3) Kim-cốc = Thạch Sùng có mở ra cái vườn gọi là vườn Kim-cốc để chơi Vương với Thạch hai người đều là kẻ phú-quí bất-nghĩa mà xa-xỉ : sau đều không được hưởng hạnh-phúc cả.

Câu thúc-đề. — Lại chẳng xem còn thứ của đề ngoài ngõ nữa dấy ư ?

III

ĐẦU BÀI. — « **Mài mực ru con, mài son đánh giặc.** »

Lời giải nghĩa và phép làm văn. — Đây cũng là lời ngạn-ngữ, tức là lời thí-dụ của cổ-nhân. Nghĩa là hình-dung ra cái thủ-đoạn mài mực mài son, mà chuyên-chỉ về việc con nhà học trò. Lời này là lời đứng trọi một mình, không có thượng-văn hạ-văn gì cả. Duy hai câu bình-thuyết, mà cái thần-lý lại như nhau. Khi làm văn thì nên làm về lối phân-giảng. Phân-giảng nghĩa là chia ra hai vế mà giảng. Trên chỉ làm một đoạn khởi-giảng hợp-thuyết, rồi chia ngay ra hai vế thật dài mà song-song phân-thuyết; đến đoạn kết-cổ rồi lại hợp-thuyết, mà đem chữ đầu bài làm câu thúc-đề, thế là hợp phép. Phàm văn-chương bát-cổ, gặp cái đầu bài hẹp-hòi, nên có cái lý-tưởng rộng-rãi; gặp cái đầu bài nhỏ-nhặt, nên có cái bút-pháp lớn-lao.

LỜI VĂN. — *Câu phá-đề.* — Hình-dung ra cái thủ-đoạn đối với mực son, kẻ làm học-trò nên biết vậy.

Câu thừa-đề. — Ôi ! con với giặc thực khác nhau thay, một đàng phải ru, một đàng phải đánh, kẻ mài mực mài son, chẳng nên hiểu lẽ ấy dư ?

Đoạn khởi-giảng. — Ý cổ-nhân rằng: Kiếp con nhà học-trò, nguyên không phải là cái kiếp dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm ; tay con nhà học-trò, há không phải là cái tay thằng-mặc cho muôn kiếp, tô-điểm cho cuộc đời đó thay. Cho nên đọc kinh *Dịch* phải biết nghĩa cương-nhu, học kinh *Thư* phải biết đạo văn-vũ. Ngày tháng chở chiếc thuyền trong học-hải, cái phương-châm đánh trỏ về bến thánh bến hiền. Sớm khuya chơi với các bạn trong văn-phòng (1), chiều sử-dụng cũng bất-ngoại chữ từ cùng chữ đũng. Sự có tương-cận (1), lý có tương-tham (3). Nay xin vị con nhà đi học mà thí-dụ rông-dài.

Câu lĩnh-mạch. — Đời chẳng xem mực cùng son.

Phân-giảng vế trên. — Cổ-kim là một cuộc biến-động, đời văn-học không khỏi không có kiếp hóa-thân. Rầy gió mai mưa, biết đâu thiên-hạ lại không có một thứ mực, gọi là thứ mực tân-kỳ. Nhưng cái đó không hề bàn vội. Nay hẳng biết rằng : Gấm bọc hương phong, nên giá là ông mặc-khách (4). Thêu văn dệt chữ, làm bạn với bác Quản-thành (5), Cái mực ấy đối với thiên-hạ, đã tỏ ra mặt vuông tròn; đối với Thi-Thư, đã nên được mầu tinh-túy. Ông trạng Bình-Khiêm không có cái mực ấy, không hiển được danh tiên-giác ; ông thánh Hưng-Đạo không có cái mực ấy, không nổi được tiếng anh-hùng ; gái Thị-Điểm không có cái mực ấy, không có vận-sự tài-nữ. Cái mực ấy đối với con nhà học-trò đã thành ra cái nợ ba-sinh. Thế thì cái vấn-đề mài mực, há không phải là cái vấn-đề thân-thiết của con nhà học-trò đó dư ? Duy con nhà học-trò, phải

---

(1) Văn-phòng = mực, giấy, son, bút, vân vân, gọi là văn-phòng tứ-hữu.
(2) Tương-cận = giống nhau.
(3) Tương-tham = đem hai bên lại mà cùng khảo-cứu với nhau.
(4) Mặc-khách = Mặc-khách-khanh là cái mỹ-hiệu của mực.
(5) Quản-thành = Quản-thành-tử là cái mỹ-hiệu của bút.

thấu đến cái lý-tưởng ru con mới được. Này, yêu ai vì bằng yên con, dứng như dứng hoa, nâng như nâng trứng. Đêm mùa thu mẹ ru con ngủ, đã đêm quên ngủ, lại ngày quên ăn. Bú mớm mà làm xác con ve, đủ tay bế tay bồng chi khó-nhọc. Ngậm-hót mà làm thân con vượn, trải tựa lầu đưa võng chi nâng-niu. Ấy mẹ ru con thì thế vậy. Nay mực là chất keo chất khói, khác nào con là chất sữa chất măng. Mực có cái tính nhu-nhuận, khác nào con có cái tính ngây-thơ. Kẻ mài mực há chẳng nên có cái thủ-đoạn từ-mẫu, vỗ-về cho Mặc-nhụ-tử đó thay? Kìa chẳng xem bà Thị-Kính: « Tay chuông tay mõ dù-dì, khi thì niệm Phật khi thì ru con. » Sao thung-dung vậy, sao dịu-dàng vậy? Nếu con nhà học-trò in được cái thái-độ ấy, thì sự mài mực có khó gì!

Phần giảng về dưới. — Vũ-trụ là một cõi vô-cùng, kho tư-tưởng không thể không có kỳ cách-mệnh. Sao đời vật đổi, biết đâu thiên-hạ lại không có một thứ son, gọi là thứ son hỗn-hợp, Nhưng cái đó cũng không hề bàn vội. Nay hãng biết rằng: Thầy đồ khi gõ đầu trẻ, khuyên tên vòng mép, cũng bộ phong-lưu, Quan trường khi chấm quyển thi, phê hạng điểm đầu, cũng chiều danh-dự. Cái son ấy đối với xã-hội, đã có công đề-tạo, đối với quốc-sử, cũng có vẻ quang-vinh. Ông Chu An có cái son ấy, mới có sớ trảm nịnh-thần; ông Nguyễn Du có cái son ấy, mới có gương soi hiếu-nữ; gái Xuân-Hương có cái son ấy, mới có danh-tiếng thi-hào. Cái son ấy đối với con nhà học-trò, đã thành ra cái nghĩa tri-kỷ. Thế thì cái trách-nhiệm mài son, há không phải là cái trách-nhiệm quan-hệ của con nhà học-trò đó dư? Duy con nhà học-trò phải hiểu đến cái tinh-thần đánh giặc mới được. Này, được là vua thua là giặc, sự đó vẫn là sự thường. Đánh chuông ra mặt đánh giặc ra tiếng, sự đó mới là sự mạnh. Kẻ anh-hùng mài lưỡi gươm trong cuộc phong-trần, cả chí cả gan, không nối giáo cho giặc. Người hào-kiệt đeo non Thái trong vòng yên-mã, ra tay ra sức, quyết chẳng dung giặc trời. Ấy tưởng đánh giặc thì thế vậy. Nay son là chất sỏi chất đá, khác nào giặc là thế giáo thế gươm. Son có cái tính giản-rỗi, khác nào giặc có cái tính cương-cường. Kẻ mài son há lại chẳng nên có cái thủ-đoạn dũng-sĩ, xung-đột với Chu-tướng-quân đó thay? Kìa lại chẳng xem ông Đồng Thiên-vương: « Trận mây theo ngọn cờ đào, ra uy sấm-sét nửa chiều giặc tan. » Sao uy-linh vậy, sao mạnh-mẽ vậy? Nếu con nhà học-trò luyện được cái tinh-thần ấy, thì sự mài son cũng có khó gì.

Kết-cổ về trên. — Chao ôi! thiên-hạ hoặc có kẻ đem vũ-lực đánh giặc ra mà mài mực là lầm, vì mực không thể dùng vũ-lực mà mài được. Cứ lẽ thường mà bàn rộng ra cái phương-châm ứng-dụng, thì khoan-dung lên chốn miếu-đường, thay Thượng-đế coi dân xích-tử (1), há không phải là sự-nghiệp nho-lưu?

Kết-cổ về dưới. — Thiên-hạ cũng có người đem nhu-đạo ru con ra mà mài son là trái, vì son không thể dùng nhu-đạo mà mài được. Xét cuộc đời mà suy rộng ra cái phương-pháp hành-vi, thì mãnh-liệt ra trường nhung-mã, vị xương-sinh (2) chém lũ Hoàng Sào (3), há không phải là công-danh nho-tướng?

---

(1) Xích-tử = con đỏ, ví với dân

(2) Xương-sinh = dân

(3) Hoàng Sào = tên một người giặc đời xưa

Câu thúc-đề — Duy hằng nên biết rằng mài mực như ru con, mài son như đánh giặc.

IV

ĐẦU BÀI — «Thì xưa kén lấy con dòng.»

Lời giải-nghĩa và phép làm văn. — Đây cũng là lời ca-dao. Lời rằng: « *Thì xưa kén lấy con dòng, thì nay ấm cật no lòng thì thôi.* » Cũng tức là lời kinh *Thi*, mà thuộc về thể phú (trỏ việc mà nói). Nghĩa là sự lấy vợ lấy chồng, thì xưa thì chuộng dòng-dõi, mà có ý cao-thượng kén-chọn, thì nay thì tham tiền của, mà có ý cầu-thả rông-dài. Đó là nói ra hai thứ tâm-lý của kẻ lấy vợ lấy chồng. Kẻ làm ra lời này, là ý cảm-khái cho thói đời một ngày một kém, thì nay không bằng thì xưa. Câu trên là lời thuật lại, câu dưới là lời kể ra, mà cái ý cảm-khái lại nặng về câu dưới. Nay chỉ dùng một câu trên làm đầu bài, cũng là lối tiệt-hạ. Khi làm văn tuy tựu-đề luận-đề, nhưng đoạn nào cũng không nên quên ý câu dưới. Phàm văn bát-cổ, thú-vị nhất là hấp xuống ý hạ-văn, mà lại kiêng-kỵ nhất là xâm xuống nghĩa hạ văn; hiểu về lối ấy, thế là hợp phép. Bát-cổ cũng có lối xát-xương, bài này dùng về lối ấy. Xát-xương nghĩa là khi làm văn dùng về lối giản-đan, chỉ chữ nọ xát xương với chữ kia, hay hoặc câu nọ xát xương với câu kia, không hề phải chải-chuốt cho rậm lời, mà cái nghĩa bản-đề tự-nhiên khúc-chiết ra mà thấy rõ, cái ý hạ-văn tự-nhiên bóng-bẩy lên mà thấy thú, cũng là một lối riêng trong văn bát-cổ.

LỜI VĂN. — *Câu phá-đề.* — Ca-giả dường có quan-niệm về cuộc đời, mà thuật lại cái tâm-lý lấy vợ lấy chồng ở thì xưa vậy.

Câu thừa đề. — Ôi! lấy vợ lấy chồng cũng có ba bảy đường lấy, kén về con dòng mà lấy, há chẳng phải là cái tâm-lý người thì xưa đấy dư ?

Đoạn khởi-giảng. — Ý ca-giả rằng: Thường nghe có câu rằng: lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống. Sự là sự phải, lẽ là lẽ thường, tưởng cũng chả riêng gì một thì xưa đó thay. Duy hằng biết rằng cái sự đó là cái sự thì xưa, cái lẽ đó là cái lẽ thì xưa. Thì cái phải đó là cái phải của thì xưa, mà cái thường đó cũng là cái thường của thì xưa. Thì xưa sở-dĩ là thì xưa, là vì thì xưa có cái lẽ thường, cái sự phải đó. Nhưng cũng là về thì xưa có cái lẽ thường cái sự phải đó, mà xưa mới riêng hẳn ra là thì xưa. Người quân-tử liếc mắt trong cuộc đời, mà cảm-khái vô-cùng vậy.

Câu linh-mạch. — Chẳng xem sự vợ chồng.

Khai-giảng về trên. — Vợ chồng như đũa có đôi, ấy cái sự người ta thì thế vậy. Hồi đầu mà ngẫm lại đời vua Thái-tổ Thái-tông, đời tuy đời nào, nhưng hà lại không có một cái tình-tình khá xét.

Khai-giảng về dưới. — Vợ chồng một là duyên hai là nợ, ấy cái kiếp người ta thì thế vậy. Để mắt mà trông vào quyển sách nam-hôn nữ-giá, sách tuy sách cũ, nhưng hà lại không có một cái vận sự khá ghi.

Câu lạc-đề. — Thì xưa kén lấy con dòng.

Trung-cổ về trên. — Thì xưa trọng luân-lý, ngoài luân-lý chửa điều gì là trọng. Sự dựng vợ gả chồng, không phải là sự thân-thiết cho luân-lý gia-đình đó dư ? Duy, rồng lại nở ra rồng, liu-điu lại nở ra liu-điu. Rể hiền dâu thảo, há không có dòng; dựng vợ gả chồng, há không phải kén. Cho nên kẻ ước-ao có câu rằng: « *Nuôi con*

những ước về sau, trao tơ phải lứa gieo cầu đáng nơi. » Kẻ đò-la có câu rằng : « *Mười-lăm đến tuổi thành-đồng, tìm nơi châu giống con dòng định-thân.* » Sự dựng vợ gả chồng, người thì xưa cũng công-phu lắm thay ! Kén lấy dòng thi-thư, biết đạo tề-gia ; kén lấy dòng liêm-sĩ, biết đạo tu-thân ; miễn là đừng giả kén mà kẹn hom là phải đấy thôi. Ấy cái thì phong-tục còn thuần-lương, đạo-đức còn túy-mĩ thì thế vậy. Cái thì phong-tục còn thuần-lương, đạo-đức còn túy-mĩ ấy, há chẳng khiến người bồi-hồi mà ngảnh lại đó thay !

Trung cồ vế dưới. — Thì xưa ưa phẩm-giá, ngoài phẩm-giá không vẻ gì là ưa. Sự lấy vợ lấy chồng, không phải là sự quan-hệ cho phẩm-giá loài người đó dư ? Duy, lão-ô bách-tuế, không bằng phượng-hoàng sơ-sinh. Trai lành gái tốt, âu cũng có dòng; lấy vợ lấy chồng, âu cũng phải kén. Cho nên kẻ khôn-ngoan có câu rằng : « *Chim khôn đậu nóc nhà quan, trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng.* » Kẻ đợi chờ có câu rằng : « *Mảu-đơn mọc cạnh nhà thờ, đôi ta trinh-tiết đợi chờ lấy nhau.* » Sự lấy vợ lấy chồng người thì xưa cũng ý-thức lắm thay ! Kén lấy dòng chính-chuyên, công dung ngôn hạnh ; kén lấy dòng hào-kiệt, nghiên bút đao cung ; miễn cho kén chọn mà vàng thau tại mình đấy thôi. Ấy cái thì nhân-đạo còn tôn-nghiêm, nhân-tâm còn thuần-phác thì thế vậy. Cái thì nhân-đạo còn tôn-nghiêm, nhân-tâm còn thuần-phác ấy, há chẳng khiến người trịnh-trọng mà thuật lại đó thay !

Hậu-cồ vế trên. — Chẳng xem thì xưa có trai Tản-khách 傘客 (1), toàn-tài toàn-đức, vốn là dòng tinh-túy ở Tây-sơn. Chẳng kết duyên với người nào, mà kết duyên với một gái Mị-nương-tử 媚娘子 (2); há chẳng phải là yêu giống quí, mà kén lấy dòng thục-nữ đấy dư ? Cứ lấy con mắt mà xem ra, thì gã Mị-nương kia, một đóa hoa Phong-châu 峯州 (3), nức mùi vương-giả ; mày ngài mắt phượng, nên được giá tiên-long. Người có mắt, chắc ai cũng phải khen rằng cái kẻ Thủy-tinh theo không kịp, Thục-chúa hỏi không lấy ấy, là vợ Tản-khách, Tản-khách thật là sang vì vợ. Song mắt ấy chỉ là con mắt cũ. Chứ Mị-nương-tử có danh-giá thục-nữ chăng nữa, chỉ là danh-giá thục-nữ ở thì xưa, mà Tản-khách có sang vì vợ chăng nữa, cũng chỉ là sang vì vợ ở thì xưa đấy mà thôi !

Hậu-cồ vế dưới. — Lại chẳng xem thì xưa có gái Ngọc-Du 玉瑜 (4), là ngọc cành vàng, cùng gặp bước gian-nan trong Phù-đảo. Chẳng trao tơ với kẻ khác mà trao tơ với một chàng Khổng-tước-quân 孔雀君 (5) ; há chẳng phải là tham trai tài, mà kén lấy dòng quân-tử đấy dư ? Cứ lấy tâm-lý mà suy ra, thì chàng Khổng-tước kia, một cuộc cờ Bình-định 平定 (6), tính nước thắng-

---

(1) Tản-khách = tức ông thánh núi Tản-viên.

(2) Mị-nương-tử = con gái vua Hùng-vương.

(3) Phong-châu = vua Hùng đóng đô ở Phong-châu.

(4) Ngọc-du = con vua Hiếu-khang, tức chị Đức Gia-long ; khi Tây-sơn nổi loạn cũng theo đức Gia-long vào tị-nạn ở miền Nam.

(5) Khổng-tước-quân = ông Vũ Tính khai chửa theo đức Gia-long, thường tụ-đẩng ở xứ Khổng-tước-nguyên (Gò-công) đến hơn vạn người, làm chúa một vùng ấy.

(6) Bình-định = ông Tính giữ thành Bình-định chống với Tây-sơn.

nhân ; xe mất tướng còn, hiền được danh quốc-sĩ. Người có tâm, chắc ai cũng phải khen rằng cái kẻ hết được nghĩa-vụ làm tôi, xứng được trách-nhiệm làm rể ấy, là chồng Ngọc-Du, Ngọc Du thật là đáng tấm chồng. Song cái tâm-lý ấy chỉ là cái tâm-lý cổ. Chứ Khổng-tước quân có danh-dự quân-tử chăng nữa, chỉ là danh-dự quân-tử ở thì xưa. Mà Ngọc-Du có đáng tấm chồng chăng nữa, cũng chỉ là đáng tấm chồng ở thì xưa đấy mà thôi!

Kết-cổ vế trên. — Ôi! thì xưa là thì kén chồng; kẻ làm mẹ làm cha, chỉ chuốc lấy còn dòng cháu dõi. Ôi! cũng nói rằng có con gây dựng cho con.

Kết-cổ vế dưới. — Thì xưa là thì kén người; kẻ làm trai làm gái, dám tham đâu ruộng cả ao liền. Ôi! cũng nói rằng một mặt người bằng mười mặt của.

Câu thúc-đề. — Thì nay thời khác lắm thay!

V

ĐẦU BÀI — «Trăng đến rằm thì tròn»

Lời giải-nghĩa và phép làm văn. — Đây là lời ngạn-ngôn, cũng chỉ có một câu, không có thượng-văn hạ-văn gì cả. Phàm những câu ngạn-ngữ như câu này, lại là đứng riêng ra một bộ-phận, gọi là thể nói bóng, không phải là nói thật, mà cũng không phải là nói ví. Trong ngạn-ngôn cái thể nói bóng ấy lại rất nhiều. Nói bóng, nghĩa là đem cái vật-tượng hay là cái vật-tình vật-lý, nói ám-chiếu ra sự đời; sự đời vẫn ở ngoài lời nói, mà trong lời nói vẫn thấy có sự đời. *Trăng đến rằm thì tròn*, nghĩa là kể ra cái trình-độ tiến-bộ của trăng, trăng nguyên vẫn có tiến-lực; duy cái thời-kỳ viên-mãn thì lại có một cái độ-số tự-nhiên, chửa đến rằm thì chửa tròn, đến rằm thì tròn. Để nói bóng ra rằng phàm sự đời, khi tạo-nhân, cốt ở về cái tiến-lực; đến như khi kết-quả, thì phải thuận về cái lẽ tự-nhiên. Chứ muốn cho chóng kết-quả mà cưỡng-bách cũng vô-ích. Để răn những kẻ khi làm việc đời, chỉ mong-mỏi về đường hiệu-quả, mà chân nản về đường hành-vi. Còn như phép làm văn, thì phải biết rằng đây là lời ngạn-giả kể ra sự trăng mà bàn, không phải là lời đối với cảnh trăng mà nói. Khi làm văn thì phải tả về cái lời kể ra, mà cứ tựu-đề luận-đề, tựu trăng luận trăng. Đến như sự đời, thì chỉ nói bóng mà thôi. Đó là lối văn-chương kính-hoa thủy-nguyệt (1), thế là hợp phép. Nếu cho là lời vịnh-cảnh mà chuyên tả về trăng, trong câu văn không có bóng sự đời, hay hoặc cho là lời nói ví mà tả thật về sự đời, trong câu văn không có chân-tướng trăng, đều là sai-lầm mà vô-vị cả. Phàm câu ca-dao ngạn-ngữ, những nghĩa nói bóng ấy là rộng nhất, mà khó giải nhất. Phàm làm văn, những văn nói bóng ấy là khó làm nhất, mà thú-vị nhất. Văn bát-cổ lại có lối tiểu-tỵ. Tiểu-tỵ nghĩa là trong văn không có những đoạn dài như lối khác; chỉ có những đoạn ngắn-ngắn xinh-xắn gọn-gàng, liên-tiếp đối nhau, mà tự-khắc thành bài. Bài này dùng về lối ấy.

LỜI VĂN. — *Câu phá-đề.* — Kể ra cái thời-kỳ viên-mãn của trăng, kẻ ngắm về sự đời nên hiểu vậy.

Câu thừa-đề — Ôi! ông trăng ông trăng, ai chẳng mong cho ông tròn, duy đến rằm thì tự khắc tròn, lời ấy chẳng phải là nói bóng ra sự đời đó ư?

Đoạn khởi-giảng. — Ý ngạn-ngôn rằng: Thường nghe có câu rằng: «*Sáng trăng vằng-vặc đêm rằm, thâu đêm suốt sáng trăng bằng ngọn tre.*» Qui

(1) Kính-hoa thủy-nguyệt = Cái hoa ở trong gương, mặt trăng ở trong nước, nói về lối bóng-bẩy.

thay trăng rằm là đẹp vậy. Duy, cảnh là cảnh đẹp, độ có độ thường. Trăm nghìn muôn kiếp, kiếp nào là kiếp chẳng định-số hư-doanh, ông tạo nọ bao cùng vận-hóa, tam-thập-lục cung (1), cung nào là cung chẳng thuận đường lai-vãng, bà nguyệt kia chi thiếu gì xuân. Ôi! cũng nói rằng đã chơi trăng phải biết tình trăng vậy thôi vậy.

Câu lĩnh-mạch. — Này chẳng xem trăng.

Khai-giảng vế trên. — Mồng một lưỡi trai, mồng hai lưỡi gà, mồng ba lưỡi liềm; hai-mươi giấc tốt, hai-mốt nửa đêm, hai-hai gà gáy; cùng là ba-mươi trăng náu, mười-sáu trăng treo. Ấy cái độ trăng tùy thời mà thay đổi vậy. Nhưng chửa phải là kể về trăng rằm.

Khai-giảng vế dưới — Chênh-chênh bóng nguyệt xế mành; chếch-chếch dầu non vừa tỏ; cùng là trăng thề còn đó trơ-trơ. Ấy cái cảnh trăng cũng phải tuy cõi mà biến-thiên vậy. Nhưng cũng chửa phải là nói về trăng rằm.

Câu lạc-đề. — Trăng đến rằm thì tròn.

Tiểu-tụ vế trên (từ đây trở xuống, đều là những đoạn tiểu-tụ). — Kim-cổ có một vầng trăng, tháng này tháng khác cũng chỉ có một hôm rằm. Giở lá lịch mà tính ra cái độ-số bình-phân, thì hôm rằm không phải là độ-số bình-phân đấy dư? Cho nên trăng đến độ-số khác không kể, kể về trăng đến độ-số bình-phân.

Tiểu-tụ vế dưới. — Gần xa có một vầng trăng, xứ ấy xứ khác cũng chỉ có một đêm rằm. Nằm với sư mà hỏi về cái thời-kỳ ăn oản, thì đêm rằm không phải là thời-kỳ ăn-oản đấy dư? Cho nên trăng đến thời-kỳ nào không bàn, bàn về trăng đến thời-kỳ ăn oản.

Vế trên. — *« Sáng trăng suông sáng cả vườn đào.»* Đó là chuyên vịnh về vẻ trăng suông. Đến như trăng rằm, thì há phải là suông thay, thật có vẻ tròn vậy. Cung Quảng thì tám mặt linh-lung cả tám, ả Hằng thì mười phân xinh-đẹp đủ mười. Trăng rằm tròn, tròn như cái khuyên thái-cực (2).

Vế dưới. — *« Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn.»* Đó là chuyên kể về mầu trăng tỏ. Đến như trăng rằm, thì há những là tỏ thay, lại có phần tròn vậy. Quế-hoa thì trọn-vẹn mầu hoa, ngọc-thỏ thì hoàn-toàn vẻ ngọc. Trăng rằm tròn, tròn như cái mâm ngọc-bàn.

Vế trên. — Trăng chửa đến rằm thì chửa tròn, cũng như sao chửa đến tối thì chửa mọc. Trăng mà chửa tròn, thì cũng không ai có thể làm được cho trăng tròn. Nếu chửa đến rằm mà đã vội trách trăng rằng sao trăng không tròn, ấy là chửa biết tâm-sự trăng.

Vế dưới. — Trăng đến rằm thì tự-nhiên tròn, cũng như hoa đến xuân thì tự-nhiên nở. Trăng mà đã tròn, thì cũng không ai có thể ngăn trở được trăng tròn. Duy đến rằm rồi mới khen trăng rằng trăng thật là tròn, ấy là biết trình-độ trăng.

Vế trên. — Kẻ nhớ trăng có câu rằng: *« Ba mươi mồng một đi đâu vắng, hay đã chung-tình với nước non. »* Than ôi! trăng mà còn xa rằm, thì thiên-địa âm-thầm, không khỏi có người than-thở. Duy trăng mà đã đến rằm, thì giang-sơn

---

(1) Tam-thập-lục cung = tức tam-thập-lục quái, nói về cái thể lưu-hành của tạo-hóa. Ở trong kinh *Dịch*: Tam-thập-lục cung đô thị xuân, tức là nghĩa sinh-hóa vô-cùng.

(2) Thái-cực = Thái-cực-đồ của ông Chu Liêm-khê, có khuyên một cái khuyên thật tròn, để trỏ về cái uyên-nguyên đạo học.

vui-vẻ, chắc những kẻ cầm bút ngâm thơ, lấy trăng làm bầu làm bạn, cũng phải đổi than-thở ra vui cười.

Vế dưới. -- Kẻ chờ trăng cũng có câu rằng : « *Trăng phút chốc đầu non sáng thấu, lửng-lơ chừng sao Đẩu sao Ngưu.* » Than ôi ! trăng mà đã qua rằm, thì thủy-tinh (1) náu dáng, cũng không khỏi có khách đợi chờ. Duy trăng mà vừa đến rằm, thì tố-nữ hiện-hình, chắc những kẻ chở thuyền mang rượu, cùng trăng vui nước vui non, cũng phải đổi đợi-chờ ra đón-rước.

Vế trên. — Cổ-kim há không có sự tạo-nhân, nào gian-nan, nào nguy-hiểm, nào chếch-mác, nào mập-mờ. Vầng trăng kia qua ngày hối (2) mới tiến được lên ngày sóc (3), trải hạ-huyền (4), mới bước được sang thượng-huyền (5), há không phải là tạo-nhân đó dư ? Một vầng ngọc-phách, mấy phen chiến-đấu với mây sao. Một mảnh băng-tâm, mấy độ chi-trì với mưa gió. Kẻ lăn-lộn trong cuộc đời cũng nên thấu đến tình tạo-nhân của trăng vậy.

Vế dưới. — Vũ-trụ há không có sự kết-quả, nào vui vẻ, nào đẹp-đẽ, nào sáng-sủa, nào xinh-tròn. Vầng trăng kia trăm nghìn muôn dặm sáng cả trăm nghìn muôn dặm, hai ba bốn bề vẹn cả hai ba bốn bề, há không phải là kết-quả đó dư ? Bao nhiêu cuộc thăng-trầm, mới có kỳ mĩ-mãn, bao nhiêu hồi khuy-khuyết, mới có cảnh đoàn-viên. Kẻ hưởng-thụ trong cuộc đời, cũng nên hiểu lấy lẽ kết-quả của trăng vậy.

Vế trên — Trăng như người con gái khuê-các, đến thời-kỳ đoan-trang, thì tuyết nhường màu da, mây thua nước tóc. Trăng như người đàn bà phong-trần, đến cái thời-kỳ vinh-hoa, thì chữ duyên càng đẹp, chữ tình thêm xuân. Cho nên trăng chửa rằm thì trăng e-ngại gió sương, trăng đến rằm thì trăng nở-nang mày-mặt. Câu rằng : « *Chơi trăng từ thủa trăng tròn,* » kẻ làm ra thơ ấy, chừng biết trăng chăng !

Vế dưới. — Trăng như vận-sự một người, đến cái thời-kỳ tiến-học, thì văn là văn Siêu Quát, thơ là thơ Tùng Tuy. Trăng như dân-tộc một nước, đến cái thời-kỳ phát-đạt, thì vua là vua Đinh Lý, tướng là tướng Trần Lê. Cho nên trăng chửa rằm thì trăng kém cạnh với non sông, trăng đến rằm thì trăng tròn vành với thế-giới. Câu rằng : « *Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,* » kẻ vịnh ra lời ấy, chừng cũng biết trăng chăng !

Câu thúc-đề. — Ai lên nhắn-nhủ chị Hằng !

TÙNG-VĂN

---

(1) Thủy-tinh = đời thường gọi mặt trăng là thủy-tinh, mặt trời là hỏa-tinh, tinh là tinh-anh.

(2) Hối — âm-lịch ngày ba-mươi.

(3) Sóc — âm-lịch ngày mồng một.

(4) Hạ-huyền — âm-lịch khoảng ngày hai-mốt hai-hai, trăng khuyết đi chỉ còn một nửa, tựa như cái giây cung, gọi là hạ huyền.

(5) Thượng-huyền = âm-lịch khoảng mồng tám mồng chín, trăng đầy lên mới được một nửa, cũng tựa như cái giây cung, gọi là thượng-huyền.

TÂM-LÝ-HỌC (1)

Phần thứ hai
Đời tình-tự
Chương I ~~IX~~ thứ nhất

Thế nào là tình-tự ?

Phần trên kia đã khái-luận về cái đời tâm-lý. Nay xét riêng một bộ-phận của đời tâm-lý, là *tình-tự*.

Về sự dùng chữ trong tâm-lý-học, phải cho thật phân-minh nhất-định. Ở các báo các sách thường dùng chữ tri-giác, chữ cảm-giác, lẫn với nghĩa tình-tự, cảm-tình. Khi bàn phiếm thì dùng mập-mờ cũng không hại lắm, nhưng đã định khảo một món khó như món triết-học, là học cái máy óc người ta mà người viết dùng chữ không nhất-định, người đọc không nhận được nhất-định thì không tránh khỏi sự lẫn-lộn (2). Cảm-giác (*sensation*) như nhìn sắc đen, trắng..., nghe tiếng to nhỏ; cảm-tình như thương, tiếc, buồn, vui...

Trong tình-tự, việc nào đến kích-thích mạnh vào linh-hồn gọi là « cảm-động » (*émotions-chocs*), như nghe thấy tiếng kêu dữ-tợn, tiếp được tin người thân chết, bị người khác lăng-mạ; lúc đó linh-hồn bị « động » (*recevoir un choc*) thật mạnh, rung-chuyển cả cơ-thể, rối-rạc cả thần-trí. Tóm lại thì những sự lạ quá, sự vui quá, buồn quá, tức-giận, khiếp-sợ, là « cảm-động ».

Những sự tiếc, sự lo, sự ghen-ghét, kiêu-ngạo, cảm-phục, thì là « cảm-tình » (*émotions-sentiments*). (Ghen-ghét mạnh có thể là một « cảm-động » được.)

Khi có cảm-động, trí người chỉ đứng địa-vị « thụ-động » (*rôle passif*). Cảm-tình có thể khiến người ta làm việc này việc nọ. Khi nào cảm-tình, làm cho trí hoạt-động được như thế, thì gọi là « khuynh-hướng » (*inclinations*). Như tình yêu con khiến mẹ làm ăn vất-vả, tình yêu nước khiến dân chăm-chỉ làm ăn cho nước giàu mạnh, liều mình chịu khổ cho nước thảnh-thơi. Mạnh lên một từng nữa thì sự « khuynh-hướng » thành sự « ham-mê » (*passions*).

Vậy ta có thể lấy biểu sau này mà chia các việc về tình-tự :

- **Tình-tự**
  - **Phần thụ-động**
    - — Cảm-giác-thượng khổ-lạc (*Plaisirs et douleurs physiques*), như ngửi hoa thơm, ăn miếng ngon, thỏa dục-tình; đứt tay, bỏng, cóng.
    - — Tình-tự-thượng khổ-lạc (*Plaisirs et douleurs morales*), như thi đỗ, con thấy cha chết, dân thấy nước suy.... Tình-tự khổ-lạc lại chia ra hai phần :
      - 1o/ Cảm-động (*émotions-chocs*)
      - 2o/ Cảm-tình (*émotions-sentiments*)
  - **Phần hoạt-động**
    - — Khuynh-hướng
    - — Ham mê

(1) Xem *Nam-Phong* số 89, 90, 92.

(2) Trong quyển « Tâm-lý-học » (Leçons de Philosophie. Tome I, Psychologie, par Roustan, Librairie Delagrave, 1923), trang 139, ông Roustan đã bàn đến vấn-đề này. Chữ Pháp là chữ phân-minh thế mà ông còn chê là hàm-hồ; huống-chi quốc-văn ta còn trong kỳ phôi-thai, tránh sao được sự danh-từ lẫn-lộn.

Chương thứ hai

Khổ-lạc-tình

Cái khổ, cái sướng, ai cũng biết, không cần phải giải-nghĩa nữa. Nay thử xét xem khổ-lạc-tình vì đâu mà có, ở đâu mà ra. Trên kia đã nói rằng không có việc gì « thuần-tình », thì « khổ-lạc-tình » cũng không phải là việc« thuần-tình. »

Duy-trí-thuyết (*Théories intellectualistes*). — Theo phái duy-trí thì bao nhiêu sự khổ-lạc, bao nhiêu sự cảm-động, cảm-tình của ta đều là công việc của trí hết thảy.

1o) Ta sướng là vì ta « phán-đoán » (*nous jugeons*)rằng ta đã làm được một điều thiện, mĩ ; ta khổ, ta buồn là vì ta biết ta còn khuyết-điểm, chưa được hoàn-toàn. Vậy thì : tình-tự là một sự phán-đoán về cái giá mình(*un jugement de valeur*). Thí-dụ như : Tôi đọc sách khó mà lấy làm vui, là vì tôi biết rằng sự đọc sách bổ-ích cho tôi ; nhà mĩ-thuật thấy việc mình làm vụng xấu,xét cái « giá » mình kém thì buồn.

Lấy thường-tình mà xét, thì thuyết ấy đúng lắm. Bao nhiêu điều vui điều buồn, nỗi sướng nỗi khổ của ta là do *trí* ta cả.Một người mắc tử-bệnh mà không biết rằng bệnh có thể tổn đến tính-mệnh, thì cũng có thể vui được. Người ta thông-minh bao nhiêu, khôn bao nhiêu, hiểu việc đời bao nhiêu, thì càng khổ bấy nhiêu. Thậm-chí có nhà quá nỗi-chí, quá buồn đã nói rằng : nếu mà mục-đích ở đời này chỉ là vui sướng thì muốn cho một dân-tộc sướng, không nên dạy học cho khôn làm gì(1).

2o) Thuyết duy-trí của phái ông. Hébart lại có mộtcái tính-cách riêng Theo phái này thì khổ-lạc-tình không phải là sự phán-đoán về giá-trị. *Cái ngoại-cảm hệt như cái hình-dung sẵn trong tâm-lý thì thành lạc-tình ; nếu ngoại-cảm phản cái hình-dung sẵn trong tâm-lý thì thành khổ-tình.* Ví như ra ga đón người bạn. Trong khi đón tất trong óc hình-dung sẵn cái lúc gặp nhau tay bắt mặt mừng, trò-chuyện vui-vẻ. Nếu mà gặp bạn thật thì ngoại-cảmvà mộng-tưởng hệt nhau, thành ra vui mừng. Nếu đương lúc hình-dung như thế mà tiếp được giây-thép báo người ấy chết thì cái tin buồn ấy trái hẳn với mộng cũ, làm ngưng-trệ cả sự tưởng-tượng lại, thành ra buồn.

* *

Trên mới giảng-nghĩa cái khổ-lạc-tình của tình-tự, chưa xét cái khổ-lạc của xác thịt. Theo các nhà sinh-lý-học (*physiologistes*), nhất là các nhà thuộc phái « tiến-hóa » như ông Spencer, ông Darwin, thì bao nhiêu cái khổ là cái hại đến thân-thể, bao nhiêu cái sướng là cái lợi cho thân thể. Như đói là khổ, khát là khổ, bỏng là khổ ; đói được ăn là sướng, khát được uống là sướng, vân-vân ; vì thiếu đồ ăn, thức uống thân-thể khô ráo ; ăn uống đều là cái mà thân-thể cần để sinh-hoạt, đều là sự lợi cho thân-thể. Phái ấy nói rằng : Giống sinh-vật nào cũng phải tránh các cái hiểm - nghèo đến tính-mệnh, tìm cái lợi cho tính-mệnh thì mới

---

(1) Ông Renan, trong sách « Tiền-đồ của Khoa-học » (*L'avenir de la Science*) đã nói rằng : « Vâng, tôi xin chịu rằng kẻ chất-phác là kẻ sướng nhất. Nhưng, có thể vì thế mà không nâng cao cái nhân-phẩm lên không ? Vâng, tôi xin chịu rằng kẻ kia mắt càng mở ra bao nhiêu thì càng khổ thêm bấy nhiêu. Nhưng mục-đích đời này không phải là vui sướng, mục-đích ở đời là làm sao cho nhân-cách hoàn-toàn. Những kẻ chất-phác kia cũng có quyền được nếm cái mùi khổ cao-thượng đó, chứ ! »

sinh-tồn được. Không tránh được cái hiểm-nghèo là khổ, gặp được cái lợi là sướng.

chương thứ ba:

CHƯƠNG THỨ XX
IX.

Cảm-động cảm-tình
(*Les émotions*)

Trên đã nói về khổ-lạc-tình. Khổ-lạc-tình có hai loại, một loại thuộc về xác thịt, một loại thuộc về linh-hồn. Nay xét riêng về cái « tình-tự-thượng khổ-lạc », nghĩa là xét về cảm-động và cảm-tình. Lại phải xét cảm-động và cảm-tình khác cảm-giác như thế nào.

1º/ Nguyên-nhân của cảm-giác là một sự xúc-động đến xác thịt, nguyên-nhân của cảm-động cảm-tình là một cái ý-tưởng (*idée*). Như bỏng là một cảm-giác, vì sự bỏng là một sự hại đến cơ-thể người; sự sợ là một sự cảm-động, hoặc một cảm tình, vì có tưởng đến một sự nguy-hiểm thì mới có. Như trông thấy hổ, thấy lửa mà sợ, thì cảm-động cũng có nguyên-nhân vật-chất như cảm-giác ư? — Không trông thấy lửa mà biết rằng lửa ấy không làm hại được, trông thấy con hổ trong chuồng sắt thì không sợ, vì không có ý-tưởng rằng có sự nguy-hiểm.

2º) Cảm giác chỉ ở một khu trong thân-thể; cảm-động cảm-tình không ở chỗ nào trong thân-thể cả. Như: đau bụng thì ở bụng, đức đầu thì ở đầu; sự sợ, sự buồn, không thể để ở chỗ nào trong thân-thể được.

3º/ Cảm-giác chỉ thoảng qua. Cảm-động và nhất là cảm-tình thường dai. Như vết thương hàn thì cảm-giác hết; đã có một cảm-tình thì về sau lúc nào gợi ra là lại có.

4º/ Sự vui về cảm-giác quá hay chán, sự vui của tinh-thần không biết thế nào là đầy-đủ.

Thuyết các nhà sinh-lý-học. — Năm 1884 và 1885, một nhà tâm-lý-học Mĩ, là ông WILLIAM JAMES, một nhà sinh-lý-học Đan-mạch (*Danemark*) là ông bác-sĩ LANGES phát-minh ra một thuyết mới về cảm-động và cảm-tình, làm cho sự phân-biệt trên kia sai cả. Hai ông khởi-xướng ra trước, rồi nhiều người cũng theo.

Thường ra thì ai cũng nói rằng: 1º người mẹ nghĩ đến con mới chết, 2º người ấy buồn, 3º/ rồi người ấy khóc. Ông JAMES và ông LANGE lại nói rằng: 1º/ Người mẹ nghĩ đến con, 2º/ Người ấy khóc, 3º/ Rồi người ấy buồn. Ông JAMES nói rằng: « Nếu ta tưởng-tượng ra một cái cảm-động mạnh, rồi ta lại rút cả các hiện-tượng vật-chất đi, thì không còn gì là cảm-động nữa, khi đó chỉ còn một sự tri giác (*perception*) rất thờ ơ của linh-hồn. Lại có cái sợ nào mà bỏ những trống ngực đập, sự thở hất-hểu, mặt sám, mình run đi, mà còn được không? Tôi không thể sao tưởng-tượng được một sự sợ ấy. Có ai tưởng-tượng được sự giận mà lại không có cái xung tiết, đỏ mặt, nghiến răng, chân tay giơ giáo không? Có ai tưởng-tượng được một cái giận mà mạch máu vẫn chạy như thường, cơ-thể vẫn bình-tĩnh như thường không? Kẻ viết mấy dòng này, chịu không thể tưởng-tượng thế được.

« Sự buồn cũng thế: không có những cái thổn-thức trong ngực, nước mắt nước mũi nức-nở, thì sự buồn có thể có được không?... »

Có thể lấy biểu sau này mà cắt nghĩa thuyết ấy :

Lúc đi					Lúc hưởng lại		
I	T.T	L.T	P	H.T	N.C	C
Ý-niệm hoặc tri-giác	Trung-tâm của lý-tâm-thần-kinh	Động-tác của li-tâm-thần-kinh	Hiện-tượng vật-chất phát-hiện	Theo hồi-tâm thần-kinh mà hưởng lại	Não-căn	Cảm-động Cảm tình

Một ý-niệm (*idée*), hoặc một tri-giác (*perception*) làm động chỗ chứa các thần-kinh li-tâm (*nerfs efférents ou centrifuges*), ở thần-kinh li-tâm từ chỗ trung-tâm đó bị động-chuyển ra đến ngoài làm cho thân-thể biến đổi (đỏ mặt, run tay, khóc, cười) Sự đỏ mặt, run tay, tiếng khóc cười lại động đến thần-kinh hồi-tâm (*nerfs afférents ou centripètes*) ; thần-kinh hồi-tâm lại chuyển cái khóc, cái cười vào não căn (*centres receptieurs*); lúc bấy giờ mới thành cảm-động hoặc cảm-tình. Cứ theo như thế, nếu khiêu-động các hồi-tâm-thần-kinh H. T thì có thể có cảm-động hoặc cảm-tình được, dẫu bỏ hẳn các phần I. T.T, L.T, P. đi cũng được.

Ông LANGE bảo rằng có thể có các thứ cảm-động hoặc cảm-tình ấy được. Ông nói rằng : khi đứng cạnh khẩu đại-bác, biết trước rằng không có gì nguy cho mình, thế mà cũng nhiều người nghe tiếng kêu to mà sợ, mà cái sợ này cũng đủ tính-chất, đủ dấu-hiệu phát ra ngoài như cái sợ vì một ý gây nên.

Nhưng dù sao chăng nữa, cũng không thể bỏ ảnh-hưởng của ý-tưởng được. Như một người thợ vẽ, trông thấy một bức vẽ xấu giận bẻ bút đi, đạp đổ ghế đi. Theo thuyết Giam-Lăng (théorie JAMES-LANGE) thì người thợ vẽ ấy tức-giận vì bẻ bút đạp ghế... Cắt nghĩa như thế thì ai cũng phải cho là vô-lý.

Sự giận của người thợ vẽ kia lại không vì tranh mình vẽ không hệt tranh trong mộng sao ? Phái « duy-trí » (*intellectualisme*) đến đây chắc là đắc-lực hơn phái Giam-Lăng.

Chương thứ IV

XIV

Các sự khuynh-hướng

(*Les inclinations*)

Người ta ai cũng có cái điều khuynh-hướng ; khuynh-hướng được thỏa thì có lạc-tình, khuynh-hướng bị trái thì có khổ-tình. Chia các khuynh-hướng ra mà học, tức là xét các cách người đời tìm vui tránh khổ. Bao-nhiêu sự hoạt-động của loài người đều có hai mục-đích : một là « vì ta », hai là « chẳng vì ta » ; cái « ta » (*le moi*) và cái « không phải là ta » là hai cái « cực đoan » (*pôles*) của đời hoạt-động người ta. Bởi thế các khuynh-hướng chia ra như sau này :

I. Khuynh-hướng « vì ta »

II. Khuynh-hướng « chẳng vì ta » :

a) Xã-hội khuynh-hướng

b) Tối-cao khuynh-hướng

Duy-kỷ khuynh-hướng (*vì ta*). — Cái khuynh-hướng to nhất về hạng này là sự « ham sống » (*conservation*). Người ta, ai cũng muốn sống, sợ chết. Lọt lòng ra biết bú, biết nhắm mắt lại khi có bụi đến, thấy nóng bỏng biết dụt tay lại, đó toàn là cái thiên-tính cần để bảo-thủ lấy tính-mệnh cả. Cái thiên

tính dễ bảo-thủ lấy tính-mệnh của người không được hoàn-toàn lắm. Như đói biết ăn, nhưng ăn không biết chọn. Xem như trẻ con lúc mới biết ăn, bạ cái gì cũng bỏ mồm. Giấy, gỗ, cái gì hình như chúng nó cũng cho làm ngon. Vì cái thiên-tính không được hoàn-toàn mà người ta ăn, uống, hút những chất độc vào người, như rượu, thuốc lào, thuốc lá, thuốc phiện.

Xem như thế thì biết rằng cái thiên-tính dễ giữ đời lại của người ta cũng không chắc lắm; nhưng lòng ham sống khi phát-hiện thì cũng mạnh lắm, biết chống những cái hại đến sự sinh-tồn, biết tìm cách mà giữ đời lại. Vì sự tự-thủ tính-mệnh mà có tính sợ chết, sợ tiếng động, sợ tối.

Sợ chết. — Người ta dẫu bạo đến đâu thì cũng là sợ chết, sự đó thật là có như thế. Khi mới lớn lên, biết trông cảnh-vật là biết đến sự chết rồi. Này trông hoa sáng nở tối tàn, trông sông lúc đầy lúc vơi, trông trăng khi tròn khi khuyết, khiến ta suy được lẽ thủy-chung. Có đầu thì có cuối, có sinh thì có diệt, lẽ trời tất-nhiên như thế (1). Trông hoa, trông cây, trông trăng, trông người, rồi ngẫm đến mình mà nghĩ đến cái lúc sau cùng đời mình thì thật là thảm quá! Cõi đời như con đường dài, cuối cùng có cái vực thẳm. Bước đời phải bước, không được dừng, mà bước đi đâu? Đi đến cái vực thẳm đen tối thẳm đạm kia. Khi kề miệng cái vực thẳm rồi, dốn cũng không được, từ cũng không được. Bước đi! bước đi! đi đi!... Thời-gian ép thế. Từ làm sao? chối làm sao? Ối chao ơi!... cất một chân lên, còn lại có một chân ở đất liề...! Hạ chân xuống, đảo lăn ngay xuống cái nơi tối-tăm mù-mịt, mờ-mịt bao-la. Hồn đã rơi xuống khe núi còn có tiếng kêu tiếng vang, chứ người đời mà rơi xuống cái « vực thẳm » cõi đời, thì thật là lặng ngắt như tờ, bức tranh nhân-ảnh lờ-mờ tối-tăm. Ông Hóa-công đặt ra trăm nghìn vạn ức con đường quay đầu về một chỗ là cái «vực thẳm ». Khách đời có kẻ đi được con đường phẳng-phiu, ở giữa bóng mát, hai bên hoa thơm; có kẻ phải đi con đường gồ-ghề chấp-chởm, những núi cùng đèo, những sỏi cùng đá, cát bụi tung trời; lại có kẻ trong bước đường được no say ấm-áp; có kẻ bị « lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da ». Nhưng dù khách đời đi được đường phẳng-phiu hay đi phải đường gồ-ghề, dù

(1) Tôi nhớ trước có đọc một quyển tiểu-thuyết, nhan đề là « Gò tịch-mịch » (*L'île silencieuse*) quên mất không biết của ai làm. Truyện đại-khái như sau này:

Một ông góa vợ, có một đứa con gái mới đẻ. Ông thương tiếc vợ quá mà ông ghét cái sự chết qua. Liền mang con ra ở một cái đảo không có người. Ra đó ông tuyệt-nhiên không cho con biết đến sự gì là sự chết cả. Sáng ông đưa con đi xem hoa đào, ông bảo con rằng: « Hoa này cứ như thế này mãi, cũng như bể kia cứ đầy nước mãi ». Chiều ông lại giắt con ra chỗ khác, đợi lúc con ngủ, ông ra dọn hết cánh hoa đào rụng, vứt xuống bể phó mặc làn sóng. Sáng mai hoa đào nở ông lại đưa con ra xem, nói dối là hoa đào hôm qua. Ông chỉ cho con ăn quả mà ông cũng không cho biết là cái gì. Cứ như thế trong mai ba năm trời, cô ả tuyệt-nhiên không biết rằng cái gì là có ngày cùng-tận. Bỗng-nhiên có một hôm ông nhãng đi, cô ra sau vườn ngắm hoa thấy dưới gốc cây có một con chim chết. Cô lấy tay lay rồi nói rằng: « Ô hay! sao nó không bay, sao nó không cựa, sao nó cứng đờ ra như thế này? » Cô liền vác con chim về hỏi cha. Ông bố trông thấy thất-thần đi. Cô hỏi tại làm sao chim không bay. Lúc đó bất-đắc-dĩ ông phải nói thực. Ngọn tráo trong bụng đầy vơi thổn-thức, không sao nén xuống được, ông liền kể cả tuồn-mẩu có đã chết và ý ông định không cho cô biết cái gì là sự « chết », cái gì là « hết », cái gì là « cùng » nữa. Ông nói xong thì cô bé đứng ngẩn người ra một lúc, rồi vào đi nằm. Đêm hôm ấy thì chết! — N. T. L.

được ấm-áp no-nê hay là phải đói-rét khổ-sở thì bước cuối cùng cũng đến là kêu một tiếng « ối chao ôi ! » mà chịu cho cõi hư-vô biến-ảo hút đi. Than ôi ! hỡi ôi ! cái vực thẳm đó, có phải đến bước cuối cùng mới trông thấy đâu ! Tiếng « ối chao ôi ! » có phải đến bước cuối cùng mới kêu đâu ! Này thăm-thẳm sâu-sâu, mắt thấy ngay từ lúc bắt đầu mới bước chân đi, từ lúc còn ở trên con đường dài rộng. Văn ông PASCAL về mục « vô-tận », có phải tiếng « ối chao ôi ! » đó không ? Câu « Nào đâu sương-tuyết thủa xưa ? » (*Où sont les neiges d'antan?*) của ông VILLON, có phải tiếng « ối chao ôi ! » đó không ? Câu :

Trăm năm còn có chi đâu !
Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì !

có phải tiếng « ối chao ơi ! » đó không ?...

Sợ tối và sợ tiếng động. — Cái sự sợ tối và sợ tiếng động đều là bởi tính sợ chết mà ra cả. Người ta dù can-đảm đến đâu, dù hay mạo-hiểm đến đâu thì ngày cũng bạo hơn đêm. Cái tính sợ tối đó là tính chung cho cả nhân-loại, không có trừ ai. Có người cãi rằng : « Đã bạo thì tối cũng như ngày. » Xin trả lời rằng : « Tối thì ai cũng sợ, chỉ có kẻ nhiều người ít thôi. Dứt tính sợ chết đi thì thôi, chứ còn sợ chết, còn muốn sinh-tồn thì còn sợ đêm tối. » Có người sợ tối vì sợ ma, đó là hạng người tin nhảm không kể. Những nhà bác-sĩ, những người có hồn « khoa-học » (*esprit scientifique*) không tin ma sao cũng sợ tối ? Có nhà triết-học nói rằng tính sợ tối là tính của tổ-tiên đời hang lỗ truyền lại. Thuyết ấy xét ra thật đúng.

Thời thượng-cổ, giống người còn ở hang nằm lỗ thì cũng như một con vật mà lại là con vật yếu nhất. Chung quanh những nguy cùng hiểm : ác-thú, ác-điểu không thiếu gì. Các cái hiểm nghèo đó, ban ngày còn sợ vừa thôi, vì còn trông thấy con ác-thú lại gần, còn tìm cách chống lại được hay còn chạy trốn được, nghĩa là còn biết trước để mà phòng. Song, đến đêm, tối-tăm mù-mịt, cái nguy ở bên cạnh cũng chưa biết, không biết thế nào mà giữ trước được. Cho nên đêm đến thì đâu vào đó, sợ-hãi vô-cùng, không chắc trông được ánh sáng một lần nữa. Đêm là chết, ngày là sống. Nhân-loại ở vào cái cảnh khổ-sở hang lỗ như thế đến hàng triệu năm. Trong hàng triệu năm, cái tính sợ tối — tức là tính sợ chết — thâm nhập tâm-can, ăn sâu vào não-tủy, thành ra một cái thiên-tính. Cái thiên-tính ấy di-truyền cho đến người đời nay.

Nhân-loại về thời khốn-nạn hiểm-nghèo ấy, trong ban đêm tối-tăm mù-mịt mắt không trông thấy được cái hiểm nghèo, hễ tai nghe thấy tiếng động thì chắc có vật gì đến làm hại ; bởi thế tiếng động là hiệu báo trước sự nguy-hiểm. Thiên-tính sợ tiếng động đó cũng di-truyền cho đến người đời nay.

Thích yên vui — Người không chịu cứ khu-khu giữ được sự sinh-tồn mà thôi, lại còn muốn gây lấy những sự vui lâu dài về sau. Lòng thích sự yên-vui, ai cũng có. Bởi vì người ta cầu cái sự yên vui lâu dài về sau đó, nên mới có bụng qui tài-sản. Tính-chất hay thì thành người cần-mẫn tiết kiệm, điều-độ ; tính chất dở, hay suy tính hẹp-hòi thì thành người biển lận, chắt-chiu, thô-bỉ. Thô-bỉ hay cần-kiệm biển-lận hay điều-độ, chẳng qua cũng vì người đời cầu sự yên vui khéo hay vụng đó mà thôi.

Có người nói rằng người đời có tính thích súc-tích tài-sản, là vì lòng muốn sinh-tồn mà ra. Nhưng cũng có khi người ta yêu tiền vì tiền, chứ không phải yêu tiền vì tiền được việc cho người ta. Một nhà triệu-phú lỡ phải một phen buôn thua bán lỗ, của chỉ còn ít thì tự

tử. Nhưng giá lấy cái của ít còn lại ấy mà cho một người bình-thường thì người bình-thường đã lấy làm sướng lắm.

Hiếu-động. — Sống được ở đời, người đời cũng chưa chịu yên, yên vui rồi cũng chưa đủ. Này thử xem đứa trẻ con mới lọt lòng mẹ, oe-oe tiếng khóc mà đã hay cựa-cậy. Có phải rằng người ta bản-dĩ là hiếu-động không ?

Có người ngồi rồi không có việc gì, cầm cái ống thuốc mà xoay, cầm cái cúc áo mà vân-vê ; trong khi đó cũng không biết rằng mình làm gì. Ai bảo rằng thế là sự tự-nhiên, nhỏ-nhen, không cần nói đến ; nhưng tôi thì dám bảo rằng tính hiếu-động phát-hiện. Động xác thịt chưa đủ, người đời còn thích động cả linh-hồn trí-tuệ. Đời có người cặm-cặm cúi-cúi suốt một đời ở cái con số, ở các hình tam-giác lục-lăng, ở cái nguyên-lý của sự-vật. Hơn trăm ngày chúi trong rừng tối đen thẳm như mực ở trung-bộ Phi-châu, có người lấy làm thích ; hàng tháng trời ở trên núi tuyết rừng băng ở Nam-Bắc-cực, có kẻ lấy làm vui (1). Ai bảo rằng những người ấy hiếu-học, ai bảo rằng những bậc ấy có lòng vì nhân-loại ; mà tôi thì dám quyết rằng lòng hiếu-động phát-hiện. Lại xem như người đời thích xem, thích nghe những truyện bi-thảm ; lại xem như đi nghe hát chèo, tấn buồn-bã lầm-li có người thích, trò khôi-hài bông-lơn có kẻ ưa. Có phải rằng người đời vừa thích khóc mà cũng vừa thích cười không ? Tóm lại mà nói là linh-đài hiếu-động. Vì thế nên người đời mới ham đánh bạc. Trong cuộc đồ-bác, thân-thể động, linh-đài động. Hết bắt bài này thì xoay bài khác. Có hi-vọng, mất hi-vọng, rồi lại có hi-vọng. Mỗi cái có hi-vọng là được một điều nghĩ, động tinh-thần biết bao ! Mỗi cái nghĩ, tay lại sờ bài, động thân-thể biết bao ! Mỗi cái mất hi-vọng lại được nghĩ nước khác, tay lại được xoay thế bài khác : động tinh-thần biết bao ! động thân-thể biết bao !

Các tính vặt như hiếu-kỳ, hiếu-sự, đều là lòng hiếu-động phát-hiện cả.

Tự-ái. — Lòng tự-ái hay là lòng ái-kỷ là cái tính mình tự đối với mình, mình tự cho mình cái phẩm-giá, mình tự yêu mình. Không nên lẫn với chữ ích-kỷ, tư-kỷ, vị-kỷ, *(égoïsme)*. Kẻ ích-kỷ, tư-kỷ, là một kẻ tục-vật thô-bỉ ; người tự-ái có thể là người hay. Tự-ái, tự-trọng, tự-tôn, là ba đức riêng của người ta. Ở kẻ quyền-thế lòng tự-ái là lòng kiêu-ngạo, ở kẻ yếu hèn là tính căm-hờn, ở kẻ ngu-dốt là tính đường-điếm, là tính hợm xằng. Đối với người khác là lòng ganh đua ; đối với xã-hội là lòng tham-lam ; đối với linh hồn là lòng tự-trọng. Lòng danh-dự là bậc cao nhất của lòng tự-ái. Giữ mình làm sao cho đối với lương-tâm, đối với tâm-hồn, đối với chúng-nhân, đối với thân mình không hề hổ thẹn, đó là lòng danh-dự trong-sạch nhất.

Đã tự-ái thì muốn mua cái khen của người khác, khéo mua thì danh-dự còn, vụng mua thì danh-dự mất — danh-dự trong-sạch mất, chứ hư-danh thì có khi vẫn còn, — còn hư-danh, thế là thỏa cho người đời. — Đã tự-ái thì muốn bằng người, muốn vượt người ; khéo giữ thì là lòng ganh-đua, phấn-trấn, tự-cường ; vụng giữ thì thành lòng kèn-cựa, đố-kỵ, tham-lam.

Những lòng tự-cao, tự-đại, tự-trọng, tự-kính, tự-tôn, tự-tín, theo tâm-lý-học đều do lòng tự-ái mà ra cả. Lòng tự-

(1) Đó là các nhà thám hiểm như LIVINGSTONE, STANLEY, NANSEN, vân-vân.

ái của kẻ làm con là hiếu-thảo, lòng tự-ái của kẻ làm cha là từ-thiện, lòng tự-ái của con trai là chí-khí, lòng tự-ái của đàn-bà con-gái là trong-sạch.

Mến tự-do. — Người ta muốn sống, hiếu-động, nhưng nếu bị bó-buộc giam hãm thì có khi cũng chẳng ham sống, cũng chẳng hiếu-động. Lòng tự-ái bị khốn-nhục thì cái tính-tình đều bại-liệt mà trong lòng uất-ức không thiết gì nữa. Hồi Đại-Cách-mệnh nước Pháp, dân Pháp có câu phát-thệ rằng: « Vô tự-do, bất-ninh tử » (*Vivre libre ou mourir*). — Câu phát-thệ đó là cực-tả cái lòng mến tự-do của loài người. Ta làm việc gì, không thích ai bắt-buộc, sai-khiến hoặc chỉ-bảo mà thích tự làm lấy, dẫu có hỏng cũng cam-tâm: « Nên ra tay kiếm tay cờ, chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai! »

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT

LỜI KHUYÊN CON (1)

(*Mấy bức thư của* TĂNG VĂN-CHÍNH *viết cho các con*)

III

25. — Thư cho Kỷ-Trạch

Giữa giờ sửu hôm hai-mươi-nhăm tháng bảy, thầy vừa đi đến điếm Tiểu-trì, huyện Thái-hồ, tỉnh Yên-huy, sực nghe thấy tin bà mất, thầy thảm-thương quá! Thầy không biết tu-đức, không có tài-học thực mà lại được cái hư-danh, vẫn tự biết rằng thế nào cũng có tai-vạ biến-loạn, vẫn biết sợ-hãi đã lâu rồi, không ngờ Trời chẳng hại mình thầy mà làm hại bà, thầy nghĩ lại ngày thường đã giấu-giếm biết bao tội ác rồi, bây giờ lại nghe thấy tin này, thật là khổ quá!

Từ bến Tiểu-trì đến bến sông cái, đường xa tới hai trăm dặm, hai hôm nay vẫn thuê một cái kiệu nhỏ đi đường bộ đến bến sông địa-phận huyện Hoàng-mai, tỉnh Hồ-bắc, mới thuê thuyền đi đường thủy. Kể từ Hoàng-mai đến Võ-xương ước xa độ sáu bảy dặm, tự Võ-xương đến Trường-sa ước độ một nghìn dặm, tính hành-trình độ quá rằm tháng tám thì đến nhà. Kể từ khi thầy bước chân ra khỏi nhà đến nay, vừa mười bốn năm, không được lại thấy tiếng-tăm bóng-dáng bà nữa, đau-đớn quá, đau-đớn quá! Cái tội bất-hiếu, không thể giảm chút nào được, nay nghĩ đến nhà còn ở Kinh nhiều, khó lòng về quê được, nên gửi cái thư này vào, cứ theo mà liệu-lý như sau này:

1. — Lúc thầy ở Kinh bước chân đi đã đem việc nhà nhờ bác Mao Ký-Vân, bác ấy đã nhận lời rồi, bây giờ gặp việc biến này, nên nhờ bác ấy tính hộ, tốt thế nào cũng xong việc. Hiện bây giờ ở Kinh, tiền-bạc không có mấy, số người nhà về, tiền ăn đường phải tốn đến bốn năm trăm, nên nhờ bác Vân giúp hộ, ngoài ra những người cùng làng như bác Lê Viết-Kiên, bác Hoàng Thử, bạn đồng-niên như bác Vương Tinh-Am, bác Viên Ngọ-Kiền, ngày thường vốn là người rất can-đảm mà đãi thầy rất trung-hậu, cũng có thể nhờ giúp việc

(1) Xem N. P. số 89, 91.

hộ được. Song chịu ân-tình của người ta, nên tính sự báo-đáp về sau, đừng có cần người ta lắm. Còn như bác thông-gia họ Viên thì chỉ nên nhờ thu xếp hộ những sự vặt thôi, không nên cầu giúp tiền, vì rằng bác ấy cũng rất nghèo khổ.

II.— *Không nên đưa nhiều tờ cáo-phó lắm, trừ những người đồng-niên, người cùng làng và học-trò, ngoài ra chỉ những người nào có tên trong sổ đi lại thì hãng đưa, ngoài ra không nên đưa một cái nào. Tờ viết nhờ ông Bàng Tinh-Tam tiên-sinh thảo cho ; việc này vì không có tiền ăn đường, bất-đắc-dĩ phải làm thế, nên không nên bày vẽ lắm. cho rằng không bày vẽ gì nữa thầy cũng đã tức thẹn lắm rồi.*

III. — *Thầy vẫn nghĩ rằng khi thầy ở Giang-tây về nhà, các anh em bạn thân ai cũng tặng cho tiền bạc, nay không có gì tặng lại, thế là không phải, mẹ con trở về nên sắm ít đồ làm quà, nhưng sắm cũng chỉ nên sắm những thứ nhẹ-nhàng xinh-xắn, không phiền-lụy gì, như là các thứ mũ dạ, dây lưng thôi, cũng đừng sắm phí nhiều tiền quá. Còn như các thứ như lỗ-sa, thuốc đau mắt, cũng nên mang về một ít và mang nữa cân sâm Cao-ly nữa.*

IV. — *Kỷ-Trạch nên sắm một cái áo bông, một cái mũ dạ và một đôi dầy để về nhà lạy ông thừa-hoan cho tiện...* (đoạn dưới lược).

26. — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm hai-mươi-nhăm tháng bảy thầy đang đi ở địa-phận huyện Thái-hồ, chợt nghe tin bà mất, đau-đớn quá! Hôm ấy thầy thuê một cái kiệu nhỏ đi được sáu-mươi dặm, đêm hôm ấy không ngủ, có viết cái thư gửi vào Kinh để thu xếp việc nhà và bảo các con đưa giấy cáo-phó xong rồi thì trở về ngay, hôm hai-mươi-sáu lại gửi một cái thư, hôm hai-mươi-bảy lại gửi một cái thư nữa, vì sợ rằng tin đến chậm, cho nên mỗi chỗ phải gửi một cái, song đang lúc thương xót bồi-hồi, còn có điều chưa nghĩ tới, nay mới sực nghĩ tới, lại bảo con như sau này :

I. — *Những các món tiền người ta nợ nhà tính ngót một nghìn, duy có người bạn đồng-niên tên là Yền Ức-trai, bấy giờ thầy nghe hắn tỉ-tê nói mãi, cho hắn vay một trăm, nhưng xét kỹ ra hắn thực là người khá, không nên tiếc làm gì, nay tuy hắn đã làm quan chả nên nói làm gì nữa. Ngoài ra những người nợ mình, đều là người rất nghèo-ngặt cả, bây giờ mình tuy quẫn-bách thật, nhưng cũng đừng đòi người ta. Còn như ông thân-gia họ Viên và các ông bạn đồng-niên, đều là người nghèo-ngặt cả, chớ có đòi hỏi, họ có đưa lại cũng nên trả lại, vì rằng mình nợ người ta, đã không trả được hết mà lại muốn bắt người ta trả hết nợ mình, thế là không có lòng tha-thứ. Xem như khi trước ông Tê Viết-Kiền ở Kinh về rất là quẫn-bách mà không nỡ đòi nợ các bạn nghèo, đáng nên bắt-chước. Các người ngoài cũng có nợ thầy, nhưng họ cũng nghèo khổ cả, nên thầy cũng không viết thư đòi họ.*

II. — *Ở Cửu-giang có quan phủ là Trần Cảnh-Tăng và quan huyện tên là Lý Phúc, đều là bạn thân với thầy, thầy đã nhờ các ông ấy trông nom cho khi nhà qua đấy rồi, không lo gì, nhưng chỉ cần cho đi ngay, không nên cần miễn tiền thuế cửa ô. Khi các con đi qua đấy họ có trông nom giúp, thì chỉ nên cần cho đi ngay, đừng có xin miễn thuế cửa ô hộ nhà chủ lái đò . . .* (lược).

27. — Thư cho Kỷ-Trạch

Từ khi thầy nghe thấy tin buồn bà mất, ở huyện Thái-hồ trong mấy hôm hai-mươi-sáu, hai-mươi-bảy, hai-mươi-tám, thầy đã viết ba cái thư bảo con thu xếp về nhà. Đến hôm mười-ba mười-bốn, mười-sáu tháng tám, thầy lại gửi

cho mấy cái thư cho con biết rằng quân giặc đang vây ở Tràng-sa, không nên về nữa, chẳng hay con đã tiếp được chưa ?

Hôm hai mươi ba thầy về tới nhà êm-thấm cả, ông, và ông chú bà thím trở xuống, ai cũng được bình-yên cả.

Từ khi thầy về nhà, bệnh lở mỗi ngày một bớt, quân đoàn-luyện ở đây người nào cũng luyện-tập khá cả, không lo gì cái hại giặc cỏ. Thế giặc đất Việt dẫu ghê thật, nhưng làng ta ở trong hõm núi, không tiện đường cái vào, chắc cũng không bị tàn-phá. Hiện nay thầy vâng mệnh ông đến mười ba tháng chín thì tạm quân bà ở sau núi, chờ khi bình-yên tìm chỗ đất khang-trang sẽ để lại, các sự làm ma, cái gì cũng tần-tiện cả. Thầy ở nhà cũng không nuôi người ở nào cả, vì rằng ở làng thì lại phải tập thói quen ở làng, không dám nhiễm cái mùi quan vậy. Con hầu mẹ con và trông nom các em trai em gái ở Kinh, một tí gì cũng phải cẩn-thận, bây giờ không nên về vội, để chờ thế giặc ở Tràng-sa lui rồi thầy sẽ gửi thư lại thu xếp cho về. Hiện nay ở vùng làng nhà cũng yên. Nghe đâu thế quân ta ở Tràng-sa thắng trận luôn, chắc dễ khỏi bị vây rồi, các con may cũng sắp-sửa có cơ được về rồi đấy. Thư không hết lời, lần sau bảo nốt.

28. — Thư cho Kỷ-Trạch và Kỷ-hồng

Thầy xuống thuyền ở Tế-ninh đi từ hôm mười sáu, đến đất Túc thì đổi sang thuyền nhỏ, trời nóng dữ lắm, suốt ngày không lúc nào ráo mồ-hôi, suốt đêm không ngủ được ít nào, so với hồi sang Lâm-hoài năm ngoái lại có phần khổ hơn.

Nhà ta đang bây giờ là lúc rất thịnh, mà khuôn-phép lễ-tiết trị nhà, chưa có cái gì làm cốt. Thầy xem xét những nhà thế-gia xưa nay, nhà nào được bền, cũng chỉ cốt có hai sự : trai phải học-tập cầy cấy, gái phải thêu-dệt cổ-bàn. Trong thơ Tư-can nói về việc nhà vua chúa, mà cũng có câu rằng : Con gái phải cần biết việc cổ-bàn. Quẻ gia-nhân lấy hào thứ hai làm chủ, cũng là trọng việc trông bếp nước. Một thiên Nội-tắc, nói về việc rượu-chè cổ-bàn đến một nửa, vì thế cho nên thầy thường bảo các con trai con gái nên thân làm mọi việc trong nhà trong bếp, mà chúng nó vẫn cứ coi là việc không cần cả. Từ nay về ở làng, đàn bà con gái tuy rằng không làm được các thứ cổ-bàn cho khéo lắm, nhưng cũng phải đến chỗ bếp-nước, phải học cách muối dưa muối rau, làm rượu làm giấm, mà các con thì phải lưu-tâm trồng hoa, trồng rau, thả cá. Vì những việc ấy đều là cái khí-tượng hưng-vượng nhà, chớ nên sao những thêu dệt tuy không làm được nhiều, cũng không được bỏ sơ-sài. Phòng người trên xướng lên trước, các phòng theo sau, thế thì gia-phong tự-khắc ngày một hậu thêm. Cần nhất.

29. — Thư cho Kỷ Trạch và Kỷ-hồng

Thầy đóng ở Lâm-hoài 7 ngày rồi định đi từ Hoài-viễn qua Mông-khẩu đến Chu-gia-khẩu, chừng độ tết trung-thu rồi thì đến nơi. Nếu bấy giờ chú Nguyên đã tới Túc-án, thì rồi thầy cũng liệu kế đến Nhữ-dương hay Nhữ-ninh để cùng họp mặt. Thầy bây giờ mỗi ngày một suy, sức mắt kém dần, nhưng những việc trong hàng ngày vẫn giữ mực thường, không có dám đổi thay chút nào cả. Sức-vóc các con yếu cả, lần trước thầy đã bảo năm phép dưỡng-sinh, đã làm được chưa ? Anh Trạch thì nên thêm một phép không uống thuốc xẳng nữa, là sáu phép. Đã biết giữ mình lại phải nên biết siêng-năng khó-nhọc, một nhà khá hay hỏng, người cùng hay thông có thể lấy hai chữ siêng-năng khó-nhọc đoán biết trước được. Anh Trạch biết tập siêng-năng, biết làm việc có thường thì tự-khắc bảy tám em con nó cũng trông gương theo nếp mà tiến lên cả.

Tờ bẩm của anh Hồng thưa lắm, từ rầy trở đi, cứ độ nửa tháng phải viết một lần ; tờ bẩm của anh Trạch thầy cũng hiểm rằng ít lắm, từ rầy trở đi nên bản-bạc việc đời và các sự học-tập nữa.

30. — Thư trả lời cho Kỷ Trạch và Kỷ-hồng

Thầy tiếp được cái thư viết hôm mười một tháng tám, mọi việc thầy đã rõ cả. Nhà định đến hai mươi tháng chín về làng, hai mươi bốn tháng mười cưới con Tư, các việc tưởng xong cả rồi chứ? Quần áo, các đồ trang-sức và các đồ cưới chỉ nên theo như lệ cưới chị Cả, chị Hai và chị Ba nó thôi, đừng có thêm hơn nữa. Kỷ-Hồng tiễn em về rồi, thì nên sắm-sửa lại dinh. Người thì thuê một cái kiệu ngồi, còn đồ-đạc thì thuê một cái xe nhỏ chở, còn người hầu đi xe hay đi ngựa, nên thưa với chú Nguyên sai người đưa đến La-sơn, rồi thầy sẽ cho người ra đón. Thầy nghe tiếng nói những phu ở đất Hoài không chắc dùng được đã lâu rồi, nhưng xét ra người đời bàn-tán lông-bông, chưa chắc đã tin hẳn được : chỉ cốt biết rằng đã yêu mà vẫn biết được cái xấu, ghét mà vẫn biết được điều hay mới được. Xem ngay như bọn Vương Cẩm-Hiến đều là người có chí cả, thì không nên tin hẳn được. Thầy xem những người có tài làm tướng giỏi hơn người, thật là hiếm có, nên cứ người nào có chút chí-khí khá thì cho là người khá mà tưởng-lệ cho thành-tài. Bệnh thầy tuy đã khỏi, nhưng vẫn chưa dụng-tâm được, nên thầy cũng đã định đến mười hai thì xin về nghỉ một tháng, để di-dưỡng tinh-thần.

31. — Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm mười ba thầy đã dâng sớ xin khai-khuyết, đến hôm hai-mươi - tám tiếp được chỉ phê cho nghỉ một tháng nữa, chữa trị cho khỏi, rồi phải tiến-kinh bê-kiến, thầy đã định đến đầu tháng giêng thì khởi-hành. Thầy bây giờ cũng không có bệnh gì khổ lắm, chỉ đau lưng run-rẩy, đêm không ngủ được thôi. Đang lúc kẻ ngờ người chết, tấm lòng cũng nao-nao, những nghĩ lại trong mấy năm nay làm việc không có điều gì lầm-lỗi cho lắm, tự xét lại mình cũng không có nhiều điều hối-hận như rạo mùa đông năm đinh, mùa xuân năm mậu.

Thầy có tiến kinh rồi, cũng phải làm sớ xin khai-khuyết, chỉ xin làm một chức tán-viên lưu lại ở dinh cho lòng quân yên-ổn, gánh nặng đã vơi, anh em thay nhau ở hầu, đợi đến lúc việc quân đã thong-thả, sẽ xin nghỉ về nhà viếng mộ một lần, thế cũng đủ làm vui lúc cuối xuân. Kỷ-hồng ở đây, sức-vóc vẫn khỏe, trí nghĩ cũng sáng-suốt thêm nhiều lắm, ít nữa rồi thầy cũng cho về nhà hầu mẹ con.

32. — Thư cho Kỷ-Trạch

Vừa rồi thầy đã dâng sớ tâu lại, xin đến đầu tháng giêng thì tiến-kinh. Thầy quyết nhất-định từ rầy trở đi không làm quan nữa, nhưng cũng không dám sinh lòng yên-nhàn ở nhà, chỉ ở trong dinh coi xét các việc vặt, để ràng-buộc lòng quân thôi. Không ở ngôi lớn, không làm quan to, thì may thoát được nạn to và lớn. Còn như những điều không may lặt-vặt thì phó mặc cùng sự đời. Thầy gần nay cũng hơi mạnh thêm, thằng em Hồng con cũng vạm-vỡ thêm ra. Trong nhà khá hay hỏng cốt tại chính-sự trong nhà chỉnh-tề hay không chỉnh-tề đó thôi. Mẹ con nên đốc-suất hai con dâu và các con gái chăm-chỉ hai việc cơm-rượu và thêu-dệt, đừng bỏ sao-nhãng. Bây giờ đang làm quan không can gì, nhưng lúc nào cũng phải nghĩ đến sự lúc thôi quan suy-kém mới được, cẩn nhất.

33.—Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm ba mươi tháng ba thầy đang đi ở đường lên Kiến-đức có tiếp được cái thư của chú Trừng gửi ở vĩnh-phong đến và một cái tờ bẩm lúc con ra tỉnh lưu lại. Còn cái thư khi con đã đến tỉnh mới gửi thì đến hôm hai mươi tám mới bắt được. Hôm hai mươi sáu thầy giỡ dinh khởi hành từ đất Kỳ-môn đi, đến hôm mồng một đến huyện Đông-lưu. Cánh quân họ Bão bảy nghìn người đã từ Cảnh-đức ra đi từ hôm hai mươi nhăm, đến hôm ba mươi đến Hạ-nguy, gặp mưa gió to phải đình lại, đến hôm mồng ba mới sang sông tiến lên Yên-khánh ngay, ước chừng độ mồng tám mồng chín thì tới nơi. Chú Nguyên chú Qui giữ Yên-khánh đã đứng vững được hơn mười hôm nay rồi, rất là bình-ổn. Cánh quân Chu Vân-Nam năm trăm hai mươi bốn người khởi-hành từ Kỳ-môn đi, đến hôm mồng hai thì tới Yên-khánh, để giữ giúp các dinh. Nhà ta cứ yên tâm. Lần này quân giặc cứu Yên-khánh bày thế trận xa ngoài nghìn dặm, như mặt tỉnh Hồ-bắc thì phá Hoàng-châu, phá Đức-an, phá Hiến-cảm, phá Tùy-châu, Vân-mộng, Hoàng-mai, Kỳ-châu; ở mặt tỉnh Giang-tây thì phá những chỗ Cát-an, Thụy-châu, Cát-thủy, Tân-kim, Vĩnh-phong, đều là dùng cách chia sức binh, làm tứ tung để cho ta mỏi mệt, đặt nhiều cách cho ta lầm lẫn, xem cách dùng binh của giặc lần này lại khôn ngoan dữ-dội hơn các năm trước. Nhưng ta chỉ cần hết sức phá vỡ được Yên-khánh, còn ngoài ra không cần tranh được thua vội. Cái cơ được thua chuyển vần chỉ độ một vài tháng nữa là quyết xong.

Phàm các nhà trong chốn hương-thôn, hễ thấy nhà nào thức khuya dậy sớm, rau dưa tươi tốt, thì phần nhiều là nhà khá, những nhà nào ngủ sớm dậy trưa, vườn rau cằn cỗi, thì phần nhiều là nhà sa-sút. Con nên xem các vườn rau trong tỉnh-thành, vườn nào có người trồng rau thuê nên thuê lấy một người về nhà dậy cách trồng-trọt, hoặc thuê hai người cũng được, giá hết bao nhiêu rồi thầy gửi về cho.

34.—Thư trả lời cho Kỷ-Trạch

Hôm hai mươi tháng sáu thầy tiếp được anh Đường Giới-khoa mang cái thư bẩm của con viết hôm mồng ba và một phong thư của chú Trừng đến, mọi sự thầy đã rõ cả.

Đã thuê được người trồng rau ở tỉnh về rồi, nhà nên bỏ một vài khu ruộng làm vườn rau, cứ độ mỗi miếng đất dài ba trượng, rộng hẹp độ bốn hay năm thước, phải để một cái rãnh, để cho lúc người đi nhổ cỏ hái rau đi vừa bàn chân, không séo phải chỗ trồng rau, rãnh đào rộng độ một thước sáu tấc, để cho khi gánh thùng tưới đi vừa không chạm hại cây. Miếng đất nào cũng thế, to nhỏ thứ nào cũng phải đào ngòi ngang rãnh dọc, thì lúc mưa nước mới chảy thoát, khỏi ngập hại rau.

Các vườn rau ở tỉnh Tứ-xuyên rất rộng, mà dưới rãnh quanh năm lúc nào cũng có nước chảy, đã hơi giống như phép tỉnh-điền (1) *đời xưa. Các nhà ở làng ta, vườn đất ít-ỏi, không thể đào hào ngay được, nhưng rãnh giọc thì phải đào cho nhiều. Các ông lão-nông ở làng ta, làm ruộng tuy không được sành lắm, nhưng cũng còn biết được qua-loa, còn như cách làm vườn, thì tuyệt không ai*

---

(1) *Tỉnh-điền* 井田, là phép đời xưa chia ruộng ra như chữ *tỉnh* 井 cầy-cấy chung quanh, ruộng công của vua ở giữa.

xét đến. Nhà ta mở cách trồng này, thì sau này đồi hoang đất rậm, có thể khai-khẩn hết được, để trồng các thứ lúa, các thứ rau ăn, rau thơm. Trồng rau là một mối lợi rất to, mà làng ta chưa ai làm thử, nếu nhà ta có phần ruộng núi, nên thử làm xem. Thầy bệnh dọt, hơi bớt, nhưng bệnh lở phá tệ, gãi luôn không được nghỉ tay. Chỉ may rằng ăn uống vẫn được như thường cả. Thế quân ở Yên-khánh cũng khá, may có thể lấy lại được.

Lâu nay thầy chưa kịp viết thư thăm chú Trừng, con nên đem cái thư này trình chú xem. Kính thăm em Trừng yên lành.

35. — Thư cho Kỷ-Trạch

Thầy tiếp được cái thư của chú Nguyên biết rằng tin mừng con Hai lấy nhà họ Trần định đến hai-mươi tháng giêng vào gửi rể, chú Trừng muốn làm thêm một cái nhà để cưới, nhưng ý thầy thì muốn cho làm lễ ngay ở nhà Hoàng-kim-đường, hay mượn quán nhà họ Tăng, làm lễ rồi, ở lại ba hôm, rồi lại đón về nhà Hoàng-kim-đường, tưởng mẹ con con và các chú đã bàn định xong rồi chứ? Nay gửi về hai trăm bạc để sắm-sửa đồ cưới, còn tiền chè rượu hết năm-mươi tiền, lần sau thầy gửi về nốt. Tình Chiết-giang mất cả rồi, thế giặc to lắm, khác hẳn khi xưa. Cánh quân họ Bão ở Thanh-dương, vì giặc nhiều quân ít, nên chưa làm gì được. Ở Vị-châu gần nay cũng bị vây, thầy phải đương cái trách-nhiệm to-tát nặng-nề quá, rất là lo buồn. Dọt lở cũng chưa bớt chút nào, cứ những lúc đau ngứa khó chịu, vẫn muốn thường được họp mặt với mẹ con con, chỉ vì quân giặc vây quanh cả, nên không dám vội đón lên; lại vì con Hai đi lấy chồng, Kỷ-Hồng phải đi thi, nên cẩng hoãn đến sang năm, xét xem thế giặc suy dần, Yên-khánh yên-ổn, thì mới cho đón mẹ con và Kỷ-Hồng lại. Vợ chồng con và anh Hai ở nhà liệu thu xếp mọi việc, nếu thế giặc ngày một hăng thì thầy cũng cho cả con lại một thể, độ tháng giêng tháng hai thì mới có tin chắc được.

36.—Thư trả lời cho Kỷ-Trạch

Thầy tiếp được cái thư của con gửi anh Hồ-nhi mang lại, thầy xem nét chữ con vẫn chưa thấy tiến-bộ mấy

Con nay đã mười-tám tuổi, tuổi đã lớn mà học chưa ra gì. Con bác thân-gia họ Trần tên là Cát-sinh, năm nay vào học trường học chấm thơ, phê cho là nhất-trường, hẳn để tháng hai năm mậu-tuất, kể tuổi chỉ hơn con có một tuổi, chỉ vì cha mẹ mất sớm, nhà lại nghèo-ngặt, biết cố sức chăm học, thành danh-mệnh sớm thế. Con may nhờ dư-ấm của ông cha, cơm no áo ấm, coi là thường chẳng nghĩ chi, ham mải chơi-bời, không chịu chăm học, để mưu toan đường lập-thân. Người xưa có câu rằng: Khó nhọc thì sinh ra lòng thiện, rồi-dài sinh ra lòng dâm. Ông Mạnh-tử nói rằng: Người ta vẫn sống vì hoạn-nạn mà chết vì yên vui. Thầy rất lo con rồi-dài quá.

Con dâu mới về, nên bảo vào bếp tập thổi nấu, chăm thêu dệt, đừng bảo vì rằng là con gái nhà giầu sang mà không chịu tập làm-lụng được.

Con Cả con Hai con Ba đã biết làm giầy chưa? Ba em gái, một chị dâu, mỗi năm làm giầy, mỗi chị gửi cho thầy một đôi, vừa để tỏ tấm lòng hiếu-kính, vừa để thi tài kim-chỉ, và đem những vải đã dệt được may mấy cái áo, dệt vài đôi bí-tất gửi cho thầy, để thầy xét xem trong chốn khuê-môn siêng hay lười. Thầy tuy ở trong chốn chiến-trận vẫn không dám bỏ học, đọc sách, viết chữ, không dám mấy khi xao-nhãng, chỉ tiếc rằng tuổi già mắt mờ, không tiến-bộ được mấy. Nay con chưa đến tuổi đội mũ (hai-mươi tuổi), một khắc giá nghìn vàng, chớ có bỏ phí cái quang-âm quí-báu ấy mới được. Những ruộng-nương thầy tậu ở Hành-dương

đã ba năm nay, con nên gọi người bán đợ, lấy tiền gửi lại kinh, để thầy đem trả nợ nhà họ Lý. Cha mẹ còn không nên để vốn riêng, kẻ học-trò, kẻ thứ-dân còn thế, huống chi thầy lại là bậc quan Khanh, quan Đại-phu ư. ?

Bệnh lở thầy lại phát, nhưng cũng không tệ như mùa thu mới rồi.

Hôm mười-bảy, cánh quân Lý Thứ-Thanh bị thua ở phủ Châu, thầy đã nói rõ sự-tình ở trong bức thư gửi cho chú Nguyên rồi. Hiện nay hắn ở Sùng-châu, đang hết sức chỉnh-đốn, hôm ba-mươi đã đánh được một trận, nhưng lương ăn thiếu-thốn, thường có cái cơ nguy tan lở, rất là khó nghĩ.

Mỗi lần con gửi thư thăm thầy nên bẩm cho tường-tận, không được sơ-suất, từ sự khởi-cư của ông, cho đến các việc vặt trong nhà, các bài học ở nhà trường, phải nên viết cho tường-tận. Cẩn nhất.

37. — Thư cho Kỷ-Trạch

Việc quân ở đây, cũng đã thư rồi, con nên ở nhà trông nom việc nhà không cần phải lại dinh nữa.

Bà Lý thân-phụ thường có nói rằng : Có tiền có rượu đãi người xa, trộm cướp cháy nhà kêu kẻ láng-giềng ; là răn những nhà quan sang hay kinh người xa mà khinh láng giềng gần đấy. Nhà ta mới dọn sang ở Phú-thác, đừng có khinh-nhờn làng xóm. Đãi người hàng xóm nên hậu miếng uống ăn, trọng đường lễ-phép mình tự tiếp được thì tiếp, không thì nhờ người tiếp hộ cũng được, trừ những việc gì không hợp nghĩa hay lôi-thôi gì đến quan-tư, còn họ có việc gì mình có thể giúp được thì cứ nên giúp, đừng có keo-lận, đừng có tiếc sức.

38. — Thư cho vợ là Âu-dương phu-nhân

Tôi tiếp được cái thư của Kỷ-Trạch, biết rằng cả nhà đều được bình - yên, sức-vóc phu-nhân vẫn được mạnh-mẽ, tôi yên lòng lắm. Từ tháng tám trở đi, tôi thường dâng sớ xin khai-khuyết để về nghỉ. Tuy được ơn trên cho giao trả ấn khâm-sai, nhưng lại bắt chịu chức tổng-đốc tỉnh Giang, mình tôi ốm yếu, nản tiếp khách, nản xem văn, cũng không sao đương nổi chức tổng-đốc tỉnh Giang, việc nhiều-nhỗi khó-nhọc được, tôi lại hai ba lần dâng sớ xin từ rồi, nhưng ơn vua cao dầy, không nỡ bỏ dinh về nhà ngay, chỉ đóng lại ở Chu-gia-khẩu để chữa bệnh và liệu xử các việc, hễ thế quân khả thêm được thì sang năm tôi mới về nhà thăm mộ một lần, nay chưa có thể hưởng cái thú yên-nhàn cái vui rừng núi được. Nghĩ lại mình đánh giặc chưa có công gì, ấn khâm-sai trao trả rồi, thế mà ơn trên vẫn yêu thương như cũ, thật cũng đã là may lắm rồi. Các đồ tế-lễ ở nhà, phu-nhân nên đốc-suất con dâu con gái thân phải làm, các đồ-đạc để cúng-tế nên để riêng một cái hòm, ngày thường đừng có dùng đến. Còn như gái thì thêu dệt rau dưa, trai thì đọc sách, trồng rau, thả cá, tiếp-đãi khách khứa, phu nhân phải nên lưu-tâm cả mới được. Vợ chồng ta ăn ở trong lòng thế nào, làm việc ở ngoài thế nào, các phòng và các con cháu cũng trông đấy làm gương, phải khó-nhọc mới được, phải cẩn thận mới được.

Tôi mua sâm ở Kinh mỗi lạng giá hai-mươi-nhăm lạng, không biết có tốt không ? Nay gửi về phu-nhân một lạng, thử dùng xem có tốt không.

Chú Trừng đãi anh và chị dâu rất thành-kính, vợ chồng ta cũng nên lấy thành-kính mà đãi lại, không cứ việc to việc nhỏ một tí gì cũng không nên giấu-giếm, thì tự khắc càng ngày càng thân. Kính chúc bình-yên.

(Còn nữa)

TỊNH-LIỄU dịch

ÔI ! THIẾU-NIÊN !

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

« Cậu Bích-hà,

« Cậu viết thư cho em lần này là lần thứ năm từ hôm cậu gặp em trong chiếu rượu. Em gặp cậu lần ấy là lần thứ nhất mà có lẽ cũng là lần cuối cùng. Lá thư trước nhất gửi cho em, cậu viết rằng : Bạn cậu mời cậu đến dự cuộc ở nhà chị Vân, hôm ấy cậu muốn cho em sang hầu rượu. Quả-nhiên như lời cậu hẹn, 9 giờ tối, chị Vân cho người sang mời em tìm cách chối từ không muốn gặp cậu, 12 giờ đêm vào tiệc, em dòm qua khe cửa nhìn vào, thấy cậu. Cậu có biết lúc ấy cái cảm-giác của em thế nào không ? Cậu thì dung-nhan ủ-dột, như buồn vì tiệc rượu vắng em. Em trông cậu mà em thương, thương rằng cậu cũng đã bị cái tình-ba của khách hồng-nhan làm cho say đắm. Lúc ấy, lòng em thật cảm, phải nâng tay mà chặn lấy trái tim ; hai hàng lệ thương-tâm, những đầm-đìa trên hai gò má. Rồi em lủi-thủi bước ra về, nhân đêm ấy nhà không có hát nên được nằm yên mà thương, mà cảm. Hôm sau dậy, nhận được phong thư chữ cậu viết, một phong thư dài đến năm trang ! Chữ viết tươi mà tốt, từ độ em được đọc những bức thư tình, chưa thấy lá thư nào viết tươi đến thế. Thật cậu đã trân-trọng viết cho em. Cậu nói rằng : xa em cậu những đau lòng, cậu chỉ xin với em một điều là lại được nhìn em, nói chuyện với em, thỉnh-thoảng được một vài phút gần-gụi em, chỉ có thế mà thôi . . . , cậu không cầu gì hơn nữa. Cậu lấy danh-dự mà thề với em rằng chỉ được như thế là cậu mãn-nguyện, cậu vui sướng trên hết những sự vui sướng ở đời. Em dám chắc rằng cậu đã cho em là một đứa kiêu-ngạo, một đứa khinh người, vì em không trả lời lấy được một dòng về năm trang thư của cậu. Nhưng mà . . . cậu tính sao ? Những bức thư tình, em nhận được nhiều, cái nào mà chẳng bao-hàm một ý : « Chị là một đứa ca-nhi ; . . quá yêu chị thì viết . . . Nhưng mà bên lòng bao giờ là không có cái ý-nghĩ khinh-bỉ và rẻ-rúng chị . . . »

« Em không đáp thư cậu... Thế rồi ngày nào cậu cũng viết thư cho em. Những bức thư thường-nhật ấy như âm-thầm một cái tình yêu, nhưng về trân-trọng mỗi lần một nhạt dần đi mà thêm ra những lời đay tiếng mỉa, đay mỉa đến tận-từ như thế, không phải vì quá yêu nhau mà nên thế ư ? Đầu tiên, cậu ngỏ cho em biết rằng cậu cũng rõ tại sao em không tiếp cậu : « Một anh học-trò Cao-đẳng, cái địa-vị thì ra gì ? thật thế . . . , mà hạng ấy cũng chẳng phải là hạng người giàu có... » Rồi cậu lại nói cậu là người ở thôn-dã, tài-sản cũng chẳng có gì, nhưng mà lúc xuất-thế, cái địa-vị của cậu ở xã-hội cũng chẳng phải là thấp kém. Em xin hỏi cậu : như thế thì trả lời làm sao được ? Có phải là chỉ có thể trả lời được một câu, một câu gồm trong sáu tiếng : « Tối hôm nay, xin đợi cậu . . . » Nhưng mà em không muốn như thế, với cậu em không có thể trả lời được như thế ; lát nữa, em xin cố phân-trần cho biết là tại sao. Tự đấy, cậu lại nhìn em bằng một con mắt khác, hình như trong trí cậu nẩy ra cái ý-nghĩ rằng đối với những hạng đàn-bà như em mà tỏ một tấm chân-ái-tình, thật cũng là ngu-ngốc lắm. Bởi thế, cậu đã bỏ vào trong một cái phong-bì bốn tờ giấy bạc năm đồng... Chao ơi ! bốn tờ giấy bạc ấy, em xin thú thật với cậu rằng một dòng mồ-hôi lạnh toát đã làm

ướt dầm chân tóc em, khi em trông thấy món tiền ấy, khi em biết rằng món tiền ấy ở tay cậu gửi đến cho em.

« Với hai chục bạc ấy, cậu chỉ kèm có một mảnh giấy viết mấy dòng chữ sau này: « Mai, Bích-hà muốn được nói chuyện riêng với Ngọc-kiều một hôm, thế nào, xin trả lời cho biết. » Trả lời cho cậu chỉ có một cách rất thường, là gửi trả cậu bốn tờ giấy bạc năm đồng ấy. Song cậu là người còn có lương-tâm, cậu hiểu ngay rằng làm như thế là phạm đến danh-dự một người đàn-bà, chẳng được cao-thượng gì, nhưng là một người đàn-bà cậu không có chút quyền gì về người ấy. . . Em lấy làm cảm-động lúc nhận được cái thư cuối cùng của cậu là thư cậu hối-hận mà xin em thứ lỗi cho. Nhưng mà, khốn-nạn tại sao cuối thư ấy cậu lại viết vào mấy câu đe dọa?

« . . . Vâng, Bích-hà đã biết, qui-nương không còn bao giờ có bụng yêu Bích-hà, không những thế, bây giờ còn thêm ghét Bích-hà vì Bích-hà đã làm qui-nương phật-ý. Giờ Bích-hà chỉ biết cái việc còn lại mà Bích-hà phải làm. Bích-hà xin đợi đến chiều ngày mai. Nếu chiều mai Bích-hà không tiếp được bức thư của qui-nương báo cho biết rằng qui-nương thuận yêu Bích-hà thì thứ ba này Bích-hà chỉ còn là một cái tử-thi nằm trong vũng máu. Xin quyết-biệt từ đây! Qui-nương hãy quên Bích-hà là một kẻ thư-sinh khốn-nạn mà hưởng lấy những cuộc vui riêng!... »

«Em biết rằng những lời ấy viết ra, hường khi người viết không có ý đem ra hành-sự. Nhưng mà . . . cũng có một đôi khi . . . Khốn-nạn! sao cậu nghĩ quanh như thế? Cậu là người trầm-mặc, em xem thư cậu, em trông thấy cậu sầu-cảm, mặt-mày ủ-dột khi ngồi chiếu rượu nhà chị Vân, cái buổi đêm đông hôm ấy. Rồi bốn tờ giấy bạc cậu gửi cho em, cái món tiền cậu đã cố giật vay mới có. . . Tất cả những cái ấy đã làm cho em rối trí. Em lấy làm khiếp sợ. Lời dọa của cậu chắc rồi có hiệu-quả, lần này em xin cầm bút viết thư.

« Cậu bắt Ngọc-kiều phải yêu cậu, không thế thì cậu quyên-sinh. Em được cậu yêu cũng thấy tự-cao một chút, mà cậu, cậu cũng đừng lầm tưởng rằng em ghét cậu đâu. Đối với mắt Ngọc-kiều, Bích-hà là một vị thanh-niên tuấn-tú. Buổi đầu gặp-gỡ, lòng em mang nặng mối tình, riêng tiếc mình hồng-lâu lần-lữa nắng mưa, không được cái hạnh-phúc sánh đôi cùng người quân-tử. Trong chiếu rượu, cậu trông em mà e-lệ, đầu mày cuối mắt, như đem một cái ái-tình thanh-cao trong-sạch mà trao tặng một người trong hàng ngọc-diệp kim-chi, cái tình yêu thật-thà mà nồng đạm ấy, biết bao giờ em quên được. Em nghĩ đến mà càng thêm thẹn, tủi thân lưu-lạc phong-trần, hoa đào đã dan gió đông, còn mong đâu được một tấm tình thanh-cao như thế?

« Cái lòng nguyện-ước vì em mà cậu có trong năm năm trời trôi nổi ở chỗ bể tình, đêm nào mà em chẳng phải trải qua. Vương-tôn qui-khách, những hạng đàn-bà như em, dù không có bụng yêu cũng phải tiếp; cái ái-tình của một người kỹ-nữ thật đã thành ra một vật không hiếm mà vô-giá, thường phải đem phân xẻ mà chia tặng cho từng người, như thế mới là người biết bổn-phận trong nghề-nghiệp.

« Cậu nói rằng: cậu yêu em tự ở thâm-tâm, cậu đau-đớn vì em, có thể hi-sinh cho ái-tình được. Thực em đã hiểu bết tâm-lý cậu trong bước ái-tình đầu tiên này của cậu. Cái tình cậu đối với em đây thực là cái tình cao-thượng, cái tình nên thơ, cái tình âm-thầm, cái tình kín-đáo; chính cậu, cậu cũng không dụng-tâm làm nên cái ái-tình ấy, mà cậu cũng không có tài khi n được cái ái-tình ấy để định lừa ai! Người không biết, thấy cách hành-động của cậu trong cuộc ái-tình này, tất họ phải bưng miệng mà cười cậu là người điên, người dại; như chúng em, ai muốn

gặp mà chẳng được, chúng em có phải được như ai buồng thêu gác gấm, kín cổng cao tường mà bảo khó ; chỉ mất một chầu hát là được gặp chúng em, được ngồi gần chúng em, được nói chuyện với chúng em, bổn-phận chúng em bắt chúng em phải thế. Há cậu lại không biết thế mà đem hai mươi đồng bạc ấy hát một chầu để cùng với em, chẳng được hàng năm hàng tháng đi chăng nữa, nhưng cũng rằm bảy giờ gần-gụi mà chuyện-trò ? Cậu cũng biết thế lắm, cậu cũng muốn đến hát nhà em lắm, nhưng. . . Nhưng không lẽ cậu đi hát một mình, cậu không làm gì có cái can-đảm ấy. Thế mà đi đông thì cậu e rằng bạn cậu biết cậu đã bị cái sóng tình của em làm cho chìm-đắm, cậu sợ bạn cậu cười, lại sợ các người nhà em biết nữa. Đối với khách làng chơi, việc đó là thường quá, có ai còn sợ cười, nhưng cậu thì trái lại hẳn. Cái tình cậu với em, cậu chỉ muốn giấu kín trong lòng, cậu không muốn một người thứ ba nào biết ; ấy cái tình âm-thầm ngây-thơ ấy nó đã làm cho cậu như ngây như dại, không biết xử-trí ra sao. Chẳng qua đời cậu hãy còn là đời thư-sinh, cái đời trong mộng, dù học-thức của cậu có rộng chăng nữa, thực em dám quyết rằng : mang-nhiên cậu chưa biết sự đời là cái gì.

« Cậu không dám dùng hai mươi đồng bạc kia đến nhà em mà hát, cậu gửi riêng hai chục bạc kia để muốn gặp em là thế, em biết rồi, em hiểu thấu cái khổ-tình của cậu rồi.

« Đối với cái lòng hiếu - thắng của những người trong họn làng chơi khác kia, em lại không như thế. Người ta bắt tình, mình phải thi tình, người ta được bằng lòng, thế là xong ; còn sau này, thế nào cũng mặc. . . Nhưng mà đối với người có một tấm chân-ái-tình như cậu thì không thể xử theo cái « cẩm-nang » chung của nhà nghề như thế được ; sự gặp-gỡ một chốc lát không thể dẹp yên được cái sóng tình trong tâm một người như cậu được, vậy em không thể để cho cậu được gặp em và xin ngỏ để cậu biết rằng thật ra vì em sợ cậu quá yêu em, nên em phải chối từ, không tiếp cậu. Cậu nên tin em, em không muốn đãi cậu như thế. . .

« Bao nhiêu những cái cuồng-dại của tuổi thanh-niên, bao nhiêu những sự cần-dùng đáng thương.cảm trong cái nghề em đã xô đẩy em vào tay nhiều người mà không nên để xô-đẩy vào tay cậu. Nói thế chắc cậu giận, nhưng mà giận thì giận, có lẽ vì cậu nói thẳng ấy mà cậu hồi-tâm tỉnh-ngộ được. . . Em không muốn cho cậu yêu em. Đang tuổi thanh-xuân của cậu bây giờ, cậu chỉ nên đem lòng âu-yếm lấy một người ý-trung-nhân riêng của cậu, hoặc một người vợ cậu đã cưới về. Nếu lòng cậu đem hiến cho em, cái tương-lai của cậu biết về đâu mà định ? Em không thể suốt đời theo cậu được : bây giờ em sống ở ngoài cái khuôn-mẫu con nhà khuê-các, không thể nào sinh-hoạt lâu được trong cái không-khí chốn gia-đình. Tiệc rượu canh khuya, cung đàn dịp phách, cười hoa cợt liễu, bao nhiêu những cái ấy đã thành ra một thứ dưỡng-khí mà ngày nào em cũng cần phải hô-hấp, hô-hấp để mà sống, không có thứ dưỡng-khí ấy, cái sinh-mệnh này thật cũng khó mà bảo-toàn. Em đã không thể suốt đời theo cậu được . . . hay là cậu theo em ? Cậu bỏ sự-nghiệp công-danh, cậu trở nên một người kép-hát hoặc một người tình-nhân có tiền « bao » thằng cho « nhà trò » ?

« Chỉ có thế là cậu được gần-gụi em lâu, nhưng mà, em không thể để cho cậu như thế được, em không thể làm như các bạn cùng nghiệp đem một cái tình giả-dối mà đối-đãi với những hạng thanh-niên tư-cách không bằng cậu.

« Mà em, nào có phải trẻ-trung gì ! Bóng dâu đã xế ngang đầu, một cặp môi son cũng theo với năm qua mà phai lạt. Sau một vài ngày cuồng-hứng, cậu sẽ thấy rằng cậu đã đem cái thân trong-sạch của cậu mà hi-sinh cho một con yêu-tinh . . . (em xin nói cái tiếng thật đúng như điều em nghĩ, như điều em vẫn bảo em mỗi buổi sáng ngày.)

« Thật đấy, cậu ạ. Xưa kia em đẹp, em xin nói như thế để tự-thú rằng bây giờ quả thật hết cái vẻ đẹp rồi ! Bích-hà ơi, Ngọc-kiều chẳng còn được xuân-xanh như mắt Bích-hà trộm trông lúc buổi đầu gặp-gỡ. Son tô phấn điểm, quần tía áo bằng, hoa đèn lâm tỏ thức hồng, cái vẻ khuynh-thành ấy thật tự em không có. Em có thể khóc được, nếu cậu trông rõ được cái « thân mộc » của em mà 27 tuổi đầu kia nó đã làm em đến thế . . . Nay, thử cho rằng cái « chân-dung » ấy, cậu lấy em về rồi mới biết, em có thể bắt cậu yêu trong cái lúc cậu chỉ có một sự ước muốn là bỏ lửng rồi quên hẳn em không ? Cậu nghĩ mà xem, không nên như thế, cái tuổi này không nên để cho trải qua một cơn sóng gió như thế . . . 27 tuổi đầu, làm tình-nhân một nhà tư-bản, một ông phú-thương, trong cái nghề em, như thế thì được, mà lòng cũng không còn ân-hận nỗi gì. Ở cái tuổi em, thật em không muốn được một tấm chân-ái-tình của hạng người trai-trẻ nó có những cái vẻ nên thơ như hoa nở đầu cành, sương gieo trước gió, nó âm-thầm như một cung đàn gợi ở đường tơ trong dạ, nó não-nuột như một điệu hát véo-von ở dòng suối quanh co. Em không muốn được cái ái-tình nồng-nàn mà kín-đáo như thế, vì em không biết lấy gì mà đánh đổi cho xứng-đáng, không có cái kiên-tâm mà giữ vững cho được lâu bền . . .

« Cậu có biểu rằng em không muốn cho cậu cùng em gặp mặt là em giữ cho cậu đó không ? Một lát, em đã nghĩ : để cậu mãn nguyện, đã không mất một tí gì mà lại được ngồi không, không phải để thì giờ viết một bức thư dài thế này cho cậu. Rồi em lại nghĩ lại, em biểu rằng đánh đổi cái tình yêu của cậu thì viết thư mà « chỉ-giáo » cho hay hơn là tặng cho cậu một « mảnh » lòng yêu.

« Trong phong thư này, cậu sẽ thấy một bức ảnh em ngồi ảnh hồi năm năm về trước, bấy giờ em còn đẹp, còn được tiếng là « hoa-khôi » ở xóm Bình-khang. Cậu hãy nên giữ lấy, bức ảnh ấy là một vật chứng rằng em không dám chê cái ái-tình của một vị sinh-viên cao-đẳng ; mấy dòng chữ ở sau bức ảnh, đó là những tiếng vang ở trong trái tim em . . . Vậy cậu hãy nên bạo lên ! Viết cho cậu về nỗi lòng em, thật là nên lắm. Như cậu muốn biết cái lực gì đã làm cho em có sự mạnh-bạo ấy, em sẽ xin nói để cậu nghe.

« Vừa rồi, lúc tiếp được phong thư này, cậu nói cậu định tự-tận, em sực nghĩ đến người em trai của em, đứa em ấy đã lớn rồi, nay mai sẽ tốt-nghiệp ở trường Trung-học . . . Em tưởng-tượng rằng : nay mai nó cũng theo bậc cao-đẳng như cậu, nó cũng vì người ta rủ đi hát mà phải lòng một người nhà trò, . . . phải lòng một người nhà trò mà nhãng bỏ sự học-hành, mà vay công lĩnh nợ, mà hư-hỏng cái đời xuân-xanh đang như trăng tròn sen ngó, mà cầm lưỡi đao oan-nghiệt để tự-tử . . . trời ơi ! ai-oán biết bao nhiêu ! . . . Em cầu-nguyện rằng ông trời xanh kia sẽ sẵn lòng rủ-rủi nó đi vào con đường chính-đạo để đến em ngày nay đã giết cậu ra khỏi cái bể cùng-đồ . . .

Ngọc-Kiều kính-bái.

Võ Đình-Chí

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH
孟子國文解釋

IX

III

百里。湯王行大霸。力孟
里。文以不仁國。霸假子
王七待者以必仁曰。
以十大。王。德有者以

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Dĩ lực giả nhân giả bá, bá tất hữu đại-quốc. Dĩ đức hành-nhân giả vương, vương bất đãi đại. Thang dĩ thất-thập lý, Văn-vương dĩ bách lý.*

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói : « Đem sức ra mà giả làm sự nhân, gọi là đạo bá, bá thì tất phải có nước lớn mới làm được. Đem đức ra mà thực làm sự nhân, gọi là đạo vương, vương thì không cần phải đợi nước lớn ; xem như vua Thang mới khởi lên chỉ có bảy-mươi dặm, vua Văn mới khởi lên chỉ có một trăm dặm.

Chú-giải. — *Lực* = Sức khỏe, là nói gồm cả phần thổ-địa và giáp-binh. *Giả* = Giả dối. Nghĩa là vốn không có lòng thực làm nhân-đức, chỉ là mượn sự ấy để làm mối lợi. *Đức* = Cái lòng thành-thực của bản-tâm vốn sẵn có. *Hành* = Suy-hành, nghĩa là suy cái lòng thành-thực của bản-tâm ra mà làm mọi việc, đều là nhân-đức cả

∴

此自自服也。中也。心以
之北。西孔如心以服力
謂無自子七悅德也。服
也。思東。也。十而服力人
不自詩子誠人不者。
服。南云。之服者。贍非

Dịch-âm — « *Dĩ lực phục nhân giả, phi tâm phục dã, lực bất thiệm dã. Dĩ đức phục nhân giả, trung-tâm duyệt nhi thành-phục dã, như thất thập tử chi phục Khổng-tử dã. Thi vân : « Tự tây tự đông, tự nam tự bắc, vô-tư bất phục » thử chi vị dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Dùng sức bắt người ta phục đó, không phải tâm người ta phục đâu, là sức người ta không đủ đấy thôi. Dùng đức khiến cho người ta phục đó, là trong tâm người ta vui-vẻ mà thành-thực phục-tòng, như bảy-mươi gã học-trò phục-tòng ông Khổng-tử vậy. Kinh *Thi* có nói : « *Tự tây, tự đông, tự nam, tự bắc, không đâu là chẳng phục* », chính là tỏ cái nghĩa tâm-phục đó. »

Chú-giải. — *Thiệm* = Sung-túc, nghĩa là đủ. *Thi* = Thơ *Văn - vương - hữu - thanh* trong thiên *Đại-nhã*. *Tư* = Bụng nghĩ, vô-tư bất-phục, nghĩa là không ai là chẳng tâm-phục.

Đây là luận cái đạo vương và đạo bá, một bên thành-thực, một bên giả-dối khác nhau, cho nên người ta phục-tòng một đàng miễn-cưỡng, một đàng tâm-phục cũng khác nhau như vậy.

IV

也。而猶不辱辱。不仁孟
居惡仁。而今仁則子
下濕是居惡則榮。曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Nhân tắc vinh, bất-nhân tắc nhục ; kim ố nhục nhi cư bất-nhân, thị do ố thấp nhi cư hạ dã.*

Dịch-nghĩa — Thầy Mạnh nói : « Ông vua nhân thì được vinh, bất-nhân thì phải nhục ; nay ghét cái nhục mà cứ làm sự bất-nhân, thế thì cũng như ghét chỗ ướt mà cứ ở chỗ thấp vậy.

Chú-giải — *Nhân* = Trỏ những việc tu-đức làm thiện. *Bất-nhân* = Trỏ những việc kiêu-xa phóng-túng. *Cư* 居 = Chữ *cư* trên ý là làm. *Cư bất-nhân* nghĩa là làm điều bất-nhân. Chữ *cư* dưới nghĩa là ở, *cư-hạ* là ở chỗ thấp.

∴

必 刑。辰 閒 在 在 尊 如 如
畏 雖 明 暇。職。位。士。貴 惡
之 大 其 及 國 能 賢 德 之。
矣。國 政 是 家 者 者 而 莫

Dịch-âm. — « *Như ố chi, mạc như qui đức nhi tôn sĩ, hiền-giả tại vị, năng-giả tại chức, quốc-gia nhàn-hạ, cập thị-thời minh kỳ chính-hình, tuy đại-quốc tất úy chi hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — Nếu ghét cái nhục, thì chẳng gì bằng qui đức mà tôn người sĩ, khiến cho người có đức hiền được ở ngôi, người có tài giỏi được ở chức; quốc-gia được lúc nào rồi-rãi, thì kịp ngay lúc đó sửa-sang lấy chính-hình; dẫu có nước lớn nào khác tất cũng phải sợ mình vậy.

Chú-giải. — *Qui đức* = Chuộng đức, tức là tôn chuộng kẻ sĩ có hiền-đức. *Nhàn-hạ* = Rồi rảnh, nói về lúc quốc-gia yên-ổn không có giặc-dã. *Chính* = chính-sự. *Hình* = hình-pháp.

Đây là nhân cái thường-tình người ta, hay ghét sự nhục mà dẫn bảo lấy những sự cố-gắng làm điều nhân.

∴

誰 能 者。子 或 戶。桑 未 詩
敢 治 其 曰。敢 今 土。陰 云。
侮 其 知 爲 侮 此 綢 雨。迨
之。國 道 此 予。下 繆 徹 天
家。乎。詩 孔 民。牖 彼 之

Dịch-âm. — *Thi vân* : « *Đãi thiên chi vị âm vũ, triệt bỉ tang đỗ, trù mâu dũ hộ, kim thử hạ dân, hoặc cảm vũ dư.* » *Khổng-tử viết* : « *Vi thử thi giả, kỳ tri đạo hồ ; năng trị kỳ quốc gia, thùy cảm vũ chi.* »

Dịch-nghĩa. — Kinh *Thi* có câu rằng : « *Ta nên kịp những lúc trời chưa đổ cơn mưa, lấy nắm rễ dâu nọ, giàng-dịt cửa tổ kia, những kẻ ở dưới đó, ai dám khinh ta chưa ?* » Ông Khổng-tử có khen rằng : « Người làm ra thơ này, chẳng biết cái lẽ dự-phòng chăng ! Ông vua mà biết sửa-sang lấy nước nhà, thì ai còn dám khinh nữa. »

Chú-giải. — *Thi* = Thơ *Chi-hào* trong thiên *Mân-phong*. *Đãi* = Nghĩa là kịp. *Âm-vũ* = Cơn mưa dầm-dìa tối-tăm. *Triệt* = Nghĩa là lấy. *Tang-đỗ* = Tức là tang bì, cái vỏ ở rễ cây dâu. *Trù-mâu* = Giàng dịt và viu. *Dũ-hộ* = Cái cửa nhỏ để ra vào và để thông khí ở trên tổ. *Vũ* = Khinh nhờn. *Đạo* = Cái lẽ dự-bị để phòng trước.

Thơ này nguyên là ông Chu-công làm ra, đem chuyện con chim làm tổ, ví với sự ông vua trị nước ; con chim biết dự-phòng, ông vua cũng nên biết dự-phòng, nên ông Khổng đọc đến thơ này mà khen là biết đạo vậy.

∴

禍 是 樂 是 閒 今
也。自 怠 辰 暇。國
求 傲。般 及 家

Dịch-âm. — « *Kim quốc-gia nhàn-hạ, cập thị thời bàn lạc đãi ngạo, thị tự cầu họa dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Nay quốc gia được lúc rồi rãi, kịp ngay lúc ấy vui chơi trễ biếng, thế là tự mình cầu lấy vạ đấy.

Chú-giải. — *Bàn lạc* = Quanh - quẩn vui chơi, là chỉ theo về đường phóng-túng dâm-dục. *Đãi-ngạo* = Lười-biếng. là cái cách cầu-thả tạm yên.

∴

求 不 禍
之 自 福
者。已 無

Dịch-âm. — « *Họa phúc vô bất tự kỳ cầu chi giả.* »

Dịch-nghĩa. — « Họa với phúc đều là tự mình cầu lấy đấy.

∴

也。活。作 猶 曰。多 配 詩
此 孽 可 天 福。命。云。
之 不 逢。作 太 自 永
謂 可 自 孽 甲 求 言

Dịch-âm. — *Thi vân* : « *Vĩnh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc.* » *Thái-giáp viết* : « *Thiên tác nghiệt do khả vi, tự tác nghiệt bất khả hoạt.* » *Thử chi vị dã.*»

Dịch-nghĩa. — Kinh *Thi* có nói : *Dài nghĩ phối mệnh trời, tự mình cầu nhiều phúc.* » Thiên *Thái-giáp* có nói : « *Trời làm ra tai-vạ, còn có thể tránh được, tự mình làm ra tai-vạ, không có thể sống được.* » Chính là nghĩa đó.

Chú-giải. — *Thi* = Thơ *Văn-vương* trong thiên *Đại-nhã*. *Vĩnh* = nghĩa là dài. *Ngôn* = Cũng như chữ *niệm*, nghĩa là nghĩ. *Phối* = Phối-hợp. *Thái-giáp* = Tên một thiên trong sách Thương-thư.

Đây là dẫn lời kinh *Thi* kinh *Thư* để chứng về cái nghĩa phúc với họa đều tự mình cầu lấy cả.

V

矣。於 而 士 天 在 能。尊 孟
其 願 皆 下 位。俊 賢 子
朝 立 悅。之 則 傑 使 曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: « Tôn hiền sử năng, tuấn-kiệt tại vị, tắc thiên-hạ chi sĩ đai duyệt, nhi nguyện lập ư kỳ triều hĩ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói : « Tôn người hiền, dùng người tài, kẻ tuấn-kiệt đều được ở ngôi, thì người sĩ trong thiên-hạ đều vui lòng, mà muốn đứng ở trong triều mình vậy.

Chú-giải. — *Tuấn-kiệt* = Kẻ có tài-đức hơn người, tức là trỏ kẻ hiền-năng. *Triều* = Triều-đình.

Đây là điều thứ nhất làm cho kẻ sĩ được vui lòng.

∴

市 藏 悅。之 則 而 不 市。
矣。於 而 商 天 不 征。廛
其 願 皆 下 廛。法 而

Dịch-âm. — « *Thị, triền nhi bất chinh, pháp nhi bất triền, tắc thiên-hạ chi thương đai duyệt, nhi nguyện tàng ư kỳ thị hĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Chợ, nhiều người buôn thì đánh thuế dãy nhà, mà không đánh thuế hàng-hóa, ít người buôn thì chỉ trị lấy phép quan mà không đánh thuế dãy nhà, thì kẻ đi buôn trong thiên-hạ đều vui lòng mà muốn chứa của ở chợ mình vậy.

Chú-giải. — *Triền* = Dãy nhà lập ra ở chợ để chung cho mọi người chứa hàng buôn bán, nên có khi chỉ lấy thuế dãy nhà mà thôi. *Chính* = Đánh thuế hàng hóa. *Pháp* = Lấy cái phép quan Tư-thị mà quản-trị.

Tiết này là điều thứ hai làm cho người buôn bán đều vui lòng.

∴

矣。於 而 旅 天 不 關。
其 願 皆 下 征。譏
路 出 悅。之 則 而

Dịch-âm. — «*Quan, cơ nhi bất chinh, tắc thiên-hạ chi lữ đai duyệt, nhi nguyện xuất ư kỳ lộ hĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Cửa quan, chỉ xét hỏi những người vãng-lai, mà không đánh thuế những đồ hàng xuất-nhập, thì kẻ lữ-khách trong thiên-hạ đều vui lòng, mà muốn đi ra ở đường mình vậy

Chú-giải. — *Quan* = Cửa ải, chỗ giao-thông trọng-yếu, lập ra cửa quan để làm giới-hạn. *Cơ* = Xét hỏi, xét những người khách lạ mặt đi lại. *Chính* = Đánh thuế những đồ hàng-hóa ra vào. *Lữ* = Khách lữ-hành.

Tiết này là điều thứ ba làm cho kẻ lữ-khách đều vui lòng.

∴

野耕悅。之則而耕
矣。於而農天不者。
其願皆下稅。助

Dịch-âm. — « *Canh-giả, trợ nhi bất thuế, tắc thiên-hạ chi nông dai duyệt, nhi nguyện canh ư kỳ dã hĩ.*

DỊCH NGHĨA. — « Người cày, phải cày giúp ruộng công, mà không đánh thuế ruộng tư, thì kẻ nông-dân trong thiên-hạ đều vui lòng, mà muốn cày ở đồng mình vậy.

Chú giải. — Trợ = Giúp, lấy sức mình giúp vua mà cày ruộng công. Đời nhà Chu làm phép *tỉnh-điền* 井田, khu ruộng vạch ra ô chữ *tỉnh* 井, ở ngoài tám phần là ruộng tư của dân, ở giữa một phần là ruộng công của vua. Gồm cả thảy ruộng công tư là chín trăm mẫu, dân chỉ giúp sức làm một trăm mẫu công-điền nộp cho vua, còn ngoài tám trăm mẫu tư-điền không phải thuế, đó tức là phép thuế chín phần lấy thuế một phần.

Tiết này là điều thứ tư là n cho vui lòng kẻ nông-dân.

∴

矣。爲悅。之則里廛
之而民天之無
願願皆下布。夫

Dịch-âm. — « *Triền vô phu lý chi bố, tắc thiên hạ chi dân dai duyệt, nhi nguyện vi chi manh hĩ.*

DỊCH-NGHĨA. — « Khu đất ở không bắt dân nộp vải thuế từng phu từng lý, thì dân trong thiên-hạ đều vui lòng mà muốn làm dân mình vậy.

Chú-giải. — *Triền* = Khu đất dân ở, khác nghĩa với chữ *triền* ở trên. *Phu* = Một suất đinh. *Lý* = Một dặm đất 25 nhà ở. *Bố* = Vải. Phép nhà Chu, nhà nào lười không trồng dâu gai, thì phạt nhà ấy phải nộp thuế vải bằng 25 nhà. Người dân nào làm biếng không có thường nghiệp, thì phạt người dân ấy phải chịu thuế lực-dịch bằng một suất đinh. Hiện đời Chiến-quốc bấy giờ thì đã lấy thuế từng dãy nhà khu đất, lại bắt dân chịu cả thuế vải thuế lực-dịch từng phu từng lý, thì không phải là phép cũ của đấng tiên-vương. *Manh* = Dân. *Nguyện vi manh*, là xin nhập-tịch làm dân.

Tiết này là điều thứ năm làm cho nhân-dân đều bằng lòng theo về cả.

∴

有而下天如未母。其之則
也。不者下。此有自子若鄰能
王天無則能生弟。父國行
者吏敵無濟民攻母之此
求也。於敵者以其矣。民。不
之然天於也。凍。父率仰者。

Dịch-âm. — « *Tín năng hành thử ngũ giả, tắc lân-quốc chi dân, ngưỡng chi nhược phụ-mẫu hĩ. Suất kỳ tử-đệ, công kỳ phụ-mẫu, tự sinh-dân dĩ lai, vi hữu năng tế giả dã. Như thử tắc vô địch ư thiên-hạ, vô địch ư thiên-hạ giả, thiên lại dã. Nhiên nhi bất vượng giả, vị chi hữu dã.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Thực chay làm được năm điều trên ấy, thì dân nước láng-giềng coi mình như cha mẹ vậy. Đem con em đi đánh cha mẹ, tự thủa có sinh-dân đến nay, chưa có nên được việc bao giờ. Như thế thì thiên-hạ không ai địch được với mình; thiên-hạ không ai địch được, thời mình là kẻ thiên-lại vậy. Thế mà chẳng hưng-vượng, chưa có lẽ nào. »

Chú-giải. — *Suất* = Dóng-dả đem đi. *Tế* = Làm thành được việc. *Thiên-lại* = Kẻ phụng-mệnh trời, như là trời trao quyền cho mà dẹp loạn yên dân, trở vào ông vua có nhân-chính.

Chương này là khuyên bảo các vua nên làm vương-chính, mà vương-chính cốt nhất là làm cho đắc nhân-tâm. Nếu đắc nhân-tâm, thì kẻ giặc thù cũng hóa làm tử-đệ. Nếu không làm nhân-chính thì kẻ dân ngu cũng thành ra khấu-thù.

VI

之不人孟
心。忍皆子
人有曰。

Dịch-âm — *Mạnh-tử viết : « Nhân dai hữu bất-nhẫn-nhân chi tâm.*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói : « Người ta ai ai cũng đều có cái lòng bất-nhẫn.

Chú-giải. — *Bất-nhẫn* = Không nỡ, nghĩa là thương xót người, không nỡ làm hại người. Đó tức là bẩm-thụ cái lòng sinh-vật của trời đất, người nào cũng sẵn có cả.

∴

運 治 忍 之 以 人 斯 忍 先
之 天 人 心。不 之 有 人 王
掌 下 之 行 忍 政 不 之 有
上。可 政。不 人 矣。忍 心。不

Dịch-âm. — « *Tiên-vương hữu bất-nhẫn-nhân chi tâm, tư hữu bất nhẫn nhân chi chính hĩ. Dĩ bất-nhẫn-nhân chi tâm, hành bất-nhẫn-nhân chi chính. trị thiên-hạ khả vận chi chưởng thượng.*

DỊCH-NGHĨA.—« Đấng Tiên-vương có cái lòng bất-nhẫn,thì đối với người tức là có cái chính bất-nhẫn. Đem cái lòng bất-nhẫn suy ra làm cái chính bất-nhẫn, thì trị thiên-hạ dễ như vận-dụng ở trên bàn tay.

∴

孺 孺 非 於 之 井。乍 忍 所
而 朋 所 孺 心。嘗 見 人 以
然 友 以 子 非 有 孺 之 謂
也。也。要 之 所 怵 子 心 人
非 譽 父 以 惕 將 者。嘗
惡 於 母 內 惻 入 今 有
其 鄉 也。交 隣 於 人 不

Dịch-âm. — « *Sở dĩ vị nhân dai hữu bất-nhẫn-nhân chi tâm giả, kim nhân sạ kiến nhu-tử tương nhập tỉnh, dai hữu truật-dịch trắc-ẩn chi tâm, phi sở-dĩ nạp giao ư nhu-tử chi phụ mẫu dã, phi ố kỳ thanh nhi nhiên dã.*

Dịch-nghĩa — « Sở-dĩ bảo rằng người ta có cái lòng bất-nhẫn với người ấy, là nghiệm như thế này : Nay người ta chợt trông thấy đứa trẻ con sắp-sửa ngã vào giếng, ai cũng phải trột-dạ thương-xót, không phải là vì kết-giao với cha mẹ đứa trẻ con đâu, không phải là vì để cầu tiếng khen với làng-mạc bè-bạn đâu, không phải là vì ghét cái tiếng chê bất-nhân mà thế đâu.

Chú-giải. — *Sạ* = Nghĩa là chợt. *Truật-dịch* = Trột dạ sửng-sốt. *Trắc ẩn* = Thương xót thiết-tha. *Nạp* = Kết-nạp. *Nạp-giao* = Nghĩa là kết-giao. *Yêu* — yêu-cầu.

Đây là tả ra cái lòng thương-xót sửng-sốt của người ta vốn là lòng tự nhiên ai cũng sẵn có, để cho biết rằng ai cũng có cái tâm bất-nhẫn.

∴

心 無 心 無 心 無 心 無 由
非 是 非 辭 非 羞 非 惻 是
人 非 人 讓 人 惡 人 隱 觀
也。之 也。之 也。之 也。之 之。

Dịch-âm « *Do thị quan chi, vô trắc-ẩn chi tâm phi nhân dã, vô tu-ố chi tâm phi nhân dã, vô từ-nhượng chi tâm phi nhân dã, vô thị phi chi tâm phi nhân dã.*

Dịch nghĩa. — « Bởi sự ấy mà xem ra, không có cái lòng thương-xót không phải là người, không có cái lòng hổ-ghét không phải là người, không có cái lòng từ chối nhún-nhường không phải là người, không có cái lòng biết phải biết trái không phải là người.

Chú-giải. — *Ẩu* = xấu hổ thẹn mình bất-thiện *Ố* = Ghét người bất-thiện. *Từ* = chối đi không dám nhận hoặc không dám đương. *Nhượng* = Nhún nhường để cho người. *Phi* = Điều phải, biết điều ấy là thiện mà lấy làm phải. *Phi.* = Điều trái, biết điều ấy là ác mà lấy làm trái.

Đây là nhân nói người ta ai cũng sẵn có cái lòng trắc-ẩn, thế thì những tấm lòng tu-ố, từ-nhượng, thị phi, người ta cũng tất có cả, nếu không có cái lòng từ-thiện ấy thì không phải là loài người.

∴

智 是 禮 辭 義 羞 仁 惻
之 非 之 讓 之 惡 之 隱
端 之 端 之 端 之 端 之
也。心 也。心 也。心 也。心

Dịch-âm. — « *Trắc-ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; tu-ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; từ-nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã; thị-phi chi tâm, trí chi đoan dã.*

Dịch-nghĩa. — « Cái lòng thương xót, là cái mối nhân đó ; cái lòng hổ ghét, là cái mối nghĩa đó ; cái lòng từ chối nhún-nhường là cái mối lễ đó ; cái lòng biết phải biết trái, là cái mối trí đó.

Chú-giải. — Người ta ai cũng có cái tính thương xót, tính hổ ghét, tính từ chối, nhún nhường, tính biết phải biết trái, cái tính ấy tức là cái đầu mối hiện ra ngoài thì biết trong tâm ai cũng có bốn cái đức-tính ; nhân, nghĩa, lễ, trí là cái tính cố-hữu. *Đoan* = Đầu mối, cái mối nó hiện ra, có thể trông thấy được, tức là trỏ cái tính, cho nên xem người có cái tính ấy thì biết là có cái tính ấy vậy.

∴

君 不 者 不 四 四 端 人
者 能 也。能 端 體 也。之
也。者。謂 者 而 也。猶 有
賊 其 自 自 有 其 是
其 君 賊 謂 是 有 四

Dịch-âm — « *Nhân chi hữu thị tứ đoan dã, do kỷ hữu tứ-thể dã. Hữu thị tứ đoan nhi tự vị bất năng giả, tự tặc giả dã ; vị kỷ quân bất-năng giả, tặc kỷ quân giả dã.*

Dịch-nghĩa. — « Người ta có bốn mối ấy, cũng như có bốn cái chi-thể vậy. Có bốn mối ấy, mà tự bảo rằng mình không thể suy làm ra được, thế là tự làm hại mình đấy ; bảo rằng vua ta không có thể làm được, thế là làm hại vua ta đấy.

Chú-giải. — *Tứ-thể* = Bốn cái chi-thể, tức là hai chân hai tay ; tứ-thể ví như tứ-đoan không thể thiếu được. *Bất-năng* = Ý là không thể khuếch-sung cái tính tốt ấy ra được. *Tặc* = Làm hại.

∴

父 之。四 充 之 火 而 我 凡
母。不 海。之。始 之 充 者。有
足 苟 足 達。始。之 知 ⺈
以 不 以 苟 然。矣。皆 端
事 充 保 能 泉 若 擴 於

Dịch-âm. — *Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri đại khuếch nhi sung chi hỉ, nhược hỏa chi thủy nhiên, toản chi thủy đạt. Cầu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ-hải ; cầu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ-mẫu ».*

Dịch-nghĩa. — « Phàm người ta có bốn mối ấy ở mình, biết mà suy rộng ra cho sung mãn cả, thì cái thế nó như lửa mới cháy, như suối mới tuôn. Nếu sung-mãn được bốn mối ấy, thì đủ giữ-gìn được bốn bể, bằng không sung-mãn được bốn mối ấy, thì không đủ thờ-phụng được cha mẹ. »

Chú-giải. — *Khuếch* = Suy cho rộng ra mà làm. *Sung* = Làm cho đầy đặn, dùng để khiếm-khuyết. *Nhiên* = Cháy. *Đạt* = Chảy tuôn ra. *Hỏa thủy nhiên, toản thủy đạt* = Vì cái thế nó mạnh lắm, không có thể vùi-dập ức-át đi được.

Chương này là luận cái tính cái tính của cả mọi người, mà con tâm thì thống cả tính tình vốn có tính bẩm-nhiên là bốn mối ở trong mình, nếu biết mà khuếch-sung ra, thì là bậc thánh hiền, không biết mà khuếch-sung ra thì là hạng người tự-khí.

VII

可 然。人。人 不 矢 於 人 孟
不 故 巫 惟 傷 人 函 登 子
慎 術 匠 恐 人。惟 人 不 曰。
也。不 亦 傷 函 恐 哉。仁 矢

Dịch âm — *Mạnh-tử viết : « Thỉ-nhân khởi bất-nhân ư hàm-nhân tai, thỉ-nhân duy khủng bất thương nhân, hàm-nhân duy khủng thương nhân, vu-tượng diệc nhiên, cố thuật bất khả bất thận dã.*

Dịch-nghĩa. Thầy Mạnh nói : « Cái tâm của kẻ làm tên bắn hề bất-

nhân hơn kẻ làm áo giáp đâu. Duy mỗi nghề một khác, nên kẻ làm tên chỉ lo chẳng hại được người, kẻ làm áo giáp chỉ sợ hại đến người, kẻ thầy cúng với kẻ làm thợ đóng săng cũng vậy, cho nên chọn nghề làm phải nên cẩn-thận.

Chú-giải. — *Thỉ* = Cái tên làm bằng tre vót nhọn, đầu bịt sắt để bắn. *Thỉ nhân* = Người thợ làm tên. *Hàm* = Cái áo giáp làm bằng da hoặc bằng sắt, khi lâm-trận mặc vào để chống mũi tên hòn đạn. *Hàm-nhân* = Người thợ làm áo giáp. *Vu* = Kẻ làm thầy cầu cúng cho người khỏi bệnh. *Tượng* = Kẻ làm thợ đóng quan-thi.

Đây là nói cái lòng nhân nguyên người ta ai cũng có chẳng khác gì nhau, duy vì cái nghề-nghiệp nó xui khiến cho mình sinh ra lòng bất-nhân, như anh thợ tên thợ săng thì bụng chỉ muốn cho người chết, khác với anh thợ làm áo giáp và thầy cúng bụng lại cầu cho người ta sống. Chỉ vì nghề-nghiệp khác nhau, cho nên lòng khác nhau, thế thì nghề-nghiệp phải nên chọn lấy nghề nhân-đức mà làm.

∴

是 擇 宅 也。天 得 不 仁 孔
不 而 也。人 之 智。處 爲 子
智 不 莫 之 尊 夫 仁。美。曰。
也。仁。之 安 爵 仁 焉 擇 里

Dịch âm — « *Khổng-tử viết : Lý-nhân vi mĩ, trạch bất xử nhân, yên đắc tri». Phù nhân, thiên chi tôn-tước dã, nhân chi an-trạch dã, mạc chi ngăn nhi bất-nhân, thị bất-tri dã.*

Dịch-nghĩa. — « Ông Khổng có nói : « Cái làng có tục nhân-hậu, kẻ chọn chỗ ở còn lấy làm làng hay, nữa là chọn nghề mà chẳng tự-xử vào điều nhân, thế thì sao được là người khôn.» Ôi ! điều nhân là cái tước tôn-qui của trời, cái nhà yên lành của người, chẳng ai ngăn cấm, mà không biết tự-xử vào điều nhân, thế là bất-trí vậy.

Chú-giải. — *Xử* = Ở, là tự-xử vào. *Yên* = Sao. *Tôn-tước* = Phẩm-tước tôn-quí. *An-trạch* = Nhà ở yên-ổn. *Ngăn* = Ngăn-cấm.

Đây là thầy Mạnh dẫn lời ông Khổng mà thích thêm ra, để chứng-giải cái lẽ con người ta phải kén-chọn lấy điều nhân mà tự-xử mới là người khôn.

∴

爲 矢 而 役。役 人 無 不
矢 人 恥 由 而 役 禮 仁
也。而 爲 弓 恥 也 無 不
恥 弓。人 爲 人 義。智。

Dịch âm — « *Bất-nhân, bất-trí, vô lễ vô-nghĩa, nhân dịch dã; nhân dịch nhi xỉ vi dịch, do cung nhân nhi xỉ vi cung, thỉ-nhân nhi xỉ vi thỉ dã.*

Dịch-nghĩa. — « Bất-nhân, bất-trí, vô-lễ, vô-nghĩa, cách người hư-hỏng như vậy, chỉ làm kẻ dịch sử cho người mà thôi ; làm kẻ dịch-sử cho người mà xấu hổ làm sự dịch-sử, cũng như kẻ làm cung mà xấu hổ sự làm cung, kẻ làm tên mà xấu-hổ sự làm tên vậy.

Chú-giải. — *Dịch* = Dịch-sử, nghĩa là sai-khiến, làm kẻ dịch-sử cho người tức là kẻ nô-lệ. *Do* 由 = Thông dụng với chữ *do* 猶, nghĩa là cũng như.

Đây là kể ra cái cách người đã hư-hỏng thì dẫu xấu-hổ làm nô-lệ, cũng không khỏi làm nô-lệ được.

∴

仁。莫 如
如 恥
爲 之。

Dịch-âm. — « *Như xỉ chi, mạc như vị nhân.*

Dịch nghĩa. — « Nếu xấu-hổ sự dịch-sử, thì không gì bằng làm điều nhân.

Chú-giải. — Đây là nhân cái lòng biết xấu-hổ của người ta, mà dẫn bảo người ta, khiến người ta xu-hướng về đường nhân vậy.

∴

而 反 怨 不 而 射 仁
已 求 勝 而 後 者 者
矣。諸 已 中。發。正 如
己 者。不 發 已 射。

Dịch-âm. — « *Nhân-giả như xạ, xạ giả chính kỷ nhi hậu phát, phát nhi bất trúng, bất oán thắng kỷ giả, phản cầu chư kỷ nhi dĩ hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — « Kẻ làm nhân như kẻ tập bắn, kẻ tập bắn phải sửa mình cho ngay-ngắn rồi mới phóng tên ; phóng tên mà chẳng trúng, cũng chẳng nên oán kẻ hơn mình, chỉ trách lại ở mình mà thôi. »

Chú-giải. — *Chính-kỷ* — Sửa mình cho ngay, trong ngay lấy cái chí, ngoài ngay lấy cái thể. *Cầu* = Trách.

Đây là thí-dụ việc tập bắn chỉ trách tại mình, để tỏ cái đạo làm nhân cũng chỉ bởi tự mình, chớ không phải bởi tại người đâu.

VIII

喜。有 告 子 孟
過 之 路。子
則 以 人 曰。

Dịch-âm. — « *Mạnh-tử viết : « Tử-Lộ, nhân cáo chi dĩ hữu quả, tắc hỉ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói : « Thầy Tử-Lộ, người ta bảo mình lấy những điều mình có lỗi, thì thầy ấy mừng.

Chú-giải. — *Tử-Lộ* — Tên là Do, học-trò ông Khổng. Mừng nghĩa là mừng rằng mình được nghe lỗi mà mình đổi đi.

∴

則 善 禹
拜。言 聞

Dịch-âm. — « *Vũ văn thiện-ngôn tắc bái.*

Dịch-nghĩa. — Vua Vũ nghe lời nói thiện thì lạy.

Chú-giải. — *Vũ* = Vua Vũ nhà Hạ. *Thiện* = Đức là lẽ phải. *Bái.* = Lạy, nghĩa là chịu nhận, nhận lấy lời phải của người mà mình thực-hành.

∴

焉 於 人。舍 與 大 大
善。人 樂 己 人 焉。舜
以 取 從 同。善 有

Dịch-âm. — « *Đại-Thuấn hữu đại yên, thiện dữ nhân đồng, xả kỷ tòng nhân, lạc thủ ư nhân dĩ vi thiện.*

Dịch-nghĩa. — « Độ-lượng vua Đại-Thuấn có phần lớn hơn vua Vũ với thầy Do, cùng với người trong thiên-hạ chung điều thiện. Như là mình chửa thiện, thì bỏ mình mà theo người, người có điều thiện, thì vui lấy ở người để mà làm thiện.

Chú-giải. — *Đại-Thuấn* = Vua Thuấn nhà Hữu-Ngu. *Đồng* = Công-đồng, nghĩa là chung. *Thiện dữ nhân đồng* = Điều thiện chung với thiên-hạ, mà không lấy làm của mình riêng.

∴

於 無 垂 陶 自
人 非 爲 漁。耕
者。取 帝。以 稼

Dịch-âm. — « *Tự canh-giá đào ngư, dĩ chí vi đế, vô phi thủ ư nhân giả.*

Dịch-nghĩa. — « Vua Thuấn tự thủa làm nghề cày-cấy, nghề hun nặn, nghề kiếm cá, cho đến lúc làm vua, suốt đời sở-hành, đều là lấy ở người mà làm thiện cả.

Chú-giải. — *Canh* = Cày ruộng. *Giá* = Cấy lúa. *Đào* = Hun nặn những đồ dùng bằng đất. *Ngư* = Kiếm cá. Vua Thuấn thủa hàn-vi, đã từng cày ở núi Lịch sơn, hun nặn ở chốn Hà-tân, kiếm cá ở chầm Lôi-trạch.

爲乎子也。爲是以取
善。與莫故善與爲諸
人大君者人善。人

Dịch-âm. — « *Thủ chư nhân dĩ vi thiện, thị dữ nhân vi-thiện giả dã ; cố quân-tử mạc đại hồ dữ nhân vi thiện.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Lấy ở người để làm thiện, thế là giúp người làm thiện đấy ; cho nên điều thiện của người quân-tử không gì lớn hơn cái điều giúp người làm thiện. »

Chú-giải. — *Dữ* = cho, và là giúp. Giúp đây không phải là đem điều thiện của mình mà cho người, chính là theo điều thiện của người để làm điều thiện của mình, khiến cho người lại vui lòng mà làm thiện, thế là giúp người làm thiện. Vua Thuấn là đấng đại-thánh, cái độ-lượng rộng-rãi, khi thấy người có điều thiện, thì vui lòng mà dùng, coi điều thiện của người cũng như điều thiện của mình, để cho người cũng vui lòng mà làm thiện. Chứ không phải như thói tầm-thường ấy điều thiện của người để giả-mạo làm điều thiện của mình vậy.

Chương này là nói về các bậc thánh-hiền có cái bụng thành vui lấy điều thiện, điều thiện ở người có thể sửa cho mình, ở mình có thể giúp cho người được.

IX

也其若人於與不其孟
者。辭將立。塗惡與友子
是命浼其炭。人惡不曰。
亦而焉。冠推言。人友。伯
不至是不惡如言。不夷
屑者。故正。惡以立立非
就不諸嚮之朝於於其
己。受侯嚮心。衣惡惡君
也。雖然惡朝人人不
不有去與冠之之事。
受善之。鄉坐朝。朝。非

Dịch-âm. — « *Mạnh-tử viết : « Bá-Di phi kỳ quân bất sự, phi kỳ hữu bất hữu, bất lập ư ác-nhân chi triều, bất dữ ác-nhân ngôn. Lập ư ác-nhân chi triều, dữ ác-nhân ngôn, như dĩ triều-y triều-quan tọa ư đồ thán. Suy ô-ác chi tâm, tư dữ hương-nhân lập, kỳ quan bất-chỉnh, vọng vọng nhiên khứ chi, nhược tương mỗi yên ; thị cố chư-hầu tuy hữu thiện kỳ từ-mệnh nhi chi giả, bất thụ dã ; bất thụ dã giả, thị diệc bất tiết tựu dĩ.* »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói : « Cái nết ông Bá-Di, chẳng phải ông vua đáng thờ chẳng thờ, chẳng phải người bạn đáng chơi chẳng chơi, chẳng đứng ở triều-đình người ác, chẳng cùng với người ác nói-năng. Đứng ở triều-đình người ác, cùng với người ác nói-năng, như là đem áo chầu mũ chầu, ngồi ở chốn bùn than. Suy cái lòng ông ghét kẻ ác như vậy, thì tưởng ông cũng đứng với kẻ tầm-thường chốn hương-lý, cái mũ họ không được ngay-ngắn, ông cũng ngùi-ngùi mà lánh đi, bằng dường sắp sửa rây bẩn đến mình. Cho nên các nước chư-hầu tuy có nước lời-lẽ khéo-khôn mà đến đón, ông cũng chẳng nhận lời mà đi ; chẳng chịu đi đó, ấy cũng là chẳng thèn tới vậy.

Chú-giải. — *Bá-di* = Con vua nước Cô trúc, anh em từng nhường nước cho nhau. *Đồ* = Bùn lầy. *Thán* = Than nhọ. *Suy* = Suy-xét. *Tư* = Tưởng nghĩ mà đoán phỏng chừng. *Lương-nhân* = Người tầm-thường ở chốn thôn-quê. *Vọng-vọng* = Dang-bộ đi mà không buồn ngảnh lại. *Mỗi* = rây-rớm cái bẩn. *Từ-mệnh* = Cái lời truyền ở miệng hoặc viết ra giấy mà đem đi khuyên mời. *Thụ* = Nhận lời mà đi. *=tiết=* Sạch-sẽ và có nghĩa là thiết-tha. *Bất-tiết* = Trong lòng chẳng lấy sự đó làm sạch-sẽ làm thiết-tha, ý là chẳng thèm. *Tựu* = Tới, từ nơi nọ đi tới nơi kia. *Dĩ* = Tiếng đệm, nghĩa là vậy.

Đây là kể ra cái phẩm-hạnh thủa bình-sinh của Bá-Di, sau này mới tóm lại mà nghị luận. Đoạn dưới kể ra phẩm-hạnh ông Liễu Hạ-Huệ cũng vậy.

柳下惠不羞汙君。不必以不
小官。進不隱賢。遺佚而不怨。阨窮而憂悶。然而樂天知命故不憂。
爾爾。不屑去也。爾爾亦已矣。爾爾而已。爾爾而已矣。爾爾之能浼我哉。
爾爾而已。爾爾而已矣。爾爾之能浼我哉。爾爾而已矣。爾爾之能浼我哉。

Dịch-âm. — « *Liễu Hạ-Huệ, bất tu ô-quân, bất ti tiểu-quan, tiến bất ẩn hiền, tất dĩ kỳ đạo, di-dật nhi bất oán, ách-cùng nhi bất mẫn. Cổ viết : « Nhĩ vi nhĩ, ngã vi ngã, tuy đản-tích khỏa-trình ư ngã-trắc, nhĩ yên năng mỗi ngã tai. » Cổ do-do nhiên dữ chi giai, nhi bất tự thất yên, viễn nhi chỉ chi nhi chỉ. Viễn nhi chỉ chi nhi chỉ giả, thị diệc bất tiết khứ dĩ.*

Dịch-nghĩa — « Cái nết ông Liễu-Hạ Huệ, chẳng lấy vua hèn làm hổ, chẳng lấy quan nhỏ làm thấp ; khi tiến làm quan chẳng chịu giấu-giếm, cong-queo cái đạo của mình, mà cứ giữ lấy đạo thẳng ; bị người ruồng bỏ, mà chẳng oán gì người ; mình bị khốn-cùng, mà cũng chẳng thương mình. Cho nên ông thường nói : « Ta đối với mọi người, mày vẫn là mày, ta vẫn là ta, dẫu trần tay trần mình ở bên ta, mày sao rây cái bẩn vào ta được. » Nên vẫn hơn-hớn cùng với chúng ở chung, mà mình vẫn là mình. Khi ông định đi, người ta kéo tay mà lưu ông lại thì ông ở ; kéo lưu lại mà ở đó, ấy cũng là chẳng thèm đi vậy.

Chú-giải. — *Liễu Hạ-Huệ* = Quan Đại-phu nước Lỗ, tên là Triển-Cầm. *Ô.* = Ô tróc, nghĩa bóng là kém hèn. *Ẩn* = Ẩn-náu giấu-giếm, nghĩa bóng là làm cong-queo. *Hiền* = Cái đạo thẳng ở mình. *Di-dật* = Ruồng rẫy khinh bỏ. *Ách.* = Khốn-ách. *Mẫn* = Thương và có ý lo. *Đản-tích* = Trật áo ra để trần tay. *Khỏa-trình* = Cởi áo ra để trần mình ; trần tay, trần mình, đều nói kẻ vô-lễ. *Trắc* = Bên mình. *Do-do* = Dáng-bộ vui-vẻ tự-đắc. *Giai* = ở chung ở lẫn mà không phân-biệt. *Bất-thất* = Chẳng sai mất cái đạo chính của mình, nghĩa là không bị bề ngoài nó rủ khiến, mà mình hỏng mất phẩm-cách đi. *Viễn* = Cầm tay lôi kéo. *Chỉ* = ở lại.

∴

由君與不柳伯孟
也。子不羞。下與子
不恭隘。惠隘。曰。

Dịch-âm — *Mạnh tử viết : « Bá-Di ải, Liễu-Hạ Huệ bất-cung : ải dữ bất-cung, quân-tử bất do dã. »*

Dịch-nghĩa. — « Thầy Mạnh phẩm-bình rằng : « Ông Bá-Di thời hẹp-hòi, ông Liễu-Hạ Huệ thời xuề-xòa ; hẹp-hòi với xuề-xòa quá, hai đàng ấy quân-tử không noi theo được. »

Chú giải. — *Ải* = Hẹp, có ý nghiêm-ngặt quá. *Bất-cung* = Không kính, không theo lễ-độ, có ý giản-dị khinh đời. *Do* = Noi theo, theo cái khuôn ấy mà làm.

Chương này là kể ra cái nết ông Di với ông Huệ, đều là nết hay cả. Nhưng mà ông Di là bậc thanh quá, có ý hẹp-hòi nghiêm-ngặt ; ông Huệ là bậc hòa quá, có ý xuề-xòa khinh, đều có sở-thiên cả, đã có sở-thiên thì không khỏi có tệ ; người quân-tử phải chế trung lại cho vừa phải, không noi theo mà học lấy cái nết ấy.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU

VĂN-UYỂN

VĂN THƠ CŨ

Bài phú thuốc phiện

Nguyên giống phù-dung, về nòi cống tầu.

Khí nguyên-công điều-tán cũng thần ;

Mùi ý-vị thanh-kỳ cũng thú.

Sang Nam-Việt nức danh nha-phiến, nhờ ơn trên mới được giá cao ;

Diễu trần-ai là gái ả-phiền, mặc lòng khách xi xồ hầu-lố.

Rặt những khách dương-xuân yên-cảnh, rủ-rê nhau bỉnh-chúc dạ-du ;

Nguyên những người cố-quốc tha-hương, nghỉ-ngút cũng hóa-công đào-chủ.

Nầy mực tử phân li đồng lạng, kẻ bán buôn cân nhắc không sai ;

Trải mùi đời đắng nhạt chua cay, người nghiện-ngập bùi say phải mộ.

Khi mới tiêu-dao vài khói, tía tai đỏ mặt, bụng hung-hăng quân-tử tự-cường ;

Lúc chưa chơi bỡn mấy mồi, nằm gối nghiêng mình, hình-dáng tựa anh-hùng tương-ngộ.

Xe tới miệng hình như Bá-lãnh, đưa một cung cho rền-rĩ sang sừ ;

Khói ra môi dường tựa thần-công, lọt vài phát cho vang lừng kim-cổ.

Giở những truyện Kim-Kiều tài-tử, miệng ngâm-nga tiếng nhỏ tiếng to ;

Nguyên những người hào-kiệt anh-hùng, nói trải khắp trên Ngâu dưới Thổ.

Mới một lượt nói quanh nhà quanh cửa, tới năm ba nói lung thiên-hạ cả ngoài trời ;

Mới một năm còn thầy nọ thầy kia, tới ba bốn mặc sức qui-thần trong cố-tổ.

Rơ-rác nhặt từng li từng tí, miệng lâm-dâm cho biết chữ thánh-nhân vô ;

Giàu sang khi dù có dù không, bụng thồn-thức cũng bền gan quân-tử cố.

Chẳng tố-nữ cũng trong cung ngoài cấm, trêu những người tài-sắc dọc ngang xe ;

Chẳng hung-dồ mà vào nhỏ ra to, cướp những của ruộng trâu chui vào lọ.

Chẳng nhớ chẳng thương, mà ngáp dài xổ mũi, truyện trên đời sáng tỏ quá thần đăng ;

Không cốt không đồng, mà ngáp vặt vươn vai, việc tìm của tính rành hơn ma xó.

Cơn áp-sát ra tay cũng mạnh, phép lệnh hơn Tiêu-sơn Độc-cước nào bằng

Lúc ốm đau điều dược cũng thần, trị bệnh đến Biển-thước thần - ông khôn đọ.

Khi giàu sang tươm-tất lại càng hay ;

Trong nhà cửa sửa-sang gì cũng có.

Cửa cao nhà rộng, sân gạch tường hoa ;

Thềm đá cổng ngăn, cột lim sà gụ ;

Quanh vườn cổ-thụ mấy mươi cây

Trước cửa chi-lan rằm bảy chậu.

Trên bể cạn cá vàng cá bạc, tùng mai cúc trúc canh tiêu ;

Dưới hồ sen hoa trắng hoa xanh, cá mực tôm kình ngư-phủ.

Liễn sà-cừ treo khắp cột, án thư dàn. mặt một vài đôi ;

Tranh thủy mạc dán quanh tường, tràng kỷ ngả lưng năm bảy bộ.

Mùa hạ thời khăn ngang quạt khách, chiếu mây ghế đá sập bình khung ;

Mùa đông thời bí-tất giầy tàu, mãnh-nhục chăn bông màn xuyến lộ.

Khay trắc khảm bày ngang trước mặt, tiêm vàng, móc bạc, kéo tây, đèn thiếc, chụp pha lê ;

Trập da hoa gối tựa trên đầu, cóng sứ hộp, ngà, chén ngọc, tẩu tầu, xe cam-lộ.

Tầm-bổ dã : yến sào cá mực, đường cát đường phèn, mâm đồng bạch, đĩa long-ám, bát dáng trái hồng ;

Giải khát thời : liên-tử ô-long, chè hảo chè tâm, ấm bình tích kiểu Mãi-Thần, chén pha mai-thọ.

Khi sớm trưa xa chầu gần chực, cao-bằng mãn-tọa, lời bác lời ông ;

Lúc hôm tăm tớ dạ hầu vâng, cao-ngọa gia-san, tiếng ông tiếng cụ.

Con trai đẻ ra là cậu cả cậu hai ;

Con gái đẻ ra là cô lan cô huệ.

Khi giàu-sang quen thói phong-lưu ;

Lúc bần-tiện quải ra khốn-khổ.

Thuốc hàng lạng quay vào nuốt sảm, năm ba su tạm đỡ nuốt qua ;

Nhà tường vôi thay đổi gianh tre, đồ trăm chục liệu mua vừa cố.

Nhà nhất gian trên trời nom xuống, tiểu-tinh tuệ-bỉ năm ba ;

Giường bán-liêm vua bếp ngồi bên, hạnh-thái sâm-si xanh đỏ.

Tầm giọng dã : nước hồ trong lẻo, chè hậu-phác, mía ba đồng tiện đặt đĩa tầu mo ;

Giải khát thời : cháo mảnh gạo, bánh kim-qui, kẹo mấy cái giất niềm bao tấu gỗ.

Khi đi thời : áo cừu-nam sột-sạt, cóng chai hộp hến dọn lau-lia ;

Lúc nằm thời : gối gạch xếp gập-ghềnh, đèn đĩa chụp mo khêu lấp-ló.

Cơn gió đến ngọn đèn bay phấp-phới, trên ơn nhờ thiên-tử chở-che cho ;

Lúc đông hàn đầu gối dịp rung chơi, dưới sẵn bếp anh-hùng dành để đó.

Đầu khăn mảnh-bát, áo vắt vai mảnh một, tẳng khoanh tay lên mặt đầu bò ;

Lưng thắt hầu-bao, quần là tọa phân hai, lò dò cổ ra vai keo cú.

Đi hỏi nợ ai trông cũng sợ, nhởn-nhơ toan đồ nọ của kia ;

Tới đâu thời ai thấy cũng khinh, chiếu-cố cả thượng cầm hạ thú.

Ấy thuốc phiện mới hay là thế, sao không tri-cơ mà tự an-nhiên ;

Nên những người nghiện-ngập mang điều, sao không tự-hối mà như bất-cố.

Kìa những kẻ tư thiên tư vạn, đa mang vào cũng giương mắt ếch chi sa cơ.

Huống chi người nhất nhật nhất hào, deo đuổi mãi cũng tuốt đuôi lươn chi quả-độ.

Kìa trời thủng bà Nữ-Oa còn vá được, ấy mới hay thế thượng sự nan vô ;

Nọ cây lửa ông Toại-Nhân còn giữ nên, nên mới biết nhân tâm kiên tự-thủ.

Hồ Sĩ - Nam *sao-lục*

VĂN THƠ MỚI

Gọi hồn

Trong cuộc phong-trần say một giấc,
Mượn câu văn-tự hú ba hồn.
Còn trời còn nước còn non,
Có thiêng thì lĩnh có khôn thì về.

Tiết đông lạnh-lẽo, phong-cảnh đìu-hiu, chống tay ngồi ngẫn sự đời, lắm lúc toan cười toan khóc, lại khi mặt ủ mày chau, lòng những giận lòng, dạ hằng trách dạ. Nào có phải lúc ấy mình còn ngu-muội gì đâu, sao đến nỗi : chuông Khai-Hóa khua vang giấc mộng, rồng Nam-Phong phun tỉnh hồn mê, mà vẫn cứ thực-hành những sự hư-danh bại-giá. Nào có phải của ngon vật lạ mà cố đấm ăn xôi. Nào có phải no dạ béo người mà lom-khom mài miệt. Thật là ma khôn hãm hại, thần

ác trêu người, nên ăn không biết ngon, nằm không chớp mắt, vì có lúc giấc điệp mơ-màng, chỉ thấy đôi xì lưỡng-phế, hoặc có khi hồn mai phảng-phất, chỉ thấy bạch-định chi chi, lôi-thôi cái nợ bạc làm chi :

Mê-man còn thiết sự gì,
Đã ra thân thế thế thì bởi đâu. ?

Thôi thì : ăn tiêu tiền thóc tha-hồ, giao cho đầy tớ, công việc trong ngoài mặc kệ, phó-thác mợ mày, thùng chàm đã chót giũng tay, dại nào biết dại ; phường bạc vẫn thường theo gót, cay lại càng cay ; hết sớm lại chiều, luần-quần lúc ác tà thỏ mọc, qua hôm lại sớm, băn-khoăn người đón ngược ngăn xuôi. Than ôi ! tiền mất tật mang, sướng đà sướng chửa ? Lược không muốn chải, gương chẳng buồn soi, khi bù đầu, khi nhức óc, khi xếch áo, khi chồn chân, mà vẫn cứ mê-mết lan-chan, lăn lưng vào cuộc dại, dù bè dù bạn có lời khuyên bảo thời giả điếc làm ngơ, dù em dù vợ có lời ngăn can thời giở bài nói thánh.

Kìa ta đem thân ra đất khách quê người, đã dễ ai ăn mà sợ, mình cũng con rồng cháu phượng, thử cho đời chọi mà xem, hay chơi chơi khác người ta, muốn dở dở cho mà khiếp, tổ-tôm hội nữa, tài-bàn giở ra, thế-gian ai chả biết ta, ta là thợ bạc, canh bạc cho dù có rẻ, rẻ cũng cha vàng ; khi trăng đang lên, khi bạn đã họp, khi chè vừa cạn, khi mắt sắp mờ, giải-muộn bằng thơ, nhưng đang bận rộn, tiêu - sầu muốn hát, nhưng thiếu ả-đào :

Người khôn người có dại đâu,
Tính chi đến sự bán than mua vàng.
Than ôi ! cái kiếp đa-mang,
Càng nghe chuyện thế lại càng chán tai.

Thế mà cơ-đồ ngất - ngưởng như trứng chồng, vợ thì đau, mình thì ốm, mở ra hòm bạc đã rỗng không, chút thân quẩn-quại, thử tính sao đây : cháu lủ thì chú mày vẫn khôn, chị ngã thì em ta phải đỡ, nếu không thì : chơi tàn nợ tán, ăn mặt trả gừng.

Non sông giương mắt trừng-trừng,
Anh-hùng có giỏi cũng đừng khoe ai.

Song số còn nặng nợ, kiếp phù-sinh đã gỡ sao xong, cho nên càng mặn càng nồng, càng buồn, càng tệ hại lòng ăn chơi, lĩnh lương lĩnh lộc, qua đêm túi lại nhẹ không, ki-cóp cho cọp nó ăn, chở củi vào rừng thôi đừng hối nữa, còn tưởng là hay :

Khôn sao khôn đến thế này,
Sa vào đám bạc sâu lấy tám gang.

Những lúc một mình hiu - quạnh, lưỡng-lự canh chầy, sờ lưng rỗng tếch, có nhớ câu cờ bạc là bác thằng bần, những kẻ rủ-rê lôi kéo, bây giờ có nhớ không ? Song đính túi có tiền lại chơi : mua tiên, mùa xuân được mấy mươi hôm, chẳng thăng-quan cũng thiệt, chẳng tổ-tôm cũng hoài, giải-sầu ta thử gỡ chơi, canh đen canh đỏ chắc trời đền ta. Than ôi ! Nết xấu hay truyền, gương soi tầy liếp, không kể chi quan-viên vô-lại, ngay những bậc phẩm-tước văn-chương, đua danh đua lợi mà hồn ma bạc vẫn theo sau, làm cho những bọn thanh-niên xa nhà xa bạn, đua ăn đua chơi :

Đến khi dại đúc khuôn rồi,
Ăn chơi cho lắm kêu trời rằng oan.

Vậy thời ai ơi ! vì còn mần-mê trong cuộc, thời nên sám-hối mau mau, chớ đừng nên ham ăn ham chơi, say người say của, gây vông chực nồi cơ-đồ, man-mác trong sông bài-bạc mà đến lúc hối thì sự đã rồi, chứ miếng đỉnh-chung là của trời, hóa-công nào có để dành cho những người vuốt tóc ăn không, đồng tiền là cái hơi đồng, máu tham nên phải rửa lòng tham đi. Thôi thôi, bài ơi là bài ! bạc ơi là bạc ! tiếng kèn tiếng trống, gạo muối đưa chân :

Kiếp xưa anh cũng là thần,
Sao anh ghen-ghét cái thân chơi bời ?
Có giàu cũng tại tay người,
Non cao bể rộng còn trời còn ta !

Tự-trào

Cũng gọi phong-lưu cũng gọi chơi,
Ngày xuân bày cuộc mượn làm vui.
Sách đèn trên gác khi tiêu - khiển,
Đào-lý trong vườn lúc thảnh - thơi.
Thuốc lá vài hơi xơi đủ lệ,
Tổ - tôm hai hội mỗi thời thôi,
Tự - trào dám kể đâu thơ - thần,
Văn - học bình - sinh vốn hẹp-hòi.

Họa bài trên

Thơ viết xong rồi lại họa chơi,
Mình làm mình họa để mua vui.
Cảnh nhà đang đẹp hơn hoa nở,
Rễ phúc sâu bằng mấy giếng thơi.
Đừng đánh tổ-tôm nghe nhé nhé !
Bảo chừa thuốc lá cũng thôi thôi.
Chỉ còn câu kết vần hơi khó,
Muốn học thời nên gả vợ hòi !

ĐOÀN HIỆP

. . .

Giai-nhân tự-thuật

Cái thân làm gái phận làm con,
Danh-nghĩa mong đền với nước non.
Kén chọn vàng thau gan sắt vững,
Phong-lưu đèn sách mặt gương tròn.
Năm canh bóng nguyệt dòm khuê-các,
Một giấc hồn hoa hỏi đại - khôn.
Tri-kỷ chưa đền lời nguyện-ước,
Trăm năm xin giữ tấm lòng son.

MAI - ĐÔNG NỮ-SỬ

Họa bài trên

Đèn sách duyên từ thủa bé con,
Văn-chương lây đến khách đào non.
Mở pho quốc-sử năm canh vắng,
Ngó bóng trăng thu một mảnh tròn,
Bức họa tang-thương ghi trị loạn,
Mặt gương kim-cổ chiếu càn khôn.
Chị em đọc sử xin lưu-ý,
Phải trái nghìn thu một nét son.

MAI-KHÊ NỮ-SĨ

. . .

Nghiệp làm thơ

Thơ-thơ thần-thần khéo thôi mà,
Nghĩ mãi càng thêm rối ruột già !
Lạc-vận nhiều khi tìm chẳng thấy,
Thất-niêm lắm lúc bởi không ra.
Nợ gì nghiên-bút rồi công nhỉ,
Duyên với văn-chương phải thế à ?
Cũng muốn noi theo tài Lý Đỗ,
Miệng đời e những tiếng nôm-na !

Tự-trào

Ta nghĩ thân ta cũng nực cười,
Hay ăn hay ngủ lại hay chơi !
Văn-chương đòi vẽ câu thơ-thần,
Danh-lợi đua chen bước tả-tơi !
Chè rượu có khi năm bảy chén,
Giang-hồ cũng lúc một đôi nơi.
Dễ thường Tạo-hóa thương mình nhỉ,
Cho cái phong-lưu góp với đời.

Chơi thuyền dưới răng.

Lô-giang trăm khúc uốn quanh-queo,
Nhè-nhẹ thuyền lan một mái chèo.
Làn sóng nhấp-nhô cơn gió thổi,
Đầu non chót-vót mảnh trăng treo.
Mặt ghềnh trắng xóa sương mù - mịt,
Dặm liễu xanh rì khách vắng teo.
Cảnh ấy tình này khôn tả xiết,
Công-danh nào ngại bước gieo-neo.

Tương-tư

(Tám chữ đầu câu bài trên chắp thành biệt-hiệu, tám chữ đầu câu bài dưới chắp thành tên).

I

Phòng văn trằn-trọc suốt canh chầy,
Hai chữ tương-tư khó nỗi khuây.
Án sách để thơ khao-khát vận,

Cung đàn lựa phím ngần - ngơ dây.
Non xanh nước biếc tình khôn tả,
Gió mát trăng trong cảnh khéo bày!
Oi-ả đêm hè con cuốc gọi,
Cùng nhau tưởng lại lúc chia tay.

II

Phút chốc xa nhau đã mấy đông,
Hỏi người tri-kỷ nhớ ta không?
Ai đương chen-chúc đường danh-lợi,
Mình vẫn mơ-màng hẹn núi sông!
Trăm mối tơ vương duyên hội - ngộ,
Hai vai gánh nặng chữ tình-chung.
Ấy ai xin chớ quên ai nhé,
Nam bắc đôi nơi vẫn một lòng.

PHÁC-NGỌC PH.-TH.

.·.

Cười mình

Dáng bộ xênh-xang tốt mã thầy,
Nghĩ mình lại chẳng hổ mình thay?
Cũng đòi đài-các phong-lưu mượn;
Lương tháng ngoài trăm họa khỏi vay!

Phố huyện Bình-lục

Huyện Bình cảnh-sắc rõ buồn tênh,
Cổng ngõ chông-chênh lối gập-ghềnh.
Lẻ-tẻ lều gianh răm bảy nóc,
Lơ-thơ nhà gạch một vài dinh.
Đầu đường eo-óc phường tôm tép (1),
Cuối phố thì-thào truyện yến anh.
Cáng võng nghênh-ngang chào khách lạ,
Ra vào nhoe-nhoẻn mấy anh binh (2).

TRÍ-HỒNG

.·.

Vịnh Kiều

(*Kiều dặn lại em lúc ra đi*)

Ngồi lên cho chị dặn lời này,
Nông-nỗi chị rầy khó nghĩ thay!
Chén ngọc thề-nguyền khi giáp mặt,
Quạt ngà giao-ước lúc rời tay.
Đinh-ninh lòng chắc giây tơ buộc,
Tan-tác ai ngờ vạ gió bay.
Ân nặng đã đành thân phận chị,
Tình sâu em phải tính sao đây?

Đề núi làng Bồng-tiên

Một bầu non nước cảnh thiên-nhiên,
Núi núi non non mấy dẫy liền.
Dòng nước quấn quanh sườn đá chảy,
Dịp cầu nho nhỏ lá si chen.
Sơn-lâm rút lại vài khu ruộng,
Đài-tạ xây lên mấy đống tiền.
Lời vi phương-ngôn rành có thật,
Non tiền đổi lấy cái non tiên.

Ngoạn nguyệt cảm-hoài

(*Lối thơ liên-hoàn*)

I

Đêm thu vắng-vặc bóng trăng trong,
Muôn dặm thương thu dạ não-nùng.
Khắc-khoải năm canh tình lữ-khách,
Bồn-chồn chín khúc ngọn kim-phong.
Vui cùng trăng gió nào nguôi dạ,
Nghĩ nỗi bèo mây lại khổ lòng.
Hỏi bạn kim-lan ai đó tá?
Hôm rằm đêm ấy có vui không?

II

Hôm rằm đêm ấy có vui không,
Mà khách bi-thu ruột rối bòng?
Dạ sắt như trơ cùng tuế-nguyệt,
Lòng vàng còn vướng với non sông.
Mơ-màng giấc điệp tình lai-láng,
Hiu-hắt hơi may tiết lạnh-lùng.
Non nước xa khơi người mỗi ngả,
Cùng ai mà kể nỗi sầu đong.

III

Cùng ai mà kể nỗi sầu đong,
Bối-rối lòng vàng gỡ chẳng xong.
Thấy cúc dạ càng tơ-tưởng đợi,
Xem trăng mắt những ngẩn-ngơ trông.

---

(1) Đây rất nhiều tôm gạo.
(2) Lính-trú, liat-lệ, khố-đỏ, khố-xanh, đều là binh cả.

Vẫn mong bẻ quế trên cung nguyệt,
Nào tưởng chen chân đám bụi hồng.
Biết ngỏ cùng ai tâm-sự ấy,
Một mình trước án ngọn đèn giong.

IV

Một mình trước án ngọn đèn giong,
Viện sách xa nghe trống điểm thùng.
Đối ngọn đèn tà lòng những xót,
Nghe đàn dế mách dạ càng mong.
Ngổn-ngang bụng nghĩ hàng trăm mối,
Vướng vít tơ vương biết mấy vòng.
Ướm hỏi non sông người viễn-biệt,
Cảnh buồn đêm ấy có buồn chung?

Tiễn bạn (1)

Từ rẫy non-nước cách xa-xôi,
Tiễn bác lòng em những ngậm-ngùi.
Xót nỗi tha-hương mà xót bạn,
Trông vời cố-quận lại trông người.
Kể về người ở buồn chăng bác,
Góc bể bên trời ngán nỗi tôi.
Chan chứa biết bao sầu viễn-biệt,
Quan-hà một chén dạ chia đôi.

ĐẶNG XUÂN-QUỲNH

.·.

Pháo nổ

Khen thay thợ tạo khéo là tình,
Đỏ đỏ xanh xanh khéo tạo hình.
Mãn-địa bay vùng cùng đất đỏ,
Thăng-thiên lên vụt tít trời xanh.
Tức hơi chốn-chốn đều khoe sắc,
Bén lửa nơi-nơi sẽ tỏ danh.
Kêu lắm ví bằng tan-tác nữa,
Cũng là tiếng cả cõi phù-sinh.

MAI VĂN - LIÊN

.·.

Hỏi ông sao

Xa cách trần-gian độ mấy trùng,
Biết chăng xin nhắn với nhau cùng!
Đường danh-lợi nọ bao nhiêu lối,
Chữ hiếu-trung kia đáng mấy đồng?
Giấc mộng đêm xuông người tỉnh chửa,
Canh tà dưới nguyệt khách nghe không?
Ông to như thế sao ông bé?
Có lẽ trần-gian chửa biết ông!

Gửi cho anh

Lâu nay bác đã tỉnh dần chưa?
Hay vẫn say lý rượu với thơ?
Văn đã đắt chưa sao ế mãi?
Nợ trang sạch chửa cứ vay bừa?
Cây đa trên giếng còn tươi chứ?
Ông phỗng bên chùa vẫn vững ư?
Nhắp chén bây giờ ai với bác?
Ngày nào tôi bác hãy còn thơ!

NGUYỄN KHOÁI

.·.

Trả lời em

(Họa nguyên-vận bài trên)

Vinh mình chẳng sớm ắt là trưa,
Việc quái chi mà chẳng rượu thơ.
Hồ-thỉ bốn phương còn nợ khối,
Gió trăng lưng túi hãy chơi bừa.
Khi nào phỗng đá mà thiêu được!
Có lẽ cây đa lại héo ư!
Xin chớ lo xa mà chớ ngại,
Rồi đây sẽ có khối con thơ.

NGUYỄN TÍNH

.·.

Làm thơ

Nghĩ tớ làm thơ cũng nực cười,
Đặc lý cán thuồng muốn bằng ai!
Văn-chương vét được ba dòng chữ,
Nghĩa-lý thu hồ một mớ gai!
Tập-tọng rặm ba câu sáo-ngữ,
Tì-tòe những mấy nết làm trai.
Tha-hồ cho họ chê rằng dốt,
Tớ cứ ngông-nghênh mãi mãi hoài.

(1) Họa và trả lời bài « Biệt bạn ra về » của ông Nguyễn Trung-Khuyến đăng trong *Nam-Phong* số 93 (Mai 1924)

Khóc bạn

Sè sè một nấm cỏ khâu xanh,
Ai đó ai ơi, có xót tình !
Lúc trải phong-trần đua thế-lợi,
Phen liều tang-hải giật công-danh.
Chẳng qua một giấc êm-đềm thế,
Rồi đến trăm năm phất-phưởng tình.
Ham mãi làm chi trần-lụy nhỉ,
Từ rày vui thú với non thanh.

VŨ NGUYÊN-BÁI

∴

VỊNH-SỬ

Kinh-Dương-vương

Sông có nguồn ; cây có gốc.
Vật-lý còn như thế,
Nữa là một dân-tộc.
Dân-tộc Việt-Nam ta,
Nguồn gốc bởi đâu ra ?
Kinh-Dương-vương, phải chăng a ?
Hùng-sơn một đỉnh đứng trơ-trơ !
Lăng-miếu cùng chung mấy nắng mưa.
Thăm nhận ai ơi, ai có nhớ,
Tổ-công tôn-đức tự nghìn xưa.

Lạc-Long-quân

Lạc-Long-vương đấng vua hiền,
Cùng Âu-Cơ kết tơ duyên.
Chăn loan gối phụng trướng xuân yên,
Điềm ứng trăm trai phỉ dạ nguyền !
Rồng tiên vì khác loại ;
Rừng bể phút chia miền :
Năm-mươi con miền bể theo cha trở xuống ;
Năm-mươi con miền rừng theo mẹ ngược lên.
Người con cả (1) nối nghiệp cha,
Ấy là tổ Bách-Việt,
Tộc-loại ta đều bởi phát-nguyên.
Ôi ! Phải rằng rồng !
Phải rằng tiên !
Phải rằng thủy-hỏa khó đoàn-viên !
Chia con người một nẻo,
Nghìn xưa việc quả-nhiên.
Canh tàn trăng lặn tiếng chuông rền,
Đất nước mơ-màng dấu tổ-tiên.
Vãng-sự xem ra dầu lạnh-lẽo,
Khuyết-nghi thôi nhỉ ! Bác sao nên ?

Hùng-quốc-vương

Hai nghìn năm lẻ nước Văn-lang,
Chính-hóa từ đây có bóng vàng.
Đường-bệ vua tôi nền thủy-sáng,
Sơn-hà cây cỏ vẻ tân-trang.
Triệu-bồi đành đã nên giường mối,
Truyền-kế rồi ra sẵn bậc thang.
Kìa miếu kìa lăng trên Cổ-tích,
Bóng hồn mấy độ chiếu xiên ngang

ĐOÀN TỊNH-CẢNH

∴

Quá-xuân nữ

(từ-tuyệt liên-châu)

I

Muốn hở môi ra những thẹn-thùng.
Ngày năm bảy mối tối nằm không.
Ai lên nhắn khách cung Hằng với,
Kẻo nữa phôi-pha cái má hồng.

II

Kẻo nữa phôi-pha cái má hồng,
Trêu ngươi chi mấy hỡi thiên-công ?
Tóc mây mấy lúc ra đầu bạc,
Có xét cho không cái nỗi lòng !

III

Có xét cho không cái nỗi lòng,
Một mình vò-võ chốn loan-phòng.
Bồn-chồn chín khúc cơn mưa tạnh,
Gối chiếc chăn đơn luống lạnh-lùng !

IV

Gối chiếc chăn đơn luống lạnh lùng.
Cùng ai mà tỏ nỗi sầu đong.
Ruột tằm đòi-đoạn vò trăm mối,
Vướng-vít tơ-vương biết mấy vòng.

---

(1) Người con cả tức là đức Hùng-quốc-vương, là một người con ở trong 50 người con theo mẹ.

V

Vuông-vít tơ-vương biết mấy vòng,
Chữ tình ai nỡ dứt cho xong.
Trăng già độc-địa làm chi thế,
Chẳng giúp cho nhau kết giải đồng.

Gửi cho bạn

(lối thi-ca liên-hành)

Độ này quan bác mạnh hay không?
Bác ở Long-thành đã mấy đông?
Tin tức lâu nay không thấy gửi,
Cho em luống những ngẩn-ngơ mong.

Nhớ ai đứng tựa gốc tòng,
Trăng thanh gió mát mà lòng chẳng thanh.
Tơ tình trăm mối quấn quanh,
Ai người gỡ mối tơ mành cho xong.

Một mình thơ-thẩn dưới trăng trong,
Nhớ bạn quan-san ruột rối bòng,
Nhớ lúc tỉnh say vui cuộc rượu,
Phương trời mỏi mắt vẫn hằng trông.

Những khi trước ân thư-phòng,
Giở văn thơ cũ mà lòng ngẩn-ngơ.
Ngẩn-ngơ nhớ thủa bao giờ,
Cùng nhau đàm-đạo văn thơ canh trường.

Bây giờ đôi ngả cách đôi phương,
Nghĩ nỗi phân-ly luống đoạn-trường.
Biết ngỏ cùng ai tâm-sự ấy,
Một mình mình nhớ một mình thương.

Giãi bày mọi nỗi đoạn-trường,
Tình kia cảnh nọ trăm đường vò tơ.
Những khi trông bóng trăng mờ,
Ruột tằm đôi-đoạn như tơ rối bời.

Kẻ ở chân mây kẻ cuối trời,
Tiện hồng ai nhắn gửi thăm ai.
Nhắn ai xa cách ngoài muôn dặm,
Tỉnh dậy mà xem cái cuộc đời.

Cuộc đời chán lắm ai ơi!
Con đường danh-lợi chật người đua chen
Em đây tủi bước chân hèn,
Mà con đường ấy cũng chen mình vào.

Chẳng biết lâu nay bác thế nào,
Em thì quanh-quẩn chẳng ra sao.
Vẫn mong trả nợ cho xong nợ,
Gỡ chẳng ra cho lại mắc vào.

Ngọn đèn lửa bốc dầu hao,
Can-trường gửi bạn tâm-giao mấy hàng.
Bình an mạnh khoẻ như thường,
Mau chân bước tới con đường văn-minh.
Mấy lời kỹ-chú đinh-ninh!...

ĐẶNG XUÂN-QUỲNH

Kính-cáo các bạn đọc báo

Các ngài mua *Nam-Phong* đến số nào là hết hạn, thì mỗi khi gửi báo đã để rõ ngoài băng.

Khi gửi đến tập báo cuối-cùng — đến tập ấy là hết hạn — thì ngoài băng lại có đóng dấu « **Hạn báo của ngài số này là hết** » và trong tập báo có cài sẵn một tờ « **Giấy mua Nam-Phong** » để tiện nhắc các ngài mua tiếp hạn khác.

Nếu bản-quán không nhận được *mandat* hoặc thư về việc mua tiếp hạn mới, tất là ngài không ưng mua nữa, vậy sẽ thôi gửi.

Mandat hoặc thư, xin gửi về M. LÊ-VĂN-PHÚC, 82, Rue du Chanvre, Hanoi.

N. - P.

THỜI-ĐÀM

Việc Thế-giới

Việc nội-chính nước Pháp. — Về việc nội-chính thì thế-lực Nội-các PAINLEVÉ coi ra đã vững-vàng lắm: Nội-các này cũng là thuộc về Tả-liên-đảng (tức *le Cartel*) như Nội-các HERRIOT trước, nhưng cách xử-trí có ý êm hơn, nên được lòng cả các đảng. Xem như Nghị-viện vừa rồi thảo-luận về việc Ma-lạc-kha, hầu toàn-viện (chỉ trừ đảng cộng-sản) biểu đồng-tình với Chính phủ, quyết-nghị chuẩn-y các khoản kinh-phí của Chính-phủ yêu-cầu về việc dụng-binh ở Ma-lạc-kha, thì đủ biết Nghị-viện có lòng tín-nhiệm là dường nào. Thậm-chí các đảng phản-đối, thuộc về phần thiểu-số ở Nghị-viện, tức là Hữu-liên-đảng (*le Bloc*) cũng biểu đồng-tình mà bỏ vé tín-nhiệm. Đó cũng là một cái đặc-sắc của Nội-các này, là được phe phản-đối cũng tán-thành. Sự đó lạ-lùng quá, khiến cho phe đa-số lúc mới đầu lấy làm kinh-ngạc, không hiểu ra làm sao, đến trách Nội-các là không được hết sức trung-thành với chủ-nghĩa của đảng mình, ôn-hòa quá để cho đảng phản-đối lấn dần mất. Lòng ngờ-vực ấy đến nỗi làm cho một phần trong Tả-liên-đảng, là phần xã-hội-đảng, hôm bàn về việc Ma-lạc-kha không chịu bỏ vé cho Chính-phủ ngay, còn do-dự mãi hai ba hôm rồi mới chịu. Nguyên Tả-liên-đảng là gồm hai đảng: đảng xã-hội-cấp-tiến và đảng xã-hội. Đảng xã-hội tuy là phần ít (có non một trăm người), nhưng có kỷ-luật nghiêm, có chủ-nghĩa nhất-định, khi kết-liên với đảng xã-hội cấp-tiến để lập ra Tả-liên-đảng đã tuyên-bố rằng không tham-dự Nội-các và đối với Nội-các chỉ giữ cái « chính-sách phù-trợ » (*politique de soutien*) mà thôi, nghĩa là khi nào Nội-các không sai cái chủ-nghĩa của tả-đảng — (chủ-nghĩa này cũng chỉ là một bộ-phận giản-đơn của cái chủ-nghĩa hoàn-toàn của đảng xã-hội) — thời tán-trợ cho thành-công, nhưng khi nào làm sai thì có thể không giúp nữa cũng được. Bởi thế nên các phe phản-đối vẫn nói rằng tính-mệnh của Nội-các tả-đảng chính là ở trong tay đảng xã-hội, vì nếu đảng này mà không phù-trợ cho Nội-các thì Nội-các bị thiểu-số ngay. Nay thấy Nội-các PAINLEVÉ giữ một cái thái-độ ôn-hòa để yên lòng cả quốc-dân, lại được phe phản-đối tán-trợ cho một cách bất ngờ như thế, thoát-li hẳn ra ngoài cái quyền giám-chế của mình, đảng xã-hội lấy làm bất-bình, đã toan thủ-tiêu cái chính-sách phù-trợ từ trước đến giờ. Nhưng sau nghĩ lại, lại thôi. Về phần phe phản-đối tán-trợ cho Nội-các mới rồi, thời cũng có người cho là « hớ », tự-nhiên giúp cho một Nội-các không thuộc về đảng mình. Ông MAGINOT là một tay lĩnh-tụ trong Hữu-liên-đảng đã giải nghĩa sự đảng ông bỏ vé cho chính-phủ về việc Ma-lạc-kha, nói rằng ông cùng các chính-hữu ông lấy sự lợi-ích cho quốc-gia làm trọng hơn cả các vấn-đề đảng-phái, và bất-cứ là Nội-các về đảng nào, hễ biết khéo giữ-gìn bênh-vực quyền-lợi của quốc-gia Đại-Pháp, các ông cũng sẵn lòng tán-trợ, các ông đặt quốc-gia cao hơn cả các phe đảng. Đối với cái thái-độ của đảng phản-đối như thế, thời xem ra nội-tình của Tả-liên-đảng có ý phân-vân, phần ôn-hòa thời cho thế là càng hay, phần cấp-tốc — tức là đảng xã-hội, — thời lấy

thế làm bất-bình, không muốn có quan-hệ gì với các đảng hữu. Có kẻ sợ rằng vì sự này mà đảng xã-hội sẽ phân-lìa độc-lập chăng, như thế thì Tả-liên-đảng đến tan mất. Dù sao mặc lòng, cái thế-lực Nội-các hiện nay cũng là vững-vàng lắm. Nhưng còn vấn-đề tài-chính nữa cũng khó giải lắm, chưa biết các đảng sau này đối-phó ra thế nào. Hiện nay thời sổ dự-toán năm 1925 mới được nghị-viện khả-quyết, chậm mất sáu tháng. Bộ Tài-chính đương sửa-soạn sổ dự-toán sang năm để cho Nghị-viện kịp quyết-nghị cuối năm nay. Xong rồi bấy giờ mới đệ trình một cái tổng-dự-án chỉnh-đốn tài-chính chung.

. . .

Người Anh bình-phẩm ông Caillaux thế nào ? — Nhân nói về việc tài-chính nước Pháp, cũng nên biết người chủ-trương việc tài-chính của nước Pháp bây giờ thế nào. Người ấy là ông CAILLAUX. Ông là một nhân-vật phi-thường đặc-biệt, nên kẻ yêu cũng lắm, người ghét cũng nhiều. Người đồng-bang ông bình-phẩm ông thì thật là phân-vân lắm, không biết thế nào làm bằng-cứ. Nay thử xem người Anh xét ông ra thế nào. Người Anh xưa nay vẫn không ưa gì ông, vì ông vốn chủ-trương sự đề-huề nước Pháp với nước Đức để đối lại nước Anh, bởi thế nên trong khi chiến-tranh ông mới bị cái án ngờ là thông với địch-quốc mà phản-bội nước nhà. Như thế thì người Anh xét ông chắc là không có lòng thiên-vị gì; lời phán-đoán lại càng có giá-trị hơn. Đây là lời một nhà báo nọ ở nước Anh hình-dung tả-mạo ông CAILLAUX như sau này: « Ông CAILLAUX nguyên làm Thủ-tướng nước Pháp, là một tay chuyên-môn về tài-chính, lại đứng đầu đảng Cấp-tiến-xã-hội, trong khi chiến-tranh phải cái án ngờ bội nước, phải biệt-xử ra xa thành *Paris*, từ bấy đến nay không ai nói đến nữa, bây giờ lại thấy xuất đầu lộ diện. — Ông người thấp, mập, mà đầu hói trọi. Mắt sâu mà đen nhay nháy, lông mày rậm. Ăn mặc bao giờ cũng lịch-sự lắm, « cà-vạt » rất đẹp, đeo nhẫn kim-cương. Hình-dáng ông không giống cái mô-dạng thông-thường của người Pháp, nhưng bàn tay nhỏ và trắng, cách cử-động nóng-nẩy, bước chân đi nhanh-nhẹ, bàn tay vắt sau lưng, khi mở khi nắm luôn luôn, lúc bừng-bừng nổi giận, lúc cười nhạt mỉa-mai, thật là một cách người đặc-biệt. — Xưa khi ông lĩnh bộ Tài-chính, ở nhà bộ-đường trang-nghiêm như nơi cung-điện, trông ra công-trường *Carrousel*, ông tỏ ra một người mẫn-cán vô-cùng, và kể cũng là một cái cảnh lạ trông một người thấp bé như ông châu-tuần ở trong một cái cung lớn rực-rỡ những nệm cùng thảm *Gobelins*. Cả ngày ông ngồi trong cái ghế bành ở buồng giấy, kẻ làm việc không thạo sợ ông như thần-thánh. — Ai đem đến trình ông một cái bản thảo, hay một cái dự-án gì, con mắt đen của ông nhìn qua một lượt là biết ngay chỗ sai-lầm ở đâu. Con mắt tinh-tế ấy cũng là một cái tính di-truyền của nhà ông. Tằng-tổ ông vốn làm nghề thợ mộc, nhân lành nghề mà tự tấn-tới lên bậc trung-lưu; tổ-phụ ông lại nhờ sở-trường về số-học, càng củng-cố thêm được cái địa-vị đó. — Ông thủa nhỏ có người vú nuôi là người Anh, nên học được tiếng Anh, sau này làm thủ-tướng cũng có ích-lợi, vì trong khi giao-thiệp với nước ta nhờ biết tiếng không đến nỗi lầm-lỗi cho lắm như các ông thủ-tướng trước. Khi tốt-nghiệp ở trường trung-học *Condorcet* ra, vào theo học ở trường Chính-trị, thi đỗ vào bậc nhất nhì. Thủa còn học-trò, anh em đã biết là người có tính quả-cảm, có chí công-danh. — Hai-mươi sáu tuổi được bổ chức thanh-tra tài-chính. Ba-mươi-lăm tuổi, được tỉnh nhà bầu làm nghị-viên. Làm nghị-viên được hai năm thì ông thủ-tướng

WALDECK-ROUSSEAU giao cho bộ Tài-chính. Làm việc tài-chính thì ông thông-thạo lắm, nhưng ra nơi nghị-trường, ông chưa được sắc-xảo. Người không có oai, tiếng nói lanh-lảnh, lời nói khô-ráo không có văn-chương, thiên-hạ không ưa lắm. Người ta cho ông là người tự-phụ mà không có tài hùng-biện. — Lạ thay, sự-nghiệp của ông đều nổi lên vì những chuyện tai-tiếng. Thứ nhất người ta trách ông là người không biết vị riêng nước mình, chỉ biết chuyên về mặt tài-chính vạn-quốc, chỉ là người vị lợi hơn vị nghĩa. Mà thật cả đời ông can-thiệp về những việc quốc-tế-tài-chính, ông bị án cũng là vì việc tài-chính. Năm 1913 ông đã suýt cho Công-ti xe-lửa *Bagdad-Berlin* cũng được đem cổ-phần vào đấu-giá ở Chợ Cổ-phần (*la Bourse*) *Paris*. Vả từ xưa ông vẫn chủ-trương sự liên-lạc nước Đức với nước Pháp; bây giờ ông cũng vẫn còn nghĩ như thế, vì ông quyết rằng có thế mới giữ được sự hòa-bình. Bởi thế nên ông ghét cái quân-quốc-chủ-nghĩa và tin ở sự vạn-quốc giải-bình. — Về đường thương-mại thì ông theo cái chủ-nghĩa tự-do-mậu-dịch, đối với chủ-nghĩa bảo-hộ-mậu-dịch, vì ông cho cái chủ-nghĩa bảo-hộ là gây ra cái nạn lũng-đoạn thương-quyền vào tay các liên-hợp-công-ti (*trusts*). Vậy thời cái sở-thích của ông là việc đại-lý-tài (*la haute finance*), nhưng ông cũng có thì-giờ tập thể-thao. Thủa nhỏ ông thích đi xe đạp; ngày nay ông ưa đi săn bắn. Ông lại ham đọc sách nữa, tiếng Anh, tiếng Đức, ông đều thông cả, có thể đọc được nguyên-văn. — Từ khi chiến-tranh xong, ông lại muốn khôi-phục cái địa-vị chính-trị của ông, nhưng chưa có dịp nào. Ông đã từng bàn nên mở một cuộc công thải vạn quốc để giải-quyết vấn-đề nợ Đồng-minh, theo ý ông thì duy có cách ấy mới giữ giá cho đồng phật-lăng được. — Nghĩ sự đời thăng-trầm cũng lạ, cái thế-lực ông đã suy-sút trong bấy nhiêu lâu, ngày nay lại bành-trướng lên dần dần. Sự khôi-phục này kể cũng lạ thật, nhưng chính ông CAILLAUX, há không phải là một nhân vật lạ dư? ». — Ấy lời báo Anh bình-phẩm ông Tài-chính nước Pháp bây giờ như thế, không quá khen mà cũng không quá chê, tưởng cũng là đích-đáng vậy. Gần đây có điện báo rằng ông mới được bầu thượng-nghị-viên hạt *Sarthe*. Nguyên khi ông vào Các độ tháng trước thì ông chưa có chân nghị-viên, ông Thủ-tướng PAINLEVÉ phục cái tài lý-tài của ông mà đặc-cách với ông ra đó thôi, vì lệ thường phải có chân nghị-viên mới được làm thượng thư. Vậy ông cũng muốn ra ứng-cử nghị-viên, nhưng không khuyết chỗ nào. Trong hạt *Sarthe* là hạt nhà ông, có bốn chân thượng-nghị-viên thì đủ cả rồi. Muốn tỏ lòng kính-phục ông, bốn ông nghị ấy đều tranh nhau để xin từ chức mà nhường cho ông. Sau phải rút thăm xem người nào được cái danh-dự tự hi-sinh cho ông như thế. Nhờ đó, ông mới ra ứng bầu, được trúng cử nhiều vé lắm. Xem thế thì lại biết những chính-hữu của ông có lòng trung-thành với ông là đường nào.

Việc Ma-lạc-kha. — Việc chiến-tranh quân Pháp với quân *Riffains* ở Ma-lạc-kha vẫn nhùng-nhẳng, chưa phân thắng-phụ. Cứ xem điện-tín hằng ngày, thì chỉ thấy: « Quân ta thắng, quân ta lui, quân địch thua, quân địch chạy, ta đánh thế công, địch giữ thế thủ, vân vân », phảng-phất cũng như những tin thông-báo trong hồi đại-chiến-tranh mấy năm trước. Vì rằng, như kỳ trước đã nói, việc Ma-lạc-kha này là không phải một việc động-binh thường, chính là một việc chiến-tranh hẳn-hoi, và về phần người *Riffains* được nhiều tay ngoại-quốc giúp,

đánh cũng ra cách « văn-minh » lắm, có tâu bay, đại-bác đủ cả. Chính-phủ Pháp phải phái Thống-chế PÉTAIN sang Ma-lạc kha để cùng với thống chế LYAUTEY (là tổng-đốc Ma-lạc kha) bày mưu thiết-trận. Xem như thế thì biết là việc quan-hệ, chứ không phải việc thường. Nhất diện thời chính-phủ lại phái nghị-viên MALVY sang thương-thuyết với chính-phủ Tây-ban-nha để hai nước cùng hiệp-lực xử-trí việc Ma-lạc-kha, nước Pháp về bộ-phận nước Pháp, nước Tây về bộ-phận nước Tây. Hai nước đã có sai người mật-thông với ABD-EL-KRIM để bàn xem có chịu giảng-hòa không, nghe đâu ABD-EL-KRIM chưa chịu. Lại có điện nói rằng ABD-EL-KRIM yêu-cầu mấy điều như sau này, có được thì mới chịu thương-thuyết giảng-hòa : 1o) Xứ *Rif* sẽ có hiến pháp, Hội Vạn-quốc thừa-nhận, và ABD-EL-KRIM sẽ được ngôi quốc-vương ; 2o) Ông chịu phục quyền Hoàng-đế (*Sultan*) Ma-lạc-kha ; 3o) Về phía Nam, xứ *Rif* sẽ lấy sông *Ouergha* làm phân-giới ; 4o) Nước Tây-ban-nha cứ giữ địa-thế ở *Ceuta* và *Mellila* ; 5o ABD-EL-KRIM có quyền được nuôi quân đội, số ngạch thế nào trong hòa-ước sẽ định — Nếu bấy nhiêu điều mà được thừa-nhận thì trên bản đồ thế-giới sẽ lại thêm một nước mới nữa, có quyền tự-do độc-lập. Nhưng còn phải đợi cái chiến cục này liễu-kết ra thế nào.

. . .

Vấn-đề nợ Đồng-minh và việc nhường bán thuộc-địa.— Trong khi chiến tranh nước Pháp có vay tiền của nước Mĩ và nước Anh để kinh-phí về quân-sự. Số tiền đó nhiều tới 350 ngàn triệu (*milliards*), phần nhiều là tiền của nước Mĩ. Nợ ấy, chỉ trả lãi, mỗi năm cũng đã mất 150 triệu. Nay chiến sự đã xong, các bạn Đồng-minh cũ xoay ra đòi nợ. Nhất là ở nước Mĩ, có một đảng, nghị-viên BORAH đứng đầu không vì nể gì ân-tình cũ, muốn thúc nước Pháp phải trang-trải ngay cho hết cái nợ ấy. Cứ tình-hình tài-chính nước Pháp thì khoản nội-trái còn khó xử thay, huống-chi là khoản ngoại-trái. Chính-phủ Pháp thời nói rằng nợ đó là nợ mắc trong khi chiến-tranh chung, nước Pháp không phải không công-nhận, nhưng xin để bao giờ Đức trả tiền bồi-thường, bấy giờ Pháp sẽ trả nợ Đồng-minh. Nhưng mà tiền bồi-thường của Đức cũng khó-khăn mới đòi được, mà chẳng được bao nhiêu. Đối với cái tình-hình khó xử đó, có mấy người khởi lên một cái dư-luận như sau này : Nước Pháp hiện nay nợ trong nợ ngoài nhiều lắm, mà thuộc-địa ở các phương cũng nhiều. Số dân ít, không cần phải thực-dân đâu ; hàng-hóa ít, không cần phải chợ bán hàng. Như thế thì có nhiều thuộc-địa cũng không được ích-lợi gì cho lắm. Vả lại cũng không có cách phòng-bị cho kỹ-càng được. Năm trước vì phải thu phục lại hai quận *Alsace-Lorraine*, nên con dân trong nước mới phấn-phát đi đánh Đức như thế ; chứ nay nếu hữu-sự ở thuộc-địa thì người dân chắc không dám đi đánh giặc phương xa làm gì. Cứ các lẽ đó thì cớ sao không bán thuộc-địa đi để lấy tiền trả nợ, hay là gán thuộc-địa đi để trừ vào tiền nợ ? — Cái dư-luận ấy khởi lên đã mấy năm nay, trước còn nho nhỏ, mỗi ngày một to dần. Nhưng thuộc-địa Pháp nhiều, định nhường hay bán thuộc-địa nào ? Ông văn-sĩ CLAUDE FARRÈRE bàn nhường cho nước Mĩ quần-đảo *Antilles* ở ngay cạnh Mĩ. Tạp-chí *Les Echos* cũng nói rằng : « Cứ tin đồn thì nếu chúng ta thuận nhường cho Mĩ quần đảo *Antilles* và đất *Guyane* ở Mĩ-châu, Mĩ sẽ sẵn lòng trừ hết các nợ cho ta mà lại trả thêm ta mấy ngàn triệu ngoài nữa. — Còn người Anh thì thuận lấy năm thành phố

thuộc Pháp ở Ấn-độ và có lẽ cả đảo *Réunion* nữa. Báo *Tribune de Paris* bác lời bàn của báo *Les Echos* và của ông CLAUDE FARRÈRE nói rằng mấy thuộc-địa kể đó như *Antilles*, *Réunion*, là những thuộc-địa cũ của Pháp, người Pháp thực-dân đấy đã nhiều và đã lâu, bán đi hay nhường đi không đang. Ngoài những thuộc-địa ấy, còn có những thuộc-địa mới, là những đất chỉ dùng để tráng thanh thế về chính-trị hay để thu lợi-quyền về kinh tế, như *Niger*, *Congo*, Tây Phi-châu, Trung Phi-châu, *Madagascar*, *Guyane*, Đông-Pháp (*Algérie* và phần Bắc Phi-châu không kể, vì đã coi như liền với nội-địa Pháp rồi), nếu bất-đắc-dĩ có phải nhường hay bán thì nhường hay bán những đất ấy là phải, nhưng phải đánh giá thật đắt, để lấy tiền vừa trang-trải được nợ ngoài mà lại vừa thủ-tiêu được nợ trong. Báo *Tribune de Paris* không ấn-định là thuộc-địa nào. Báo *Paris Ouest* thì chỉ hẳn là Đông-Pháp, và bàn nên nhường cho người Mĩ lĩnh trưng khai-khẩn lấy 150 ngàn triệu. Có người bác lại nói rằng cho lĩnh-trưng cũng chẳng khác gì nhường quyền hẳn, và cái giá 150 ngàn triệu ấy rẻ quá, không đủ thủ-tiêu các nợ Đồng-minh, đã bán thì bán đứt mà bắt Mĩ nhận hết cả các khoản nội-trái ngoại-trái của Pháp ; lại sợ rằng ngỏ ra bán cho Mĩ thì Anh với Nhật tất không bằng lòng, có lẽ trước khi bàn giao hai nước ấy hiệp nhau đến cướp mất, vậy Pháp trước phải ký-ước đồng-minh với Nga, Đức và Mĩ để phòng-bị đã. — Lời bàn bán Đông-Pháp xuất-hiện ra cả ở nghị viện. Bản-chí đã nói có ông thượng-nghị-viện GAUDIN DE VILLAINE đã hai ba báo xướng lên rồi. Lại mới đây trong lần *Eclair* có một bài của ông BONI DE CASTELLANE cũng bàn nên bán Đông-Pháp, và lấy việc vua Nã-phá-luân năm xưa bán đất *Louisiane* cho nước Mĩ làm chứng.

Lời bàn đó xướng lên, chắc là có nhiều báo phản-đối, nhất là trong « phái thuộc-địa ». Nhưng sở-dĩ có người bàn ra như thế, cũng là một điều ta nên chú-ý vậy. Duy lấy làm lạ rằng trong những lời bàn nhường với bán đó, không hề đả-động đến người dân bản-xứ ; hay là coi chúng ta như một đàn trâu ngựa, muốn mua về bán đi thế nào cũng được ? Nếu thế thì không còn có nhân-đạo công-lý chi nữa. Không có lẽ thế được. Báo *Indochine républicaine* ở đây bàn về vấn-đề ấy, có câu kết rằng : « Đất này không phải là của bán rao, nhưng là của có ngày phải trả lại cho chủ cũ vậy. » Lời nói đích-đáng thay !

— Ông nghị-viên xướng lên cái thuyết bán Đông-Pháp có nói : « Đông-Pháp hiện không phòng-bị được cẩn-thận. Nếu không giữ được thì bán đi. » Nay có điện ngày 12 tháng 7 báo tin rằng : « Quan Thuộc-địa-bộ ngày hôm qua đã họp « hội-đồng tư-vấn phòng-bị thuộc-địa » (*conseil consultatif de défense des colonies*) để trình cho xét một cái chương-trình đặt cách phòng-bị cho các thuộc-địa xa. Quan Thuộc-địa có nói kỹ về sự cần phải để cho người bản-xứ được rộng quyền tham-dự vào việc phòng-bị đất nước mình và sự cần phải cải-lương khí-giới để bù lại số quân-lính ít. »

— Lại nhân nói về thuộc-địa, báo *La libre Cochinchine* ở Nam-kỳ tháng trước có bài bàn về « Thuộc-địa và Hội Vạn-quốc », trong đó có thuật lời ông nghị-viên OUTREY Nam-kỳ phân-nàn rằng nước Anh ở Hội Vạn-quốc không những có một mình như nước Pháp, lại được có các thuộc-địa (*Terre neuve*, *Australie*, *Cap*, *Néo-Zélande*, *Canada*) cũng được cử ủy-viên liệt bằng-đẳng với các nước, như thế thành ra vây-cánh to, còn như nước Pháp thì cũng có thuộc địa nhiều mà ra Hội Vạn-quốc chỉ trơ-trọi có một mình, vậy nước Pháp cũng nên yêu-cầu cho các thuộc-địa (như *Tunisie*, *Afrique*

Occidentale, Madagascar, Indochine) được cử đại-biểu ra Hội Vạn-quốc để thêm vây-cánh cho Mẫu-quốc. Tác-giả thuật lời bàn của ông nghị-viên như thế, rồi nói rằng : Lời bàn ấy mới xét thì ai cũng phải cho là chánh đáng lắm. Nhưng mà so-sánh thuộc-địa của Pháp với thuộc-địa của Anh thì mới biết hai đàng khác nhau xa. Thuộc-địa Anh như mấy nơi kể trên kia, toàn là những đất thực-dân, người dân phần nhiều là người Anh, đều có quyền «công-dân» như ở Mẫu-quốc, được hoàn-toàn tự-trị, có Nghị-viện bầu-cử, có Nội-các trách-nhiệm, đối với Mẫu-quốc tức là những nước Anh nhỏ, bầu như độc-lập. Những thuộc-địa tự-trị (*dominions*) cũng ví như là con-cái trưởng-thành của Mẫu-quốc Anh, nên *các hữu kỳ phận*, nước mẹ không phải can-thiệp đến ; trừ có mấy thuộc-địa người Anh không thực-dân được, như Ấn-độ, Đông-Phi-châu, thời hãy còn trực-thuộc quyền thống-trị của nước Anh, người dân chưa được là «công-dân», còn là «thần-dân» (*sujets*), nhưng những thuộc-địa ấy đã không được có đại-biểu ở Hội Vạn-quốc. Đến như thuộc-địa của Pháp thì đã được nơi nào giống như các thuộc-địa tự-trị của nước Anh chưa ? Đã có nơi nào có Nghị-viện bầu-cử, có Nội-các trách-nhiệm chưa ? Đã có nơi nào người dân được quyền «công-dân» mà thoát khỏi vòng« thần-dân» chưa ? Thật là chưa. Như thế mà muốn tham-dự vào Hội Vạn-quốc thì thế sao được ? Nay ví nước Pháp muốn cho ở Hội Vạn-quốc có thuộc-địa mình làm vây-cánh cho để gây lấy một đoàn-thể mà đối lại với đoàn-thể nước Anh, thì chỉ có hai cách : một là yêu-cầu cho các quốc-vương những nước ở dưới quyền bảo-hộ của nước Pháp (như An-Nam, Cao-miên, *Tunisie*, *Maroc*) được quyền cử đại-biểu ra Hội Vạn-quốc, nhưng cách này muốn thi-hành chắc là « rắc-rối » lắm, tất là gây ra một cuộc thảo-luận vô-cùng-tận về Vạn-quốc-công-pháp ; hai là rộng quyền chính-trị cho các thuộc-địa, cho người dân được làm « công-dân » chứ khỏi phải làm « thần-dân » nữa, khiến cho có ngày tự-trị được ; cách sau ấy có thể thi-hành được ngay, mà lại có lợi về nhiều đường khác nữa, như thu-phục được lòng dân, khỏi để cho nảy ra cái mầm cách-mệnh. — Nhưng kẻ cầm quyền có đủ bụng rộng-rãi mà thực-hành được cái chính-sách hay ấy không ?

∴

Sự sáp-nhập nước Áo vào nước Đức. — Hòa-ước năm 1919 phân-lia nước Áo nước Hung ra, thành nước Áo ngày nay yếu thế quá không mong tự-lập được. Cái dã-tâm của Đức là chỉ muốn sáp-nhập Áo vào mình để khôi-phục cái thế-lực ở Trung-Âu. Mà Áo xem ra cũng thuận tình, vì phần nhiều dân Áo là thuộc giống Đức cả. Duy liệt-cường thì nhất-định không ưng và hết sức ngăn-ngừa, sợ Đức được thêm đất Áo thì Đức mạnh quá. Hội Vạn-quốc đã đặt cách giúp cho Áo khôi-phục về đường kinh-tế để có thể tự-lập được, nhưng mà xem ra cũng khó-khăn lắm. Theo như báo *Exportateur français* thì cái tình-hình kinh-tế của nước Áo bách nước ấy có ngày phải sáp-nhập với Đức. Báo ấy nói rằng : « Cứ như hòa-ước đã dựng ra nước Áo như bây giờ thì về đường kinh-tế không sao sống được. Một Kinh-đô 2 triệu người ở trong một nước có 6 triệu, thì không sao sinh-tồn được. Cái khu-vực ngoài nơi kinh-kỳ phải to rộng hơn nhiều nữa mới được. Thành *Vienne* là một nơi trung-tâm buôn-bán quan-hệ nhất. Những đường sắt lớn, đường sông lớn, đường cái lớn thấu-tập cả về đấy. Từ ngày định ra bờ-cõi mới thời ra cắt đứt cả các đường giao-thông ấy, không xét gì đến sự yếu cần của bản-xứ nữa. Bởi thế nên sự sinh-hoạt về đường kinh-tế bị đình-đốn cả.

Hội Vạn-quốc tưởng rằng cứ chỉnh-đốn lại tài-chính trong nước, kiểm-sát cẩn-thận các khoản chi-thu, các ngạch thuế-khoá, thế là đủ khôi-phục cho nước này được. Trong mấy tháng thời xem ra cũng kiến-hiệu. Đồng tiền *couronne* trước đã sụt xuống không kém gì đồng *mark* của Đức, dần dần cứ tuần-tự tăng giá lên. Nhưng chợt thấy dừng lại đó, không lên được nữa, các tay tài-chính chuyên-môn của Hội Vạn-quốc cũng chịu không làm sao được. Đó tức là cái tang-chứng rằng một nước muốn cho sinh-tồn được, phát-đạt được, chỉ có thể trông vào thương-nghiệp công-nghệ mà thôi, sự giao-dịch buôn-bán có mạnh thì nước mới giàu được. Nước Đức biết cái đó lắm, nên ra sức gây ra một cái phong-trào buôn-bán với Áo càng ngày càng mạnh, cứ như thế thời có ngày sự sáp-nhập Áo với Đức dẫu không công-nhiên thừa-nhận mà thật là thực-sự thành-công vậy. Các nhà ngoại-giao phải nên chú-ý. »

.·.

Người Nhật xét về địa-vị nước Pháp ở Thái-bình-dương thế nào? — Cả thế-giới bây giờ đều chú-ý về vấn-đề Thái-bình-dương. Nhưng trong liệt-cường, nước Nhật lại là nước vì địa-thế, vì quyền-lợi, phải chú-ý hơn nhất. Người Nhật chắc là đã thương-lường mà biết được đích-xác cái địa-vị của mỗi nước ở trên bể này thế nào. Nước Pháp có thuộc-địa Đông-Pháp, tất là có địa vị trọng-yếu ở đây. Người Nhật xét về địa-vị ấy thế nào? Tử-tước KINTOMO MUSHAKOJI diễn-thuyết ở Câu-lạc-bộ Đại-Thái-bình-dương (*Club Pan-Pacifique*) có nói như sau này: « Nước Pháp cầm ở trong tay cái then-chốt của Á-Đông mà tự mình không biết, mà liệt-cường cũng không ngờ. Tôi vừa qua ở *Bruxelles* bốn năm, làm thư-ký tòa Sứ. Nơi đó tuy xa, nhưng là một chỗ quan-sát tốt lắm, phàm những tin-tức thuộc về vấn-đề Thái-bình-dương là vấn-đề tối-quan-hệ cho nước Nhật, tôi cố ý xem-xét kỹ; lại ở gần ngay *Paris*, tôi thường ra đấy để quan-sát cái dư-luận về vấn-đề ấy thế nào. Về địa-thế thì nước Pháp có thuộc-địa Đông-Pháp thực là chiếm một cái địa-vị đặc-biệt. Đông-Pháp dẫu ở sâu vào trong đất liền, nhưng cũng là cửa ngõ của nước Tàu. Có ba cái hải-cảng, hai cái là Sài-gòn và Hải-phòng, kinh-lý đã chỉnh-bị lắm, với một cái vịnh nước sâu và kín-đáo, là vịnh Cam-ranh, năm xưa hồi trận Nhật-Nga, hạm-đội của tướng RODJEDVENSKY đã đến trú-ngụ ở đấy. — Đông-Pháp lại có nhiều tài-sản thiên-nhiên. Dân-số 22 triệu, nhiều hơn cả dân của các thuộc-địa Anh ở Nam-dương và Mĩ-châu gồm lại. Vì số dân các thuộc-địa của Anh ấy không ngoại 18.705.000 người, thì 5 triệu về Úc-châu, 1.200.000 về *Nouvelle Zélande* 11 triệu về *Canada* và các thuộc-địa ở Mĩ-châu — Ngoài Đông-Pháp, nước Pháp lại còn đảo *Nouvelle Calédonie*, địa-thế rất tốt, cách *Sydney* 3 ngày, có cửa *Nouméa* là nơi đỗ tàu tất-yếu ở miền ấy; lại có đảo *Nouvelles Hébrides* cùng cai trị với nước Anh. — Lại có đảo *Tahiti*, làm cái điểm liên-lạc tất-yếu cho sự thông-thường Mĩ-chậu với Úc-châu; không kể những quần-đảo nho nhỏ như *Marquises*, *Garbier*, *Toàmotou*, v. v. có hai cửa bể rất tốt, là của *Tahiti* và *Mangárevã* — Ví có ngày hai cường-quốc giao chiến với nhau ở Thái-bình-dương, tùy cái thái-độ của nước Pháp vị bên nào mà cho mượn thuộc-địa, cho mượn hải-cảng của mình, dẫu không đến làm cho cái thế quân hai bên thay đổi đi hẳn được, nhưng cũng có ảnh hưởng to lắm. — Có một điều khó-khăn cho cái địa-vị của nước Pháp, là thuộc-địa có nhiều, quyền-lợi cũng lớn, nhưng hải-quân để phòng-bị thời hầu như không có gì cả. Các đảo Nam-dương tuyệt

nhiên không có phòng-bị. Ngay Đông-Pháp đường duyên-hải rất dài rộng, thật dễ bị xâm-phạm lắm. — Bởi lẽ đó nên nước Pháp thường thường cố g-nhiên tuyên bố với liệt-cường rằng chỉ cậy ở cái lòng tôn-trọng điều-ước làm cách phòng-bị cho các thuộc-địa thôi. Nước Pháp khẩn-khoản nhắc đi nhắc lại như thế, để cho liệt-cường nhớ mà tuân theo điều-ước, khỏi làm nhiễu-loạn cuộc hòa-bình.... Nhưng mà thế có đủ không? » Báo *Japan advertiser* thuật lại mấy lời diễn-thuyết của nhà ngoại-giao Nhật đó, chỉ thuật đến đó thôi, lấy câu hỏi đó làm lời kết-luận. Nhưng ta đoán cũng biết cái ý của Nhật muốn kết-liên với Pháp để lâm-thời có thể lợi-dụng cái địa-thế tốt của các thuộc-địa Pháp trong việc chiến-tranh với Mĩ sau này, và đổi lại thời sẵn lòng giúp Pháp để giữ các thuộc-địa hiện nay phòng-bị còn sơ-sài.

. . .

Thái-độ nước Nhật đối với nước Mĩ. — Đầu năm nay Chính-phủ Nhật mới cử ông MATSUDAIRA làm đại-sứ Nhật ở Mĩ. Hôm ông xuống tàu *Phinyo maru* sang Mĩ, báo *Japan Times and Mail* có đăng một bài đề là « Tặng quan Đại sứ mới », nói về sự giao-thiệp Nhật Mĩ, tỏ ra cái thái-độ của hạng thức-giả nước Nhật đối với Mĩ thế nào. Đại-ý bài ấy như sau này: Phần nhiều người Nhật không muốn chi gây việc chiến tranh với Mĩ, chỉ muốn hai nước giao-hiếu với nhau càng ngày càng thân-thiện mà thôi. Chắc người Mĩ cũng một bụng như thế. Nhưng nước Mĩ mới rồi cho hải-quân tập trận, điều đó người Nhật cũng lấy làm ngờ lắm. Mĩ biết tự mình phòng-bị như thế, Mĩ thấy Nhật phòng-bị lại bất bình, có ý muốn họp một hội nghị Hoa-thịnh-đốn thứ nhì nữa, để bàn giảm-binh, cái ý đó chưa được phân-minh lắm. Còn vấn đề nước Tàu nữa, cũng phải nên giải-quyết, nhưng chưa rõ ý của người Mĩ thế nào. — Song Nhật đối với Mĩ có một điều oán không bao giờ nguôi được, là oán về cái luật di-dân tuyên-bố năm ngoái, luật này có phạm đến quốc-thể nước Nhật. Hồi luật ấy còn đương thảo luận ở Nghị-viện, ông giám-quốc COOLIDGE, ông ngoại-tướng HUGHES, phần nhiều các báo lớn và những người tri-thức ở nước Mĩ, đều công-nhận rằng luật ấy có thể tổn hại đến cảm-tình nước Nhật. Khi Nghị-viện đã khả-quyết luật ấy rồi, ông giám-quốc ngày 11 tháng 3 năm 1924 còn nói rằng: « Luật đã thông-quá rồi, khả-quyết rồi, việc phân-tranh thế là thôi. Nay người Mĩ chúng ta chỉ nên thừa mọi dịp để tỏ lòng ta yêu-mến kính-trọng nước Nhật. » Những lời đó tỏ rằng nước Mĩ không có ác-cảm gì đối với Nhật cả. Nhưng người Nhật không hiểu rằng một điều trái lẽ công-bằng, trước khi thành luật ai cũng công-nhận như thế mà sau khi thành luật lại thành ra thần thánh bất-khả xâm phạm được. Ngoại-tướng Nhật, Nam-tước SHIDEHARA, diễn thuyết mới rồi có nói rằng: « Vấn-đề di-dân nước Nhật vẫn chưa cho là giải quyết xong. Song phải biết rằng ở nước Mĩ, muốn bãi một đạo luật thời phải có đạo luật khác, và quyền lập pháp đối với quyền hành chính là hoàn-toàn độc-lập. Như thế thời hai chính phủ thương thuyết với nhau cũng vô-ích. » Chẳng biết có thật là vô-ích không, nhưng ý người Nhật không phải là muốn yêu-cầu nước Mĩ sửa lại luật di-dân đó để tăng thêm cái suất số của người Nhật lên, không phải thế, dẫu sửa lại mà giảm bớt số ấy đi nữa, nước Nhật cũng chẳng hề gì, nhưng mà phải lấy lẽ công bằng làm căn-cứ, chứ căn-cứ ở cái lẽ sắc da, lẽ chủng-tộc thì Nhật không khi nào chịu; cho nên Nhật chỉ yêu-cầu với Mĩ chớ bao giờ quên rằng đã làm nhục quốc-thể Nhật; chỉ xin nhớ cho điều đó thôi, còn ngoại-giả bằng cả ở bụng công-nghĩa của dân Mĩ.

∴

Sự ứng-dụng của tàu bay. — Nghề tàu bay mới phát-đạt từ khi chiến-tranh đến giờ. Nghĩa là tàu bay cốt nhất là một thứ binh-khí dùng trong việc chiến-tranh. Nếu sau này còn chiến-tranh nữa, — mà chắc thế nào cũng có, — thì tàu bay còn đắc-dụng nhiều nữa. Ngày nay quân Pháp với quân Ma-lạc-kha xung-đột nhau, hai bên cũng dùng tàu bay cả ; và Trương Tác-Lâm với Phung Ngọc-Tường ở bên Tàu hầm-hè nhau cũng là trữ tàu bay nhiều lắm. — Nhưng tuy vậy, bây giờ cũng đương buổi hòa-bình, các nhà chế-tạo tàu bay chỉ mong ứng-dụng về việc hòa-bình. Xem bài báo dịch sau này thì biết tàu bay ngày nay ứng-dụng được những việc gì :

« Trước kia những người nghĩ đến cách chế-tạo tàu bay, chẳng qua là chỉ tưởng đến cái ích-lợi, cái thú đi trên không mà thôi ; bầu trời rộng-rãi, đi lại tất vừa tiện vừa nhanh, những bậc anh-tài đó, cho dẫu có đoán già đến đâu chăng nữa, chắc cũng không nghĩ đến rằng phi-cơ lại dùng được lắm việc như ngày nay.

« Mà ai là người dám nhất-định rằng sự thịnh-hành, cái tinh-xảo của nghề đó đến thế nào là cực-điểm ?

« Sau này có lẽ những hạng con trẻ bây giờ sẽ trông thấy lắm sự rất li-kỳ, mà nếu nghĩ đến lúc tuổi trẻ thì chắc cho như khi mới khai-thiên lập-địa. Trong khoảng độ 50 năm nữa, đến lúc người như chim phượng, ai nấy có tàu bay riêng, đến lúc trong bầu trời phi-cơ chở thuê chạy như sao sa, đến lúc mái nhà thành xưởng xe, há chẳng là một cái cảnh-tưởng lạ lắm ru ?

« Thôi thì hãy nói ngay cái hiện-thời, tưởng cũng đã kỳ rồi.

« Ông PIERRE HAMP (1), đi tàu bay từ bên *Maroc* về *Paris*, để bỏ vé xem nên cho ai được thưởng trong cuộc thi văn-chương của báo *Renaissance*, xong rồi tức-thì lại trở về *Maroc*.

« Bà CARNAVON nghe tin chồng mệt ở Ai-cập muốn đi tàu bay từ Luân-đôn sang thăm.

« Nhiều người đã từng dùng tàu bay để đón các ông danh-y khi cấp-cứu.

« Vừa rồi ở *Dayton*, bên Hoa-kỳ, ông Bác-sĩ BANCROFT, giáo-sư Đại học đường *Cornelle*, và ông bác-sĩ Z. FRANCIS WARREN đã dùng tàu bay để thí-nghiệm cách làm ra mưa : những nhà bác-học và đại-biểu của chính-phủ đến chứng-kiến ai cũng chịu là được thập-phần hoàn-hảo. Ông BANCROFT và ông Z. FRANCIS WARREN cho một người đi tàu bay đem cát có điện (*sable électrisé*) vất vào những đám mây : tức-thì mưa đổ xuống. Báo *New York Tribune* có đăng rằng : trong khoảng năm rưỡi trời nay, thí nghiệm đi thí-nghiệm lại thì chắc cách làm ra mưa sẽ có ích-lợi cho nhà nông lắm. Mà nếu cải-cách đi ít nhiều, rồi làm ra mây tất cũng không khó gì. Như thế thì có thể làm tan những đám sương mù ở lắm nơi thành-thị. Hiện bây giờ đã thử ở các hải-cảng thì thật trừ được cái hại sương mù đó làm mù mịt cửa bể trong hàng mấy ngày.

« Lại còn dùng tàu bay rất nhỏ có thể để vào một khu cỏn con trên mạn tầu bể, để chở thư-từ cho nhanh. Giả-dụ tầu thủy chạy rồi thì chiếc phi cơ hãy còn ở tạm trên bờ, nhặt những thơ tối-cần hay đưa trễ, rồi lại bay ra tầu bể, trước khi đến bến nào, thì phi-cơ mang bọc thư đi trước : thế là người trên bộ muốn trả lời, muốn viết thư đi, lại kịp ngay chuyến tầu.

« Ở *Canada* lắm khi hay cháy rừng, rừng thì rộng, thành khó biết đến chỗ

(1) Ông PIERRE HAMP là một nhà văn-sĩ mới nổi tiếng mấy năm nay. Ông có viết mấy quyển : *Le travail invincible, la France, pays ouvrier*, v.v. ông xuất-thân vất-vả lắm, nghe đâu đã làm nhà bếp, song cố học thi đỗ làm đến chức « Thanh-tra lao-động » (*inspecteur du travail*)

nào mà cứu hỏa cho chóng được. Hễ động nghe thấy cháy thì quan cho tầu bay đi thám xem chỗ nào lửa to riết, liền báo cho lính cứu-hỏa.

« Năm ngoái bên Anh có dùng cả tầu bay để chữa những cây cao bị sâu hại. Cây cao quá thì không lẽ sai người lên rắc thuốc vào những chỗ sâu cắn, có người bèn nghĩ ngay đến cách dùng tầu bay để ném thuốc vào những cây bị hại, thành cứu được cả mấy dẫy cây cổ-thụ qui.

« Có nhà thiên-văn khảo-cứu về mặt trời muốn chụp ảnh thái dương. Song nếu máy chụp để ngay ở mặt đất thì không rõ được, ông liền cho người đi tầu bay lên hẳn cao, xa mây, xa bụi, để chụp lấy mấy tấm ảnh ; ông lấy làm vừa ý lắm.

« Tầu bay lại dùng cả để đi săn những thú bể như giống «hải-lí» (*phoques*, săn lấy lông và mỡ). Trước kia đi dò xem chỗ nào có lắm *phoques* tụ thì thật mất nhiều công-phu. Bây giờ tầu bay đi tìm trước, thấy đích-xác mới về báo cho những người đi săn đỗ ở bến. Thế là săn giống *phoques* dễ được quá nửa trước.

« Tầu bay có khi dùng cả để đi bắt trộm cướp. Một hôm viên đại-úy coi đạo tầu bay ở *Damas* được lệnh phải đi bắt một cái ô-tô chở lậu vàng đi *Bagdad*. Ô-tô chạy thật nhanh, song chiếc phi-cơ bay là-là mặt đất, chĩa súng xuống bắt đứng lại.

« Nhiều kinh-đô lớn đã từng thấy cả tầu bay dùng để cáo-bạch : một chiếc phi-cơ bay ngoạch mấy chữ bằng khói, thế là ai nấy cũng phải ngửng lên xem. Cách đó dùng lần đầu từ năm 1922 ; sau này chắc thịnh-hành lắm : bầu trời có lẽ như một bức tường dán giấy cáo-bạch.

«Ấy là nói những sự mắt nhìn được, tai nghe thấy ; còn đến tầu bay về sau này được lắm việc thế nào nữa thì thật không thể đoán xiết được. » — (PHẠM TRỌNG-THIỀU dịch một bài trong báo *Echo de Chine*)

∴

Việc Tàu.— Việc loạn ở nước Tàu, thứ nhất là ở Quảng-đông, Thượng-hải, Hương-cảng, vẫn còn chưa xong, nhưng đã có ý bớt kịch-liệt hơn trước. Tuy tình-hình còn phân-vân, chưa biết thế nào mà tóm thuật cho đúng được, nhưng có hai điều có thể chắc được : 1° việc loạn này là do đảng quá-khích nước Nga phái người vận-động ở Tàu mà gây nên, nhất là ở tỉnh-thành Quảng-đông, là cái hoàn-cảnh rất tốt cho những chủ-nghĩa cực-đoan bạo-động xuất-hiện và thi-hành ra. Từ ngày Tôn-tổng-thống còn sống đã kết-liêu mật-thiết với đảng quá-khích Nga rồi ; sau khi Tôn mất thì đảng Quốc-dân xoay về mặt quá-khích cả, và gần đây có tin rằng Chính-phủ Quảng-đông có Hồ Hán-Dân đứng đầu đã lập thành Sô-viết rồi ; theo các báo tây thì hiện ở Quảng-đông có tới sáu trăm người Nga về đảng quá-khích làm việc cho Chính-phủ Tàu và chính đại-sứ Nga ở Nam-phương là tướng BORODINE được thừa-nhận làm cố-vấn cho Chính-phủ và quản-lĩnh các quân đội của Chính-phủ ; — 2° việc loạn này là chủ-ý đối với người ngoại-quốc, rõ-ràng có cái tính-cách bài-ngoại, những học-sinh con trai con gái kéo nhau đi thị-uy vận-động ở ngoài đường đều hô lên : « *Sát Dương-nhân, sát* ! », không khác gì như hồi loạn Quyền-phỉ năm 1900. Tuy có ý đối riêng kịch-liệt với hai nước Anh và Nhật, nhưng đại-để là đối với cả người ngoại-quốc. Duy trong các người ngoại-quốc thì xem ra đối với người Mĩ, người Tàu còn có chút cảm-tình. Sự đó cũng không phải là vô-cố. Cái chính-sách của nước Mĩ

ở Tàu ngày nay, — nhất là tự Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn đến giờ, — vẫn là cố mua chuộc lấy lòng người Tàu. Các hội « Cơ-đốc thanh-niên » (Y. M. C. A.) của người Mĩ lập ra bên Tàu không biết bao nhiêu mà kể, truyền-bá cho người Tàu những chủ-nghĩa tự-do, bình-đẳng, dân-chủ, dân-quyền, kích-động bọn thanh-niên nhiều lắm. Trong việc loạn này mà bọn thanh-niên học-sinh can-thiệp vào đông như thế, cũng là kết-quả của sự truyền-bá đó một phần. — Nay người Tàu gây ra cái phong-trào bài-ngoại đó là chủ-ý yêu-cầu những gì? Các điều-kiện ấy chưa thấy tuyên-bố ở đâu, cũng không biết đích được. Nhưng nghe đâu người Tàu muốn đòi liệt-cường phải trả lại các tô-giới ở Tàu; phải bãi quyền thẩm-phán của các lãnh-sự mà nhận quyền thẩm-phán của các tòa án Tàu đối với người ngoại-quốc ; phải nhận thủ-tiêu cả các điều-ước cũ có ý xâm-lược đến quyền-lợi nước Tàu, các khoản nợ quá nặng-nề cho nước Tàu, các đặc-quyền của ngoại-quốc ở Tàu ; phải rút về hết những lục-quân hải-quân biện đóng ở địa-phận các tô-giới. Nói tóm lại là người Tàu muốn phá-đảo cả cái thế-lực của liệt-cường ở đất nước mình. Nay liệt-cường đối-đãi thế nào? Lúc mới đầu thì nghe như cũng muốn dùng cách bạo-động, như đem chiến-hạm đến đóng các cửa bể thông-thương, v. v. Nhưng gần đây nghe như đã đổi cách bạo-động ra cách ôn-hòa. Vả lại liệt-cường cũng còn phải nghe-ngóng lẫn nhau. Trên kia đã nói rằng việc loạn này chủ-ý thứ nhất là phản-đối nước Anh và nước Nhật. Anh thì lợi-quyền buôn-bán ở Tàu to, không muốn thẳng tay làm, sợ thiệt-hại đến mình. Còn Nhật thì biết rằng người Tàu có cảm-tình với Mĩ, chắc là được Mĩ ám-trợ và cũng bị Mĩ xui-siểm, nếu Nhật mà ra tay quyết-liệt thì đến thành việc to. Cho nên nước nào cũng giữ thái-độ ôn-hòa cả. Lại nghe có tin rằng Anh với Nhật sẽ ký-ước đồng-minh với nhau để xử-trí việc Tàu, không biết tin ấy thực hư thế nào. — Còn Chính-phủ Bắc-kinh đối với việc loạn này thời cũng có ý dung-túng. Việc cảnh-binh ngoại-quốc ở Thượng-hải bắn chết học sinh Tàu, bộ Ngoại-vụ đều có thư kháng nghị mấy lần.

Việc trong nước

Sự nguyện-vọng của quốc-dân Việt-Nam. — *Người Việt-Nam ta gần đây đã bắt đầu có tư-tưởng về chính-trị. Làm người đã có chút kiến-văn học-thức, không ai là không có bụng nghĩ-ngợi đến việc nước, đó cũng là một lẽ tự-nhiên vậy. Nước ta là một nước ở dưới quyền chính-trị nước Pháp, phàm những việc thi-thố, việc cải cách có ích-lợi cho dân, đều mong ở chính-phủ Pháp cả, vừa chính-phủ địa-phương ở đây, vừa chính-phủ trung-ương bên Pháp. Nhưng những sự nguyện-vọng của ta, ta phải có cách gì mà thông đạt tới chính-phủ, thời kẻ cầm quyền mới biết mà châm-chước thi-hành cho được. Vả lại, lẽ thường ở đời, có xin mới được, có đòi mới cho, cái ơn chính-trị không phải là cái ơn tự-nhiên mà được ban-bố ra bao giờ. Việc đạo-đạt lòng dân, việc thỉnh-cầu quyền-lợi đó, đáng lý thời là phận-sự của các báo-quán và các nghị-hội. Nhưng cứ như tình-hình các nghị-hội và báo-quán ở xứ ta bây giờ, thời thật chưa có thể nào đương được việc đó. May mấy năm nay ở Nam-kỳ có mấy tờ báo của người Nam ta viết bằng chữ Pháp, theo luật Đại-Pháp, được ngôn-luận tự-do, nên cũng bộc-bạch được chút đỉnh về những sự nguyện-*

vọng của quốc-dân ta. Lại người Nam ta sang học hay ngụ-cư bên Pháp mỗi ngày một đông, toàn là những người có tân-tư-tưởng, tân-kiến-thức cả, không thể không lưu-tâm bàn-bạc về việc chính-trị nước nhà. Tháng năm vừa rồi, mấy trăm người Việt-Nam ở Paris *họp công-hội, có mời các bạn đồng - chí người Pháp đến đông, để diễn-thuyết về những điều nên thỉnh-cầu với Đại-Pháp để mở rộng quyền chính-trị cho người dân. Khi tan hội có quyết-nghị một cái chương-trình mấy điều đại-khái như sau này :* 1° *Xin Đại-Pháp cho Đông-Pháp một cái hiến-pháp rộng hơn cho hợp với trình-độ dân ngày nay ;* 2° *Xin cho người dân được cử đại-biểu* thực (*nghĩa là có thực-quyền ăn nói*) *để thay cho quyền-lợi trọng yếu của dân ở Đại-Pháp và ở Đông-Pháp ;* 3° *Xin cho người dân hễ đủ tư-cách trong luật đã định thì có quyền được xin nhập Pháp-tịch* (*vào làng tây*) *;* 4° *Xin các báo bằng quốc-ngữ và chữ nho được tự-do xuất-bản ;* 5° *Xin được tự-do lập-hội và họp-tập ;* 6° *Xin phục lại quyền tự-do dạy học như xưa ;* 7° *Xin bỏ cái chế-độ đặc-biệt về dân bản-xứ* (indigénat) *ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ ;* 8° *Xin cho các quan-lại Tây Nam được bổ-dụng bằng-đẳng nhau theo cái lệ : tư-cách bằng nhau, quyền-chức bằng nhau ; công-việc bằng nhau, lương-bổng bằng nhau ;* 9° *Xin được tự-do đi sang Pháp và đi các ngoại-quốc ;* 10° *Xin bỏ sự bất-bình-đẳng về binh-dịch ;* 11° *Xin thi-hành những luật lao-động cho người An-Nam, nhất là luật về những tai-nạn bất-kỳ trong khi làm việc ;* 12° *Xin sửa lại chế-độ tư-pháp, cho người bản-xứ cũng được đủ quyền bảo-hộ về pháp-luật như người Âu-tây, cho quan toà được tư-cách độc-lập bất-khả xâm-phạm, và cho người bản-xứ được có chân các ban bồi-thẩm ;* 13° *Xin đặt một hội ủy-viên nghiên-cứu về các vấn đề chính-trị ở Đông-Pháp, hội có cả người Nam người Pháp cùng nhau xét bàn các việc và trình cho chính-phủ bên Pháp biết dân-tình dân-hướng thế nào.—Ấy là những điều kẻ tân-tri-thức ở nước Nam cầu-vọng như thế, nay đã đạt tới tai Chính-phủ bên Đại-Pháp, toàn là những điều chính-đáng và hợp với pháp-luật cả, chắc là chính-phủ sẽ tùy-nghi châm-chước mà cho thi-hành dần để cho thỏa lòng dân.*

Hai tháng trước cuộc diễn-thuyết đó, ở Hội Bảo-hộ Nhân-quyền ở Paris *cũng mở một cuộc « mê-tinh »* (meeting) *về chính-trị ở Đông-Pháp. Ông giáo* Félicien Challaye *thay mặt Hội cũng diễn-thuyết một bài hay lắm nói về sự nguyện-vọng của người Việt-Nam, kể ra đại-khái cũng giống các điều như trên kia.*

Nói tóm lại thời ở đây cũng như ở Pháp, và về phần người Nam cũng như về phần người Pháp, đã khởi lên một cái phong trào dư-luận muốn xướng-suất một cách chính-trị khoan-dung đại-độ đối với người Việt-Nam, cho xứng với cái lịch-sử cao-thượng của Đại-Pháp và cái trình-độ tiến-hóa của dân ta. Chúng ta cũng nên thừa cái phong-trào tốt đó mà cổ-động trong dân gian cho càng ngày càng có tư-tưởng chính-đáng về việc nước. Chính-phủ đã sẵn lòng cho ta được rộng quyền chính-trị thời ta cũng phải nghĩ cách tập-sự về chính-trị từ giờ, cho có ngày cờ đến tay không đến nỗi không biết phất vậy. Nhưng cốt là phải siêng-năng mà dự-bị, chớ có nên khinh-suất mà sai-lầm.

. . .

Đông-Pháp bao giờ mới có một nghị-hội xứng-đáng ? — *Trong các điều thỉnh-cầu trên kia, có một điều « xin cho người dân được cử đại-biểu thực, để thay cho lợi-quyền trọng yếu*

của dân ở Đại-Pháp và ở Đông-Pháp. » *Tương-lai tất có ngày người Nam ta phải có đại-biểu ở các hội-nghị và ở cả Nghị-viện bên Pháp, thời mới đủ thế-lực mà bênh vực cho lợi-quyền xứ ta. Nhưng ngày ấy kể cũng còn xa. Vậy hãng tạm không bàn đến vấn-đề đại-biểu ở Pháp, và chỉ nói riêng về vấn-đề đại-biểu ở bản-xứ thôi. Hiện nay ở xứ ta có được quyền bầu đại-biểu đích-đáng để thay mặt cho mười mấy triệu đồng-bào và bênh-vực cho những lợi-quyền trọng-yếu không? Trừ Hội-đồng Quản-hạt ở Nam-kỳ được mười người An-Nam dân cử cũng có quyền ăn nói một đôi chút, trừ các hội-đồng thành-phố chỉ biết việc thành-phố mà thôi, cũng được mỗi nơi bốn người An-Nam đối với 12 hoặc 8 người Tây, — nay mai đây thì đâu đâu cũng là 12 người Tây cả, thành ra số người mình ở Hội-đồng chỉ bằng một phần ba số người Tây, — còn ngoại-giả có Hội-đồng Tư-vấn thì quyền-hạn thế nào ai cũng biết hết cả, cao hơn nữa có Hội-đồng Bảo-hộ và Hội-đồng Chính-phủ, ở mỗi nơi ấy dân An-Nam ta chỉ có một vài ông quan thay mặt; như thế có phải là* thực đại-biểu không? *Thiết-tưởng đến cái hình-thức cũng còn khuyết-phạt, chứ đừng nói cái thực-quyền nữa.*

Nay không dám cầu vọng sự gì cao xa cho lắm. Xin Đại-Pháp cho ta ít ra cũng được bằng các thuộc-địa khác của qui-quốc. Qui-quốc vẫn thường công-nhận, thường tuyên-bố rằng đất này là thuộc-địa lớn nhất, đẹp nhất, giàu nhất, « giỏi » nhất của Đại-Pháp, chúng ta cũng lấy làm danh-dự thật. Nhưng về cái chế-độ đại-nghị, về cái công-quyền đại-biểu, thì xem như còn kém nhiều thuộc-địa khác, như Algérie, *như* Madagascar.

Xem ngay Madagascar. *Ở* Madagascar *hiện nay có một hội-nghị nửa người Tây nửa người bản-xứ, gọi là « Tài-chính ủy-viên-hội »* (les délégations financières), *do sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày mồng 7 tháng 5 năm 1924 đặt ra. Trên sắc-lệnh có mấy lời dẫn-giải của Bộ Thuộc-địa nói cái chủ ý đặt ra hội-nghị ấy là thế nào. Nói rằng: « Quan Toàn-quyền* Madagascar *xét rằng nay đã đến ngày có thể cho người dân ở* Madagascar, *vừa dân Tây, vừa dân bản-xứ, được quyền tham-dự bàn-bạc những việc tài-chính kinh-tế trong thuộc-địa. Về phần người Tây thời ngoài Hội-đồng quản-trị gồm những tay khai-khẩn, buôn-bán có lịch-duyệt và những quan-lại to, nên để cho dân Tây được cử đại-biểu riêng ra một hội-nghị để cùng với chính-phủ nghiên-cứu các vấn-đề lớn về kinh-tế và tài-chính. Về phần bản-dân thời đại-để vẫn một lòng trung-thành với nhà nước, lại cung cấp về các khoản tài-chính cũng phần nhiều, tưởng cho bầu-cử đại-biểu để bày tỏ dân-tình cùng dân-ý về các vấn-đề ấy, cũng là chính-đáng vậy.* » — *Hội-nghị chia ra làm hai ban đặc-biệt nhau: một ban người Tây, một ban bản-xứ. Mỗi ban có 24 người. Ủy-viên Tây thời một nửa do các phòng Thương-mại, các hội tư-vấn thương-mại cử ra và phải chọn trong hội-viên các hội ấy; một nửa do các hội-đồng thành-phố cử ra và cũng chọn trong hội-viên các hội ấy. Về việc bầu cử thì trong hạt chia ra từng khu, mỗi khu được quyền bầu từ một người cho đến bốn người đại-biểu và một số đại-biểu bổ trợ gấp đôi số đại-biểu chính ngạch. Phần đại-biểu Tây lại được thêm bốn người có chân hội-đồng quản-trị, không phải là chân quan-lại, và do quan Toàn-quyền đồng ý với hội-đồng cử ra. Phần đại-biểu của dân bản-xứ thì có 24 người ủy-viên công-cử, lại có hai người do quan Toàn-quyền cử trong hội-đồng quản-trị. — Nay đến chức-quyền của hội-nghị thì trong sắc-lệnh định rõ như sau này:*

« Hội Tài-chính ủy-viên được quyền bàn xét các việc như sau này, Chính-phủ tất phải tư-vấn đến:

« 1o — Xét bản dự-án sổ dự-toán thường của bản-xứ, các dự-án sổ dự-toán phụ, dự-án sổ dự-toán đặc-biệt, cùng lâm-thời cả các sổ dự-toán lập ra về các khoản công-thải, chỉ trừ những khoản kinh-phí có quốc-luật hay có sắc-lệnh định cùng những khoản kinh-phí thuộc về chính-trị :

« 2o — Xét về các khoản sưu-thuế hiện đã có hay sẽ đặt ra, và thứ nhất là về số-ngạch và cách thu các sưu-thuế đó :

« 3o — Xét dự-toán các công-thải của thuộc-địa đứng lên vay, cùng những công-thải của các thị-tỉnh mà thuộc-địa phải bảo-lĩnh :

« 4o — Xét chương-trình các việc công-chính dự-định trong các sổ dự-toán thường, sổ dự-toán phi-thường và sổ dự-toán về tiền công-thải ;

« 5o — Xét sổ kết-toán năm trước đã xuất-bản . . . »

Ngoài các việc trên, chính-phủ tất phải trình cho hội-nghị xét, còn có vấn-đề gì về kinh-tế tài-chính mà quan Toàn-quyền muốn biết ý của hội-nghị thì hội-nghị cũng được xét. Các sổ dự-toán hội-nghị đã xét rồi, bài-bác điều gì, thỉnh-cầu điều gì, đính vào đấy, rồi đệ-trình quan Toàn-quyền chuẩn-định thi-hành. Biên-bản của hội-nghị phải đồng-thời đệ về Bộ.

Kể hội-nghị này thì cũng là thuộc về tính-cách tư-vấn mà thôi, vì quan Toàn-quyền có thể không theo cũng được. Nhưng mà sánh với các hội-nghị của Đông-Pháp ta thì quyền-hạn còn rộng hơn nhiều. Ta không mong gì hơn vội, hằng mong bắt đầu được như thế đã, rồi sau sẽ hay.

∴

Ông Phan Chu - Trinh đối với chữ quốc - ngữ. — *Ông Phan Chu-Trinh là một nhà chí - sĩ, năm xưa bị Triều đình ở Huế lâm án xử - tử, may nhờ được Hội « Bảo - hộ Nhân-quyền » bên Pháp yêu-cầu với Chính-phủ sát-hạch lại án ấy mới được thoát nạn, từ bấy đến nay, vẫn ngụ ở bên Pháp luôn, không hề về nước. Gần đây mới được nhập Tây-tịch, tháng trước đã trở về bản-quốc. Ông nay tuổi đã cao, gian-nan kinh-lịch cũng nhiều, chỉ vì một tấm lòng trung đối với Tổ-quốc, nên quốc-dân được tin ông về, đều mừng cho ông và chúc ông được mạnh khỏe để an-dưỡng tuổi già. Hiện nay ông ở Sài-gòn. Có mấy tờ báo trong ấy hỏi ý-kiến ông về việc thời-thế, ông tỏ ý khuyên quốc-dân nên gia-công học-tập cho có tư-cách tự-lập sau này, và cứ ở trong phạm-vi pháp-luật hết sức yêu-cầu cho được rộng quyền chính-trị hơn. Đó là những điều cả các bạn đồng-chí trong nước đều biểu đồng-tình vậy. Duy có một điều phần nhiều các bạn đồng-chí lấy làm lạ, là ông nói ông phản-đối sự dạy bằng quốc-ngữ ở các trường tiểu-học, nói rằng quốc-ngữ không cần phải học, học bao nhiêu là chậm mất thì giờ học chữ Pháp đi bấy nhiêu. Ông Phan Chu-Trinh mà phản-đối tiếng quốc-âm, chữ quốc-ngữ, thì thật lạ-lùng quá, không ai hiểu ra làm sao. Chắc là tiên-sinh đột-ngột mới về, chưa rõ đầu đuôi việc vận-động này thế nào, theo ý-kiến của phái cấp-tốc, tưởng rằng dạy bằng quốc-ngữ thì ngăn-trở sự tiến-bộ của con trẻ thật. Nhưng đối với một việc dễ-dàng như việc này, mà còn có người ngộ-nhận như thế, ý-kiến còn phân-vân như thế, kẻ Nam người Bắc còn không thể đồng - tâm hiệp - lực nhau như thế, nghĩ cũng tiếc và cũng ngán thay! Việc dễ, việc nhỏ còn thế ; việc lớn, việc khó thời thế nào ?...*

Vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ này, bàn-bạc đã lắm rồi, tưởng không cần phải nói lại nữa. Nay chỉ xin trích một đoạn trong bài diễn-thuyết của ông giáo CHALLAYE *đã nói trên kia, là người có chân tri-sự Hội « Bảo-hộ Nhân-quyền »*

ở Paris, tư-tưởng rộng-rãi, chắc Phan tiên-sinh đã biết, không phải là người có cái dã-tâm bó-buộc gì người Nam mình, ông phán-đoán về vấn-đề ấy như sau này : « Những món thường-thức dạy ở trường tiểu-học mà phải học quá bằng một thứ tiếng ngoại-quốc, thì cái phạm-vi nó bị nhỏ-hẹp đi quá, không khác gì như con trẻ nước Pháp học những món cách trí và tạp-vật mà phải học bằng tiếng Đức hay tiếng Anh vậy... Vả lại không phải là bỏ hẳn tiếng Pháp không dạy ở trường tiểu-học đâu ; duy dạy làm cái tiếng thứ nhì mà thôi, khiến cho những học-trò có tư-chất thông-minh hay ham-mến tây-học có thể học lên bậc trên bằng tiếng Pháp được. » (... L'obligation de tout apprendre par l'intermédiaire d'une langue étrangère réduit singulièrement les connaissances acquises à l'école primaire. C'est comme si nos enfants ne pouvaient apprendre les rudiments des sciences et les leçons de choses qu'à l'aide de l'anglais ou de l'allemand... Il ne s'agit pas de proscrire le français de l'école primaire, mais de l'enseigner comme seconde langue ; ce qui permettra aux élèves les mieux doués ou les plus désireux de culture occidentale, de continuer ensuite leurs études en cette langue...). — Ai bình-tĩnh mà quan-sát cũng đồng một ý-kiến như thế cả. Rút lại cái vấn-đề chỉ có thế này : bậc tiểu-học là bậc học phổ-thông, cần phải ban-bố khắp trong nước, khiến cho hết thảy con trẻ, vừa trai vừa gái, đều có được một mớ tri-thức thông-thường cần-dùng cho người làm dân ở đời này ; ban-bố có hai cách : một là dùng tiếng Pháp là tiếng ngoại-quốc, hai là dùng quốc-ngữ là tiếng nước nhà để làm cái cơ-quan dạy các món phổ-thông : toán-học, cách trí, địa-dư, lịch-sử, luân-lý, vệ-sinh, v. v. Nếu dạy bằng quốc-ngữ thì con trẻ trực-tiếp hiểu ngay, vừa mau và vừa dễ. Nếu dạy bằng tiếng Pháp thì cách đi một tầng, tất là khó-khăn lâu-dài. Song tiếng Pháp cũng cần, vì có biết tiếng Pháp mới có thể bước lên bậc cao hơn được, vào trung-học, đại-học. Cho nên ngay ở tiểu-học cũng không thể khuyết tiếng Pháp được, duy phải dạy làm một « môn » như các môn khác, không thể dùng làm « cơ-quan » để dạy các môn khác, chỉ khác nhau có thế mà thôi. Tỉ như trong chương-trình định rằng ngoài các môn khác dạy bằng quốc-ngữ, mỗi tuần lễ để ra mấy giờ, càng lên lớp trên càng nhiều hơn, để chuyên học « môn » Pháp-ngữ, coi là thứ tiếng ngoại-quốc, phải tập đọc, tập viết, tập nói, tập dịch cho thông, như người Tàu hay người Nhật học tiếng Anh tiếng Đức vậy. Người Nhật hay người Tàu học tiếng Đức tiếng Anh có cần phải bỏ tiếng nước mình không ? Theo như cách đó thời không những không ngăn-trở gì sự học chữ Pháp về sau, — vì ở tiểu-học vẫn có môn pháp-ngữ, mà học như một khoa ngoại-ngữ lại có phần tiện-tiếp hơn, — mà lại có một sự lợi-ích vô ngần : là những trẻ nào không có tư-cách học lên bậc trên, — số đó là số nhiều, có tới 75 phần trăm (75 %), — qua vài ba năm ở trường tiểu-học rồi ra làm ruộng hay làm thợ, đi buôn hay làm công, cũng có đủ được cái thường-thức cần-dùng ở đời này, cái thường-thức ấy học bằng tiếng nước nhà dễ lĩnh-hội được hoàn-toàn, không đến nỗi mập-mờ như học bằng tiếng ngoại-quốc. Phàm trong việc quốc-dân-giáo-dục, là phải chủ sự lợi-ích cho số nhiều người : như cách trên đó là lợi cho số nhiều con trẻ trong dân-gian, mà không hại gì cho những đứa có tư-chất thông-minh, có thể cứ tuần-tự mà học lên các bậc trên được. Nay lấy một trăm đứa con trẻ An Nam theo học trường sơ - đẳng-tiểu-học ; trong số đó, bất-quá 5 đứa, 10 đứa là cùng, có đủ sức thông-minh theo đến trung-học, mong đỗ được tú-tài tây ; mấy đứa đó chắc không vì học vài ba

nam bằng quốc-ngữ đồng-thời với tiếng Pháp mà bị ngăn-trở sự tiến-bộ, lại có lẽ sau này nhờ vài ba năm ấy mà không đến nỗi quên hẳn tiếng « mẹ đẻ » (như lời ông Nguyễn Háo-Vĩnh nói năm xưa), không đến nỗi ngây-ngô như một lũ « Tây giả » ; còn 90 hay 95 đứa khác thời cũng có được chút học-thức thông-thường mà dẫu làm nghề gì cũng không đến nỗi phải cái cảnh dở-dang tiếng Tây không thông, tiếng ta không sõi, còn giữ được cái cốt-cách Việt-Nam một đôi chút. Vì như lời một nhà chí-sĩ Ấn-độ đã nói : làm người mà không biết sõi một thứ tiếng nào, kể ngay từ tiếng quốc-âm của mình, thì không gì cực bằng, và con người ấy cũng không ra giống gì. Thử nhìn chung quanh mình ta, cái hạng « phi Tây phi Nam, dở-dang đủ đờ » đó không phải là ít vậy.

Quan Toàn-quyền mới. — Điện *Havas* ngày 30 tháng 7 báo tin rằng ông nghị-viên ALEXANDRE VARENNE được bổ làm Toàn-quyền Đông-Pháp, thay ông MERLIN. Ông VARENNE có chân Hạ-Nghị-viện Pháp từ năm 1906, thuộc đảng xã-hội (*parti socialiste*). Năm nay ông 51 tuổi. Vốn làm thầy kiện và làm báo. Kỳ sau sẽ nói tường về lý-lịch và chính-kiến của quan Toàn-quyền mới.

Giới-hiệu sách mới

1. — Tiểu-thuyết *Kim anh lệ-sử* về ẩn-tình xã-hội Bắc-kỳ, của ông TRỌNG-KHIÊM soạn, quyển thứ II mới xuất-bản. Bản tại Đông-kinh ấn-quán, Hà-nội. Còn quyển thứ III sẽ tiếp theo.

2. — *Truyện Tiếu-khiển* tập thứ II và thứ III có những truyện (Ông Tô Tiến-Thành ; — Tả g sống ; — Hiệp-hồ ; — Nợ tình ; — Tiếc gà chôn mẹ ; — Nước chảy đá mòn v. v.), — mới xuất-bản ở hiệu Thụy-ký, Hà-nội.

3. — *Thế-vị tân-biên*, là sách dạy các cách nấu ăn Tây, Nam, Tàu, của ông VŨ XUÂN-PHƯƠNG soạn, nhà in Mạc Đình-Tư xuất-bản, dày ngót 200 trang, giá bán 1 đồng.

4. — *Tiếng gọi đàn*. Tập văn luận-thuyết của ông DƯƠNG BÁ-TRẠC, biên-tập ở báo *Trung Bắc*. Mới xuất-bản ở Nghiêm-Hàm ấn-quán. Có những bài : 1) Cái tính-chất dân-tộc Việt-Nam mình (cái hay cũng cái dở) ; — 2) Một bậc thượng-lưu thực hoàn-toàn xứng-đáng ở xã-hội Việt-Nam ta bây giờ ; — 3) Cái sự-nghiệp bậc thượng-lưu ta đối với xã-hội ; — 4) Một cách bổ trợ cho sự gia-đình-giáo-dục ; — 5) Sự học của con trẻ ở ngoài lớp học ; — v. v. — Sách dày 145 trang, giá bán 4 hào.

5. — *Lĩnh-Nam dật-sử*. — Sự-tích Lý Tiêu-hoàn và Hoàng Phùng-ngọc, của ông ĐÔNG-CHÂU NGUYỄN HỮU-TIẾN trước đã dịch đăng trong bản-chí, nay in riêng thành sách, tiểu-biên mới xuất-bản ở hiệu Cát-thành. Sách dày 200 trang, giá 5 hào.

6. — *Tiết-Liễu lương-duyên*. Bản tuồng hát cải lương lối Sài-gòn. Của ông LÂM ĐOAN-CHÁNG, nguyên biên-tập *An-hóa nhật-báo* soạn, xuất-bản ở Cần-thơ, giá 5 hào.